N° 70 Avril 1923

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TRIẾT-HỌC LÀ GÌ ?

Việc cần nhất trong sự học là dùng tiếng gì chữ gì phải định-nghĩa cho phân-minh. Định-nghĩa các danh-từ được rõ-ràng, thế là đã được nửa phần sự học vậy. Dùng chữ mà không hiểu rõ nghĩa, không những là phương-hại cho sự học, lại trở-ngại cho sự nghị-luận. Hai người cùng dùng một chữ, nhiều khi mỗi người hiểu ra một nghĩa, cũng có khi cùng mô-hồ không hiểu cả, thành ra cuộc tranh-luận vô-cùng-tận. Người ta cãi lẽ nhau mà không mấy khi được vỡ lẽ, thường thường là bởi như thế.

Nước ta từ khi theo tân-học đến giờ, những danh-từ mới dùng đã nhiều, mà xét cho kỹ, chưa có mấy chữ là có định-nghĩa phân-minh. Chữ văn-minh, chữ tiến-hóa, chữ bình-đẳng, chữ tự-do, chữ tâm-lý, chữ mĩ-thuật, chữ chính-trị, chữ kinh-tế, trên cửa miệng người mình toàn là những chữ hàm-hồ cả, cũng như những tên Tô-cách-lạp-đề, Mạnh-đức-tư-cưu, Đạt-nhĩ-văn, Lư-thoa, Mã-chí-ni, Hoa-thịnh-đốn, v.v. trong một bài văn tất phải dẫn đến những tên ấy mới ra lối văn mới-mẻ, nhưng vị-tất đã biết những người ấy là người thế nào. Thành ra cách dùng chữ loạn-bậy cả, và bởi chữ dùng sai nên những tư-tưởng mới truyền-bá ra cũng sai hết.

Tỉ như một chữ triết-học, bây giờ ai cũng biết, ai cũng dùng, mà hồ-dễ mấy người đã hiểu rõ nghĩa triết-học là gì. Ai cũng biết rằng chữ *triết-học* là dịch chữ tây *philosophie*, nhưng người An-Nam dùng chữ *triết-học* với người Tây dùng chữ *philosophie*, hai bên hiểu nghĩa chắc không giống nhau một tí nào. Phần nhiều người ta thời cũng là dùng liều, chẳng hay chữ triết-học có nghĩa gì không. Người sảo có kiến-thức thời cho triết-học là một môn học xa-xôi, bàn những nghĩa-lý cao-kỳ. Lại người thời cho là một mớ không-đàm, không thiết-thực, không quan-hệ gì đến sự đời. Người khôi-hài thời cho bọn triết-học là một lũ đồ gàn, ngồi không bàn chuyện lẩn-thẩn, rồi việc tính sự viển-vông. Còn những kẻ bất-tự-lượng thời chửa tốt-nghiệp tiểu-học đã muốn tấp-tểnh triết-học, tự-xưng là « nhà triết-học », tưởng làm nhà triết-học cũng dễ như làm cậu học trò Pháp-Việt vậy.

Tôi tưởng trước khi bàn về các tư-tưởng nghĩa-lý của tân-học, cần phải định-nghĩa rõ về các danh-từ mới. Muốn định-nghĩa về các danh-từ mới, phải tra-khảo trong các sách tây, tìm lấy nguồn-gốc của những chữ ấy, các nghĩa thông-thường đặc-biệt của những chữ ấy thế nào, và những chữ ấy bao-hàm những tư-tưởng quan-niệm gì, rồi diễn-giải dịch-thuật ra rõ-ràng, để cho người nào dùng đến biết mà dùng cho khỏi sai. Vả chữ là cái dấu-hiệu của tư-tưởng ; đã biết nhận kỹ cái dấu-hiệu bề ngoài thời tất thấu-hiểu cái tư-tưởng ở trong, cũng là một cách truyền-bá những tư-tưởng học-thuật mới vậy.

Nay hãy xin nói về triết-học và giải nghĩa triết-học là gì, phạm-vi cùng

phương-pháp của triết-học thế nào.

Ngay trong sách tây, nghĩa chữ triết-học cũng bất-nhất lắm, vì mỗi nhà mỗi phái hiểu ra một cách riêng. Đây là theo cái nghĩa thông-thường, triết-trung ở trong thuyết của các phái ra. Hiện có hai thuyết trái nhau hẳn : một thuyết nói rằng triết-học cũng giống như khoa-học (*la science*), cũng phải căn-cứ ở khoa-học mà ra, và xét cho cùng cũng là trùng với khoa-học ; một thuyết nói rằng triết-học là triết-học, khoa-học là khoa-học, tuy có mật-thiết-quan-hệ với nhau, nhưng không có giống nhau, bên nào có phạm-vi, có phương-pháp của bên ấy.

Thuyết dưới thời có ý cho rằng khoa-học không đủ sức giải-quyết được hết các vấn-đề trong vũ-trụ, thứ nhất là những vấn-đề thuộc về tinh-thần đạo-lý, những vấn-đề ấy phải nhờ triết-học nghiên-cứu mới được. Như thế thời triết-học là học về những nghĩa-lý siêu-hình, khoa-học là học về các sự-vật hữu-hình, mỗi có phận-sự, không lẫn nhau được.

Thuyết trên thời cho rằng phàm đã gọi là chân-lý chỉ có một mà thôi, và một vấn-đề không thể giải-quyết ra hai đường mà vừa đúng cả được. Mục-đích của khoa-học đã là nghiên-cứu về các vật-lý, thời muôn lẽ là ở trong phạm-vi của khoa-học cả, triết-học cũng là gồm trong khoa-học, không thể biệt-lập được.

Đó là hai cái thuyết cực-đoan, nay ta giải nghĩa triết-học theo một cái thuyết trung-lập, nghĩa là đứng giữa hai thuyết kia, không thiên về bên nào.

Vậy trước hết ta hãy xét về cái cách thông-thường để tổ-chức sự tri-thức của người ta thế nào, vì dù là khoa-học, dù là triết-học, đều là cách sắp-đặt những sự xem biết của người ta cho có đầu-đuôi mành-mối vậy.

I. — *Nói về nguồn-gốc sự học : sự biết tự-nhiên và sự biết có suy-nghĩ.* — Người ta lúc đầu trí-tuệ mới mở-mang, đem dùng ra để quan-sát các sự-vật ở quanh mình, nhưng dùng còn vụng-về, chưa ra thứ-tự gì. Đó là sự biết tự-nhiên, ví như đứa con trẻ có cảm-giác, có tưởng-tượng hẳn-hoi mà chưa biết suy-nghĩ ra đầu-đuôi mành-mối. Không những con trẻ, phần nhiều người lớn không có học-thức, không biết suy-xét, cũng chẳng khác gì con trẻ, tin nhảm tưởng xằng, chỉ biết theo thói thường tục hủ mà không biết biện-biệt phải-trái thực - hư. Nhưng trong các hiện - tượng trình-bày ra trước mắt như những hình-ảnh chớp qua trên màn bóng, có nhiều cái thấy qua lại nhiều lần và đều-đặn, như những hiện-tượng về thiên-văn, khiến cho người ta chú-ý và giục lòng muốn biết. Nhận thấy như thế mà để ý xem-xét, ấy là bắt đầu sự học đó. Lại những sự cần-dùng cho việc sinh-hoạt hàng ngày cũng khiến người ta phải chuyên-tâm chú-ý mà quan-sát các sự-vật quanh mình, để cho khỏi lầm-lỗi mà phương-hại đến sự sống của mình, vì không biết hay là biết sai nhiều khi sinh ra tai-hại. Nói tóm lại, người ta sở-dĩ xui ra suy-nghĩ về vạn-vật là bởi hai lẽ : một là cho được thỏa cái lòng muốn biết, hai là để đối-phó với sự cần-dùng ở đời ; suy-nghĩ về vạn-vật như thế tức gọi là sự học (tiếng tây gọi chung là *la science*), nghĩa là sự biết có suy-nghĩ (*la connaissance réfléchie*), không phải biết tự-nhiên (*connaissance spontanée*).

II. *Lịch-sử sự học, nghĩa là sự biết có suy-nghĩ. Sự học chia ra hai mối : Học thực-nghiệm và học triết-lý.* — Người ta mới biết học như thế, nghĩa là suy-nghĩ mà biết như thế, thời hãm-hở tưởng rằng nhất-đán thu được hết cả muôn lẽ của vạn-vật. Tưởng rằng cứ mở mắt ra là trông thấy cả cái thế-giới ở trước mắt, vậy thời cũng cứ suy-nghĩ là thấu được cả các lẽ trong trời đất, lý-hội được cả phép-tắc nhất-định của sự-vật. Cách học như thế là cách học

thật-thà của các bậc tiền-triết đời cổ-sơ, như chư-nho của Hi-lạp, chư-tử của Trung-hoa.

Về sau dần-dần mới biết rằng sự-vật phiền-phức, vũ-trụ bao-la, không thể phóng một cái nhỡn-quang mà thu được hết, bắt một cái tia óc mà quán-thông cả ; muốn hiểu cho thấu, muốn biết cho đúng, thời phải như lời ông DESCARTES dã dạy, chớ nên vội - vàng hấp-tấp, chớ nên mơ-tưởng viển-vông, phải chia bước đường ra mà dần-dần tiến từng bước, phải « phân sự khó » (*diviser les difficultés*) ra mà lần-lần giải từng việc.

Bởi thế nên các hiện - tượng trong vũ-trụ phải phân ra từng mớ, từng lớp, từng khu, từng bộ, suy-loại mà khu-biệt ra. Mỗi một khu, mỗi một loại lập thành lên một khoa-học riêng, nghĩ đặt ra những phương-pháp riêng để nghiên-cứu. Nhân đó mà sự học vốn có một, sau phân-tách ra từng môn-khóa riêng : số-học, lực-học, lý-học, hóa-học, v.v. Các môn học ấy càng ngày càng xa cái gốc học tổng-quát lúc mới đầu mà thành những khoa chuyên-môn. Gồm những khoa chuyên-môn ấy, tức ngày nay gọi là « khoa-học », hay là các sự học thực-nghiệm (*sciences positives*).

Ông THÉODULE RIBOT trong bài tựa sách « Tâm-lý-học của nước Anh » (*Psychologie anglaise*) nói rằng : « Sự học lúc mới đầu ví như một cái cây lớn, cây ấy rồi dần-dần đâm chà-chạnh ra các cành lớn cành nhỏ ; cái cành chiết ra trước nhất mà mọc thành cây riêng là cành số-học (*les mathématiques*). Trong phái *Pythagore*, số-học với triết-học vẫn còn lẫn nhau, hai trăm năm về sau thời phân-biệt hẳn. Đến ông PLATON tuy vẫn còn cho là không có số-học thời không thành triết-học được, nhưng số-học bấy giờ đối với triết - học đã biệt - lập rồi. » — Số - học sở - dĩ lập thành khoa-học riêng mau như thế, là bởi vì số-học chuyên-trị những cái hiện-tượng rất đại-đồng, rất giản-dị của các vật, là số-mục nhiều ít hơn kém nhau thế nào.

Về sau đến lực-học (*la mécanique*), rồi về đời Phục-hưng đến lý-học (*la physique*) dần-dần phát-đạt lên. Nhờ phép tính, phép nghiệm, hai môn ấy mỗi ngày thu-thập được nhiều các sự thực, bèn tìm cái nguyên-lý, cái phép-tắc nó thế nào, dùng cách quan-sát, không dùng cách lý-luận, lâu ngày thấy đủ sức tự-lập được, bèn đoạn-tuyệt quan - hệ với triết - học. Sự phân-lìa ấy cũng là lần-lần chầm-chậm mà thôi. Ông DESCARTES (đầu thế-kỷ thứ 17) còn ví triết-học là một cái cây mà thuần-lý-học (*la métaphysique*) là gốc-rễ, vật-lý-học (*la physique*) là thân cây. Lý-học của ông DESCARTES cũng như lý-học của ông NEWTON, diễn thành sách đều đặt tên là « Nguyên-lý của triết-học » (*Principia philosophiæ*). Vậy thời sự đoạn-tuyệt quan-hệ với triết-học cũng không phải là cấp-bạo ; dần - dần, nhưng mà tất - nhiên phải đoạn-tuyệt.

Rồi đến lượt hóa-học (*la chimie*), hồi xưa là gồm những phép thần-truyền bí - mật, như phép hóa-kim, phép luyện-đan, đến phần cuối thế-kỷ thứ 18 nhờ ông LAVOISIER mới dựng thành một khoa-học độc-lập. Đến đầu thế-kỷ nay thời khoa sinh-lý-học (*la physiologie*) cũng thoát-li nốt. Hiện nay đến các khoa tâm-lý-học (*la psychologie*), xã-hội-học (*la sociologie*), là những khoa xưa nay vẫn tưởng là liền với triết-học, không dời được, cũng dương thấy thoát ra ngoài phạm-vi triết-học mà lập thành các chuyên-môn.

Song tuy rằng cỗi học mênh-mông bát-ngát, phải phân ra các môn các khóa như thế, để nghiên-cứu cho dễ và cho tiện hơn, nhưng phân-biệt quá đến vụn-vặt ra thì cũng có nhiều điều bất - tiện. Vả lại những hiện-tượng trong trời đất không phải là giản-dị,

thật là phiền-phức khó-khăn, muốn nghiên-cứu cho đích-xác, theo phép thực-nghiệm của khoa-học, thời lâu-dài lắm, không biết bao giờ cho cùng, thành ra sự học lâu ngày vẫn còn khuyết mãi, không đủ thoả-mãn cái lòng ham-biết của người ta. Cho nên ngoài sự học kinh-nghiệm, phải có sự học triết-lý, ngoài khoa-học phải có triết-học để bổ-khuyết và để hướng-đạo cho khoa-học. Những lý-do khiến cho triết-học không thể không có được, các tiền-triết phân ra như sau :

1º) Chính trong các khoa-học thực-nghiệm cũng phải có triết-lý. Tạo-vật không phải là một mớ bòng-bong, tạo-vật rất có thống-hệ, các việc xảy ra đều có liên-can với nhau cả; bởi những việc ấy phiền-phức, nên khi nghiên-cứu phải chia ra môn-loại, nhưng chia như thế là để tiện việc mà thôi, không phải rằng các môn-loại cách-biệt nhau hẳn mà không có chỗ thông-đồng nhau. Trong sự học có phân mà cũng phải có hợp, phân ra để nghiên-cứu cho được dễ, hợp lại để hội-thông cho được suốt ; bởi thế nên ngoài sự học chuyên-môn, bao giờ cũng phải có sự học tổng-quát.

Ông Auguste Comte trong sách «Thực-nghiệm Triết-học» (*Philosophie positive*) đã nói rằng : «Cùng một cái gốc học mà phân ra các khoa các môn, không phải là không có bằng-cứ, như có người tưởng lầm, nhưng mà cũng là phân-biệt cho tiện mà thôi, chứ kỳ-thực thì sự học chỉ có một. Chia ra là để cho có từng-thứ để nghiên-cứu cho dễ. Nhưng nhiều khi có những vấn-đề quan-trọng, muốn giải-quyết cho được, không thể đứng riêng về phương-diện một khoa-học nào mà giải được, phải hợp phương-diện của nhiều khoa lại, tổng-quát mà hội-thông lấy ; cứ như hiện-tình học-giới bây giờ, phân ra chuyên-môn nhiều quá, thì không thể làm thế được, thành ra các vấn-đề quan-trọng ấy phải đợi mãi không biết bao giờ mới giải-quyết xong. . .»

Những vấn-đề ấy đã không thuộc về khoa-học chuyên-môn nào, tất phải thuộc về một khoa-học tổng-quát. Học tổng-quát tức là triết-học.

2º) Tổng-quát cả các khoa-học riêng là một sự cần. Trí người muốn cho đâu đâu cũng có trật-tự, đâu đâu cũng có thống-hệ, mà các khoa-học chuyên-môn thời phiền-tạp quá, không thể làm cho sự-vật có trật-tự, có thống-hệ được. Nghiên-cứu những hiện-tượng thật khác nhau, như sự sinh-hoạt một cái cây với sự vận-động một vì hành-tinh, mà kết-luận thành phép-tắc, thời những phép-tắc ấy thật không có gì là giống nhau cả. Nay muốn thu những phép-tắc riêng ấy lại thành phép-tắc chung, xếp-đặt cho có giường-mối, có thống-hệ, ấy mục-đích của triết-học là thế. Ông Spencer đã nói : «Khoa-học là phép tổ-chức sự tri-thức trong từng bộ-phận ; triết-học là phép tổ-chức sự tri-thức trong cả toàn-thể.»

3º) Một lẽ nữa, là trí người ta không một là ghi-chép lấy những cái kết-quả của sự nghiên-cứu của mình, lại muốn phẩm-bình nữa ; không những phẩm-bình, lại phải kiểm-điểm kỹ, để ứng-dụng cho phải đường và cho có lợi. Khoa-học thời theo như lời ông Aristote không thể phán-đoán về nguyên-lý, về phương-pháp được. Phận-sự của khoa-học là chỉ tìm-tòi ra những sự-thực. Còn những sự-thực ấy hay hay dở, ứng-dụng ra sự tư-tưởng hành-vi người ta thế nào, khoa-học không biết đến ; phải có một môn học nào biết đến, vì những sự ấy không phải là không quan-hệ. Môn học ấy, tức là triết-học vậy.

4º) Nay người ta nghiên-cứu về sự-vật, không phải là chỉ vì cái lòng thích muốn tìm-tòi, muốn ham biết, phần

nhiều là bởi sự cần-dùng ở đời. Muốn sinh-hoạt phải hành-động, muốn hành-động cho ích-lợi, phải biết rõ cho đến nơi. Mập-mờ mà hành-động, không biết rõ nguyên-ủy mà hành-động, nhiều khi gặp sự nguy-hiểm. Xét các khoa-học thời chưa khoa nào được hoàn-toàn đến bậc cả, và thứ nhất là những khoa chuyên-trị về nhân-sự, lại càng khó-khăn và phức-tạp lắm. Thành ra nhiều khi khoa-học không thể giúp ta được tí gì về các công-việc của ta ở đời, mà những công-việc ấy ta không thể dừng không làm được, vì ta không thể dừng không sống được. Vậy thời ta phải nhờ đến triết-học để mà định phép-tắc sự hành-vi cho ta, vì triết-học chính là để bổ-khuyết cho khoa-học. Vả lại, các khoa-học chuyên-môn, dẫu đã đến bậc hoàn-toàn rồi, cũng là chỉ hoàn-toàn trong cái phạm-vi riêng của mỗi khoa mà thôi, mà người ta sống trong trời đất, nhất-cử nhất-động không phải là không chịu ảnh-hưởng của toàn-thể vũ-trụ, thế-tất phải có một cái đại-quan về vũ-trụ mới định được phép-tắc cho sự hành-vi của mình. Vậy thời triết-học bao giờ cũng là cần về đường đạo-đức xã-hội, cần cho sự động-tác hành-vi, vì triết-học là sự quan-niệm về toàn-thể vũ-trụ.

5° Sau nữa, có nhiều cái vấn-đề không thể nào giải-quyết bằng những phương-pháp của khoa-học được. Những vấn-đề ấy không thể quan-sát, không thể kinh-nghiệm được, vì nó siêu-việt ra ngoài cái trí thông-hiểu, trí suy-xét của người ta. Những vấn-đề ấy là thuộc về «hình-nhi-thượng» (*problèmes métaphysiques*), các tôn-giáo xưa nay vẫn gia-công giải-quyết. Vạn-vật khởi-thủy thế nào, kết-cục thế nào, bản-thể thế nào, mục-đích thế nào, đó là những câu hỏi mà khoa-học không thể trả lời được, vì những phép nghiên-cứu của khoa-học không thể đạt tới được. Khoa-học chỉ có thể kinh-nghiệm những sự-thực hiện-tại, còn những vấn-đề thuộc về nguyên-thủy (*origine*), về cứu-cánh (*fin*) của vạn-vật thời ra ngoài phạm-vi của sự kinh-nghiệm, tức là của khoa-học vậy.

Xét lịch-sử thời biết rằng người ta bao giờ cũng băn-khoăn về những vấn-đề ấy. Cứ xem những di-tích của các tôn-giáo đời nọ qua đời kia cũng đủ biết. Câu của nhà triết-học nước Đức SCHOPENHAUER nói rằng : « Người là một giống siêu-hình » (*L'homme est un animal métaphysique*), nghĩa là người ta thường tơ-tưởng đến những sự ở ngoài hình-chất, tựa-hồ như lấy những cái lẽ vô-hình viển-vông làm thiết hơn những sự hiển-nhiên trước mắt.

Bởi các nguyên-nhân như trên vừa kể đó, ngoài các khoa-học riêng, phải có một khoa-học chung để gồm-góp cả và bổ-khuyết cho các khoa-học riêng. Sự học tổng-hợp cai-quát ấy, tức gọi là triết-học.

III. *Nói về phương-pháp của Triết-học.— Triết-học khác các khoa-học cùng quan-hệ với các khoa-học thế nào.* — Nay muốn giải rõ cái đặc-tính đặc-sắc của triết-học, phải nên xét triết-học khác các khoa-học cùng quan-hệ với các khoa-học thế nào.

1°) Khoa-học là học về các sự-thực tự-nhiên, trước bày tỏ ra cho rõ-ràng, rồi đặt thành phép-tắc nhất-định. Nhưng phép-tắc đã định rồi, có thể hỏi rằng: những phép-tắc ấy có chắc không, có đúng không ? hay là mới ước-định phỏng-chừng mà thôi ? Những phép-tắc ấy có thể giúp cho ta rõ được cái bản-thể, cái nguyên-lý của vũ-trụ bao-bọc chung quanh ta không? Đó là những vấn-đề mà khoa-học không xét tới, vì là nhân những sự kết-quả của khoa-học mới phát-khởi ra. Nghiên-cứu về những vấn-đề ấy, tức gọi là triết-học. Vậy thời triết-

học khác các khoa-học, là triết-học nghiên-cứu bằng những sự kết-quả của các khoa-học, mà khoa-học là nghiên-cứu ngay trong sự-vật. Triết-học suy-diễn và phẩm-bình những sự kết-quả của khoa-học.

2o) Sự học hai đàng đã khác nhau, thời phương-pháp cũng phải khác. Phương pháp của các khoa-học là bao giờ cũng phải lấy những sự-thực của tạo-vật trình-bày ra làm căn-cứ. Như nhà lý-học nghiên-cứu cái tia sáng trắng, xét thấy nó phản-chiếu vào cái gương và nghiệm xem nó phản-chiếu thế nào; lại xét thấy nó vào nước thời gẫy ra và nghiệm xem nó gẫy ra thế nào, cùng khi chiếu qua cái kính có góc thì chia ra những tia sáng ngũ-sắc thế nào. Công-việc của nhà khoa-học là phải dò theo tạo-vật từng bước một, không dám dự-đoán một điều gì mà không có bằng-cứ trong sự-thực. Đến triết-học thời không thế; thiết-học không nghiên-cứu về sự-vật mà nghiên-cứu về cái kết-quả của sự quan-sát và sự kinh-nghiệm về sự-vật, thời không có thể dùng một phương-pháp như khoa-học được. Phương-pháp của triết-học là sự *suy-nghĩ*; suy-nghĩ về những sự kết-quả của khoa-học, lấy lẽ phải mà phân-tích ra, lấy lý-luận mà suy-diễn ra, thế nào cho hợp với chính-lý.

3o) Phương-pháp đã khác, kết-quả cũng khác. Trong khoa-học thời phàm ghi được một sự gì là sự ấy đã chứng-nghiệm rõ-ràng rồi, muốn đem ra thử lúc nào cũng được. Đến như triết-học thời không thể chứng-nghiệm được, vì đã vượt ra ngoài cái phạm-vi sự thực-nghiệm. Bởi thế nên phàm sự nghiên-cứu về triết-học đều có cái tính-cách « phỏng-chừng » (*caractère hypothétique*), cũng có lẽ là ước-lượng đúng, nhưng không có thể đem ra chứng-nghiệm hiển-nhiên được.

4o) Khoa-học với triết-học lại khác nhau bởi cái « phương-diện » của mỗi bên. Phàm cái chân-tướng gì cũng có thể xét ra hai phương-diện khác nhau, hoặc là xét sâu đến cái bản-tính bản-thể của nó, hoặc là chỉ nghiệm cái nó xuất-hiện ra ngoài mà giác-quan ta có thể cảm được mà thôi, nghĩa là cái hiện-tượng của nó. Xét như cách trên gọi là xét về phương-diện triết-học, phương-diện này vượt ra ngoài cái hiện-tượng hữu-hình mà mong đạt tới cái bản-tướng siêu-hình. Xét như cách dưới gọi là xét về phương-diện khoa-học, phương-diện này là hạn-định ở trong vòng những sự-thực hiển-nhiên có thể kinh-nghiệm được.

Như vậy thời các sự-vật có thể nghiên-cứu ra hai đường. Về đường khoa-học, ví-dụ như khoa lý-học, thời chỉ xét những hiện-tượng có cảm đến giác-quan của ta và tìm phép-tắc của các hiện-tượng ấy. Như xét về sự nóng thời chỉ xét cái hiện-tượng sự nóng, không xét đến nguyên-lý sự nóng. Về đường triết-học thời nhân những sự kinh-nghiệm về sự nóng, suy-nguyên đến cái cùng-lý của sự nóng, cái bản-thể của vật-chất, cái cứu-cánh của sự vận-động, v. v..

5o) Nay nói đến cái tính-cách rõ-ràng nhất nó phân-biệt khoa-học với triết-học. Mục-đích của khoa-học là cốt nhất quan-sát được sự-vật cho đúng, bất-luận sự quan-sát ấy có ảnh-hưởng gì đến người ta; khoa-học là đứng vào địa-vị khách-quan (*la science est objective*), không lấy người ta làm chủ. Khoa-học không cần phải bận lòng đến những sự lợi-hại, sự sướng-khổ của người đời, sợ làm cho sai mất cái mục-đích quan-sát đi. Đối với khoa-học, người ta chẳng qua cũng là một mớ hiện-tượng như các cái hiện-tượng khác, cần phải quan-sát, phải lý-hội vậy. Nhưng cũng vì đó mà có nhiều sự cần dùng thuộc về đạo-lý, về tâm-

tính, khoa-học dẫu có thể gián-tiếp giúp được ít nhiều, song không thể trực-tiếp đối-phó cho thỏa-đáng được. Vậy thời ngoài khoa-học là học chung về các sự-vật và coi người ta cũng là một sự-vật, còn có cách học nữa lấy người ta làm chủ, dùng những sự kinh-nghiệm của khoa-học để đặt cái phương-châm cho đường cư-xử, sự hành-vi của người ta. Ngoài cái phương-diện khách-quan về sự-vật, còn phải có cái phương-diện chủ-quan về người ta, vì rằng nghĩ cho cùng, ta gia-công gắng sức mà nghiên-cứu tìm-tòi các lẽ là chủ để làm gì ? há chẳng phải là để cho rõ mình ta, cho rõ cái nhân-thân số-phận của ta ở trên đời này dư ? Ấy cái đặc-sắc của triết-học đối với khoa-học là xét các vấn-đề theo cái phương-diện chủ-quan về người ta ; là lấy người ta làm trụ làm cốt, rồi sưu-tầm trong những sự đã kinh-nghiệm được, lấy những điều gì có thể tỏ-rạng được cái lẽ sinh-tồn hoạt-động của người ta ở đời này. Triết-học không coi vũ-trụ là một cái vật để chụp ảnh lấy như khoa-học, mà coi là một cái hoàn-cảnh để cho người ta hoạt-động. Thành ra mục-đích của triết-học là phải dạy cho ta cái cách hoạt-động ở đời thế nào là hay là phải vậy.

Nói tóm-tắt lại thời tính-cách của triết-học và khoa-học khác nhau hẳn. Khoa-học thời chia các sự-vật ra môn-loại mà dùng cách trực-tiếp quan-sát, cùng đứng vào địa-vị khách-quan để nghiên-cứu cho thật đúng ; triết-học thời dùng sự suy-nghĩ mà phê-phán những điều kết-quả của khoa-học, để châm-chước mà tổng-quát cả các lẽ của sự-vật cùng giải-nghĩa cho sự hành-vi của người ta. Triết-học là một khoa «tổng phê-bình » vậy (*La philosophie est une critique générale*).

Song khoa-học với triết-học tuy là khác nhau như vậy, mà không phải là không có mật-thiết-quan-hệ với nhau. Vẫn biết rằng cái đặc-tính của triết-học là phải vượt ra ngoài phạm-vi của khoa-học, nhưng tuy vượt ra ngoài mà vẫn phải căn-cứ ở khoa-học, chẳng qua là tiếp-tục, là bổ-khuyết cho khoa-học mà thôi. Không gì nguy-hiểm bằng để cho triết-học quay về đường thần-bí, bỏ nơi đất bằng của sự kinh-nghiệm mà bông-lông theo cái tưởng-tượng phất-phơ.

Vả cứ xét trong lịch-sử, phàm những nhà triết-học lớn toàn là tay bác-học cả, như DESCARTES, KANT, BACON, NEWTON, v. v.. Các nhà ấy lập ra các thuyết là cũng chủ để khám-phá sự-thực, và cũng là dùng những phương-pháp của khoa-học cả. Đời nay theo về triết-học phải lấy những nhà ấy làm hướng-đạo, nghĩa là dù bàn và xét về những lẽ cao-xa, vượt ra ngoài vòng sự-thực, nhưng cũng vẫn phải lấy sự-thực làm căn-cứ, không thể bằng ở cái tư-tưởng viển-vông của người ta.

Tuy nhà triết-học không thể nhất-thiết theo phép khoa-học được, nhưng lúc nào cũng phải lấy cái lẽ phải chánh-đáng, lấy sự phê-phán tự-do làm bằng, và phải lấy những điều kết-quả của khoa-học làm căn-cứ cho sự suy-nghĩ của mình. Nhà triết-học không thể công-nhận cái «thuyết chuyên-chế», nghĩa là lấy quyền người trên bắt người ta phải tin những lẽ huyền-bí mà trí người không thể hiểu được. Những lẽ ấy là thuộc về sự tín-ngưỡng, không phải thuộc về sự học-vấn, thuộc về tôn-giáo, không phải thuộc về triết-học. Nhà triết-học là phải lấy cái trí-hiểu tự-nhiên mà xét các việc, sự gì có thể chứng-giải ra được mới dám quả-quyết, sự gì chưa thấu đến nơi chỉ nên dự-đoán. Còn sự gì chưa thể dò biết được, phải nên hoài-nghi hết cả. Triết-học có cẩn-thận như thế thì

mới có ích-lợi. Nếu cứ phóng-ý mà nghị-luận tràn, không lấy gì làm bằng-cứ, thời là một nhà làm văn làm thơ chơi, không phải là nhà triết-hôc. Triết-học cũng không thể chỉ lấy người ta làm chủ-quan, nếu thế thì không thoát khỏi những cái lý-tưởng trần-hủ của đời trước, vì sự-vật có thay đổi mà người ta dầu cổ-kim Đông-Tây bao giờ cũng vẫn thế; triết-học phải lấy người làm gốc, nhưng cũng phải hằng so-sánh đối-chiếu với sự-thực ở ngoài, như thế mới mỗi ngày phát-minh được những điều mới-mẻ, mà nhân thế canh-tân bồi-bổ cho cái trí suy-nghĩ tự-nhiên của mình.

IV.— *Định-nghĩa và phân-loại triết-học.* — Bây giờ có thể tổng-luận cả những điều đã bàn giải ở trên mà định nghĩa rõ-ràng về hai chữ Triết-học. Triết-học không phải là một khoa-học riêng, vì tính-cách khác cả các khoa chuyên-môn, mục-đích, phương-pháp, kết-quả cũng đều khác cả. Có thể gọi là một khoa-học chung, nghĩa là tổng-quát cả các khoa-học khác, tập đại-thành của các khoa-học khác, để gây lấy một cái «nhân-sinh-quan» (*une conception de la vie*), một cái « vũ-trụ-quan» (*une conception de l'univers*) mà phạm-vi chật-hẹp của mỗi khoa-học riêng không tới được. Cõi triết-học đặc-biệt hẳn với cõi khoa-học, vì cao hơn, rộng hơn, gồm những vấn-đề mà phép kinh-nghiệm thường của khoa-học không thể giải được. Cho nên ông Platon (tàu dịch là Bá-lạp-đồ) gọi triết-học là «học về sự vô-hình » (*la science de l'invisible*), vì là thuộc về những lẽ không thể quan-sát thực-nghiệm được. Ông Aristote (tàu dịch là Á-lí-sĩ-đa-đích), thời gọi triết-học là « sự học về các đệ-nhất-nguyên-lý và cứu-cánh-nguyên-nhân » (*la connaissance des premiers principes et des dernières causes*). Nay có thể định-nghĩa giản-dị như thế này : *triết-học là sự suy-nghĩ phê-phán về những điều tri-thức của người ta, để định lấy cái phương-châm cho sự hành-vi ở đời.* Ấy cái đặc-tính của triết-học là ở một chữ *suy-nghĩ* đó. Khoa-học thời *kinh-nghiệm* các sự-vật, triết-học thời *suy-nghĩ* về sự kinh-nghiệm ấy, hai bên khác nhau mà cũng phải tựa vào nhau vậy.

Nay đã định-nghĩa triết-học như thế, phải xét đến triết-học phân-loại thế nào, vì cái phạm-vi của triết-học cũng là to rộng lắm, không thể nhất-khái cai-quát được, phải chia ra các bộ-phận. Sự phân-loại ấy không phải là không có bằng-cứ, tức là căn-cứ ở các phương-diện hành-động của người ta. Mỗi một phương-diện ấy tức là một khu trong cõi triết-học vậy.

Sự hành-động của người ta thường khuynh-hướng ra ba phương-diện chính như sau này :

1º Người ta muốn đối-đãi với sự-vật, phải biết phép-tắc của sự-vật thế nào. Đó là công việc của các khoa-học riêng. Triết-học là phê-phán về những phương-châm và phép-tắc của các khoa-học riêng, chỉ xét xem có hợp với chính-lý không. Phần triết-học ấy gọi là lý-luận-học (*la logique*)

2º Hoặc là ta phải đối-đãi với những kẻ đồng-loại ta và với chính nhân-thân ta, nghĩa là ta phải định cái cách hành-vi của ta ở đời thế nào. Phần triết-học ấy gọi là luân-lý-học (*la morale*) ;

3º Hoặc là ta muốn động-tác một cách vô-tư-kỷ, không chủ sự lợi-ích gì về việc đời, chỉ chủ sự du-khoái cho mình ta. Đó là thuộc về phạm-vi của mĩ-thuật ; suy-nghĩ về phép-tắc của mĩ-thuật, tức là thẩm-mĩ-học (*l'esthétique*) ;

4º Nhân những sự nghĩ-ngợi suy-xét ấy mà ta muốn cai-quát cả toàn-thể

của vũ-trụ cho cái địa-vị mình trong trời đất thế nào, cái số-phận mình về sau này thế nào, đó là thuộc về «thuần-lý-học» (*la métaphysique*).

Trong ba phần trên thời sự nghiên-cứu chia làm hai bậc, theo cái phương-pháp riêng của triết-học: bậc thứ nhất là tổng-quát cả các sự kinh-nghiệm của người ta, hoặc là những sự-thực hiển-nhiên, hoặc là những dấu-vết của người ta để lại; bậc thứ nhì là lấy lẽ phải tự-nhiên mà suy-nghĩ về những việc ấy, để tìm phương-cách ứng-dụng ra sự đời.

5° Nay triết-học há chỉ có bốn bộ-phận như thế dư? Nếu thế thì còn thiếu. Triết-học là suy-nghĩ về sự «biết» (*savoir*) và sự «làm» (*action*), nhưng biết với làm, bởi đâu mà ra? Há chẳng phải bởi tâm-tính người ta dư? Cho nên trước khi xét về sự biết và sự làm, phải xét về cái «máy biết» và cái «máy làm», tức là người ta, tức là tâm-tính của người ta. Cho nên các nhà triết-học cổ kim vẫn cho «tâm-lý-học» (*la psychologie*) là một phần cốt-yếu trong triết-học.

.·.

Ấy Triết-học là thế: mục-đích của triết-học, phạm-vi của triết-học, phương-pháp của triết-học, loại-mục của triết-học, triết-học đặc-biệt với khoa-học và quan-hệ với khoa-học là thế; người nào muốn đọc sách triết-học, bàn chuyện triết-học, phải biết qua những điều ấy. Còn muốn làm nhà triết-học thì cứ trình-độ sự học ở nước mình còn lâu năm nữa chửa có cái hạng người cao-qui ấy.

THƯỢNG-CHI *biên-dịch*

THẾ-LỰC CỦA LIỆT-CƯỜNG Ở Á-ĐÔNG

Tinh-thần và địa-vị của nước Pháp

Trong « Tạp-chí Hai Thế-giới » (Revue des Deux Mondes) *là một tập tùng-báo có tiếng nhất bên Pháp, mấy tháng nay có đăng bài du-ký của một ông danh-sĩ qui-quốc sang chơi nước Tàu. Ông tên là* ABEL BONNARD, *năm 1920 theo phái-bộ của ông nguyên thủ-tướng* PAINLEVÉ *sang Tàu. Bài du-ký này có nhiều đoạn hay lắm, nhất là một đoạn phê-bình về thơ Tàu và một đoạn so-sánh về thế-lực của liệt-cường ở Tàu, và nói riêng về cái tinh-thần và cái địa-vị của nước Pháp. Sau đây xin trích-dịch đoạn thứ nhì đó, còn đoạn thứ nhất sẽ dịch đăng một kỳ sau.*

.·.

Khách du-lịch đi chơi qua các nơi đô-thị nước Tàu, có nhiều nơi khi nhớ đến, như phảng-phất trong mộng, không phải là có thật. Tỉ như thành Nam-kinh. Đến như đất Thượng-hải thời thật là một nơi hiển-nhiên có thật, không phải là đất mộng, là nơi buôn-bán sầm-uất, phồn-hoa mới-mẻ, nào là tàu, nào là bến, nào là khách-sạn, ồn-ào rộn-rịp, phảng-phất như đất Mĩ-châu, chứ không phải là đất Chi-na. Sự chiến-tranh vừa rồi đã làm lợi to cho nhiều kẻ ở đây, tuy bây giờ đã thấy bắt đầu chuyển-dịch, nhưng mà coi vẫn còn có cái vẻ dương-dương tự-đắc lắm. Xét ở đất Thượng-hải này có lẽ biết được rõ hơn các nơi khác cái địa-vị của các liệt-cường ở đất Chi-na. Có hai nước tranh nhau đứng đầu: nước Mĩ và nước Nhật.

Nước Nhật, vì cách sinh-hoạt trong nước, không thể không theo-đuổi cái chủ-nghĩa đế-quốc (*impérialisme*). Dân-số tăng lên mau quá, thế-tất phải tràn ra ngoài. Vả giống Nhật-bản lại là một giống khó đổi khí-hậu: lạnh quá như đất *Sibérie* không chịu được, thấp-nhiệt như ở Đài-loan (*Formose*) cũng không chịu được: đến khí-hậu đất Cac-li, người họ cũng chưa lấy làm thích-hợp. Duy có nước Tàu là vừa lắm; lại không đâu có nhiều mỏ cần-dùng cho công-nghệ, có nhiều người để mua các hóa-vật cho công-nghệ được thịnh, bằng ở nước Tàu. Người Nhật-bản chăm-chủ mở rộng cái thế-lực của mình ở nước Tàu, thừa được cuộc chiến-tranh vừa rồi, thật là một dịp may-mắn lạ nhường: các nước Âu-châu không còn nước nào có thể ngăn-trở được, và chính nước Mĩ cũng tựa-hồ như công-nhận cho Nhật được phần hơn. Sau khi chiếm được đất Giao-châu và tỉnh Sơn-đông, thời Đế-quốc Nga bị đổ, thừa dịp tràn sang cả đông-bộ đất *Sibérie*, đem đồ hàng sang nhập-cảng ở đấy như ở nước Tàu, không phải mất thuế-lệ gì cả. Tháng giêng năm 1915, mật đưa cho Chính-phủ Tàu một cái thơ yêu-cầu hai-mươi-mốt điều, là có ý muốn thu cả nước Tàu vào trong vòng thế-lực của mình, hai-mươi-mốt điều ấy sau đã vỡ-lở thành một chuyện to cả thế-giới đều biết. Ngày mồng 5 tháng 5 năm 1916 lại gửi cho Chính-phủ Tàu một cái tối-hậu-thư để yêu-cầu nữa, thứ nhất là yêu-cầu cho được cái chuyên-quyền chỉnh-đốn quân-đội cho nước Tàu; tối-hậu-thư ấy năm phần thì Chính-phủ Tàu phải chịu bốn. Chính-phủ Bắc-kinh yếu-hèn, người Nhật thừa-thế, gặp lúc bối-rối cứu-giúp cho là để càng bắt-nạt cho dễ, gặp lúc túng-bấu sẵn lòng cho vay là để thu lấy hết tài-sản nước Tàu làm của đợ. Lại tư-túi đút-lót người nọ kẻ kia, tay nghị-viên nào có quyền-thế thì cấp tiền cho, kẻ quan-lại nào túng tiêu đều dò biết hết, muốn đem người nào về bè mình cũng có cách cả. Từ trước đến nay vẫn hùn cho Nam Bắc lìa nhau; khi Viên Thế-Khải mưu lên làm vua, chỉ vì người Nhật phản-đối mà không thành. Nhưng mà nước Tàu loạn hẳn thì cũng không lợi cho họ, nên cũng có lẽ họ giúp cho người Tàu có cái hình chủ-quyền một tí. Người da trắng ở Á-Đông, hằng ngày thấy những sự âm-mưu của họ như thế, biết rằng họ vận-động lắm mà không hiểu vận-động ra làm sao, thường cho người Nhật là quỉ-quyệt quá, có việc gì xảy ra cũng là đổ cho người Nhật cả. Kỳ-thực thời vì không có cái hình-ảnh dư-luận của người Tàu, — vì gọi là dư-luận hẳn thì cũng khí quá, — chắc là người Nhật mạnh hơn nhất, không nước nào địch nổi.

Người Tàu không phải là không biết cái dã-tâm của người Nhật muốn ra tay kinh-lý nước Tàu, và nhiều người cũng là điềm-nhiên để mặc, vì họ biết rằng nước họ rộng, người họ nhiều, dẫu thế nào cũng chẳng làm gì được họ. Nhưng mà những kẻ nào đã từng đọc nhật-báo, đã từng chịu ảnh-hưởng các nước ngoài, nhất là bọn học-sinh, thời cũng học được của người Tây cái lòng ái-quốc hăng-hái. Bọn học-sinh ấy thấy Nhật-bản chiếm Sơn-đông lấy làm tức giận lắm, vì đó mà Tàu không ký hòa-ước, hòa-ước ấy bọn học-sinh cho là không có giá-trị gì cả. Sự phản-đối người Nhật ấy, có là sự quan-hệ không, hay là một sự không đủ khinh-trọng? Tùy cái ý-kiến của mỗi người xét về hiện-tại, về tương-lai nước Tàu thế nào, thời trả lời câu ấy lại khác hẳn. Người thời cho rằng người Tàu phản-đối như thế chẳng qua là phản-đối ngoài mặt mà thôi, rồi theo cái tính tự-nhiên, việc đã dĩ-nhiên cũng thuận

nhận cả. Người thời lại cho rằng sự phản-đối ấy là mầm-mống ra một cái tinh-thần ái-quốc mới. Dù thế nào mặc lòng, người Nhật không phải là không biết dùng những cách vận-động về đường tinh-thần ; hiện họ có trường học ở Tàu, đem thầy giáo sang dạy ; có người nói rằng họ dùng cả đạo Phật để cổ-động ; lại lợi-dụng cả các nhật-báo nữa.

Nhật-báo Tàu, ở các tỉnh-thành lớn, có nhiều lắm : mỗi cái báo một ngày xuất-bản độ nghìn số, nhưng một số truyền tay đến bốn-mươi người đọc. Công-chúng ưa đọc những chuyện huyền-hoặc kỳ-quái. Người Nhật-bản thuê các báo cũng bịa đặt ra những chuyện như thế cho người xem thích, rồi giữa những chuyện kỳ-quặc ấy mới xen vào những bài có ích-lợi cho chính-sách mình. Lại phải biết những cách vận-động bí-mật của họ nữa. Như ở Phụng-thiên (*Moukden*) họ có xuất-bản một cái tạp-chí gọi là « Đại-Á-tế-á tạp-chí », là cơ-quan của một đảng « Đại-Á-tế-á » (*ligue panasiatique*), tạp-chí ấy viết bằng chữ Nhật và chữ Tàu, lại có bài bằng chữ Mông-cổ, chữ Đột-quyết nữa. Tạp-chí ấy chỉ lưu-hành trong những người có ký tên mua mà thôi. Đó có lẽ là cái mưu tối-diệu của người Nhật, bề ngoài thời công-nhiên đòi cho nước Nhật được ngang vai với các nước khác, mà bề trong thời muốn thu-thập thống-nhất cả Á-châu để chống với giống da trắng.

Nước Hoa-kỳ thời cũng để ý vào nước Tàu không kém gì Nhật. Vì nước Tàu là cái chợ bán hàng của họ, họ phải cần hết sức giữ cho cửa chợ mở rộng cho các nước, không riêng một nước nào. Nhưng chính-sách người Hoa-kỳ khác chính-sách người Nhật-bản ; người Hoa-kỳ không để qua một dịp nào không tỏ cho người Tàu biết rằng họ qui-trọng người Tàu là dường nào, họ sẵn lòng bênh-vực quyền-lợi cho người Tàu lấy bụng thành-kính mà che-chở cho người Tàu, muốn gia-công giúp cho nước Tàu tổ-chức thành nền-nếp một nước mới. Họ khôn-khéo lắm, biết làm ra mặt rộng lượng, bỏ cái phần nợ bồi-khoản về việc giặc Quyền-phỉ (*indemnité des Boxeurs*) không lấy nữa, và chuyên chủ nhất là gắng sức làm cho thỏa cái chí hiếu-học của bọn thanh-niên Tàu. Ở tỉnh-thành lớn nào họ cũng đặt nhà dòng đạo cải-lương, cung-cấp cho nhiều tiền và đặt thêm các trường học. Họ có một trường học lớn ở gần Bắc-kinh. Ngay ở Bắc-kinh, có nhà học-viện *Rockfeller*, trong có vô-số các phòng thí-nghiệm vừa to rộng, vừa chỉnh-đốn. Người Tàu thời cũng cứ điềm-nhiên mà hưởng những sự lợi-ích của người ta đem lại cho mình như thế, còn trong bụng nghĩ thế nào thời cũng khó mà biết được. Vì bây giờ nước Mĩ với nước Nhật đánh nhau, thì người Tàu cầu cho bên nào được ? Chắc là gió chiều nào họ theo chiều nấy. Nếu Mĩ được thì họ sẽ nhớ đến « giống lùn » kia (tức là người Nhật) đã từng làm nhục họ những thế nào và cho là đáng kiếp. Nếu Nhật được thì có lẽ cái lòng tự-cao của họ lại được thỏa-thích hơn nữa, và coi Nhật là nước lãnh-tụ của giống da vàng.

Đến như nước Pháp thì không thể nói đến mà không nói việc chiến-tranh trước. Việc chiến-tranh mới rồi, người Tàu cũng chú-ý xem xét lắm, còn họ quan-cảm thế nào thì cũng là tùy nơi tùy người, không có giống nhau. Sự quan-cảm thứ nhất chắc là thấy cái cảnh-tượng giống da trắng bất-hòa với nhau. Còn những cái tư-tưởng, những cái chủ-nghĩa mới, nhân việc chiến-tranh mà truyền-bá ra, họ cũng chú-ý lắm, và lâm-thời cũng biết đề-cập để lợi-dụng cho mình.

Các nước Đồng-minh đã dụ được nước Tàu về bè với mình, còn sự đó có lợi gì cho Đồng-minh thì cũng khó biết được rõ, nhân đó mà Tàu thấy hai nước Đức Áo nhất-đán mất cả quyền-lợi ở nước mình, lại thấy nước Nga cũng lui về, bây giờ chỉ mong đợi cho các nước khác cũng về nốt thì thỏa chí. Trước khi chiến-tranh, nước Đức có quyền-thế ở Tàu lắm. Xem những nơi tô-giới của Đức vừa chỉnh-đốn, vừa thịnh-vượng, cách doanh-nghiệp của các nhà buôn Đức vừa rộng-rãi, vừa mạnh-bạo; cách giao-thiệp của các chú lái Đức vừa siêng-cần, vừa dễ-dãi, đủ làm cho người Đức có tiếng tốt ở nước Tàu. Phần nhiều người Tàu vẫn chắc bụng rằng Đức tất thắng-trận; đến khi việc đã hiển-nhiên, mới biết rằng lầm. Bấy giờ mới xét ra, — đứng xa thời xét hay sơ-lược, — công thắng-trận là ở nước Pháp, ở tướng Pháp, bên qui danh-dự cho nước Pháp cả. Không những ở các nơi khác, đến tận ở đây người ta cũng cảm-giác rõ-ràng mà trong giây-phút như trông thấy cái hào-quang rực-rỡ của cái nước oanh-oanh liệt-liệt kia, oanh-liệt mà cũng thật-thà, đem hết nhiệt-huyết để ra tay tế-độ cho loài người. Nhưng mà các dân-tộc không biết kỷ-niệm lâu những cái thời-khắc oanh-liệt. Người Tàu tuy có cảm-phục cái công chiến-thắng của nước Pháp, nhưng nhìn ở quanh mình không thấy người Pháp có cái địa-vị về kinh-tế xứng-đáng với sự vẻ-vang ấy; nước Pháp là nước thắng-trận, lý-ưng phải có một cái địa-vị to ở nước Tàu mới phải, nhưng mà người ít, của ít, đồng tiền phật-lăng bị thua-lỗ vì hối-đoái, dẫu có ít nhiều người Pháp gia-công gắng sức, lại có người chịu khó mạo-hiểm, song cũng chưa đứng nổi cái địa-vị ấy. Tuy vậy mà nước Pháp còn có một cái địa-vị khác cũng có thể ảnh-hưởng được nhiều. Người Tàu hiện nay đương ham học thứ nhất, và có hai nước là họ sẵn lòng xin thầy dạy: nước Mĩ và nước Pháp. Nhưng sự này là thuộc về những lý-trưởng hơi xa-xôi, và thuộc về cái hình-ảnh của nước Pháp phản-chiếu ra trong thế-giới thế nào.

Nhiều người Pháp tưởng là thiên-hạ yêu nước Pháp; tưởng thế thời thật-thà quá. Kỳ-thực không phải thế, dù nước Pháp đáng cho các dân-tộc khác yêu-mến thật, song cũng không nên quên rằng tình yêu-mến ở đâu thường là lòng ghen-ghét ở đó. Người Tàu đối với nước Pháp tình-ý phân-vân, trước là bởi sự cổ-động của các kẻ thù-hằn, kẻ ganh-đua với nước Pháp. vì ở đây cũng như ở nơi khác, thiếu gì những kẻ dụng-tâm vu-oan cho người, ngoài miệng thời đổ thừa cho người Pháp cái tiếng tham-lam, mà kỳ-thực thời muốn mưu cho nước Pháp không được miếng gì. Nhưng giá chính-sách của nước Pháp quả-quyết hơn thì những sự cổ-động đó cũng không thành-hiệu gì mấy; song chính-sách ấy bất-nhất lắm và không hẳn ra mặt nào. Phàm sự hành-động gì đối với một số nhiều người, muốn cho thành-công, thời phải quả-quyết nhất-định, phải cứ liên-tiếp một đường thẳng mà đi. Dù dùng đến võ-lực nữa mà dùng không thẳng tay, lại gián-đoạn và trái-thời, cũng là vô-bổ; chỉ đủ khiến người ta tức giận, không đủ khiến người ta sợ-hãi. Nước Pháp phải cái tính thiên hay muốn được lòng yêu-mến của người khác, lại phải cái lầm-lỗi tỏ cho thiên-hạ biết như thế: thành ra cứ phải lụy kẻ khác, mà kẻ khác cũng cố làm cho mình phải lụy, đáng được người ta phục mười-mươi, mà tựa-hồ như phải mua lấy tiếng khen, cầu lấy bụng tốt của người ta.

Song thiên-hạ đối với nước Pháp tình-ý bất-thường như thế, không một là bởi cái chính-sách của nước Pháp

không nhất-định cả-quyết; chính là bởi cái tinh-thần của nước Pháp có ý phiền-phức, có ý huyền-diệu quá, người thường khó hiểu. Như địa-vị của các nước khác trong thế-giới, có thể lấy sự thịnh-vượng về đường công-nghệ, đường thương-nghiệp của các nước ấy mà đo lấy đúng được; duy nước Pháp là có một cái thế-lực vô-hình nó tràn ra ngoài cái thế-lực hữu-hình. Nước Pháp cũng ví như một bà đài-các nọ, dẫu gặp lúc bối-rối cũng phải cố giữ lấy địa-vị không dám sai. Cái diện-mạo của các nước khác thời giản-dị, phản-chiếu ra ngoài lúc nào cũng như lúc nào, có bấy nhiêu nét càng chiếu lại càng rõ thêm. Đến như diện-mạo nước Pháp thời có ý tinh-vi hơn: đối với kẻ này thời nước Pháp là chốn phồn-hoa, chỗ ăn chơi vui-thú; đối với kẻ kia lại là nơi học-hành chăm-chỉ, làm-lụng cần-cù. Lại có kẻ thời chỉ cho nước Pháp là một nước sinh-sản ra cách-mệnh. Kẻ nào biết cái tinh-thần cao-xa của nước Pháp mới hiểu rằng nước Pháp chính là chủ sự trật-tự. Nhưng mà cái biểu-hiệu của nước Pháp bao giờ cũng là sự sáng-sủa, dù có người ví như là cái đèn pha-lê, cái đèn dầu hay là cái đuốc mặc lòng. Dẫu thiên-hạ đối với nước Pháp tình-ý có bất-nhất, nhưng mà bao giờ cũng có một sự tưởng-vọng chung: là mong cho nước Pháp đem một chút tinh-thần hòa vào cái khối vật-chất đời nay; nhưng thấy làm được lại cũng có khi có kẻ ghen. Nước Pháp can-thiệp đến việc gì hay có tính giải-nghĩa phân-minh, nghị-luận rõ-ràng, làm cho người ta khó dùng những cách điều-đình châm-chước, hình như bắt các dân-tộc phải quan-niệm rõ-ràng về các công-việc mình làm vậy. Những kẻ chỉ biết vụ lợi riêng mà thôi, bấy giờ mới đem lòng tức giận, trách nước Pháp sao không biết bỏ lợi riêng của mình, vì theo ý họ thời nước Pháp phải cứ nên hi-sinh luôn cả các quyền-lợi mới phải: thấy thiên-hạ trách như thế, nhiều khi cũng lúng-túng, cũng ngượng-ngập, vì vốn tính thật-thà, dễ để người ta gán cho những cái vai có tiếng mà không có miếng. Xét như thế thì nước Pháp không có giống nước nào, bởi thế nên người ưa cũng lắm mà kẻ tức cũng nhiều. Có người tức là bởi thấy không theo lệ thường, thấy hành-vi trái với ý-kiến của nhiều kẻ tự-cao là biết xét người, thấy gặp khi nguy-biến dùng những phương-cách riêng mà thoát-nạn, thấy xưa nay vẫn cho là một nước lơ-đễnh nhẹ-dạ, mà nhất-đán tỏ ra nghiêm-nghị vô-cùng, và lại mạnh-bạo hơn cả những nước rất mạnh-bạo xưa nay. Bởi thế nên gặp khi thất-bại, có nhiều kẻ ngoại-quốc trông thấy mà sướng thầm, nhưng phàm những người có lòng cao-thượng ở trong thế-giới thấy nước Pháp gặp phải sự hiểm-nghèo, không thể cầm lòng cảm-động, lo cho cái nước không giống nước khác kia đến suy-sút mất thì thiệt-hại chung cho cả loài người.

Bởi các lẽ đó mà cái địa-vị nước Pháp thật là khó-khăn lắm; nhưng mà các dân-tộc cũng như là người ta, có phát-siển được hết cái tư-cách riêng của mình, thì mới thật là có thế-lực, mà trong tư-cách riêng của nước Pháp thời có mầm một cái thế-lực to-tát lạ nhường. Muốn suy-diễn cái thế-lực ấy ra thì phải dùng nhiều cách. Nước Pháp đã không phải là nước sở-trường về đường công-nghệ thương-nghiệp, muốn giữ được cái địa-vị xứng-đáng trên thế-giới, thời không những bảo-thủ lấy quyền-lợi riêng, mà lại phải phát-biểu cái tinh-thần riêng ra nữa. Ở những nơi hội-đồng của vạn-quốc, nước Pháp cần phải có những người tài-giỏi thay mặt. Nếu chọn được những tay đại-biểu học-thức vừa rộng, ý-kiến vừa cao, lại có cái thái-độ phong-nhã, cách giao-tiếp lịch-sự, thời tức-khắc là

phát-biểu được cái hình-ảnh chân-chính của nước Pháp, hình-ảnh ấy người ngoại-quốc cũng đã phảng-phất mà biết vậy. Nhưng nếu chỉ chọn được những người phi dốt có chuôi thì tài khôn vặt, thời không thể nào tỏ rõ được cái chân-diện-mục nước Pháp, thành ra cái tinh-thần của nước Pháp cũng vô-hiệu mà không cảm được ai cả. Nội các nước không nước nào cần bằng nước Pháp phải có chủ-nghĩa. Thiên-hạ mong đợi ở nước Pháp cũng là mong đợi cái chủ-nghĩa ấy. Chiếc tàu đương trôi rạt ngoài bể khơi, hành-khách nôn-nao, thuyền viên áy-náy, nước Pháp là người đứng lái, phải biết xem sao mà quay lái. Hiện bây giờ có nhiều các dân-tộc vừa muốn giữ lấy quyền độc-lập của mình, lại vừa muốn ham học lấy cái văn-minh của Thái-Tây, những dân ấy tự-nhiên khuynh-hướng về nước Pháp cả. Tự-nhiên quay mặt về cái nước kia hay làm ơn cho người ta, cái nước kia biết sống vì nhân-loại, có thể giúp cho mình thành-công mà không nguy-hiểm cho mình chút nào. Muốn cho thi-thố được hết sức như thế thời nước Pháp trước nhất phải có một cái thế-lực kha-khá về đường kinh-tế, để làm như cái trụ-cốt, vì một bức hoành-phi đẹp không thể đặt xuống đất được, phải có cái trụ cao mà cheo lên mới nổi. Nước Pháp càng biểu rõ cái tinh-thần cho thiên-hạ biết, càng tuyên-bố cái chủ-nghĩa cho thế-giới hay, thời những nghĩa-lý văn-chương của nước Pháp lại càng có giá-trị, và càng được thiên-hạ cảm-phục vậy (1).

Hiện bây giờ thì về phương-diện tinh-thần ấy cũng như các phương-diện khác, nước Pháp vì không đủ tư-lực nên tuy hòa-ước có để cho nhiều quyền-lợi mà không thể thu-hoạch được hết. Như nước Đức khi trước có một trường Kỹ-sư ở Thượng-hải, trường ấy đã về nước Pháp, vậy mà từ bấy đến nay vẫn chửa khai trường. Ví không có những trường học của dòng *Jésuites* (dòng Tên), thời ở nước Tàu đây không có một nơi nào để truyền-bá tinh-thần và ngôn-ngữ của nước Pháp.

Dòng *Jésuites* đã có một cái lịch-sử vẻ-vang ở nước Tàu, đã từng đem cái đuốc khoa-học chiếu sáng sang nước

(1) Đoạn này nguyên-văn bằng chữ Pháp hay lắm, không sao dịch cho hết ý được, vậy trích-lục nguyên-văn như sau này để các ngài thông pháp-văn đồng-lãm « ...Le rôle de la France est ainsi particulièrement difficile ; mais les peuples, comme les individus, ne trouvent de force réelle que dans l'approfondissement de leur caractère, et elle pourrait tirer du sien les éléments d'un prestige unique. Il y faudrait plusieurs conditions. Comme elle n'est pas seulement un pays à commerce et à industrie, pour qu'elle tienne dans le monde la place qui lui revient, il est non seulement nécessaire que ses intérêts soient défendus, mais que son génie soit rendu sensible. Dans les rendez-vous où tous les gouvernements se retrouvent, nul autre pays n'a un tel besoin d'être représenté par des hommes supérieurs. Que ceux-ci se distinguent par l'étendue des connaissances, la profondeur des vues, la grâce et la politesse des mœurs, aussitôt ils rendent réelle l'image virtuelle de la France que les étrangers avaient déjà dans l'esprit. Mais qu'ils n'étaient que de grandes ignorances ou de petites habiletés, la France n'est même pas évoquée, sa vertu n'opère point, ne touche pas ceux qu'elle devait atteindre. Il n'est point de nation à laquelle il soit plus nécessaire d'avoir des doctrines. C'est là ce qu'on attend d'elle. Sur le navire où les passagers s'effrayent, où l'équipage même est inquiet, elle est le pilote qui doit savoir les étoiles. Alors que tant de peuples mêlent à un ombrageux désir d'indépendance celui de s'approcher de la culture occidentale, un instinct les avertit de se tourner vers notre pays. Ils cherchent des yeux la nation donatrice, la seule qui vive pour l'humanité, et dont l'influence sans menace puisse les aider à s'accomplir. Pour exercer ainsi toute son action, il faut d'abord que notre pays garde une puissance économique suffisante, qui lui serve de support : on ne pose pas un fronton par terre. Plus la France, d'autre part, fixera les traits de sa figure intellectuelle et morale, plus elle précisera les principes dont elle s'inspire, plus les ouvrages de l'esprit y prendront de hauteur et d'autorité, plus elle imposera sa grandeur au monde.»

này, và ngày nay vẫn giữ được cái cựu-nghiệp ấy. Tôi có vào xem cái thiên-văn-đài nhỏ ở *Zi-ka-wei* (Từ-gia-huệ) gần *Chang-hai* (Thượng-hải), bước chân vào đấy không thể không cảm-động, vì chính ở đây là chỗ phát-minh và kinh-nghiệm ra cái thuyết về bão, nhờ thuyết ấy mà ngày nay có thể đoán trước và báo rõ được gió bão chuyển-động thế nào. Thiên-văn-đài này thu-thập những tin-tức ở các cột hiệu trên bờ bể, rồi báo tin trước cho mọi nơi, nhất-điện tới Nhật-bản, nhất-điện tới đoi bể *Malacca* (Tân-gia-ba), khiến cho các tàu biển biết mà tránh sẵn, khỏi mắc vào trong luồng gió lốc. Quản-lý một sở thiên-văn-đài này chỉ có hai ông cố *Jésuites* với mấy người Tàu giúp việc. Dòng *Jésuites* sáng-lập ra đây nào là dưỡng-anh-đường, nào là bảo-cô-viện nào là xưởng tập nghệ, nào là trường trung-học có hơn bốn trăm học-trò, vừa bên đạo vừa bên đời, vừa học chữ tàu vừa học chữ Pháp, lại trường trung-học cho con gái chẳng kém gì các viện tu có tiếng ở Âu-châu ; nay tôi không nói gì đến các sở ấy, mà nói riêng về trường Đại-học của dòng này lập ra ở Thượng-hải, đã nổi tiếng khắp Á-Đông, gọi là Trường Đại-học Chấn-đán 震旦 (*Université Aurore*).

Các công-trình to lớn, nhiều khi bởi sự ngẫu-nhiên mà thành ; trường này cũng vậy. Trường mới lập được mười-bảy năm, hiện bây giờ có hơn hai trăm học-trò. Dạy các khoa Văn-học, Luật-học, Số-học, Công-học, Lý-học và Y-học. Hạn học từ năm năm đến chín năm, tùy môn học và sức học-trò đã thông chữ Pháp hay chưa. Thầy giáo là những cố về dòng *Jésuites*, có độ mười ông giáo người bên đời giúp, nhưng toàn là người Pháp cả. Tôi có nói chuyện với nhiều các ông ấy, không thấy một người nào là không có lòng nhiệt-thành về nghề mình. Đó cũng là lẽ tự-nhiên. Tôi đã nói các nước ganh nhau biết bao nhiêu để cấp thầy dạy học cho bọn thanh-niên Tàu ; tôi lại nói những ông thầy ấy, người Tàu để ý xem xét biết bao nhiêu. Ông thầy hay thì nên trổ cái tài của mình ra trong cái chức-trách giáo-dục ấy, chắc là công-phu không đến nỗi người ta không biết đến. Kẻ học-sinh Tàu hay trách-bị ở ông thầy lắm lắm, nhưng nếu ông thầy thật xứng-đáng thì họ cũng kính mến vô-cùng. Đạo thầy trò là một cái nghĩa nặng cho các dân-tộc Á-Đông, nước Pháp nên biết mà lợi-dụng lấy. Tôi còn nhớ tôi có quen một viên đại-tá (quan năm) Nhật-bản ở *Tokio*, người gầy-gò mà nhanh-nhẩu, tính ân-cần mà nhã-nhặn. Thủa nhỏ mới ra làm quan võ, ông có học ở trường Võ-bị *Paris*, tôi nói chuyện với ông thời biết rằng ông cảm-phục cái tài-học và đức-hạnh của mấy ông giáo dạy ông ở trường ấy một cách sâu-xa là dường nào. Một hôm nói chuyện đến quan Thống-chế PÉTAIN, ông nói rằng trước ông có học ngài, giọng nói xem ra đắc-ý và lấy làm vẻ-vang lắm. Ông bảo nhỏ tôi rằng:

— Ông có gặp quan Thống-chế, xin cứ nói chuyện anh học-trò nhỏ của ngài tên là. . .

Ông nói tên ông, lúc bấy giờ tôi nhìn lên mặt thời nét mặt trước vẫn có vẻ cứng-cỏi, bấy giờ như hơi thấy bùi-ngùi, ví như hòn kim-cương bị hơi mờ vậy.

Tôi lại nhớ một hôm tôi nói chuyện với cố HENRY làm hiệu-trưởng trường Đại-học « Chấn-đán », người còn trẻ và có vẻ nho-nhã lắm. Cố khen cái đức-tính tốt của nhiều người thiếu-niên Tàu đã qua học ở trường Đại-học, nói rằng họ nhờ Khổng-học mà có cái tính dịu-dàng, tiêm-tất, hòa-nhã, êm-ái vô-cùng ; nghe lời cố nói như thế như có giọng cảm-động vậy. Nước Tàu có những người thiếu-niên tuấn-tú như vậy, cớ sao lại không ra

giúp nước để cho đến nỗi nước thiếu nhân-tài ? Mới nghĩ cũng lấy làm lạ thật, nhưng nghĩ kỹ ra mới biết rằng trong chính- giới ở đây lại còn tệ hơn ở các nước khác, đã mang tiếng ô-uế, khiến cho những kẻ hay người giỏi không còn muốn để mình vào làm gì. Vào nhà Đại-học « Chấn-dán » thấy có cái khí-vị vui-vẻ, biết rằng những người chủ-trương ở đây nhiệt-thành với sự-nghiệp của mình và có lòng tin ở sự-nghiệp ấy. Nhưng trường Đại-học hiện nay còn hẹp, phải mở rộng thêm ra mới được; kiểu nhà đã vẽ sẵn-sàng, thầy giáo cũng có thể mời thêm ngay được: duy có tiền là thiếu. Người Pháp ở Á-Đông, và nhất là các cố đạo, đã quen lấy nghị-lực, lấy sức làm mà bồ vào cái tiền-tài thiếu-thốn ; nhưng mà cũng có một giới-hạn không thể qua được. Dạy cách-trí ngày nay cần phải có những đồ thí-nghiệm đắt tiền, nếu dạy học mà thiếu những đồ cần-dùng thì người Tàu không khỏi ngờ là dạy không đến nơi. Chính-phủ Pháp cũng nhận biết rằng một sở học như thế có ích-lợi cho nước Pháp là dường nào, nên đã từng trợ-cấp cho trường Đại-học « Chấn-dán ». Bằng-cấp của trường ấy phát, Chính-phủ nhận cho ngang với bằng tú-tài bên Pháp; lại có cấp lương cho mấy người học-trò giỏi để sang học thêm bên Pháp. Nhưng đó chẳng qua cũng là những cách tưởng-lệ ngoài. Một sở học như sở này phải khuếch-trương ra nữa mới thật là xứng-đáng.

HỒNG-NHÂN *dịch*

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

IX

Paris, thứ tư 17 tháng 5

Bấy lâu khao-khát được đến *Paris*, nay đã nghiễm-nhiên ở *Paris* rồi đây. Lúc còn mơ-tưởng *Paris*, tưởng được trông thấy mừng-rỡ xiết bao. Nay đã đến nơi, thấy điềm-nhiên như không, tựa-hồ như mình ở đây đã lâu năm rồi. Sáng ngày thức dậy, mở cửa phòng trông ra ngoài phố, mơ-màng như vẫn ở nước nhà, sực nhớ ra mới biết rằng mình đương ở một nơi đô-thành đệ-nhất trong thế-giới. Nghĩ người ta cũng lạ : mơ-tưởng cái gì mà chưa được thì bồn-chồn háo-hức, tưởng được rồi sướng không biết bao ; đến khi được thật, thấy cũng chẳng sướng hơn gì trước, đã sẵn lòng coi thường, coi rẻ. Không biết rằng sự sướng, sự khổ, sự vui, sự buồn ở dời, không phải là bừng-bừng như lửa cháy, cuồn-cuộn như nước lên, vụt phát ra, vụt biến đi, như trong khi diễn-kịch ở trên sân khấu. Phàm tình-cảm của người ta, phải dần-dần dà-dà, nhật-tâm nguyệt-tí, lâu ngày dầm-thấm, mới thật là chân-tình; còn ngoại-giả là những sự háo-hức nhất-thời mà thôi, càng nóng-nẩy bao nhiêu, lại càng dễ nguội bấy nhiêu.

Một nơi đô-hội lớn như *Paris* này, chắc là có một cái tinh-thần riêng, một cái «hồn» riêng ; cái hồn ấy, không thể trong một buổi mà cảm-giác được. Mà có cảm-giác được cái «hồn» ấy, mới thật là biết *Paris*, chứ không phải xét cảnh-tượng bề ngoài mà đủ biết. Mình còn ở đây lâu, thử cố xem có cảm được cái «hồn» thiêng của một nơi

(1) Xem *Nam-Phong* số 58, 59, 60, 63, 65, 66, 68, 69.

danh-thắng đệ-nhất trong hoàn-cầu. Chớ nên vội-vàng hấp-tấp mà đã xét-đoán theo cái cảm-giác một buổi đầu.

Đến *Paris*, việc thứ nhất là phải mua một cái bản đồ, và chiến bản đồ đi chơi mấy buổi để lấy phương-hướng. Cả buổi chiều hôm qua là đi chơi lấy phương-hướng (tiếng tây gọi là *courses d'orientation*). Ở *Paris* có thứ xe điện ngầm gọi là *Métropolitain*, nghe nói lạ lắm. Bên tự trọ ra nơi đỗ xe gần nhất, cũng cách đến hai phố dài. Chỗ này xe lại không chạy ngầm mà chạy ở trên cầu, vì là chỗ trũng nhất ở *Paris*. Lấy vé, rồi vào xe đứng, không đầy một phút xe chạy, chạy mau vùn-vụt như tên bắn vậy, một loáng thôi vào đường hầm, tối như cái đường phố hẹp ban đêm mà có thấp-thoáng mấy cái đèn điện. Tuy đi dưới đất như thế, nhưng cũng thoáng hơi, không đến nỗi hầm lắm, vì mỗi đầu phố lại có cửa lên xuống, xe đến nơi dỗ độ nửa phút cho khách lên xuống, rồi lại vùn-vụt chạy. Đứng trong xe thấy mỗi chỗ dỗ kẻ lên người xuống tấp-nập, mình chẳng biết đâu vào đâu cả, cứ đứng bền. Sau đứng mãi mỏi chân, đến một chỗ thấy người ta lên mình cũng lên, thì ra xe đã chạy ngầm dưới sông *Seine* mà sang bên kia sông, là chỗ phồn-hoa náo-nhiệt nhất thành *Paris*. — Sau mới hiểu ra rằng lối xe-điện ngầm này là chạy vòng quanh khắp thành *Paris*, người nào định đi đâu thì phải chọn đường mà đi và phải biết trước đến đầu phố nào phải xuống, không thì xe kéo đi khắp thành-phố, ra đến ngoài ô. Cho nên ở Paris này, nếu thuộc địa-đồ biết đường xe nào đối-chiếu với đường xe nào, thì đi đâu cũng tiện lắm, vì các đường sắp-đặt rất khéo, đối nhau như in. Nhưng khách lạ bỡ-ngỡ như mình, mới trông vào địa-đồ thật là hoa mắt rối trí, đứng trong xe thời cứ thấy chạy bắn đi, mà nhìn chung quanh tối om như hũ dút, đến chỗ dỗ mình chưa đọc rõ tên chỗ nào, xe đã chạy vụt đi rồi!

Ở dưới hầm lên, thấy đứng giữa một con đường thông-cù lớn, hai bên nhà cửa nguy-nga, hàng quán la-liệt. Mở địa-đồ xem mới biết là chỗ này gần dinh quan Giám-quốc. Anh em nói đùa nhau rằng bọn mình đến *Paris*, không rắp định và cũng không có tư-cách vào chào ông quốc-trưởng của Đại-Pháp, vậy mà tình-cờ đưa chân ngay đến trước cửa dinh ngài, ấy cũng là một sự không ngờ. Âu là ta đi dạo quanh một lượt xem hình-thế cái dinh quan Giám-quốc thế nào, ấy cũng là một cách thi-lễ của người khách đối với ông chủ nhà vậy. Cơ-ngơi cũng to-tát rộng-rãi thật, vườn-tược um-tùm, nhưng kể đẹp thì không lấy gì làm đẹp cho lắm, nước Pháp tưởng còn nhiều nơi cung-điện đẹp hơn nhiều. Có lẽ lấy cái tính-cách bình-đẳng một nước dân-chủ, ông quốc-trưởng không nên ở nơi lộng-lẫy quá chăng? Xem bề ngoài không có cái gì là đặc-biệt với các nhà-lầu khác, duy có mỗi cửa hai tên lính « đầu-rồng » (*dragons*) đeo gươm trường đứng canh là hơi có cái vẻ quan-cấm một chút. Bên ta chưa được trông thấy thứ lính « đầu rồng » này bao giờ, chỉ được xem trong tranh, bây giờ mới mục-kích: lính này mặc áo dạ đen nẹp đỏ, đầu đội cái mũ đồng bóng nhoáng có đuôi dài dủ xuống sau lưng, một tay cầm gươm vác vai, một tay cầm vỏ gươm kéo xuống đất, mà người nào cũng lực-lưỡng cao lớn, trông thật oai-vệ. Thứ lính này chỉ dùng về việc nghi-vệ mà thôi.

Cách dinh Giám-quốc một ít, lại có một cái dinh nữa cũng có « lính đầu rồng » canh: hỏi ra mới biết là bộ Nội-vụ, trông ra nơi công-trường *Beauveau*. Ta thường đọc báo tây cứ thấy trong báo nói đến các bộ mà không có nói rõ là bộ gì bộ gì, chỉ gọi tên đường phố mà thôi, như Nội-vụ thì gọi là *Place Beauveau*, Ngoại-vụ là *Quai*

d'Orsay, Lục-quân là *Rue Saint Dominique*, Thủy-quân là *Rue Royale*, bộ Thuộc-địa là *Rue Oudinot*, v. v., cũng là một cái thói quen riêng của các nhà làm sách làm báo, tức như bên ta gọi người không gọi bằng tên và họ mà gọi bằng tên làng, như. Cụ Yên-đồ, cụ Đồng-tỉnh, ông tú Đông-ngạc, ông đồ Lương-đường, vân vân.

Đi chơi lan-man đường nọ ra phố kia, xem đã thích mắt, nhưng còn ngơ-ngác như chú Mán đường ngược xuống chơi Hà-nội vậy. Cứ thế mà đi suốt đường thông-cù *Champs Elysées* hai lượt, đi bên này phố từ nơi dinh quan Giám-quốc đến cửa Bắc-đẩu-khải-hoàn-môn (*Arc de triomphe de l'Etoile*), rồi lại đi bên kia phố từ cửa Khải-hoàn về đến Cộng-hoà-trường (*Place de la Concorde*), hai bên phố cách nhau đến trăm thước, mà con đường dài cũng tới ngàn thước. Ngắm cảnh-tượng con đường thông-cù này mới biết thành *Paris* là lớn là đẹp. Nhưng chắc còn nhiều cảnh đẹp nữa, ta chớ nên vội hăm-hở mà nức-nỏm khen như chú Mán nọ, về chốn kinh-kỳ kẻ-chợ, thấy cái gì cũng lạ mắt lạ tai, mỗi mỗi kêu lên : «Úi chà, to ! Úi chà, đẹp !» Người đi quan-sát mà đứng trước một cái cảnh-tượng gì, dù to dù đẹp lạ-lùng thế nào mặc lòng, không cầm được cái tiếng kêu «Úi chà !» đó, là người chưa đủ tư-cách quan-sát vậy. Tuy vậy, lúc ghi-chép vào quyển nhật-ký này, tưởng-tượng đến cái đường-cái thênh-thang đó, hai bên hai giẫy cây um-tùm, một đầu sừng-sực cửa khải-hoàn, một đầu tron-von cái cột đá (là cột đá Ai-cập ở giữa Cộng-hòa-trường), kẻ cũng đã trang-nghiêm, kẻ cũng đã trang-lệ, kẻ cũng có khí-tượng, kẻ cũng có hùng-uy, bất-giác cũng lầm-bầm khen thầm : « Úi chà, đẹp !» Như vậy thời cũng chửa khỏi là chú Mán mà đã dám tự-cao. . .

Tự đường thông-cù *Champs-Elysées* mà không biết đi quanh đi co, đi luẩn đi quẩn thế nào, lại về đến trước cửa nhà Ga *Lyon* là nơi mình xuống xe lửa lúc nãy. Đi đất tự bốn giờ, bảy giờ đã hơn 7 giờ, bụng vừa đói chân vừa mỏi, gặp hàng cơm ở đường *Lyon*, vào ăn cơm tối, thế là bữa cơm thứ nhất ở thành *Paris* vậy. Bữa này ăn ngon quá, duy nói đến «cơm» mà thèm «cơm», vì từ khi sang đây đến giờ chỉ mới được hai lần là ăn cơm gạo thật, còn tuy gọi là «cơm» mà là «cơm tây» cả ! Cái tiếng «cơm tây» ấy cũng kỳ ; ta nói thường quen miệng đi, ai cũng hiểu «ăn cơm tây» là dùng đồ ăn tây, nhưng nghĩ ra, — mà có sang đây, không được thường ăn cơm của mình, mới nghĩ đến, — thật không có nghĩa gì cả ; cơm mà của Tây, Tây mà có cơm, thế là cái gì ? Cho hay ngữ-ngôn của mỗi nước là đặc-biệt cho nước ấy, xét ra cho kỹ, không có một tiếng một chữ nào là giống nhau như hệt, khớp nhau như in được. Chẳng qua là miễn-cưỡng mà dùng, rồi dùng mãi thành quen mà thôi. Như ăn lối tây thì gọi là «ăn cơm tây», nằm lối tây thì gọi là «nằm giường tây», nhưng mà «cơm tây» với «giường tây» có gì là giống với cơm ta và giường ta không ? Người đã ăn theo lối tây, nằm theo lối tây, thì nói đến cơm tây, giường tây, mới hiểu là cái gì, chứ người chưa từng ăn bánh bột mì, chưa từng nằm giường «lò-so», thì nói đến những tiếng ấy phỏng có nghĩa-lý gì ? Nói mà không có nghĩa-lý gì, thì dẫu nói luôn miệng cũng chẳng ăn-thua gì. Chẳng qua là truyền - khẩu như con yểng mà thôi. Ấy là thí-dụ những tiếng tầm-thường về sự ăn nằm cũng đã cách xa nhau một vực một trời như thế ; huống những tiếng có ý-nghĩa sâu-xa u-ẩn thì còn cách nhau đến thế nào ! Cứ xét một điều đó thì biết học tiếng ngoại-quốc khó là dường nào. Học một thứ tiếng nước ngoài mà cho đến « nhập-diệu », nghĩa là đọc một chữ lên mà tưởng-tượng hay là suy-nghĩ ngay ra cái sự - vật hay là cái nghĩa-lý nó bao-hàm ở trong chữ ấy,

đúng như trong óc một người sinh-trưởng trong thứ tiếng ấy, thì phải đến mấy chục năm, lại phải sinh-hoạt theo như người nước ấy, biến-hóa tâm-tính theo như người nước ấy, mới có thể được. Còn thời chẳng qua là nhồi óc cho đầy những cái vỏ chữ của ngoại-quốc, mà trong vỏ nhiều khi không có tí ruột nào. Ấy người mình học chữ tây đại-để như thế. Có công có sức học được thì cứ việc mà học. Nhưng mà chỉ sợ một điều, là trong khi cố công cùng sức nhồi óc cho đầy những cái vỏ chữ của người, thì cái ruột chữ của mình mất hết cả, rút cục xôi hỏng bỏng không, tiếng người chưa biết, tiếng mình đã quên, ấy mới nguy, ấy mới hại!...

Tôi mình cũng lầm-cầm thật. nhân chuyện « cơm tây » mà nói đến dài dòng văn-tự như thế, nhật-ký đâu lại nhật-ký lôi-thôi như vậy ? Nhưng mà trong khi nằm trọ ở chốn tha-hương, duy có quyển nhật-ký là bạn liền tay, cả ngày thơ-thẩn ở đất nước người, tối đến giở sách ra biên, như nói chuyện với người bạn thân, gặp chuyện gì nói chuyện nấy, việc gì mà sợ lôi-thôi, ai chê là người lầm-cầm ?

Nhưng mà nói chuyện đâu đâu, đến chuyện ngày hôm nay vẫn chưa biên, mà đêm thời đã khuya, giấy cũng đã hết rồi...

Thứ năm, 18

Hai ngày hôm nay cũng được nhiều việc.

Hôm qua thì đi thăm các viên-chức ở «Kinh-tế-cục» (*Agence économique*) là sở thay mặt chính-phủ Đông-Pháp để giao-thiệp về các việc kinh-tế ở bên này. Hồi ở nhà đi, có mấy ông quí-quan ở bên ta gửi giấy giới-thiệu cho các ông ở Kinh-tế-cục, vậy phải đến tiếp mặt các ông ấy cho phải phép. Các ông tiếp-đãi ân-cần và hứa có cần hỏi-han việc gì sẽ hết sức giúp. Mình cũng cảm ơn cái bụng tốt của các ông, nhưng trong bụng cũng mong rằng không có việc gì phải phiền đến các ông lắm. Sự giới-thiệu vẫn là một sự hay, vì nhân đó mà được quen biết rộng, đỡ lạ-lùng lúc mới đầu. Nhưng mà cũng có khi phiền, phiền cho người giới-thiệu mình, phiền cho người mình được giới-thiệu tới, mà phiền cả cho mình nữa. Đi đến một nơi xa lạ, được một vài chỗ giới-thiệu đích-đáng, để giúp cho việc đưa-đón hành-lý, tìm kiếm trọ ở, chỉ-dẫn cho biết những cách-thức ăn-ở, giá-hạng các đồ, v.v. thế là đủ, còn không cần phải nhất-nhất quấy phiền người ta làm gì. Đến đâu phải tùy-đáo tùy-biện, không nên nhất-thiết ỷ-lại vào kẻ khác. Phương-ngôn ta nói : « khỏi nhà ra thất-nghiệp », là nói sai. Người nào mà đến ra khỏi nhà thành thất-nghiệp, thì người ấy chỉ nên ở nhà với « mẹ dĩ », chẳng nên ra khỏi cửa làm gì. Nhất là người du-lịch, lại cần phải tự-do lắm, muốn đi đâu thì đi, muốn xem gì thì xem, gặp đâu có ăn thì ăn, gặp đâu có nằm thì nằm, phải hơi « bỏng-lòng » một tí như thế thì mới thường gặp được sự bất-kỳ. Nếu mỗi bước có người chỉ-dẫn, đi đâu cũng phải nhờ kẻ đón người đưa, như cậu học-trò mới ở trường ra, thì sự du-lịch mất cả thú, và nhiều khi thành một sự phiền. Mình nghĩ như thế, nhưng có ông lại không nghĩ thế. Cho rằng bọn mình là « phái-bộ » của Chính-phủ đi quan-sát quí-quốc, thì phải có quan Nhà-nước đưa đi mọi nơi, như ông giáo giắt lũ học-trò vậy. Có ông lấy thế làm vẻ-vang, tự mình cho thế khí đê-tiện. Mình không phải là lũ trẻ con đi xem hội mà cần phải có người lớn chỉ cho từng trò, đây là phường múa dối, nọ là lũ leo giây. Có mắt để mà xem, có tai để mà nghe, có trí để mà nghĩ, hà-tất phải ai chỉ cho vạch cho mới biết. Nếu còn cần phải có người chỉ vạch cho như thế, thì sang đây mà làm gì ? Còn nói rằng

đi đâu nên đi cả đoàn, có quan Tây đưa dẫn, trọng sự-thể hơn, thời điều đó tôi lấy làm ngờ lắm. Có lẽ ở bên mình đi theo sau một vị qui-quan, hoặc có điều vẻ-vang chăng, vì có thể huyễn-diệu được kẻ khác, chứ ở đây thời họ cho là một lũ mán-xá phải có người cai-quản hướng-đạo. Nhưng mà ở đời mỗi người một ý, mình cho thế là không nên, họ cho thế là nên, cũng là tùy cái ý riêng của mỗi người, chẳng nên nghi-luận làm gì.

Cả ngày hôm qua xem điện *Panthéon* là nhà kỷ-niệm các danh-nhân nước Pháp. Ở trọ đi ra gần lắm, cách có vài phố. Đi qua con đường *d'Ulm*, thấy trường Cao-đẳng Sư-phạm (*Ecole Normale Supérieure*), trong bọn học-sinh thường gọi tắt là «cái nhà đường *d'Ulm*» (*la maison d'Ulm*), nhà cũng thường thôi, không lấy gì làm to lớn đẹp-đẽ lắm, nhưng có cái vẻ nghiêm-trang bình-tĩnh, thật là một nơi học-hành cao-thượng. Chung-quanh có vườn, cây cao bóng mát, dưới gốc cây có ghế đá, dưới bóng cây khoác tay thơ-thẩn giãm mươi thày học-sinh, người thời vừa đi vừa nói, ra dáng hăng-hái nghị-luận; người thời tay để dưới cằm, ra bộ nghĩ-ngợi xa-xôi; người thời con mắt đăm-đăm, ra tuồng mơ-mảng tưởng-vọng. Nhìn nét mặt các người sinh-viên đó, như có cái hào-quang của sự học, trong lòng cảm-phục cái chí cao của kẻ thanh-niên nước Pháp, mà lại bùi-ngùi cho cái công học-hành dở-dang của mình. Than ôi! mình không phải là không có cái lửa nhiệt-thành về sự học, nhưng mà sinh-trưởng vào giữa buổi thanh-hoàng, học không ra gì cả, nho đã chẳng ra nho, mà tây cũng chẳng thành tây. Phàm sự học phải cho đến nơi đến chốn thì sở-học sở-hành mới điều-hòa dung-hợp nhau, mà gây nên cái nhân-cách thanh-cao. Hễ còn dở-dang, còn nửa chừng, thì không ra con người gì cả. Ông cha mình mấy mươi đời học nho, nghiệp nhà đến mình là đoạn-tuyệt. Bây giờ muốn cầu làm ông đồ cổ, bàn nghĩa tính-lý, ngâm thơ nhà Đường, nhắp giãm ba chén chếnh-choáng cho tiêu-sầu khiển-hứng, bảo mươi lăm thằng trẻ-chẹt biết *đã, giả, chi, hồ*, an-nhàn vô-sự, ngày tháng vui qua, cũng không được nữa. Nói đến học tây, thì chẳng qua học mấy câu tiếng tây để đi làm thuê, cũng tự biết còn thiển-thốn, muốn ra công học thêm, nhưng thày đâu sách đâu, ở trường thông-ngôn ra, được học mấy ông bương-sư ở Tây sang, thế đã là tột phẩm rồi, nào đã bao giờ được từng ngồi qua cái ghế một trường Đại-học như trường Sư-phạm này? Mà đã không được học đến bậc đó, thì còn mong lập nên sự-nghiệp gì về đường học-vấn? Dở-dang, dở-dang, thôi mình đã đành là một con người dở-dang, — mà cả nước mình cũng là một nước dở-dang! Mỗi lần đi qua những nhà học nghiêm-trang như chốn này, trông thấy những học-trò anh-tuấn, giáo-sư đạo-mạo, người nào trong con mắt cũng hình như mơ-mảng những sự cao-xa, mà «thèm» người ta biết nhường nào! Tưởng giá phải ăn bánh hẩm, uống nước lã, mà được làm một người trong những người tha-thẩn dưới bóng cây, thấp-thoáng trong rào sắt nọ, cũng cam-tâm. Nhưng mà thôi, đã sinh vào buổi lỡ-làng thì cũng phải chịu cái phận hẩm-hiu vậy, biết sao bây giờ? Duy phải biết rằng học đã chẳng ra gì, thời làm cũng chẳng nên chi, vì có gốc mới có lời, vốn ít mong sao được lời to? Cho nên cũng chớ có mong-mỏi những sự to-tát quá sức không làm nổi; chỉ nên hình-hương chúc-vọng cho kẻ đến sau này họa được may-mắn hơn mình chăng...

(Còn nữa)

KHẢO-LUẬN VỀ CUỘC HÁT Ả-ĐÀO

Cuộc hát ả-đào cũng là một cuộc thanh-nhã nghiêm-trang và êm-đềm vui-thú ở trong nhạc-giới, nay muốn nói nguyên-ủy cho tường-tận, thực cũng hơi khó một chút. Bởi vì dân-tộc ta xưa nay, những sách - vở thuộc về dân-sử trong xã-hội, hãy còn khuyết-liệt lắm ; trong giáo - phường xưa nay khi dạy nhau, chỉ đời nọ đời kia, người này người khác, ám-khoa truyền-khẩu mà dạy nhau đấy thôi, thực không sách-vở gì cả. Giản-hoặc cũng có một vài quyển sách, hoặc sao-tả, hoặc ấn-loát, nhưng xét ra, hoặc là kẻ không biết gì mà suất-ý nói liều, hoặc là kẻ phụ-họa vào cho tốt đẹp, hoặc là kẻ biên-chép lại mà thất-chân, thật là vụn-vặt, vẩn-vơ, không có giá-trị gì mà đủ kẻ xét cả; mà trong dân-gian cũng mỗi xứ biết mỗi chuyện, muốn kẻ xét nguyên-ủy cho tường-tận, chắc phải trải qua ngày tháng, tốn phí công-phu mới có thể thành-hiệu được. Nay hãng xin đem những điều sở-lịch-duyệt, sở-suy-tưởng ra mà nói qua về lịch-sử cuộc hát ả-đào, để quốc-dân ta cùng xét.

Cuộc hát ả-đào, thủy tự đời nào, khởi tự đất nào, nay thực chưa tìm được cái chứng-cứ gì đích-xác mà đã dám nói, chỉ tương-truyền rằng khi xưa có bà Mãn-Đào-Hoa-công-chúa, là con ông Bạch-Đinh-Xà-đại-vương, chế ra âm-luật và cách-bộ hát ả-đào để dạy đời, mà cuộc hát ả-đào thì khởi-tổ ra tự tỉnh Thanh-hóa. Cho nên trong giáo-phường xưa nay vẫn phải kiêng chữ *bạch* đọc là chữ *biệc*, chữ *hoa* đọc là chữ *huê*, chỉ điều kiêng tên đó, là hơi có sở-cứ một chút mà thôi.

Song xét ra, dân-tộc nào cũng có một cái tính-tình riêng, đã có một cái tính-tình riêng, chắc là phải có một cái thanh-âm riêng, đã có một cái thanh-âm riêng, chắc là phải có một cái khúc-điệu riêng. Cái thanh-âm khúc-điệu đó, là cái thanh-âm khúc-điệu thuộc về tự-nhiên. Sự hát ả-đào ở nước Nam ta, chắc là phôi-thai siền-phát đã sớm-sủa lắm. Duy âm-điệu thì tản-mát ở dân-gian, hoặc mỗi người chế ra mỗi khúc, hoặc mỗi xứ hát ra mỗi giọng, chắc khi xưa chưa có thống-nhất và hoàn-bị gì cả.

Bà Mãn-Đào-Hoa-công-chúa chắc cũng là một vị thánh-nữ có thiên-tài, lưu-ý về âm-nhạc, hoặc tự mình chế ra khúc hát mới, hoặc thu nhặt những khúc hát ở các nơi, mà đem tu-bổ san-thuật lại, để dạy đời, kỳ cho cách-bộ được thống-nhất, âm-điệu được hoàn-toàn, cho phổ-cập cả toàn-quốc. Rồi trong giáo-phường mới tôn người thánh-nữ ấy là thánh-sư. Người ấy là thánh-sư đấy, nhưng cũng là tập-đại-thành đấy. Chứ bảo rằng bao nhiêu khúc hát trong giáo-phường, là tay một người sáng-thủy chế-tạo ra cả, mà nhất-sơ đã được hoàn-bị ngay, thì thiết-tưởng cũng là vô-lý.

Khúc hát trong giáo-phường thì thật là nhiều lắm, mỗi khúc đều có âm-hưởng và cách-điệu riêng, có khúc xã-hội thường dùng, cũng có khúc xã-hội không thường dùng, đại - khái những khúc sau này :

Cách Giáo-trống, cách Giáo-hương, cách Thét-nhạc, cách Ngâm-vọng, cách Bắc-phản, cách Hát Mưỡu, cách Hát Nói, cách Hà-nam, cách Hà-vị, cách Hà-liễu, cách Gửi-thư, cách Đọc Thơ, cách Đọc Phú, cách Dịp-ba cung-bắc, cách Chử-khi, cách Dựng-cung-huỳnh, cách Dồn-đại-thạch, cách Hát Du, cách Hát Hầm, cách Hát Truyện, cách Hát Bộ, cách Thồng năm-cung, cách Samạc, cách Bợm - gái - say, Bợm-gái-

tình, cách Đánh đồng-thiếp, cách Múa bài-bông, và cách Loan-mai-hồng-hạnh, v. v.

Những tên khúc hát ấy đều là trong giáo-phường xưa nay truyền-khẩu cho nhau, hoặc tiếng cổ có mà đến nay mất đi, hoặc truyền-khẩu mà sai lầm đi, cho nên có khúc hiểu được nghĩa, cũng có khúc khó hiểu được nghĩa. Nay hãng cứ xin lấy ý-tứ nông hẹp suy ra mà bàn, để cho rộng đường khảo-luận.

Bắt đầu khi mới cử-nhạc, thì người quản-giáp (người kép) rung mấy hồi trống, rồi đọc lên mấy câu để chúc mừng ; rồi người đào-nương (cô-đào) cầm mấy nén hương dâng lên trước mặt thánh, cũng vừa đi vừa hát mấy câu để chúc mừng ; đó là cách giáo-đầu, cho nên gọi là cách Giáo-hương, Giáo-trống. Giáo-đầu xong, rồi mới chuyển-thiết vào âm-nhạc, có phách lá-đầu, có phách khoan, có phách mau, có vào phách, có ra phách hẳn-hoi, cho nên gọi là cách *Thiết-nhạc*. Tục gọi *Thiết-nhạc* là lầm.

Thiết-nhạc rồi thì Ngâm-vọng. Cứ lấy cái cách-điệu và cái ý-tứ trong khúc hát mà xét ra thì bắt đầu ngâm-nga mấy câu, rồi mới vào phách ; lại có ý tưởng-vọng những hội long-vân, kỳ-vọng những duyên hương-hỏa, cho nên gọi là cách *Ngâm-vọng*.

Bắc-phản chừng là chữ *bắc-phiên* ; *phiên* nghĩa là giống như thế, mà lại đọc khác đi ; cách bắc-phiên thì dùng câu thượng-lục hạ-bát tựa như cách hát *Mưỡu*. Duy cách hát Mưỡu thì giọng nam giọng bắc lên xuống phân-minh, cách Bắc-phiên thì chỉ đọc bằng-phẳng mà thôi, chứ không réo-rắt gì, có ý phiên-chuyển giọng bắc ra giọng nam, mà lại có phách khoan, phách mau, vào phách, ra phách, khác với hát Mưỡu một chút, cho nên gọi là cách *Bắc-phiên*.

Mưỡu ý là *mao*, *mao* nghĩa là chùm, phàm sắp-sửa hát nói, trước hãng đem hai câu lục-bát hát lên đầu, khiến cho trang-nhã, cho nên gọi là cách hát *Mưỡu*.

Hát-nói, là những lời nói lối, xếp lại thành vần, để mà hát lên, câu hát thì từ bốn chữ đến bảy chữ hoặc chín là vừa, bài hát thì mười một câu là đủ. Nhưng cũng có khi một câu dùng đến hai ba mươi chữ, đôi phách nam hoặc đôi cả phách bắc, khúc-khuỷu lạ-lùng, tục gọi là *gối-hạc* ; cũng có bài dùng đến mười-chín câu, ngoại hai-mươi câu, đôi khổ xuyên, đôi cả khổ thơ, lâm-ly réo-rắt, tục gọi là *đôi-khổ*. Nhưng trong khi hát lên, vào phách ra phách, đều có phép nhất-định, không khác gì nhau. Cách ấy là cách thông-thường nhất ở trong nhạc-phủ, biến-hóa vô-cùng, mà hay-hớm cũng vô-tận, người hát không biết mệt mà người nghe cũng không biết chán.

Gửi-thư là kể-lể ra những lời gió mây non nước, tình-nghĩa ái-ân, viết thư đưa cho nhau, câu thì dùng câu bảy chữ, tựa như câu hát-nói, cũng có khi đem câu lục-bát sen vào, như cách đọc *Hồi-văn* vân-vân. Lại có cách cổ-thư, câu dùng bốn chữ, hoặc sáu chữ bảy chữ, chín chữ, xâm-xi bất-tề, nhưng bất-ngoại có ba bậc, bậc trầm, bậc phẳng, bậc chênh, khi đọc lên cũng không khác gì nhau.

Đọc-thơ, là đọc ra những bài thơ kim thơ cổ, như thơ *Thiên-thai* chữ, thơ *Thu-hứng* nôm vân-vân.

Đọc-phú, là đọc ra những bài phú cổ phú kim, như phú *Trung-thu* năm Long-đức, phú *Xích-bích* năm nhâm-tuất, vân-vân.

Cách *Dịp-ba-cung-bắc*, trong khúc hát có ba chỗ đổi điệu ; bắt đầu ngâm-nga mấy câu, rồi vào phách, chen cung nam cung bắc, rồi chuyển sang cung pha, cho nên gọi tóm tắt là *Dịp-ba-cung-bắc*.

Chừ-khi, là khi, *chừ* là tiếng trợ-ngữ, tục gọi lớ ra là *chừ-khi*; nếu gọi là chớ-khi, thì lại lầm quá. Xét trong khúc hát có sáu chỗ đặt hai chữ *chừ-khi* lên đầu khổ hát, nhân đó mà đặt tên khúc hát là khúc *Chừ-khi* đấy thôi.

Cung-huỳnh thuộc về phách mau, khi hát các lối đã hồ xong, thì đem một bài hát mưỡu, và một bài hát nói, đọc ra giọng huỳnh mà dồn vào phách mau, cho nên gọi là *Dựng-cung-huỳnh*.

Đại-thạch, thì khúc ấy vừa hát lại vừa múa, giọng hát thật cao, dịp phách thật mau, cho nên gọi là *Dồn-đại-thạch*, cũng có người cho đại-thạch là đại-thực, nghĩa là múa hát trong khi đại-yến.

Du, là du con, và là du tình, cho nên trong khúc hát có dùng điển bà Thị-Kính, và có câu hát từ một thương đến mười thương.

Hãm, là ngâm-hãm để chúc mừng, cho nên trong khúc hát có từ một mừng đến mười mừng.

Hát truyện, là đem những câu lục-bát ở trong các truyện, bất-cứ truyện cổ truyện kim, lựa vào phách mà hát lên, cho êm-đềm réo-rắt, gọi là *hát-truyện*.

Còn như *Hà-nam*, *Hà-vị*, *Hà-liễu*, *Sa-mạc* vân vân, thì chẳng là ở xứ đất ấy có khúc hát ấy, lịch-đại mới nhặt vào để làm khúc hát trong nhạc-phủ, rồi lâu ngày thành ra một khúc phổ-thông trong giáo-phường, mà nguyên-lai ở về đất nào, cũng thất-truyền đi.

Cách *Thồng-năm-cung*, *thồng* nghĩa là thừa-tiếp điệu đọc thơ, ngân-rãi ra từng chữ ở trên, rồi mới vào phách; khi đã vào phách rồi, thì cứ theo trong khổ phách mà hát luôn, cho nên cách đọc *Thiên-thai*, đọc *Ti-bà* đều có thồng cả. Nguyên xưa bài thồng *Ti-bà*, có đủ cả cung nam, cung bắc, cung nao, cung pha, cung huỳnh, gọi là *thồng-năm-cung*. Gần đây mới đem những câu lục-bát ở trong bài thồng ra, bát lên điệu *Sa-mạc* để chen vào cho réo-rắt lạ-lùng, đó là cách mới. Nhưng trong khi lên phách xuống phách, vào phách ra phách, vẫn phải theo như khuôn cũ để mà thành khúc.

Còn như cách *Bỏ-bộ*, cách *Đánh-đồng-thiếp*, cách *Bợm-gái-say*, *Bợm-gái-tỉnh*, thì ả-đào vừa hát vừa làm bộ, như làm ra cách bộ ông sư-cụ, ông thầy-bèo, người đi săn, người bợm gái, v. v..

Cách *Múa-bài-bông*, *bài* nghĩa là từng bài từng trận, *bông* nghĩa là hoa, tức là nghĩa múa trận hoa. Cách ấy vừa hát vừa múa, ít ra cũng phải tự tám người ả-đào trở lên, sắp từng hàng ra mà lên xuống hát múa. Từ y-phục cho đến cách bộ, đều có vẻ sán-lạn huy-hoàng, đều có khuôn nghiêm-túc tề-chỉnh, hoa-đội đó, mà nghiêm-nhiên như thể một quân-đội đó. Cách ấy là cách thịnh-cử nhất ở trong nhạc-giới, trừ khi có đại-điển thì mới dùng.

Cách *Loan-mai-hồng-hạnh*, chữ *loan* chẳng là lầm, xem như bài hát cổ có câu rằng: « Khi phú hồng-hạnh, khi thơ nộn-mai, phải nên bẻ nghề chơi cho thú-vị », thì gọi là khúc *Nộn-mai-hồng-hạnh* mới phải. Khúc ấy là một khúc hay-hớm lạ-lùng và rất quí-báu trong cuộc hát, ít có người thường được nghe, chẳng là tay bà Mãn-Đào-Hoa công-chúa khi xưa sáng-tạo ra đó, cho nên trong giáo-phường xưa nay chỉ hát để thờ tổ-sư riêng mà thôi, không đem hát ra ngoài.

Đến như cách hát Lý, cách hát Sầm, cách hát dịp một, v. v., nguyên không phải là chính-cách trong giáo-phường, chẳng qua ả-đào bắt-chước điệu hát Huế, điệu hát sầm, điệu hát phường-chèo đấy thôi. Cho nên trong nhà hát thường gọi những cách hát ấy là cách

hát vãi, hát ngoài, không trân-trọng gì lắm. Nhưng lối sầm ả-đào cũng hơi có vẻ nhã-nhặn thanh-tao, thực khác với lối sầm chợ.

Còn về cách trong giáo - phường xưa nay họ tổ-chức với nhau, xem ra cũng có qui - tắc, có đoàn - thể hẳn-hoi. Nhà thờ tổ - sư thì linh-tinh tản-mát ở mọi nơi, tùy-tiện thiết - lập, không có thống-thuộc. Mà ngày kỷ-niệm tổ-sư mỗi năm cứ thường về tháng chạp, hoặc trong một huyện, hoặc trong hai ba huyện, vốn xưa nay vẫn có giao-hiếu với nhau, kết-thành đoàn-thể. Trong một đoàn-thể ấy, thì cũng có chuẩn ngày kỷ-niệm tổ-sư riêng, cứ đến ngày ấy thì các đào-nương và quản-giáp già trẻ lớn bé về hội cả lại một nơi. Nơi ấy cũng không có nhất-định, có khi họ làm lễ ở nhà thờ của họ, cũng có khi họ mượn đình của các dân-xã họ làm lễ. Khi làm lễ rồi, thì các cô-đào bát đủ cả các lối; lại đặt tiệc mời các qui-khách mọi nơi đến quang - cố chứng-lâm, thật là vui-vẻ, tục gọi là vào đám thánh-sư.

Trong một đoàn-thể, thì có bầu lên một hai người quản-giáp đứng - đầu làm người chùm, gọi là chùm hàng huyện, để giữ-gìn qui-tắc trong hàng huyện, và trông nom số tiền công. Lại đặt mấy người thư-ký, để giữ-gìn sổ-sách, và mấy người thái-sư. Thái-sư cũng như cán-sự, để cán-biện mọi việc có quan-thiết với giáo-phường trong hàng huyện.

Ở nhà quê thì họ chia nhau giữ từng các cửa đình, cửa đình của tốp nào thì tốp ấy hát, tốp khác không được đến hát. Mỗi tốp họ lại đặt riêng ra một người chùm, gọi là chùm cửa-đình. Dân-xã khi mở tiệc thường, thì đào và kép ít nhiều thiếu đủ thế nào, cứ trách-cứ người chùm, người chùm cũng không khi nào dám khoáng-khiếm. Khi nào dân-xã có mở đại-tiệc thi-cầm, muốn cho ả-đào ở các nơi về thi cho đông-đúc vui-vẻ, thì phải có giấy bảo trước cho người chùm cửa-đình ấy biết, tự - khắc trong giáo-phường họ lại có giấy chuyển-đạt cho nhau, rồi các cô đào ở mọi nơi mới dám đến thi, để hi - vọng lấy phần danh - lợi. Nếu không, thì họ tích-nhiên, không cô nào về thi cả, là vì họ giữ qui-tắc của họ, đó là cái ưu-điểm của họ; các dân-xã cũng không nên cậy là thì-buổi tự-do mà phá-hoại mất qui-tắc của họ.

Cuộc thi ả-đào cũng là một cuộc vui chung trong xã-hội, mà cũng là một cuộc cổ-xúy về lòng danh-dự, tiến-ích về phần nghệ-nghiệp cho các ả-đào.

Dân-xã nào nhân ngày nhập-tịch, hoặc mùa xuân, hoặc mùa thu mà muốn mở cuộc thi ả-đào, thì bắt đầu phải đạt giấy cho người chùm cửa-đình, phỏng độ nửa tháng hay là một tháng trước. Trong giấy thì phải chuẩn ngày chuẩn tháng, và giải thưởng đẳng-đệ như thế nào. Rồi lại phải niêm giấy cáo-bạch ra ở cửa đình hoặc cửa chợ làng mình, để đây đó cùng biết. Đến kỳ, thì người chùm vào đình làm lễ chỉ-tịch; rồi tay người chùm viết ra tám chữ « *Thiên-tử vạn-niên, bách-nghệ thông-hành* » vào tờ giấy đỏ, yết lên cửa đình, đó là cái dấu-hiệu riêng của họ, cô nào đến thi, hễ trông thấy dấu-hiệu ấy thì mới dám vào thi, nếu không có dấu-hiệu ấy, thì họ lại vác đàn và xách túi phách mà đi ra. Khi vào thi, thì đào nào kép ấy, vào tường với đàn, đàn đã có sổ đề liệt tên. Duy chồng đàn vợ hát thì không cho, vì như thế thì sợ bất-nhã. Thi, thì ba tối hát-thi, ba tối hát-cầm, một tối hát-giã là vừa, hoặc muốn giản-tiện chăng nữa, thì ba tối thi một tối cầm, một tối giã cũng được. (Chầu hát-giã tức chầu lạc-thành).

Lúc thi, thì các đào kép cứ từng cặp

một lên thi, cặp nào cũng phải đàn hát đủ các lối, xong cặp ấy rồi mới đến cặp khác. Dân thi cử lấy một người đại-biểu, đội mũ chầu, mặc áo chầu, lên cầm chầu, rồi người ấy người khác, luân-thứ cắt canh, thay đổi cho nhau; người đại-biểu thì nên kén lấy những người thông-hiểu âm-nhạc và có giá-trị đứng-đắn thì thôi, chứ bất-câu người nhiều tuổi hay ít tuổi, có chức-tước hay không chức-tước, cũng có lắm dân câu-nệ quá, cứ thượng-xỉ thượng-tước, rồi thành ra người biết không được dùng, người được dùng chửa tất đã biết, đàn hát đi một nơi, trống đi một nẻo, khiến cho cuộc hát thiệt mất vẻ hay đi, điều đó thật là một điều đại-khuyết-điểm. Trống thì nên dùng trống nhỏ và xinh, cho hợp-thức với cuộc hát ả-đào, mà cũng chỉ nên dùng một trống mà thôi. Cũng có lắm dân dùng đến hai trống-cái, lại chiêng nữa, thật là một cách om-thòm nhố-nhăng.

Sổ điểm-duyệt thì dân phải làm ra bốn sổ, mỗi tóp giữ một sổ để thị-công; trong sổ thì liệt đủ tên những người đào kép vào ứng-tuyển, khi người đào kép vào thi, thì phân số ưu-liệt thế nào, chua chán ngay vào tên người đào kép ấy, khi sắp-sửa xuất-bảng, thì khắp bốn sổ lại mà đếm lấy phân-số, để định cách thủ-xả. Cách thủ-xả thì trọng nhất là sự đàn hát, không cứ già trẻ, hễ hát hay là hơn. Bởi vì thi về khoa nào, thì phải trắc-trọng về nghề ấy; lúc vào thi đàn hát đều được cả, hoặc đàn hát đều hỏng cả, ưu-liệt hiển-nhiên đã đành. Nếu đàn được mà hát hỏng, thì dân tuyển người hát khác lên thay, hoặc hát được mà đàn hỏng, thì dân tuyển người đàn khác lên thay, sợ kẻo nữa di-tài. Đã thay thì phải thay cả tên ở trong sổ, người hỏng và người thay ấy không có phép được thi lần nữa, rồi thứ-chi cũng luận qua đến sắc nữa. Nhưng lại phải xét xem cô-đào ấy có phải là cô đào đứng-đắn hay không, hay hoặc là cô-đào giang-hồ tứ-chiếng, chỉ được có vẻ hát hay mà thôi, tùng-nhiên có lấy ép chăng nữa, cũng chỉ nên lấy vào số thứ chín thứ mười trở xuống mà thôi, chứ không có thể cho chiếm-lĩnh cái danh-dự hoa-khôi được. Cho nên phải lưu-ý nhất là một người thủ-khoa, và một người á-nguyên, tự vẻ hát cho đến phẩm-giá người, sao cho xứng-đáng để thiếp-nhân-vọng, kẻo nữa cũng dễ mang tiếng với trong giáo-phường, và mang tiếng với thiên-hạ.

Xuất-bảng xong, rồi thì phân-trù; phân-trù nghĩa là như trong ba tối hát cầm, người nào đã trúng-cách, thì đều phải thừa-đương cái nghĩa-vụ hát cầm cả, duy người nào nên hát về tối nào, thì dân chuẩn-định cho hát về tối ấy, mỗi tối dân chỉ dùng độ bốn năm người hát mà thôi, tối khác lại thay đổi cho người khác hát. Còn cái hành-chỉ thì cho họ được tự-do, bất-tất phải giữ lại cả, duy đến tối hát giã thì họ phải đến đủ cả, để họ lĩnh thưởng và họ tạ thần tạ dân. Trong ba tối hát cầm và tối hát giã, cô nào có ý kiêu-căng lười-biếng không chịu làm trọn nghĩa-vụ, thì dân cũng có phép hành-phạt mà chiết bớt tiền thưởng đi. Xét ra cô nào quả-nhiên là bất-hạnh dở-trời khan-giọng, thì dân sẽ liệu cách mà làm ơn.

Tối hôm hát giã thì họ đua nhau trang-sức cho lịch-sự, các mùi áo, thường chen nhau đến chín mười sắc; lại thấp-thoáng có màu chi-phấn, có vẻ hoàng-kim. Khi đó, hai người hoa-khôi đi trước, chừng độ mười-lăm mười-tám người thái-nữ đi sau, cùng lên dâng hương, cùng lên tiến nhạc, vừa hát lại vừa múa, coi cũng phong-lưu lắm thay! coi cũng thái-bình lắm thay! Còn như trong tối hôm ấy, muốn bày ra những cách hay-hớm

gì, thì quyền ở dân phán-bảo, họ cũng sẵn lòng hết sức mà phô nghề, đến sáng ngày mai thì họ các-tán.

Duy dân cũng phải bàn định với nhau mà liệu trước, khiến cho cái thưởng xứng với cái công, không nên rộng quá, mà cũng không nên hẹp quá, mà họ cũng liệu oản mà họ đọc canh ; đó là cái tâm-lý thông-thường của loài người giao-thiệp với nhau vậy. Tính ra thì những cô trúng-tuyển, vừa hát-thi, vừa hát-cầm, vừa hát-giã, mỗi cô phải mất ba tối ; giải thưởng thì mỗi cô vừa đàn vừa hát, phỏng tự chín mười đồng bạc trở lên, hai cô hoa-khôi thì lại phải tự mười-lăm hai-mươi đồng bạc trở lên, như vậy thì sẽ thích-hợp, sẽ có cô-đào hát hay về thi.

Xét ra cuộc thi là một cuộc danh-dự, cô nào trẻ tuổi mới ra hát vài năm, đi thi đỗ ngay thế là may-mắn lắm, về sau có phần linh-lợi, trong giáo-phường họ gọi là mở-xiêm-áo ; mà cái tiếng thủ-khoa cũng là một cái tiếng vẻ-vang đẹp-đẽ trong giáo-phường. Họ đi thi, là vì họ cũng ham danh-dự về phần nhiều. Nếu lấy lợi mà nói, thì trong ba kỳ, mọi đường nhật-dụng họ phải tự-biện cả, dân không phí-tổn gì, thì còn lợi là mấy.

Cái số trúng-tuyển, dân cũng nên châm-chước, không nên tham lấy cho nhiều ; tuyển lấy mười-lăm mười-tám cô cũng phải, mà tuyển lấy năm bảy cô mà thôi cũng phải. Đó có hai lẽ : một là tiền thưởng ngặt-ngòi, hai là cô đào hát hay có số ít. Cũng có dân tham lấy cho nhiều, tuy có cuộc thi đấy, nhưng cũng không có giá-trị gì.

Dân xử với hai cô hoa-khôi cũng nên có cái đồ thưởng gì đặc-biệt để biểu-kỳ-danh, như tấm the, hoặc tấm lĩnh, tấm lụa tốt, vân vân ; cô nào thi hỏng, thì dân cũng đãi cho vài ba hào phấn sáp để đi về, đó là cái dư-ân.

Còn như sự tị-húy ông thần thì dân cũng nên khoan-dung cho họ. Cứ lấy cách văn-minh mà luận, thì chẳng những nên khoan-dung, lại nên chuẩn-miễn cho họ nữa ; thường có lắm dân phiền-phức quá, một dân đến ba bốn chữ húy ; cô đào hát hay, vì phạm húy mà phải chuất-lạc là sự thường. Khi vào thi, vì giữ-gìn chữ húy, hát hay mười chỉ còn năm sáu mà thôi ; sự đó là một sự rất khốn-nạn cho các cô đào ; vì tên húy các bách-thần nhiều quá không nhớ cho xiết được ; rồi sinh ra một cái tệ, những chữ ở trong bài hát, chữ nào là chữ tên các bách-thần, bình-nhật phải đọc lớ sẵn đi ; lâu ngày thành ra sai mất chính-âm, sai cả mất chính-nghĩa, những bài hát cổ, nhiều chỗ sai lầm, thậm-chí có chỗ không hiểu được âm nghĩa ra làm sao nữa, cũng một nửa vì cớ đó.

Cuộc thi ả-đào, phải chú-ý trước nhất về số tiền thưởng, phàm dân nào đã mở ra cuộc thi ả-đào, số tiền thưởng cũng phải nội ngoại một trăm đồng bạc mới phu. Tiền ấy không có phép được lấy vào công-quĩ, mà cũng không có phép được dân bổ cho cả bạch-phát hoàng-đinh ; chỉ có một cách dân ra các tóp, như tóp chức-sắc, tóp lý-dịch, tóp hội-đồng, tóp già-lão, tóp tư-vấn, v.v., cứ tính số người ra mà phân-thụ lấy trách-nhiệm ; người nào đã chịu trách-nhiệm, thì người ấy được hưởng quyền-lợi, người khác không được xâm vào. Còn tóp bình-dân, người nào muốn dự-tiệc thì cũng chiều qui-tắc mà cho dự, không nên ngăn cấm. Duy người nào thỏa-thuận thì dự, không thỏa-thuận thì thôi, cũng không nên cưỡng-bách. Như vậy, thì cuộc thi ả-đào ở các dân-thôn thật là giản-dị, thật là hòa-đồng ; mỗi người phí-tổn không hết bao nhiêu, mà công-cuộc lại thành ra công-cuộc vui-vẻ to-tát.

Đến như các thành-thị, hễ chỗ nào có cô đào ở mọi nơi đến mở nhà hát, thì họ cũng lập đoàn-thể ngay, bàu

một hai người trưởng-ca, để cai-quản và giao-thiệp mọi việc quan-thiết với giáo-phường trong tóp ấy. Cô nào ở nhà quê mới ra, chửa trao giầu, chửa nộp tiền lệ trong giáo-phường thì cũng phải giữ qui-tắc, mà chửa được hát. Cô nào ban ngày đi đôi với ông quan-viên làm diện ở đường phố, hay hoặc đêm hôm thì-thọt cùng với ông quan-viên dắt nhau lên nhà hát lên cao-lâu, thì trong giáo-phường có lệ phạt cô ấy về lỗi tà-dâm; hay đâu quốc-túy ở phương Đông ta, trong bọn Bình-khang, vẫn còn giữ được; chẳng biết những thái-trạng của con nhà khuê-các bấy lâu, có còn giữ được như cũ hay không?

Cô nào đi lấy chồng, thì phải nộp tiền cheo cho hàng huyện ở nhà quê, nếu cô nào kiếm ở thành-phố, thì lại phải nộp tiền cheo cho đoàn-thể nhà hát ở thành-phố nữa. Cô nào dại-dột chửa hoang, thì giáo-phường trong hàng-huyện xưa kia có lệ bắt vạ, và tước tên đi, không cho lệ-thuộc vào ca-tịch nữa; mà trong giáo-phường cũng cho người ấy là cái gái giang-hồ tứ-chiếng, đi đâu thì đi không ai quá-vấn đến nữa; mà người ấy cũng xấu-hổ lánh mình đi xứ khác, không mặt mũi nào dám trông thấy chị em trong hàng huyện nữa. Cận-lai vì cái phong-trào tự-do nó xô-đẩy, cho nên cái khuôn-sáo cũ cũng hơi lỏng-lẻo ra. Nhưng, truy-nguyên lại cái qui-tắc trong nhạc-tịch, và cái phong-hóa trong giáo-phường, thực cũng đáng bảo-thủ, mà cũng đáng khen thay!

Lại một việc thờ thầy ở trong giáo-phường, thì lại trung-hậu và cẩn-thận lắm. Cô đào nào đã nổi danh-tiếng một thời, khi trở về già, dạy được lũ cô-đào trẻ thành nghề ca-vũ, thì tóp học-trò ấy khi đi hát đâu, cũng có để riêng một phần tiền, gọi là tiền-đầu, để đóng góp với hàng huyện, và làm tiền cung-dưỡng cho thầy; cho nên cô đào nào đã là bậc lão-thành danh-giá, dạy được nhiều học-trò, thì cũng được chung-thân sung-sướng. Kia cái phong học-trò nếm chữ không biết nếm đạo, khi ra khỏi nhà trường đã không biết thầy là ai, đến khi phú-quí hơn thầy, chửa tất đã khỏi có ý khinh thầy; cái phong khinh-bạc ấy, so với trong giáo-phường còn kém xa.

Xét ra tụi Bình-khang ở các nước, đã gọi là kỹ-nữ, thì lìa cửa lìa nhà, thoát-li bẵn cái khuôn-phép trong xã-hội, làm một cái hoa vô-chủ ở giữa đường. Duy bọn ca-kỹ ở nước Nam ta thì không thế, tuy gọi là kỹ-nữ đấy, nhưng vẫn có xã-hội-qui-tắc, vẫn có gia-tộc-luân-lý; làng nào có giáo-phường, thì riêng có một hai họ học-tập về nghề đàn hát. Khi đi hát, hoặc chồng đàn vợ hát, hoặc anh đàn em hát, hoặc bố đàn con hát, đi đâu có đào thì phải có kép, giữ-gìn cho nhau, chửa từng lìa nhau bao giờ. Tuy rằng xuân-hải ba-đào, trong làng chơi giáo-hoặc cũng có xảy ra những điều kia nọ, nhưng ngoài khuôn lễ-phép, ít thấy công-nhiên dám tự-do bao giờ. Cũng có người nói bọn ca-kỹ nước Nam ta là kỹ-trung-chi-lương, nói thế cũng khí quá-đáng, nhưng tưởng cũng không phải là quá-đáng.

Các cô đào ở thành-phố, quanh năm chuyên-chủ về việc phùng-nghênh, cũng hơn có vẻ khôn-ngoan sắc-xảo. Đến như các cô đào ở nhà-quê, thì chỉ đi hát thờ, đi hát thi ở các cửa đình, đi hát mừng thọ, đi hát mừng cưới, đi hát mừng danh-vọng ở các nhà sang; đến mùa cấy mùa gặt, hoặc nghề tằm nghề cửi, lại thao-tác được những việc nữ-công, y như người thường, chỉ mộc-mạc dịu-dàng, nhưng tóc không phải là không biết bỏ đuôi-gà, răng không phải là không nhánh hạt dền, má không phải là không có đồng-tiền núng-nính, ăn nói không phải là không mặn-mà, con mắt

không phải là không biết đưa tình vậy.

Mới đây vì cái thế-lực kim-tiền nó xô-đẩy, các cô đào ở nhà quê cũng phải lóp-ngóp ra thành-phố mở nhà hát. Nhưng xét ra cũng nhiều chị bảo nhau rằng: « Chị em ta cứ giữ lấy phong-thói nhà-quê. » Chẳng biết có thực-hành được lời ấy mãi, hay không ?

Lại xin kể về cái mục-đích dùng về cuộc hát ả-đào. Nước ta nguyên là nước quân-chủ, những việc tế-tự ở nơi giáo-miếu xã-tắc thì đã có nhã-nhạc; còn những khi khánh-hạ đại-điển, thì các vị phong-lưu đế-vương thường dùng nữ-nhạc; nào vua, nào tôi, nào dân, một là minh ra cái đức giản-dị, hai là biểu ra cái tình thân-ái, ba là tỏ ra cái sự thái-bình; rồi cái việc tuyển ca-kỹ ở dân-gian, biên ca-khúc vào nhạc-phủ, thành ra một việc lịch-triều cố-sự. Khi xưa ở đất Thăng-long ta, trong ngót một nghìn năm, là chỗ đế-vương-đô, cho nên cuộc hát ả-đào chỉ Bắc-kỳ ta là thịnh nhất, không tỉnh nào không có, không huyện nào không có. Trong một huyện thường hai ba làng có ả-đào, mà Trung-kỳ thời chỉ tự Nghệ, Tĩnh trở ra là có cuộc hát ả-đào mà thôi.

Đình ở các làng, tuy là một nơi thờ thần, nhưng chính là một nơi để thờ vọng các vị đế-vương; xem như đời vua Lý Nhân-tôn có ngự-thư tám chữ: « Thiên-hạ thái-bình, thánh-cung vạn-tuế », bắt dân-gian phải khắc tám chữ ấy, đem thếp-vàng, treo lên đình-vũ, để mà thờ vọng; đến ngày nay khi kinh-qua các làng, còn thấy lắm nơi có bốn chữ « Thánh-cung vạn-tuế », nét chữ và nét khắc thật cổ. Xem vậy thì đình ở các làng khi xưa tựa như là một nơi hành-cung đó.

Lạ gì, thời-đại quân-quyền, tức là thời-đại thần-quyền, trong khi dân-trí còn bán-khai, hai cái quyền ấy chưa thể lìa nhau ra được; vậy ông vua lại phong sắc cho các bách-thần, ủy cho cái chức-trách hộ-quốc ti-dân, cho phép các bách-thần, được dùng thiên-tử-nghi-vệ, thì các bách-thần chẳng khác gì là một vị đại-biểu của đế-vương, mà cai-quản muôn dân về đường thiện-ác về sự họa-phúc vậy. Nên chi, dân-gian cứ đệ-niên xuân-thủ tế-thần kỳ-phúc, cứ phải tuân như đế-vương cố-sự, cũng tuyển-kỹ, cũng trưng-ca; rồi cuộc hát ả-đào ở cửa đình các dân, cũng thành ra một cuộc đại-điển. Xem như các dân trong khi vào đám, bọn nhạc-công bắt đầu lên giáo trống giáo hương, người quản-giáp đọc mấy câu rằng: « Hoàng đồ củng-cố, đế-đạo hòa-xương, quản-giáp tôi dâng cách giáo hương, cho phải phép.» Người đào-nương cũng hát mấy câu rằng: « Một nén hương thơm thấu chín lầu, kính trời kính đất kính linh-thần; chữ rằng nhất-niệm thông tam-giới, mừng vua muôn tuổi trị muôn dân.» Thì xem ra về đường chính-trị, có cái tinh-thần thống-nhất; về đường giáo-dục có cái tinh-thần thành-khiết kính-úy, đổi dữ làm lành; về đường hành-lạc có cái tinh-thần hoan-hân cổ-vũ, lạc-nhi bất-dâm.

Cận-lai có cái phong-trào cải-lương, những người thượng-lưu trong nước, ít người biết xét đến cái tinh-thần, cho cuộc hát ả-đào là một cuộc du-hí; trong khi cải-lương, không ai quá-vấn đến mà chấn-chỉnh lại. Có làng thời chỉ gọi là tuân cố-sự mà thôi, có làng thời chỉ dùng để chơi mà thôi. Nhưng không biết có mấy điều trái với tâm-lý mà sinh ra đại-hại: Một là mất cái tinh-thần tốt đẹp như trên kia đi; hai là kẻ bình-dân quanh năm vất-vả, đầu tắt mặt tối, không được lúc nào hưởng-thụ cái hạnh-phúc thái-bình; ba là cái thú phong-lưu ấy, thành ra một cái thú-vị riêng của mấy người phú-quí ở trong

làng mà thôi; bốn nữa là các cậu công-tử Bột mới thấc lên, xưa nay chửa từng kiến-văn về nhạc-giới, nghiên-cứu về nhạc-nghĩa, tường-thẩm về nhạc-âm, khi ra ngoài, chỉ thấy cô-đào hay là cô-đào, cái lòng say gái nó sẵn xui-giục, được mấy hơi mà chẳng bại-gia; tuy muốn ngăn-cấm cũng không có thể ngăn-cấm được. Trong làng chơi xưa nay, vẫn có một cái tâm-lý thiết-yếu rằng hễ người nào đã tinh-hiểu âm-luật, thì tự-nhiên không có lòng say gái nữa; bởi vì một bên tinh-thần, một bên vật-chất, nó khác nhau xa.

Nay muốn cải-lương chăng nữa, thì phải xét xem cái cuộc gì nước mình đã có sẵn, đủ có tinh-thần, đủ có gốc-rễ, rồi cứ do đấy mà phát-đạt lên, thì mới gọi là cải-lương. Nếu lại muốn pha giọng hát Tây, pha giọng hát Tàu, thì thật là lịch-sự nhố-nhăng, văn-minh ba-đọi, chứ gọi là cải-lương sao được!

Lại nói về cách cầm-chầu. Cuộc hát ả-đào là một cuộc trang-nghiêm thanh-nhã, chứ cũng không có náo-nhiệt phiền-phức gì. Trong cuộc thì một người cầm trống, một người hát gõ xênh, một người gõ phách, một người gẩy đàn, trong bốn người thì người cầm trống là tôn-nghiêm nhất. Người cầm trống tức là người cầm chầu, cầm chầu nghĩa là cầm quyền âm-nhạc ở trong sàn chầu.

Khi xưa chốn triều-đình khi yến-ẩm đại-hội thường đặt có một người tửu-lịnh, người tửu-lịnh tức là người tư-lễ; người ấy có đặc-quyền, xem như ông Lưu Chương nhà Hán làm tửu-lịnh, mà chém ngay hai ông quan họ Lã, vì cớ say rượu thất-lễ, thì khá rõ. Lại thường đặt một người cổ-lịnh, người cổ-lịnh tức là người tư-nhạc. Người tửu-lịnh thì cầm gươm, người cổ-lịnh thì cầm cái roi chầu, hai người đều là người trọng-yếu trong khi hành-lễ-nhạc cả. Người tửu-lịnh phải đủ cái tư-cách tinh-thông điển-lễ, mới cầm nổi thanh gươm; người cổ-lịnh phải đủ cái tư-cách tinh-thông âm-nhạc, mới cầm nổi cái roi chầu. Triều-đình như vậy, hương-đảng khác gì đâu; hương-đảng như vậy, chỗ đại-gia khi yến-ẩm khác gì đâu.

Nay hãng để sự lễ đó, xin nói về sự nhạc. Cuộc hát ả-đào quan-hệ ở người cầm trống lắm lắm. Người cầm trống ví như ông tướng, ả-đào ví như đội quân, người cầm trống ví như ông quan-trường, ả-đào ví như người sĩ-tử. Cho nên cách cầm trống cũng phải học-tập, khi học-tập trước phải hiểu cái văn-chương, cái ý-nghĩa, và cái âm-luật, cái cách-điệu ở trong cuộc hát ả-đào đó ra làm sao, rồi sẽ cầm trống, thì ả-đào mới có thể hát được. Cũng có lắm người không hiểu phép, tắc ra làm sao, mà cầm trống vụt liều, rồi lại trách ả-đào hát không hay. Nhưng khốn thay! muốn hay cũng không có thể hay được!

Trước hãng xin nói qua về âm-luật cách-điệu. Lối hát ả-đào, bất-ngoại có năm cung. Một là cung *nam*, hai là cung *bắc*, ba là cung *nao*, bốn là cung *pha*, năm là cung *huỳnh*. Cung *nam* là giọng đi bằng-phẳng mà xuống thấp; cung *bắc* là giọng đi rắn-giỏi mà lên cao; cung *nao* là dương cung nọ chuyền sang cung kia, mà cung ấy chen ở giữa; cung *pha* là giọng đọc lơ-lớ đi, không đọc như chính-âm nữa; cung *huỳnh* là giọng đọc ghíp và mau. Lại còn có cung gọi là cung *hãm*, giọng lên cao, mà có ý hãm lại không chịu phóng ra; có cung gọi là cung *trầm*, giọng xuống thật trầm; hai cung ấy là cung phụ-thuộc mà thôi. Hát thì lấy lên xuống cho tròn vành, ngâm đọc cho rõ chữ; mà chữ nào cũng phải có dư-âm, liền-liền không đứt là hay. Chữ đó tức là cái hạt trâu, cái dư-âm đó tức là cái sợi chỉ nho-nhỏ để sâu lại các thứ hạt trâu. Hát cũng có mấy vẻ

hay : một là vẻ sốc-vác, tức là hát khỏe ; hai là vẻ đài-các, tức là vẻ lịch-sự ; ba là vẻ thảm-thiết nấu-nung, tức là vẻ buồn ; bốn là vẻ tài-tình, tức là vẻ dĩ, vẻ lẳng-lơ. Bốn vẻ ấy đều có đặc-sắc riêng, không thể chia ra hơn kém được. Ngoài các vẻ ấy, thì đều cho là những hạng tầm-thường cả.

Duy lại phải biết rằng cái phách đó tức là cái thước để đo câu hát ; mà cái đàn đó tức là cái kim để chuyển độ hát, và là cái thang để lên xuống bậc hát ; dài vắn, cao thấp, nhanh chậm, đều có khuôn nhất-định, không thể sai nhau được một phút một ly. Cho nên có phách rung, có phách dóc, có phách hơi, có phách khoan, có phách mau. Phách rung là những khi ngâm-nga chửa vào phách, thì thường có phách rung ; phách dóc là khổ nào dóc thành khổ ấy ; phách hơi là cái phách để làm mực cho hơi hát ; trong nhà hát có một thứ phách gọi là phách lá-đầu, phách ấy lại đặc-biệt không giống với mọi thứ phách khác. Thường hay đánh ở câu hát có mản-đầu, có khi đánh ở trong câu hát, cũng có khi đánh ở ngoài câu hát, xét ra cũng thuộc về bộ-phận phách hơi. Khi hát khoan, hát dãi, thì đánh phách khoan ; khi hát mau, khi dồn, khi dựng, khi xếp, thì đánh phách mau.

Đến như cái đàn thì lại quan-trọng ở trong cuộc hát lắm. Đàn cũng có năm cung, hát cung nào thì đàn cung ấy ; đàn cao thì hát cũng phải cao, đàn thấp thì hát cũng phải thấp. Đàn cũng có hai lối : một là lối đàn khuôn, khuôn nghĩa là cứ bậc đàn mà đi, cao thấp lên xuống, không thiếu không thừa, không chịu dựa vào người hát, cô đào nào hát khá, mới theo nổi đàn ấy. Cho nên hát khuôn, đàn khuôn, mới là giáo-phường đệ-nhất-bộ. Lối đàn ấy nền-nã mà thấy hay, cô-đào dễ gõ phách, mà quan-viên cũng dễ đánh trống. Lại còn lối đàn hàng-hoa, nguyên là người ấy kém bề khuôn phép, chỉ có ngón tài-hoa mà thôi, khi gẩy thì lại lựa vào người hát, thêm thất ly-kỳ, nghe thì cũng hơi thấy sướng tai, nhưng mà cô-đào khó gõ phách, quan-viên cũng hơi khó đánh trống. Hai lối đàn ấy, một lối ví như viết chữ chân-phương, một lối ví như viết chữ hành-thảo. Chân-phương mà tốt mới khó, hành-thảo mà tốt thì cũng không khó gì ; cho nên trong nhà hát thường trọng lối đàn khuôn hơn lối đàn hàng-hoa. Nhưng hai lối đàn ấy, đều có cách hay cả.

Cho nên người kép nào mà đàn hay thì thật là có quan-hệ trong cuộc hát lắm, trong làng chơi có lắm người chỉ biết yêu cô-đào, mà không biết yêu đến người kép, thì thật là chửa biết chơi.

Ông quan-viên cầm cái roi chầu, cũng như ông quan trắng cầm cái bút, ông tướng cầm thanh gươm. Khổ đàn khổ phách ở đâu thì trống điểm ở đấy, cũng như văn đến đâu là câu, thì bút hạ ở đấy ; truyền lịnh đến cơ-đội nào, thì gươm trỏ ở đấy. Cầm trống nghe hát, chớ để lỗi khổ đàn khổ phách, cũng như cầm bút chấm văn chớ để mất câu, cầm gươm đốc-quân chớ chém kẻ vô-tội. Đàn khoan, phách khoan, hát khoan, thì trống khoan ; đàn mau, phách mau, hát mau, thì trống mau ; thế là cầm trống được, còn cái hay thì vô-cùng. Đến như tiếng thưởng, hoặc là thưởng chữ, hoặc là thưởng hơi ; cũng có khi thưởng đàn, cũng có khi thưởng phách ; lại còn cách thưởng ý, cách ấy thì lại đặc - biệt, trừ-phi những người có tình-tứ, có văn-chương thì không có tiếng thưởng ấy. Tiếng thưởng nên cho tinh, cho đích-xác, cho có ý-vị, không nên thưởng liều. Còn như tiếng trống phạt cô-đào thì không nên thi-hành với những bọn nhi-nữ ; hay thì nghe nhiều, chẳng hay thì nghe

ít, mà không nghe nữa thì thôi; người quân-tử dãi những bọn ca-nhi, nên có lượng khoan-dung, không nên có ý khe-khắt.

Ông quan-viên nghe hát, lại phải hiểu cái văn-chương, cái ý-nghĩa ở trong khúc hát ấy ra làm sao, và cái tâm-lý của người đặt ra khúc hát ấy ra làm sao, cái thân mình và cái tình-trạng xã-hội đời mình đối với khúc hát ấy ra làm sao, thì mới có thú-vị, có thú-vị thì mới có tư-tưởng, có tư-tưởng thì mới có tình-tình. Nếu không thế, cô đào ngồi hát đó, chẳng qua là một cái ống lưu-thanh; ông quan-viên cầm chầu đó, cũng chẳng qua là một cái máy bồ củi; túng-nhiên khổ trống không sai khổ nào chăng nữa, cũng chẳng qua là một kẻ phụ-họa cho khổ đàn khổ phách đó thôi.

Trống hay cũng hay về tinh-thần, không hay về hình-thức. Nếu chỉ lấy hình-thức mà bàn, thì chỉ có bốn chữ: « đúng đàn đúng phách », là hết sự-nghiệp cái roi chầu. Cứ như vậy, thì chẳng khác gì anh phường bát-âm đứng ré chân chèo cầm cái trống đánh bốc-bốc, sao đủ cái giá-trị ông quan-viên.

Cho nên trống cũng có lắm vẻ. Một là vẻ trống quân-tử: vẻ trống quân-tử thì nghe ra có chiều tao-nhã, có ý ung-dung, có bề hoạt-bát, có cách ly-kỳ, có vẻ anh-hùng, có mầu tình-tứ; cho nên những kẻ tri-thức, nghe tiếng trống mà đoán-định được phẩm-cách người. Hai là lối chầu nhà quê; nguyên người ấy không có tài-hoa, không có lịch-duyệt, chỉ biết đánh mấy tiếng trống cho vừa phách mà thôi, tục gọi là đánh lề-lối; thì nghe ra nó trùng-điệp, nó thô-tục, không có ý-vị gì, khiến người cũng dễ sinh chán. Ba là lối chầu lâu-cá; nguyên người ấy không có tình-tình, chỉ là một tay bợm ở trong làng chơi; tiếng chầu ấy không phải là không bợm, nhưng mà nghe ra thì thật là khinh-bạc. Những cô đào đứng-đắn có tri-thức người ta cũng không ưa gì phục gì tiếng chầu ấy; chỉ những cô đào nhí-nhắt vô-thức, nghe tiếng chầu ấy cũng đã khủng-khiếp là ông ấy sắc tay; mà những ông quan-viên thiển-thức, cũng nhận lầm là người ấy hay chầu, rồi bắt chước nhau, rồi cái phong khinh-bạc một ngày một thịnh, cái phong quân-tử một ngày một suy, thương ôi!

Các cô đào ngày nay cũng có một điều liệt-điểm, là một điều ít có cô biết chữ. Xem như kỹ-nữ ở các nước, trong nghề hương-phấn ca-ngâm đều có pha mùi văn-học cả. Vì nước nào cũng có một cái tình-tình riêng của nước ấy, cho nên nước nào cũng có một thứ chữ, một thứ sách vở riêng của nước ấy; càng làm kỹ-nữ, càng phải giao-thiệp nhiều, càng phải tình-tình nhiều, càng phải dò-dẫm xem lấy những chuyện khóc, chuyện cười, chuyện xa chuyện gần, để làm cái tài-liệu tiếp khách. Nếu làm thân kỹ-nữ mà không biết chữ thì trong khi tiếp khách lấy gì làm câu chuyện tài-hoa, câu chuyện tình-tứ, câu chuyện tri-kỷ, câu chuyện thân-thế, câu chuyện non nước, câu chuyện đón gió chờ trăng. Nhưng, cũng là tại quan-viên ưa câu chuyện tầm-thường, không biết ưa câu chuyện lý-thú; qui người son phấn, không biết qui người có tài, có tình, có học; trọng vật-chất, không biết trọng tinh-thần; cái ưa, cái qui, cái trọng đó, cũng là một cái liệt-điểm của các quan-viên trong làng chơi vậy.

Nhân lại nói qua về cái tiền-đồ cuộc hát ả-đào. Phàm dân-tộc nào mà đã nẩy-nở ở trên quả địa-cầu này được, là vì có tình-tình, có văn-chương; đến như cái âm-luật ở trong nhạc-phủ chẳng qua là cái xe để trở tình-tình, cái giá để xếp văn-chương đó thôi.

Xưa kia những người chơi về cuộc hát ả-đào, đặt là những người hào-

hoa khẳng-khái, cao-thượng phong-lưu. Xem như những bài hát-nói cổ của các cụ ta khi xưa truyền lại ở trong nhạc-phủ thời biết. Bởi vì cuộc hát ả-đào là một cuộc chơi cao-nhã thanh-tao, những người không đủ có tính-tình, không đủ có văn-chương, không đủ cái tư-cách giao-thiệp với cô-đào, giao-thiệp với bè-bạn, không thường chơi về cuộc ấy. Mà cô-đào cũng trừ-phi hát cho hay, nết-na cho đứng-đắn, thái-trạng cho tài-tình, cũng không đủ cái tư-cách giao-thiệp với quan-viên. Bấy lâu nay văn-học một ngày một biến-thiên, tính-tình một ngày một thay-đổi, ngoài cái sự đồng tiền ra, thì ai cũng như ai, ông quan-viên hình như ăn phải bùa thanh-sắc, các cô-đào cũng hình như làm tôi-tớ đồng tiền ; cho nên trong làng chơi thường thấy sản-xuất ra những hạng cô-đào giả-danh. Các cô-đào giả-danh bành-trướng ra bao nhiêu, thì các cô-đào chân-chính phải thoái-súc lại bấy nhiêu ; bởi vì cái số người chơi bao giờ cũng có thế mà thôi, thử-thịnh bỉ-suy, cũng là công-lệ. Xem như các cô-đào hát được ở mọi nơi, mỗi ngày mỗi thấy hiếm mãi đi, cũng đủ làm chứng-nghiệm.

Lại xem như những người đào già có danh-giá, loáng-thoáng còn lại ở mọi nơi, lối hát biết nhiều, và bài hát thuộc nhiều, mà hiểu được ý-nghĩa cũng nhiều ; tuy không biết chữ, nhưng đã từng bị cái ảnh-hưởng của các nhà văn-học khi xưa, cho nên cũng có tính-tình, cũng có ý-thức ; mà khi nghe hát những người đào già, thâu đêm ra-rả, bài hát vẫn thấy rồi-rào, khi tiếp chuyện những người đào già, thân-thế gần xa, câu chuyện vẫn có thú-vị.

Các cô đào non ngày nay thì hình như là thoái-bộ ; lối hát học tập đã không bằng người trước, bài hát thì quanh đi quẩn lại chỉ mấy bài thường thường nghe đã quen tai, mà những bài hát cao-thượng, hay-hớm lạ-lùng, người đào già thuộc mà người đào non không mấy người thuộc, ý-nghĩa cũng không mấy người hiểu, chỉ giọng hát có pha lối thời-trang, nghe ra cũng có vẻ bát-ngát, có màu lẳng-lơ, là hơn lối cổ một chút.

Nhưng xét ra ngày xưa thịnh-hành lối hát khuôn, ngày nay thịnh-hành lối hát hàng-hoa. Lối hát khuôn thì nền-nã dọi-dẵng, có dãi có mau, đương khoan vào mau, đương mau lại ra khoan ; vì như đợt sóng, có chỗ bình-tĩnh, có chỗ hiểm-nghèo ; những chỗ ấy mới thấy vui-vẻ, mới thấy hoạt-bát, mới thấy tài-tình, cho nên những chỗ ấy, người nào đàn non gặp cô đào sắc phách, cũng phải cuống tay ; mà những ông quan-viên chửa đủ lối trống gặp những chỗ ấy cũng phải chợn tay. Lối hát hàng-hoa, thì làm ra cách lẳng-lơ bát-ngát, lên xuống rập-rờn ; hoặc dôi khổ đàn, hoặc lần khổ hát ; những người biết nghe hát, thì thật là không có hứng-thú gì cả. Thế mà những kẻ phù-thiển, lại cho lối hát ấy là lịch-sự, là thanh-tao ; bởi vì lối hát ấy dễ lọt tai, mà tiếng trống cũng dễ bì-bõm, đời thường lấy làm thích cho nên lối hát ấy dễ thịnh-hành.

Mà lạ thay ! Quyển truyện *Thúy-Kiều* là quyển truyện đủ tình đủ cảnh, đủ văn-chương, đủ tâm-lý, đủ chuyện-trò trong xã-hội nước ta, thực là một cái lợi-khí cho trong cuộc mua vui, mà các cô kỹ-nữ ở nước ta cũng ít có cô thuộc được hết, chỉ lõm-bõm mấy câu, để đưa-đà những khi chén trà thìa rượu mà thôi ; thì tính-tình gì nữa, chuyện-trò gì nữa. Cũng có cô than rằng : « Em cũng biết rằng thuộc được truyện *Kiều*, thì khi tiếp các quan có lẽ tốt chuyện lắm ; nhưng

mà các quan hình như cũng không thích. » Lạ thay !

Thậm-chí khúc *Tì-bà* là một khúc cơm bữa ở trong nhà hát, khi bắt các cô-đào non đọc lên, thì thường thấy lẫn-lộn ngắc-ngứ, chỗ nhớ chỗ quên, đến nỗi phải vừa đọc vừa nhắc. Hỏi ra, thì thú thật rằng : « Ngày trước em cũng học được thuộc cả, vì lâu nay các quan không chịu nghe cho suốt bài mấy khi, cho nên em cũng sinh ra lười-biếng, hóa không đọc được trơn. » Xét ra các quan không chịu nghe suốt bài, cũng không phải là không có cớ, cớ là các quan chỉ thích đánh trống dẫy mà thôi. Khúc *Tì-bà* thì khổ nào cũng như khổ nào, chỉ khác nhau có chỗ đọc thơ rồi vào phách ở đầu, và chỗ dựng pha dựng huỳnh ở cuối mà thôi. Thôi thì gọi là mấy câu sa - mạc là đủ ; còn cái lịch-sử và cái tình-cảnh, cái văn-chương và cái ý-vị trong khúc hát ấy thế nào thì các quan ít khi xét đến, mà khúc hát ấy lại khi dài, cho nên các quan nghe mãi cũng nóng ruột và chán tai. Huống-chi những bài hát hiếu-trung cao-thượng, khí-khái lạ-lùng của các cụ ta khi xưa, thì ai còn hỏi đến mà ai đọc đến.

Mà câu chuyện ở nhà hát ngày nay, chỉ những câu chuyện cười hoa cợt nguyệt là phần nhiều, chứ cầu lấy những câu chuyện xét - nét cho cô - đào về chỗ sai - lầm, tách-bạch cho cô - đào về nghĩa lý - thú, truyền - thụ cho cô - đào những bài hát hay, khuyên - bảo cho cô - đào mọi đường tâm - lý, để mong tế-độ cho những kẻ trầm - luân, như các cụ ta khi xưa, thì thật là ít có. Mà những bài hát ở trong nhạc - phủ ngày nay, cũng ít có người làm ra được bài mới, chuốt ra được câu hay, quan-viên như vậy tưởng cũng không phải là không thoái-bộ. Chắc rằng những khúc hát hay-hớm lạ-lùng ở trong nhạc-phủ, có thể một ngày một tiêu-diệt dần đi, mà cái tính - tình phong-lưu cao-nhã ở trong ca-trường cũng có thể một ngày một biến đổi dần đi, thì ra trong nhạc-giới chỉ có xác mà không có hồn, chỉ có vỏ mà không có ruột, hồn đã mất, ruột đã mất, thì vỏ với xác vững-bền được sao, phát-đạt được sao ! Cuộc hát ả-đào ngày nay, bề ngoài thì hình như sầm-uất, bề trong thì thật là tiêu-điều, thương thay !

Tuy vậy cô-đào như hoa, quan-viên như vị chủ-xuân, tài-bồi cho hoa, tẩm-nhuận cho hoa, quan-viên mà thoái-bộ, thì cô-đào cũng phải thoái-bộ, quan-viên mà tiến-bộ thì cô-đào cũng phải tiến-bộ, dân-tộc ta không phải là dân-tộc chỉ biết trọng hình-thức, mà không biết trọng tinh-thần, quốc-dân ta đã biết chơi hoa, chắc cũng biết chơi cái hoa có hương, không đến nỗi chỉ biết chơi cái hoa có sắc. Hương ở đâu ? Hương ở ngoài hoa, hương không phải ở trong hoa. Cho nên cái tiền-đồ cuộc hát ả-đào ngày nay thế nào, không ở trống, không ở đàn, không ở xênh, không ở phách, không ở lưỡi yến họng oanh ; ở nền văn-học, ở bề tính-tình ; nền văn thấp hay cao, bề tình nông hay sâu, làng chơi vắng hay đông, ấy ở quốc-dân ta vậy.

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

Cải-chính

Bài « Cụ Lãn-Ông » đăng kỳ trước, trang 193, dòng thứ 8 bên tả, Lê *Huy*-Trác đổi là Lê *Hữu*-Trác 黎有卓 ; — trang 195, dòng thứ 10 bên tả, « Gươm thiêng bỏ *sót* », đổi là « . . . bỏ *xét* » ; — trang 196, dòng 19 bên tả, « . . . cầu được *một* cái hạnh-phúc », đổi là « . . . *mọi* cái hạnh-phúc ».

MỘT NHÀ DANH-NHO VÀ DANH-Y CỦA NƯỚC TA NGÀY XƯA

CỤ LÃN-ÔNG (1)

II

Một câu cách-ngôn về thực-nghiệp của Cụ Lãn

Ta muốn biết một câu cách-ngôn của cụ Lãn sẽ kể ra sau này là một câu sáng-kiến thế nào, thì trước hết ta phải biết cái học-thuật tư-tưởng của thời-đại cụ lúc bấy giờ thế nào đã. Nước ta nhất là về thời-đại nhà Hậu-Lê, cái học-thuật tư-tưởng của cả toàn-thể quốc-dân, cơ-hồ thu-nạp cả vào trong bốn chữ « *cao-khoa hiền-hoạn* » mà thôi ; xả cái văn-chương cử-nghiệp ra, không còn có cái gì là đáng nghiên-cứu, ngoài cái sự tố-quan ra không còn có cái sự-nghiệp gì đáng nên làm, cứ xem ngay những lời vật-luận của người ta đối với cụ lúc bấy giờ thì biết. Một ông quan Văn-thư bảo cụ rằng : « Cụ là một người cao-ẩn mà mượn cái tiếng làm ông thầy thuốc đấy thôi.» Lại như ông Thạch-Trai-tiên-sinh là anh cụ, đã là người đạt-giả, mà lúc khuyên em làm sách thuốc cũng nói rằng : « Ngô-nho học giỏi thì ra làm quan,...(lược)..., đạo y cũng bởi đạo nho mà ra, tuy là bá-đạo, chẳng còn hơn nhà Đạo nhà Thích là những bọn dị-đoan dư ? » Mà chính cụ Lãn cũng tự-thán rằng : « Họ cứ đồn rằng mình là một người đại-thần-cử-tri, Thánh-chỉ-tuyên-triệu, thì họ tưởng là mình có cái kỳ-tài gì ở nơi nham-huyệt, còn sự làm thuốc thì họ cho là một nghề mọn đó thôi, chứ có kể gì. » Nhất là một hôm có một ông khách họ Trần mới đỗ Giải-nguyên đến chơi nhà cụ, ông thấy ở trên án chồng-chất một bộ sách thuốc khá cao của cụ mới soạn ra, ông thâm-bĩ mà rằng : « Đạo-lý là cái đường đề vi-trị rất lớn, ở trong *Kinh* nói : « *Tinh-nhất chấp-trung* », trong *Truyện* nói : « *Tu, tề, trị, bình* », người ta mà sở-dĩ lập lên được những cái qui-mô chất-trị thăng-bình cũng là nhờ cả ở đó, tức như chữ « *bác-thí* » của đời Đế cùng nghĩa « *toại-nhân* » của đời Vương, bao nhiêu thiện-chính lương-pháp còn đầy dẫy ở cả trong sử-sách ; đến như sự làm thuốc thì chỉ thấy chép có một chỗ ở sách ngoại-sử về Ngũ-đế-kỷ mà thôi, rồi không thấy nói đến ở đâu nữa, bởi vậy nho-giả ở đời, xôi kinh nấu sử, hễ lại đông qua, lấy cái áo mũ được ban lúc đỗ làm cái thế-giai, lấy cái việc chống-đỡ ngôi trời làm cái sự-nghiệp rất lớn, còn như sự làm thuốc, thì chỉ gọi là một nghề, kêu là một thuật, có hơi trọng thì cho là một nhân-thuật mà thôi, tựa-hồ việc làm thuốc không phải là đạo-lý. » Lời của Giải-nguyên họ Trần thực đủ làm đại-biểu cho cả học-thuật tư-tưởng đời ấy.

Thế mà cái nghề mà cụ Lãn lấy làm trân-bảo thì lại hóa ra người ta cho là khinh-thường, quan Văn-thư thì cho là mượn tiếng làm thuốc mà đi ẩn, anh ruột thì cho là bá-đạo, chúng-nhân thì ngờ là có cái kỳ-tài gì khác, đến lần này lại bị một viên cử-khôi trong đám khoa-trường bài-xích hẳn ra ngoài đạo-lý ; giá những kẻ kiến-thức không xác, trí-chí không kiên, mà đương vào những đám vật-luận công-kích như thế thời không khỏi đến phải ngã lòng, thế mà cụ không những không thoái-xúc, lại cả gan

(1) Xem bài thứ nhất đăng kỳ trước (N.-P. số 69, trang 191-200.)

dám vì cái chủ-nghĩa khoa-học của mình, kéo cờ giống trống ra mà phản-đối lại, *dạn-dầy mới biết gan liền tướng-quân* ! Cụ đối khách ngậm-ngùi than rằng : « Ông chấp-kiến như thế chẳng hóa ra ông *thả chông dường rộng, dấp gai lối dài* bay sao ? Phàm đã gọi là đạo, thì chu-lưu bàng-bạc khắp cả ở trong thiên-địa-gian này không đâu không có, suy ra từ lớn chí nhỏ, không biết bao nhiêu là việc, có phải chỉ cứ một việc nào mới là khang-tế. . .» Ấy một câu từ chữ «*đã gọi là đạo*», cho đến chữ «*mới là khang-tế*» của cụ Lãn nói đây, thực là một câu cách-ngôn rất tinh-thiết về thực-nghiệp-giới mới sáng-kiến ra ở Á-Đông này vậy. Ôi ! «Đạo là việc đương-nhiên, lý là việc sở-dĩ-nhiên», đó là lời của vua Thánh-tôn là một nhà lý-học về lúc học-giới nhà Lê đang thịnh thời đã giải về nghĩa chữ *đạo-lý* rất rõ-ràng thiết-đáng như vậy. Vậy đã gọi là sĩ-quân-tử ở đời, thì bao nhiêu những việc ở đời, xa từ trời đất muôn vật, lớn từ việc nước việc đời, gần đến trong thân trong nhà, nhỏ đến ăn-uống hành-động, cái gì mà người đời đã phải làm đến, đã phải biết đến, thì cái gì mà không phải là đạo-lý, không phải là việc phận-sự của kẻ sĩ-quân-tử, phải nên khang-tế cho đời được hay được thịnh, thế mà nhà-nho chỉ khư-khư biết có vài đại-đoan về « *Tu, tề, trị, bình* » mới là đạo-lý mà thôi, thì sở-kiến hẳy còn hẹp lắm.

Cụ Huxley (Tầu dịch là *Hách-ti-lê*) là một nhà đại-nho nước Anh, có bàn về các phái cổ-học Thái-Tây ở trong sách *Thiên-diễn-luận* của cụ ; cụ giải cái học của cụ Socrate (Tầu dịch là Tô-cách-lạp-đề) là cái học không biết lấy cách-trí làm trọng, rồi cụ nói rằng : « Lý không cứ gì lớn hay là nhỏ, hễ đã có tích-luận đối-đãi với nhau thời đều là cái việc ở trong học-vấn phải nên biết đến cả. » Đó là thuyết của cụ Huxley nói về nghĩa trí-trí, mà thuyết của cụ Lãn nói ở đây thì là nghĩa thực-hành, có biết thì mới làm được, muốn làm thì phải biết đã, hai phương-diện có khác nhau, mà đại-bản thì là một.

Cụ Huxley lại nói rằng : « Bàn về sự học ở đời bây giờ thì có : danh-học, số-học, chất-học và lực-học, là những cái học rất tinh hơn cả, cương nào mục ấy, tiêm-tất sẵn-sàng, người ta có thể cầm lấy cái tả-khoản mà xoay đi xoay lại được, còn như cái học tâm-thân, tính-mệnh, đạo-đức, trị-bình kia, bất-quá mới hơi nhòm thấy cái đại-ý đấy mà thôi, chứ chưa phải là vén mây trông thấy trời xanh vậy. » Đó là cụ Huxley cho cái học tâm-tính trị-bình của nhà cổ-nho bên Thái-Tây là còn khuyết-điểm, chưa được hoàn-toàn bằng cái học cách-trí bây giờ, mà cái học cổ-nho bên Thái-Tây thì cũng tức như là cái học cổ-nho bên Thái-Đông ta, hai cái học ấy so với cái học cách-trí, tuy cái phạm-vi còn hẹp-hòi thật, nhưng cũng vẫn là thực-học, là cái học chân-nho, không đến nỗi như cái học khoa-cử của Trần Giải-nguyên xưng-giương ở trên kia, thì thực là học hư-văn, là cái học ngụy-nho, chỉ mượn lấy cái lời không-ngôn của cổ-nhân để làm cái sáo khẩu-đầu, còn kỳ-thực thì « lấy thánh-kinh làm quyền văn cũ, coi cổ-sử như vở biên bài » như lời diễu-trần thời-tệ của Bùi Sĩ-Tiêm đã nói ở đời Vĩnh-khánh (Lê-đế Duy-Phường), cho được bước lên cái thế-giai phú-quí là hết, chứ không còn có tí gì là cái tinh-thần của cổ-nhân nữa. Coi đó thì biết cái học-thuật tư-tưởng của người Việt-Nam ta đến đời nhà Hậu-Lê lúc bấy giờ lại càng là kém quá, mà dân-trí từ đó về sau cũng hệ ở đấy.

Cụ Huxley thì giải-minh ra cái học tâm-tính trị-bình của cụ Socrate là không được mĩ-bị bằng cái học cách-trí đời nay, mà trên kia những thuyết của cụ Lãn biện-luận với Giải-nguyên

họ Trần đều là cụ tự-thuật ra ở trong bài tự-tự sách *Tâm-linh* để giải-minh ra cái tôn-chỉ về khoa y-học của mình mà tuyên-chiếu với bọn hủ-nho để tranh lấy một địa-vị ở trong học-thuật tư-tưởng-giới đời ấy. Vậy thì cụ Lãn với cụ HUXLEY hai cụ niên-đại cách nhau xa, phong-khí khác nhau hẳn, mà văn-chương tư-tưởng thật là giống nhau quá! Thế mới biết lý đã đến chân-thực thì cổ-kim đông tây không khác gì nhau. Tuy-nhiên, cụ HUXLEY sinh ở đời này là lúc học-lý đã minh-thịnh rồi, thì biết cũng dễ, đến như cụ Lãn thì sinh và hóa đều trước cụ HUXLEY hơn một trăm năm (Lãn-ông 1721-1792, HUXLEY 1825-1895) là lúc cái vầng bạch-nhật của học-lý trong thế-giới, về Thái-Tây thì mới như rạng ngày mà về Á-Đông thì còn như đang đêm, thế mà cụ Lãn biết nói như thế mà không phải là sáng-kiến là gì?

Ôi! cái học khoa-cử hư-văn bằng hán-tự làm mê-muội quốc-dân ta nay đã quá-khứ đi rồi, sao cho tránh khỏi cái học khoa-cử hư-văn khác sau này thì cái tiền-đồ của học-giới nước ta mới mong có ngày tấn-tới lên được.

Môn thuốc của cụ Lãn

Trong cựu-y-giới nước ta có một môn thuốc gọi là «*môn thuốc Lãn-ông*» được tín-dụng với quốc-dân ta đã hơn một trăm năm nay, hơn cả các môn thuốc khác của Trung-quốc đưa lại, phàm những nhà có học, khi đi lấy thuốc, nghe ông thầy nào làm môn Lãn-ông thì không nghi-ngờ gì nữa, mà ông thầy nào có học-thức nhiều, mới làm nổi môn ấy, bởi vì luận-thuyết của cụ thì tinh-túy mà cách trị-liệu của cụ thì bình-ổn chắc-chắn. Xem như một bệnh thương-hàn (đây nói cả các chứng sốt *fièvre*), cụ cực-lực bác cái bài «*phát-hãn*» của Tàu là mãnh-liệt không thích-hợp với cái tính-chất của người nước ta. Ở xứ nóng cụ có nghiệm, mấy bài «*giải*, lại *biểu và hòa-lý*» cho được thuần-hòa để chữa bệnh thương-hàn cho người bản-xứ, đã có hai nhà bàn sau này thực là hiểu-thấu được cái tinh-thần về môn thuốc của cụ. Ông Vũ Xuân-Hiên làm tựa sách *Tâm-linh* của cụ Lãn có nói rằng: «Lãn tiên-sinh luận cái khí-bẩm của nam-phương khác với bắc-phương thì cái cách trị-liệu của hậu-nhân nên khác với cổ-nhân». Lại nói rằng: «Tiên-sinh nói những nghĩa mà tiền-nhân chưa nói đủ». Ông Đại-tráng-thiền-sư là một nhà yêm-bác ở gần thời cũng nói rằng: «Ông Lãn sinh ở đất này, hiểu cái cách chữa bệnh cho người ở đây»; và rằng: «Tập đại-thành của các nhà mà phát-minh ra những lẽ mà cổ-nhân chưa biết đến». Còn về những tính được và những phép bào-chế của cụ cũng thiết-thực, tinh-mật hơn các sách khác. Về thuốc nam cụ cũng càng lấy làm chú-ý, tường-biện những tên thổ-âm và những tên tục-danh của những vị thuốc sản ở đất Lĩnh-nam ta, rồi chú-giải các tính thuốc và các cách chữa mà biên làm sách *Lĩnh-nam bản-thảo* riêng. Xem một vị *Bá chính-xâm* từ cụ đề-xướng lên mà đến nay thành đại-dụng, giảm được cái số xâm bắc đi nhiều. Coi đó thì biết cụ Lãn học cổ-nhân mà biết tùy-thời biến-hóa, chứ không chịu nô-lệ của cổ-nhân, học bắc-quốc mà biết tùy đất biến-thiên, chứ không chịu chấp-nệ của bắc-quốc, hấp lấy cái tinh-túy của người ta mà lập riêng ra một môn-hộ cho người nước mình, cụ thật là một người khéo biết học thay!

Ôi! Cái trình-độ dân-trí đã ngày một tiến lên, thì cái phạm-vi học-vấn cũng phải ngày một đổi mới, cụ Lãn đến nay đã lâu rồi, cái học của cụ đã thành cổ rồi, cụ khả-dĩ cáo vô-tội với tổ-quốc ở trong học-giới về quá-khứ thời-đại rồi, còn sinh sau cụ mà xử vào

cái thời-đại học-giới canh-tân này thì sao ?

Công-phu trước-thuật của cụ Lãn

Cái sự-nghiệp về nghề trước-thuật của người Việt-Nam ta phát-đạt đã lâu, sách soạn ra cũng nhiều mà kể cái số đại-đoạn-công-phu thì chửa có bộ nào bằng bộ *Tâm-lĩnh* là một bộ sách thuốc của cụ Lãn. Sách soạn dòng-dã ngoại 10 năm mới thành toàn-chật 66 quyển, hội-thông cả bách-gia, chỗ thì theo, chỗ thì cãi, chỗ thì bổ thêm, chỗ thì duyệt - nghiệm lắm mà tâm-đắc nghĩ ra, luận-liệt sung-thiệm tinh-tường, chú-thích kỹ-càng cẩn-thận, những chỗ tiết-mục dấu-hiệu, số-thứ cũng đều tinh-tế minh-bạch, cho đến những tên nhan sách cũng đều dùng lấy những tiếng điển-nhã, như là sách nói về nhi-khoa thì đề là « *Ấu-ấu tu-tri* », sách nói về sản - khoa thì đề là *Tọa - thảo lương - mó* », sách nói về những bài thuốc của cụ mới tìm ra thì đề là « *Hiệu-phỏng-tân-phương* »; v.v., đến như y-án, những bệnh khó mà chữa được thì ghi vào tập « *Đương-án* » đã đành, những bệnh khó không chữa được, cũng chép vào tập «*Âm-án*» để làm cái nghi-án hỏi đời sau.

Ngoài việc thuốc-thang ra lại phụ thêm những lời y-huấn cách-ngôn và những thơ những ký trong khi đắc-ý làm ra, mà chỗ nào cũng đời có cái ý phải hết trách-nhiệm về việc làm thuốc, để cho bọn con nhà nghề được thêm cái lòng đạo-tâm, cái thú cao-hứng ra, mà hết lòng hết sức với nhân-quần xã-hội. Tổng-chi là bộ sách ấy, cách kết-cấu bài-bố đều nhóm có cái thể-tài văn-minh cả, cụ thật đã sành nghề thay ! Sách đến nay tuy đã thành sách cổ rồi, mà cứ kể cái công-phu, cái thể-thế cũng còn đáng dự vào hạng những nhà đại-trước-thuật trong thế-giới bây giờ.

Thơ văn của cụ Lãn

Thơ hán - văn ở Việt-Nam ta, vốn học của Tàu, mà nhất là lấy thơ Thịnh-Đường làm cái mô-phạm tối-cao, từ Lý, Trần, đến Tiền - Lê, trong thi-giới đã có nhiều nhà thơ phẳng-phất được với thơ Thịnh - Đường rồi, tới Hậu-Lê có cụ Lãn là một người cao-khiết phong - lưu, bi - ca khẳng - khái, người đáng nên thơ, cảnh đáng nên thơ, sự-nghiệp cũng lại càng đáng nên thơ, mà thơ lại sẵn có thiên-tài ngay từ thủa nhỏ, cho nên lại có nhiều vẻ đặc-sắc, biệt-thành ra một nhà danh-gia, nay dan-cử vài câu dịch ra như sau này :

Hai câu « Nhàn-hứng » :

Gia-Cát vị gì ba bận rước,
Thơ còn rượu hết cháu Nam-dương.

諸葛豈憐三顧厚。
賽無詩酒謝南陽。

Lại hai câu đi qua núi « Thiên-nhận hoai-cổ » :

Thỏ-thẻ chim đồng ôn chuyện cũ,
Lờ-mờ rêu đá ký bài minh.

野鳥向人言往事。
霜苔鎖壁篆山銘。

Thời ý-tứ đều cực cao-siêu mà mới-mẻ lắm. Còn thơ nôm là thơ nguyên-văn chính bằng tiếng ta, như hai câu « Cung-oán » rằng :

Mây ruồi chẳng kinh vầng nhật xế,
Xuân về thêm tiếc cánh hoa tàn.

Thời cũng thanh-thoát khả-ái thay !

Ông Viên-Hình là người rành thơ nhất ở đồng-thời với cụ có khen thơ của cụ rằng : « Thơ của ông thực là ý tại ngôn-ngoại mà nghe ra hàm-súc bất-tận. » Lại Cô Đặng-tiểu-thư là một nhà nữ-thi-sĩ trứ-danh ở thời ấy cũng nói : « Thơ của Tôn-bá, ý-tại ngôn-ngoại, đáng làm mô-phạm cho

nhà thi-học. »Ấy thơ của cụ hay như thế, mà cụ thì không muốn hay lấy một mình, lại muốn cho ai ai cũng biết cách làm thơ hay nữa, cụ nói: « Thơ quí ở ý, ý qui ở xa, để người ta phải nghĩ mới tới, chứ không toàn ở lời, thế là một thượng-cách trong nghề làm thơ đó. » Vậy thì cụ lại kiêm cả thi-hào thi-học mà làm một nhà.

— Văn thì hay viết lối cổ-văn, hùng-hồn mà uyên-súc lắm, và cũng lại một giọng « ý tại ngôn-ngoại » như là thơ, mà sở-trường nhất là về thể ký-sự. Cụ xử vào cái thời-thế danh-phận không minh, ngôn-luận rất không được tự-do, thế mà xem một bài *Tự-tự* và một quyển *Du-ký*, lấy cái địa-vị của một người bần-y, cất cái ngòi bút của một nhà hàn-sĩ mà miêu-tả được cả bao nhiêu cái chân-tướng của một xã-hội bấy giờ để truyền-bá ngay hiện-thời, nào cái tư-tưởng của phái « khoa-cử chi-học », cái phong-lưu đạo-vị ở nơi nham-huyệt, nào cái cảnh-trí của giang-sơn, cái dư-vận của đế-đô, cái cao-sang của nhà vương-hầu; cho đến các việc bình-dân sĩ-nữ, dù dở dù hay, cứ việc chép thực, ngụ-bao ngụ-biếm, tùy người xem ra, thật là một lối văn-chương thâm-túy khôn-ngoan vậy.

Trích dịch mười bài trong tập thơ « Y-nhân phụ-chí » của cụ Lãn

Thơ hán-văn của cụ Lãn có hai tập, một tập là những thơ làm trong khi ra Kinh, thì đã chép ở quyển «*Thượng Kinh ký-sự*» sẽ dịch đủ cả ở quyển ấy sau này, còn một tập đề là: « *Y-lý thán - nhân, lý - ngôn phụ - chí* », là những thơ làm trong khi làm thuốc được nhân, có 29 bài, bài nào cũng hay, dịch - giả chọn lấy mười bài đặc - biệt hơn để dịch ra đây, gọi là tô - mạc lấy một đôi chút tinh-thần trong nguyên-thi cho khỏi di-lạc đi mất, còn những nhà bác-nhã muốn xem cho đủ thì đã có nguyên-thư.

I

An-bần

樂活債不
在人冗干
安應難榮
貧積賒辱
處。善。酒。事。
何計閒抱
求利餘道
一豈更入
飯初鼓窮
金。心。琴。林。

Xá chi vinh nhục việc đời,
Đem thân đạo-nghĩa vào nơi lâm-toàn.
Khi rồi sẽ gẩy cung đàn,
Rượu đừng mua chịu kẻo mang tiếng đời
Lòng lành gọi chút thương người.
Sơ-tâm nào phải mưu lời chi đâu
Biết vui nghèo cũng như giàu,
Nghìn vàng (1) bữa ấy có cầu gì ai.

LẠM-BÌNH. — Khi rồi mới gẩy đàn không bỏ phí thì-giờ, thế là *cần*; rượu không mua chịu khỏi mang nợ người, thế là *kiệm*. An-bần mà vẫn phải cần-kiệm, cụ Lãn sở-dĩ làm nên một nhà hiền-triết cũng là vì thế. Kia những kẻ cũng mượn tiếng phú-vân phú-qui, mà cứ lười-biếng, hoang-phóng, không sở-chí việc gì, rồi sau không tự-trị tự-lập được, cùng quá hóa quẫn, đến phải đi lụy người, thì con người ấy không những là người bỏ đi, mà lại có tội với xã-hội nữa.

(1) Hàn Tín đói, bà Phiếu-mẫu cho ăn cơm, sau Tín làm nên, trả ơn một nghìn nén vàng.

II
Ngày xuân nhàn-hứng
Bài nhất

蠢諸仁功花鳥豈山
無葛義名癡戀似僧
詩豈珍分琴幽閑閑
酒憐寂外謳崑醫裏
薄三不看遞傳坐水
南顧換流微細草雲
陽。厚。方。水。香。語。堂。茫。

Xem cảnh chùa kia cũng khá nhàn,
Mà nhàn còn kém cảnh thầy lang.
Chim mến song rầm dìu-dặt gáy,
Hoa ưa đàn ngọt ngạt-ngào nhang.
Công-danh ngoài ngõ xuôi dòng nước,
Nhân-nghĩa trong nhà sẵn có phương.
Gia-cát (1) vị gì ba bận rước ?
Thơ cùn rượu hết chán Nam-dương.

LẠM-BÌNH. — Lãn-ông tiên-sinh ở đất Việt-Nam ta với Gia-Cát tiên-sinh ở bên Trung-quốc, hai cụ đều là những tay đa-tài túc-học, sinh phải thời buổi cùng một dân-chủng, chung một quốc-thổ, gây thành đảng-phái tranh-hành quyết-liệt với nhau, làm cho nhiễu-loạn một cái khu-vực tiểu-thiên-hạ, thời-cục phân-liệt rưa-rứa như nhau, ôm một cái hoài-bão viễn-đại như nhau, mà chỉ vì chí-hướng không giống nhau, toại-thành ra kết-cục mỗi người một khác. Số là cụ Lãn kỳ-thủy cắp gươm ra xin đi tòng-nhung, nào thiết-kỳ, nào chế-thắng, chẳng ngại hiểm-nghèo, thì ai không bảo là chí về công-danh, thế mà không bao lâu bỗng nhân có điều cảm-súc, chẳng cần gì đến phong-hầu bái-tướng, quyết-ý quay về giảng-cầu thực-học để khai-đạo cho đời sau, thì lại thành ra người chí về đạo-đức. Cụ Gia-Cát kỳ-thủy cày ruộng ở đất Nam-dương, bó gối ngâm thơ *Lương-phủ*, thì ai không bảo là người chí về đạo-đức, thế mà không bao lâu nhân có Lưu Bị đến mời, bèn ra phù-tá, thì lại là người chí về công-danh. Nay cụ Lãn tự-vấn cái thủa bình-sinh của mình mà tự-giác rằng mình sở-dĩ hơn cụ Gia-Cát cũng ở chỗ ấy, cho nên cụ làm thơ nhàn-hứng này, về hai câu luận thì đề-khởi cái ý khinh công-danh, trọng nhân-nghĩa lên trước, rồi đến hai câu kết thì bỉ cụ Gia-Cát vì thơ cùn rượu hết, nên chán đất Nam-dương, là thừa-ý hai câu trên để tả rõ ra cái chí công-danh dù đến thế nào cũng không bằng cái chí nhân-nghĩa đạo-đức vậy. Ý cụ nói : Gia-Cát cũng chỉ vì không còn có cái hứng-vị gì đáng nguyền-ước với non-sông hoa-cỏ đất Nam-dương nữa, cho nên nhân chán sẵn mà ra, chứ vì bằng Gia-Cát mà còn có cái sở-chí như là lấy nghiên-cứu trước-thuật làm cái chức-phận của mình phải nên làm, lấy kế-vãng khai-lai làm cái sự-nghiệp độc-nhất vô-nhị, thì bông hoa nội, tiếng chim ngàn, cũng đủ làm trợ-hứng, câu thơ thần, chén rượu thánh, cũng đủ ngụ nhàn-thân ; cho rằng ai có đón rước đến mấy mươi bận cũng không có thể đem cái việc lập-công ngắn-ngủi nhất-thời mà đánh đổ cái chí lập-ngôn lâu-dài vạn-thế kia đi được, nữa là mới có ba bận !

Xem Gia-Cát tiên-sinh về sau đến nỗi cúc-cung tận-tụy một đời mà sự-nghiệp bất-quá cũng chỉ làm cho dai-dẳng thêm vạ phân-tranh, mà chậm thêm cái mối nhất-thống của Trung-quốc đi mà thôi, chứ cũng không bổ-ích gì cho xã-hội, cho quốc-dân nước ấy, thì sao cho bằng cụ Lãn, nào văn-thơ, nào sách-vở, nào đạo-đức cao-thượng, nào y-học vĩ-nhân, sự-nghiệp

(1) Gia-Cát Lượng là người đệ-nhất nhân-hào ở đời Tam-quốc nhà Hậu-Hán bên Trung-quốc, ẩn-cư ở núi Ngọa-long-cương đất Nam-dương, tự cày lấy ruộng mà ăn. Lưu Bị là đế-trụ nhà Hán vào nhà thảo-lư rước ba bận mới chịu ra giúp cho Lưu Bị, đang tay không mà lấy Kinh-châu, lĩnh Ba-thục, chia ba Trung-quốc mà lập nên cơ-đồ nhà Thục-Hán, cùng nước Ngụy nước Ngô cùng giốc-trục ở đất trung-nguyên, mưu kỳ chước lạ, kinh-tổng một đời, người ta đều xưng là thần-nhân.

đối với xã-hội, với quốc-dân nước ta bao giờ cho cùng !

Gia-Cát ở Á-Đông từ mười-tám thế-kỷ về trước, người ta chúc-tụng là đường nào, mà cụ Lãn bỉ-bác đi như thế, thế mới biết cái học-thuật, tư-tưởng của cụ, thật là trác-việt thiên-cổ.

Bài nhì

辰門鳥花一敲懶山
閒外練合陽點石居
漁梳嬌笑雷梅嵐無
笛花晉臉雨梢輸事
隔紅學來悟知半掩
花艷做陪醫易局柴
吹。處。詩。酒。機。理。碁。扉。

Vắng-vẻ sơn-cư (1) khép cửa sài (2),
Biếng trông cờ thế được thua hoài.
Cơ-thể tuần-hoàn nghe tiếng sấm (3),
Lẽ trời bĩ-thái ngắm hoa mai (4).
Bồi rượu hoa chào cười hớn-hở,
Học thơ chim lựa giọng khoan-thai.
Phất-phới thôn đào hoa đỏ-chói,
Cách hoa vâng-vẳng sáo chài ai.

III

Cáo-biệt bọn học-trò ở Bồ-đề (Hà-nội) để về nhà quê

(nhân đi thăm một bệnh biết thế không chữa được, bèn cáo-từ trở về)

雲別牆庭攜磨竹膏
烟梭外前琴劍杖官
深諸砭月酌讀芒無
處君聲色淌書鞋計
可如起留我君八却
重憶夜秋酢壯故空
看。我。寒。興。顏。志。山。還。

Về thôi, thôi chịu bệnh cao-hoang (5),
Gậy trúc xâm-xâm nẻo cổ-san (6).
Chuốc chén ôm cầm tôi chuếnh-choáng,
Mài gươm đọc sách bác hiên-ngang.
Trước cửa còn đang chung bóng nguyệt,
Ngoài tường đâu đã giục còi sương (7).
Các bác tiễn tôi rồi có nhớ,
Cứ trông thăm-thẳm chỗ mây ngàn.

IV

Đề chùa Bồng-lai

忘醫樹林松寺攜偷
機道密平高古手閒
可能鳥雲不難拜媒
定窮留散計銘金別
禪。理。連。漫。斗。迹。仙。興。

---

(1) Sơn-cư là nhà ở trong rừng.

(2) Cửa-sài là cánh cổng làm bằng củi.

(3) Cựu-thuyết : Sấm là bởi khí dương với khí âm xô-xát vào nhau mà thành ra tiếng và sáng. Cứ năm đến tháng 10 là tháng thuần-âm thì sấm không nổ nữa, sang tháng 11 là tháng nhất-dương-sinh thì sấm đã phục sẵn ở dưới đất rồi, sắp tùy khí dương mà phát lên, cho nên nghe tiếng sấm mà biết cái cơ tuần-hoàn trong trời đất, cũng như cái cơ tuần-hoàn trong mình người. Đó là nói về lẽ làm-thuốc, — cứ nguyên văn thì nghĩa câu này theo lẽ nhà y-học cũ chỉ về hai quả thận — đây theo lẽ nhà y-học mới dịch thay làm bộ máy tuần-hoàn, cho hợp-thời dễ hiểu.

(4) Các hoa nở về mùa xuân chỉ có hoa mai là cảm được dương-khí sớm nhất, cho nên đang khí âm-hàn, thấy hoa mai nở một vài bông thì biết dương-xuân đã hồi-phục, cũng như lẽ trời bĩ rồi lại thái. — Đó là nói về thế-vận theo nghĩa kinh *Dịch*.

(5) Cao-hoang tức là cái màng ngăn, tức là chỗ hoành-cách-mô trên thì có tâm, phế, dưới thì có vị, tràng, bệnh đã truyền đến cao-hoang là nơi hiểm, thì phải chết không tài nào chữa được.

(6) Cổ-san là cái núi cũ của nhà hiền-triết ẩn-cư.

(7) Nguyên-văn dùng điển Tàu «biêm-thanh» (砭聲) là tiếng rật vải đêm, đây đổi làm tiếng còi tuần cho hợp-tục.

Nhân gặp khi nhàn-hứng,
Rủ nhau trước phật-tiền.
Chùa cổ từ bao thủa ?
Thông già đã mấy niên ?
Cây cao chim quấn-quít.
Rừng thấp khói liên-miên.
Muốn biết đạo làm thuốc,
Phải nên ngồi « định-thiền » (1).

V

Đi chữa thuốc qua núi Thiên-nhận (2) hoài-cổ

斜最落殘霜野感懷
陽是石雲吾鳥昔囊
牧關猶欲領向與此
笛情分起壁人今度
隔無伏圍篆言未此
溪處路城山往己山
聲。瀉。兵。陣。銘。事。情。行。

Nép bên qua đó buổi sơn-hành (3),
Ngán nỗi xưa sau chẳng xiết tình !
Thỏ-thẻ chim đồng ôn chuyện cũ,
Lờ-mờ rêu đá ký bài minh.
Mây như pháp-phới vào vây lũy,
Đá vẫn lô-nhô yểm phục-binh (4).
Cảnh ấy tình này khôn dãi tỏ,
Bóng chiều tiếng địch vẳng bên ghềnh.

LẠM-BÌNH.— Thơ này hai câu thứ ba, thứ tư, ý-tứ cụ cao xa, cựu-sử nói rằng : Lúc Lê-mạt, thiên-hạ chỉ biết có Trịnh mà không ai nhớ đến Lê, cho nên ở đây ý tác-giả nói : « Cái công-đức của đức Thái-tổ quốc-triều ta, đối với tổ-quốc ta, với quốc-dân ta, tưởng muôn nghìn đời về sau cũng không bao giờ quên đi được, thế mà mới hơn ba trăm năm nay, bây giờ ta đi qua đây là cái chỗ sáu năm buổi đầu Ngài mới ra chống nhau với quân nhà Minh ở đó, di-chỉ tuy còn mà ta muốn hỏi chuyện thì không ai nhớ, chỉ có những con chim nó hót thỏ-thẻ ở ngoài đồng như người ôn lại những câu chuyện cũ ; ta muốn xem bia thì bia không có, chỉ có những rêu nó lan lờ-mờ ở trên vách đá, như những chữ bài minh ký-công mà thôi ! Thế ra thời-nhân cơ-hồ quên mất cả cái lịch-sử của Ngài ở đây rồi chăng ? Tuy-nhiên, thời-nhân dù quên mặc tòng, nhưng ta nghe tiếng chim đồng, ta trông vết rêu đá, ta cũng dù tưởng-tượng ra được một cái chuyện thực-lục của một đấng đại-anh-hùng, đại-vĩ-nhân, đã từng vì giang-sơn của tổ-quốc, vì quyền-lợi của quốc-dân, mà sáu năm đầu khổng-tống gian-lao ở chỗ này, thế thì cái công-đức của Ngài bao giờ cũng vẫn còn ghi tạc ở trong tâm-mục của những người có cảm-tình, mà cùng với non sông cẩm-thảo cũng phảng-phất lâu dài mãi mãi. » —Ý tác-giả cảm-hoài công-đức vua Lê Thái-tổ, tức là tỏ lòng yêu-mến tôn-xã nhà Hậu-Lê vậy.

VI

Đi qua sườn núi Hồng-linh (5) cảm hứng

中野明斜烟樹累千
峯老月陽霞石我峯
高指孤雙深叢醫鴻
出言猿鶴處中途嶺
白香拜栖隱昔未多
雲積佛松山古一名
層。寺。燈。巖。僧。刹。登。勝。

(1) Nhà chùa có phép ngồi thiền-định là ngồi yên và nhắm hai mắt lại mà tư-tưởng những lẽ siêu-việt ra ngoài thế-giới, nay nhân người làng này muốn mời cụ ở lại đó dạy học-trò học thuốc, cho nên ý cụ nói nên ngồi yên mà suy nghĩ lẽ làm thuốc cũng như lối « định-thiền ».

(2) Núi Thiên-nhận ở huyện Thanh-chương, Nghệ-an ; đấy có cái cổ-thành của vua Thái-tổ nhà Lê đóng ở đó sáu năm rồi mới ra chống nhau với quân nhà Minh, nên gọi là Lục-niên-thành.

(3) Sơn-hành là đi đường rừng.

(4) Trận-pháp vua Lê Thái-tổ hay dùng lối phục-binh.

(5) Núi Hồng-linh 99 ngọn ở huyện Nghi-xuân, Nghệ-an.

Muốn dạo qua xem cảnh núi Hồng,
Thuốc thang những bận chửa thông-dong.
Cây đá từng chòm tinh cổ-sái (1),
Khói mây mấy lớp khuất tăng-phòng.
Trăng tỏ vượn ra qui cửa Phật,
Chiều hôm hạc dủ đậu cành thông.
Ông xà trỏ tăng mây trăng-xóa,
Rằng chùa Hương (2) ở đỉnh trung-phong (3).

VII

Đêm trăng đi thuyền trên bể

爭 聲 歌 鐘 山 岸 清 海
奈 樽 回 出 影 花 宵 月
爲 思 柳 烟 瘦 肥 興 催
人 一 浦 林 宜 得 轉 行
憂。樂。舟。寺。秋。露。幽。棹。

Trước doành tráng giục mũi thuyền quay,
Đêm vắng càng thêm lắm thú hay.
Hoa ngàn nhóng-nhánh mầu sương nhẩy,
Cảnh tiết đìu-hiu bóng núi gầy.
Véo-von thuyền khách bên bờ liễu,
Lanh-lảnh chuông chùa đỉnh núi mây.
Vì chẳng vị người lo chút việc,
Cung cầm chén rượu chắc vui đây.

VIII

Trùng-du chùa Sơn-Quang (4)

水 千 東 西 幽 石 如 累
色 峯 流 望 谷 床 今 我
嵐 夕 浪 鴻 傳 獨 始 醫
聲 照 水 山 聲 酌 得 司
動 斜 接 爭 有 冠 暫 十
筆 分 天 地 異 知 偷 載
端。影。還。立。顏。巳。閒。間。

Bẩn-bít mười năm việc thuốc-thang,
Bấy nay mới được chút thanh-nhàn (5).
Rượu chờ tri-kỷ ngồi trên đá,
Tiếng nói truyền-thanh ngó trước hang.
Chật đất non Hồng trông bát-ngát,
Nghiêng trời sông Lăng (6) chảy mênh-mang
Tà-dương cảnh ấy thơ như gợi,
Non nước trùng trùng bóng sáng choang.

IX

Đi chữa thuốc đêm qua núi Thiên-nhận

濟 此 霧 城 燐 樹 石 浮
人 夕 裏 邊 鬢 影 髮 空
之 辛 鵑 燐 高 斜 雲 一
急 勤 聲 火 捲 分 根 色
任 忘 起 和 認 知 不 白
艱 所 夜 霜 山 路 辦 漫
難。苦。寒。冷。響。徑。顏。漫。

Một mầu trắng xóa ngất lưng trời,
Mặt đất chấp mây chẳng rõ người.
Tan cơn đỉnh núi trông lỗ-lộ,
Vạch lối bên cây bóng tả-tơi.
Khắc-khoải đêm sương chim quốc rũ (7),
Lạnh-lùng thành cổ (8) lửa ma chơi (9)
Quản chi vất vả đêm hôm ấy,
Phận-sự về ta phải giúp đời.

Lạm-bình. — Cụ Lãn đề thơ ở núi Thiên-nhận hai lần, bài trước đi ban ngày mà hoài-cổ, bài này đi ban đêm mà tức-cảnh, về hai câu luận thì có ngụ-ý điếu-cổ, nghe tiếng quốc kêu khắc-khoải ở dia núi Thiên-nhận đang lúc đêm sương mà chạnh niềm hưng-phế trong mấy tang-thương ; thấy ma-chơi lập-lòe ở bờ thành Lục-niên bỏ cỏ mà thương đến những cái u-hồn kẻ tử-sĩ kia, đã từng vì đâu mà phơi xương ở nơi chiến-địa lạnh-lùng ấy. Ý-tứ thật là bi-đát hoang-lương.

Nguyễn Trọng-Thuật *biên-dịch*

---

(1) Sách Phật : cổ-sái là cái chùa cổ.
(2) Chùa Hương-tích ở núi Hồng-lĩnh này cũng như chùa Hương Hà-đông.
(3) Trung-phong là ngọn núi ở giữa cao hơn các ngọn trong tòa núi ấy.
(4) Chùa ở bến đò Dũng-quyết Nghệ-an.
(5) Không đáng nhàn mà trộm nhàn.
(6) Sông ở tỉnh Nghệ-an.
(7) Chim quốc rũ là chim quốc kêu đến rũ kiệt đi. Hán-văn gọi là chim « quyên 鵑 », có điển rằng: Ông Đỗ Vũ là vua nước Thục đời thượng-cổ, bị mất nước rồi chết đi hóa ra làm chim quyên, tiếng kêu « quốc-quốc », là nhớ nước mà gọi « nước ơi ! nước ơi ! » ; bởi vậy ngày sau các nhà thi-nhân hay dùng điển ấy, tiếng Việt-ngữ ta thì nhân cái tiếng kêu mà gọi là chim quốc.
(8) Thành Lục-niên bỏ cỏ
(9) Ma chơi : Hán-ngữ gọi là « lân-hỏa », là cỏ-giả hai phương Á-Âu đều cho là hồn ma, vì đến tối thì thấy nó cứ hay ở chỗ tha-ma thổ-phụ bay ra, sắc thì thanh-thẫm, đến gần thì thấy có tiếng ào-ào như thông reo, cho nên người ta càng đặt bịa ra nhiều trạng quái-lạ. Đến cận-thế, bên Thái-Tây có nhà bác-vật tra xét ra mà biết rằng nó là một chất lân ở trong xương loài động-vật hay là ở trong loài thực-vật mục nát mà phân ra, hợp với khinh-khí mà thành một chất lân-khinh, bay lên mặt đất bị dưỡng-khí đốt cháy, thành ra một thứ lửa sáng xanh, nhân dùng phép chế lấy chất lân ấy để làm thuốc bao-diêm và các thuốc hạt nổ.

KHẢO VỀ NGUYÊN-LƯU CHỮ TÀU

Bắt đầu chế ra chữ Tàu là tự Thương Hiệt 倉頡 là sử-quan đời vua Hoàng-đế, nhưng kỷ-thực triệu-đoan ra từ khi vua Phục-Hi 伏羲 vạch ra tám quẻ ; về sau mới nhân chữ cổ-văn ấy mà làm ra chữ *Đại-triện*, *Tiểu-triện*, chữ *Lệ*, chữ *Thảo*, cho đến lối chữ *Khải*, sinh-sản nhiều mãi ra đến hơn năm vạn (50.000) chữ, so với chữ nước Anh mới được độ già nửa.

Lục-thư. — Lục-thư là sáu phép viết : 1· *Tượng-hình*, 2· *Chỉ-sự*, 3· *Hội-ý*, 4· *Hài-thanh*, 5· *Chuyển-chú*, 6· *Giả-tá*. Phép *tượng-hình*, *chỉ-sự* là thuộc về hình; phép *hài-thanh*, *giả-tá* là thuộc về thanh ; phép *chuyển-chú hội-ý* là thuộc về nghĩa. *Tượng-hình*, *chỉ-sự*, *hội-ý*, *hài-thanh*, bốn phép ấy là cái căn-nguyên chế-tạo ra chữ. Còn phép *chuyển-chú giả-tá* là cái văn-pháp để ứng-dụng ra các thứ chữ.

Tượng-hình là mô-phỏng các vật-hình mà đặt thành ra chữ, như hình cái cỏ là chữ *thảo* 草, hình cây tre là chữ *trúc* 竹, hình cái tai là chữ *nhĩ* 耳. Phép *chỉ-sự* thì phải lấy tượng-hình làm nền trước, rồi tùy ý-tứ hoặc bớt hoặc thêm từng nét mà đặt thành ra chữ. Như khi mặt trời mới mọc là buổi sớm, mà buổi sớm tức là buổi nhật-sơ, cho nên dưới chữ *nhật* 日 (mặt trời) mà vạch thêm một nét chữ *nhất* — nửa là chữ *đan* 旦, nghĩa là buổi sớm. Phép *hội-ý* là ngụ ý-nghĩa cả hai chữ lại mà đặt thành ra một chữ, như chữ *mục* 目 thêm một chữ *thủ* 手 nửa là chữ *khán* 看, nghĩa là xem ; chữ *điền* 田 chữ *lực* 力 ghép lại là chữ *nam* 男, nghĩa là người con trai sức khoẻ. *Hài-thanh* là ghép hai chữ làm một, một phần là hiệp-âm, một phần là tỏ nghĩa, như là lấy âm chữ *hề* 奚 mà ghép thêm nghĩa chữ *điểu* 鳥 thời đọc âm là chữ *kê* 鷄 mà nghĩa tức là con gà ; lấy âm chữ *hội* 會 mà ghép thêm nghĩa chữ *mộc* 木 thời đọc âm là *cối* 檜 mà nghĩa tức là cây cối. Phép *chuyển-chú* là cứ lấy bản-nghĩa một chữ mà chuyển thành ra nghĩa chữ khác, như chữ *độ* 度 là xích-độ nghĩa là thước đo, nên chữ *độ* vòng khứ-thanh thời đọc là *đạc*, nghĩa là đo ; chữ *nhạc* 樂 là âm-nhạc có ý là vui-vẻ, nên chữ *nhạc* vòng khứ-thanh thời đọc là *lạc*, nghĩa là vui. Phép *giả-tá* là cùng một chữ đồng-âm mà dùng ra mỗi chỗ nghĩa một khác, như chữ *bì-cách* 皮革 chữ *cách* này nghĩa là da, *cải-cách* 改革 chữ *cách* này lại nghĩa là biến-đổi.

Tự-thể. — Lối chữ của Thương Hiệt chế-tạo ra là lối chữ điểu-tích, tức là chữ *Cổ-văn* ; lối chữ *Đại-triện* thời tự quan Thái-sử Lựu (đời Chu Tuyên-vương) chế ra, nên gọi là chữ *Lựu-văn* 籀文. Đến đời nhà Tần thì biến đổi cả, Lý Tư 李斯 cho lối chữ *lựu* phiền-phức quá, bèn đổi thành ra lối *Tiểu-triện* ; Trình-Mạo 程邈 lại đổi ra lối chữ *Lệ*. Sau lại đổi ra lối chữ *Khải*, nhưng không biết rõ là ai chế ra lối chữ *Khải* ấy, cũng là chỉ y theo thể chữ *Lệ* mà viết cho ngay-ngắn, nên đời sau gọi là chính-thư, tức là lối chữ viết chân-phương. Nguyên cổ-giả không có lối chữ ấy, phàm lối chữ *Khải* chữ *Chân* đều là do lối chữ *Lệ* cả. Xem đó thì biết lối chữ *Khải* là phỏng theo lối chữ *Lệ* mà biến-hình ra ; có thay đổi chẳng qua là lối dùng bút khác nhau mà thôi, vì đời cổ dùng bút bằng dao, mà đời sau thời dùng bút bằng lông. Nhưng đời sau viết lối chữ *Lệ* cũng mô-phỏng cái hình dùng

bút bằng dao, mà viết ra lối chữ *Khải* thì không thể, cho nên lối chữ *Khải* với lối chữ *Lệ* phân hẳn ra hai lối. Song lối chữ *Khải* truyền ở đời nay cũng có chữ không do ở lối chữ *Lệ* mà chỉ bởi ở lối chữ *Lựu* cổ mà sinh ra, như trong *Tự-điển* đã nói rõ là chữ nào thuộc về *Cổ-văn*, chữ nào thuộc về *Lựu-văn*, đó là trong sách cổ vẫn dùng lối chữ *Lựu*, người đời sau mới phỏng ra làm lối chữ *Khải*, kỳ-thực không phải là lối chữ *Chân*, nguyên là chữ *Lựu* cổ, đối với chữ *Khải* vẫn biệt ra là một thể chữ khác.

Phàm năm lối chữ trên ấy, ngoài lối chính-văn ra, càng biến-đổi lại càng suy-diễn thêm mãi ra, để cầu cho được tùy-thời mà ứng-dụng, bởi thế mới biến ra các lối chữ *Bát-phân* (chữ hình dẹt giống như lối chữ *Lệ* chữ *Khải*), *Chân-thư*, *Hành-thư*, *Thảo-thư*. Nay thử đem các tự-thể phân-tích ra mà xét, thời chữ nào dầu nặng mà đuôi nhỏ là lối chữ *cổ-văn*; hình chữ phiền-phức là lối chữ *Lựu*; bỏ bớt những nét phiền-phức mà viết cho giản-dị là lối chữ *Tiểu-triện*; nét chữ cong-queo là lối chữ *Lệ*; nét chấm nét ngang thẳng đờ là lối chữ *Bát-phân*; nét viết sắc mà có gân là lối chữ *Khải*; vừa ná chân vừa ná thảo là lối chữ *Hành*; một ngòi bút viết thảo luôn đi là lối chữ *Thảo*.

Nói tóm lại từ khi có chữ đến giờ, tự-thể đã trải qua bốn lần biến: 1) thể *cổ-văn* là tự Thương-Hiệt chế ra; 2) thể *Đại-triện* là tự Sử Lựu chế ra; 3) thể *Tiểu-triện* là tự Lý Tư chế ra; 4) thể chữ *Lệ* là tự Trình Mạo chế ra. Tự đời Tần Thủy-hoàng bỏ thể chữ *Cổ-văn* đi, chuyên dùng có tám thể chữ: 1) thể *Đại-triện*; 2) thể *Tiểu-triện* dùng để viết sách vở; 3) thể *Khắc-phù* dùng để khắc chữ in bùa; 4) thể *Triện ấn* dùng để khắc chữ vào ấn-tỉ; 5) thể *Trùng-thư* dùng để viết vào cờ phướn; 6) thể *Thự-thư* dùng để đề vào trước cửa; 7) thể *Thù-thư* dùng để khắc vào bài minh; 8) thể *Lệ-thư* dùng làm việc ở chốn quan-phủ.

Đời nhà Hán nhiều người làm ra các lối chữ, Vương Hoằng 王 弘 làm ra thể chữ *Bát-phân*, Sái Ung 蔡 邕 làm ra thể chữ *Phi-bạch*, Lưu Đức-Thăng 劉 德 升 làm ra thể *Hành-thư*, Trương Chi 張 芝 làm ra thể chữ *Thảo*. Đến thời Vương Mãng, Tư-Mã Nhân-Phong 司 馬 頭 豐 phân-biệt cổ-văn có sáu lối chữ: 1) *Cổ-văn* là lối chữ tìm thấy ở trong vách tường nhà ông Khổng-tử; 2) *Kỳ-tự*, hơi khác với lối cổ-văn; 3) chữ *Triện* tức là Lý Tư đặt ra; 4) chữ *Lệ* tức là tự Trình Mạo đặt ra; 5) thể chữ *Mãn-triện* là lối chữ viết cong-queo ngoằn-ngoèo dùng để khắc vào các ấn-triện; 6) thể *Trùng-thư* là hình chữ như loài trùng-điểu, dùng để viết vào cờ phướn.

Đến đời Đường thời còn có tên năm thể chữ: 1) thể *Cổ-văn*, nhưng bỏ không dùng đến; 2) thể *Đại-triện* chỉ còn thấy viết ở *Thạch-kinh*; 3) thể *Tiểu-triện* dùng để khắc vào ấn-tỉ, viết vào cờ phướn; 4) thể *Bát-phân* dùng để viết vào Thạch-kinh và các bi-ký; 5) *Lệ-thư* dùng để viết sách vở biểu-chương và các văn-sớ công tư đều dùng lối chữ ấy cả.

Tự đời Đường đến nay chỉ có thể chữ *khải-thư* và *hành-thư* là thịnh hành hơn cả, mà so với các thể chữ khác thực là một thể chữ mĩ-thuật cao-thượng hơn; thế mà cũng có người còn hiềm là nét viết phiền-toái, không thể thông-hành khắp trong xã-hội được, muốn đặt ra một thể chữ giản-tiện hơn để thông-hành cả toàn-quốc. Nhưng phải biết rằng thể *khải-thư* và *hành-thư* so với các lối chữ

Cổ, chữ *Triện*, chữ *Lưu*, chữ *Lệ*, thực là đã thích-dụng ứng-thời lắm.

Ngoài các lối chữ trên này, ở sách *Thần-thư* của *Trịnh-Tiều thông-chí* chép ra lại còn lối chữ *lâm-triện*, *quỉ-triện*, nhưng người đời cũng không mấy khi trông thấy.

Lại còn vua Liêu Thái-tổ trong năm Thần-sách ngũ-niên có chế ra thể chữ *Khiết-đan-đại-tự*, Kim Thái-tổ sai Cốc-Thần chế ra thể chữ *Nữ-chân-đại-tự*, Hi-tôn chế ra thể chữ *Nữ-chân-tiểu-tự*, Nguyên Thế-tổ sai Bát-Tư-Ba chế ra thể chữ *Mông-cổ-tân-tự*, Thanh Thánh-tổ sai Đạt-Hải chế ra thể chữ *Mãn-châu*, v.v.

Biểu tiếng mẫu-tự chữ Hán

Nha-âm :	疑 *nghi*, 拳 *quần*, 溪 *khê*, 見 *kiến*.
Thiệt-đầu-âm :	泥 *nê*, 定 *định*, 透 *thấu*, 端 *đoan*.
Thiệt-thượng-âm :	娘 *nương*, 澄 *trừng*, 徹 *triệt*, 知 *tri*.
Trọng-thần-âm :	明 *minh*, 並 *tỉnh*, 滂 *phang*, 幫 *bang*.
Khinh-thần-âm :	微 *vi*, 奉 *phụng*, 敷 *phu*, 非 *phi*.
Xỉ-đầu-âm :	心 *tâm*, 從 *tùng*, 清 *thanh*, 精 *tinh*.
Chinh-xỉ-âm :	禪 *thiền*, 穿 *thâm*, 牀 *sàng*, 穿 *xuyên*, 照 *chiếu*, 斜 *tà*.
Hầu-âm :	喻 *dụ*, 匣 *hạp*, 曉 *hiểu*, 影 *ảnh*.
Thiệt-xỉ-âm :	日 *nhật*, 來 *lai*.

Phàm chữ các nước đều có mẫu-tự để ghép vần, duy chữ Hán không có. Tự cuối đời Đường có tăng-đồ là Thủ-Ôn 守温 lấy 36 tiếng chữ cái ghép vần ra các âm chữ, phân ra năm âm là : *Thần*, *thiệt*, *nha*, *xỉ*, *hầu*, để định cái chuẩn-đích phiên-thiết ra các âm chữ, nhưng không phải là dùng hết cả những chữ thiết-âm ấy đâu, cho nên tính-chất khác với mẫu-tự của các nước. Mới đây có người đổi định ra bốn âm là : *Ngạc*, *thiệt*, *xỉ*, *thần*, cho tiếng *hầu-âm*, *nha-âm* đều gồm là *ngạc-âm* (1) cả ; bởi vì tiếng chữ vần cái mới là tiếng *hầu-âm* (nguyên là chữ cái phát-âm là *thanh*, mà chữ cái thu-âm mới là *vần*, một *thanh* một *vần* hợp lại mới thành ra một âm), mà *nha* thì không quan-hệ gì đến phát-

(1) Là tiếng phát âm ở trên hàm răng.

âm ; chỉ trong *ngạc-âm* có phân-biệt ra tiếng *thâm-ngạc*, tiếng *thiền-ngạc* ; trong *thiệt-âm* có phân-biệt ra tiếng đầu lưỡi tiếng trên lưỡi ; trong *xỉ-âm* có phân-biệt ra tiếng *chính-xỉ* tiếng *thô-xỉ* ; trong *thần-âm* có phân-biệt ra tiếng *trọng-thần*, tiếng *khinh-thần* ; đó là hơi khác với cổ, sẽ phân-phối ra sau này :

Ngạc-âm	Thâm-ngạc	見 *kiến*, 溪 *khê*, 羣 *quần*, 疑 *nghi*.
	Thiền-ngạc	影 *ảnh*, 曉 *hiểu*, 匣 *hạp*, 喻 *du*.
Thiệt-âm	Thiệt-đầu	端 *đoan*, 透 *thấu*, 定 *định*, 泥 *nê*, 來 *lai*.
	Thiệt-thượng . . .	知 *tri*, 徹 *triệt*, 澄 *trừng*, 娘 *nương*, 日 *nhật*.
Xỉ-âm	Chính-xỉ	精 *tinh*, 清 *thanh*, 從 *tùng*, 心 *tâm*, 斜 *tà*.
	Thô-xỉ	照 *chiếu*, 穿 *xuyên*, 牀 *sàng*, 審 *thẩm*, 禪 *thiền*.
Thần-âm	Trọng-thần	幫 *bang*, 滂 *phang*, 並 *tịnh*, 明 *minh*.
	Khinh-thần	非 *phi*, 敷 *phu*, 奉 *phụng*, 微 *vi*.

Âm-vận-nguyên-lưu. — Âm - vận là tiếng sáo trời tự-nhiên, thở hút xuy-khư tự thành ra âm-vận ; từ Thương Hiệt đặt ra chữ, thật là đã thâm-hiểu cái thiên-cơ ấy rồi. Nhưng khi ấy vẫn chưa đặt ra âm-vận, chẳng qua là lấy dấu chữ để truyền cái thanh-âm lời nói đó thôi, cho nên chữ Tàu về thời cổ đã chia ra *Thanh, Trọc, Trường, Đoản* bốn thanh, trong bốn thanh ấy tuy rằng đã hàm có cái tính-nẩn, nhưng cũng chưa chia ra chữ cái chữ con. Hứa Thận 許愼 có làm ra sách *Thuyết-văn* để giải - thích mọi chữ, có chia ra 540 bộ, song những chữ đặt trên đầu bộ ấy cũng không phải là chữ mẫu-tự. Từ khi cái phép phát-âm của chữ Phạn truyền vào nước Tàu thời mới biết cái lẽ chữ mẫu-tử tương-sinh. Chu Ngung 周顒, Thẩm Ước 沈約 mới cứ theo cái tự-âm của Tôn Viêm 孫炎 đính-chính lại làm bốn thanh, từ bấy giờ mới có cái lối học âm-vận. Bởi vì cổ-nhân mới phát-minh ra chữ, chỉ cốt phân tách cái nguyên-tố thanh-âm, rồi mới lấy tự-nghĩa phối-hợp vào, cho nên chỉ học để hiểu rõ thanh-âm, mà không có ý-nghĩa gì cả. Đại-ước chia ra hai giống chữ : 1) chữ nguyên-âm, 2) chữ thành-âm. Chữ nguyên - âm là trong một chữ ghép lại, tất chia ra có âm chữ con âm chữ cái, đều hợp lại thì thành ra một tiếng nói, tức như là lối chữ ghép âm của La-mã. Chữ thành-âm là ghép từng nét lại ghi thành ra một chữ, trong âm chữ con có ghép bây âm chữ cái, tức như là lối chữ giả-danh của Nhật - bản. Còn như chữ nước Tàu nguyên không có chữ cái, cho nên bởi ở thanh mà sinh ra thời chẳng qua chỉ là lối *hài-thanh*, hài-thanh cũng có lúc cùng, mới lấy phép *giả-tá*, giúp thêm vào. Song phép *hài-thanh*, phép *giả-tá*, là thuộc về lúc mới bắt đầu chế ra chữ, chữ chữa đã hết được cái cách dùng thanh-học. Vả lại phép *hài-thanh*, phép *giả-tá* không có thống-hệ nào cả, cứ tùy tiếng mà đọc cho hòa-hài, tùy chữ nào cũng có thể giả-tá được, không có chia ra thống-hệ chữ âm con chữ âm cái, cũng không có phương-pháp chia ra điệp-vận với song-thanh, không có biến-thông ra được lối âm-hòa loại-cách; muốn học cho tinh âm-vận không phải người biết cơ tạo-hóa hiểu được giọng thiên-lãi tự-nhiên thì không tinh-thông được. Từ khi có chữ Phạn-văn lưu-truyền

vào nước Tàu, rồi mới biết bắt-chước cái sở-trường của họ mà bồ vào cái thiếu của mình, mới có cái cách học phiên-thiết âm các chữ, mới có thể thông-hội được chữ Tàu. Cách phiên-thiết ấy cứ lấy hai chữ mà hiệp ra thành âm, chữ trên là *thiết*, chữ dưới là *vần*. cách phiên-thiết ấy mới tự trong sách *Bà-la-môn*, chỉ lấy 14 chữ mà thông-hiệp ra các âm, chữ đã bớt đi mà nghĩa lại rộng. Sau này lại châm-chước vào bảy âm, chỉ lấy 36 tiếng chữ cái cai hết cả, cộng là 16 lần ghép vần, từ đó cách học phiên-thiết ra thành âm chữ mới đủ. Tóm lại mà nói cái cách học phiên-thiết ra âm chữ, cốt là phải lấy song-thanh điệp-vận làm đầu, sau vì ngôn-ngữ có biến-thiên, mà thanh-âm cũng có dị-đồng, bởi thế mới phải có cái phép âm-hòa loại-cách để biến-thông cho được đủ vần. Nguyên là thanh-âm sinh ra có tiếng khinh, tiếng trọng, tiếng thanh, tiếng trọc khác nhau, chia ra ngũ-âm thì là : *Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ*, âm-học mới khởi ra từ đó. Từ đời Tam-đại trở về sau, những nhà trước-tác phần nhiều là vận-văn cả. Người đời sau đọc quen mà không xét, rồi làm thất-chân mãi đi, nên nhiều câu văn không thể đọc được, đạo văn-học cũng bại-hoại vì đó. Tự Hứa Thận làm ra sách *Thuyết-văn* thời cái cách học về văn-tự mới thông-hiểu. Tôn Viêm làm ra sách *Tự-âm* thời cái cách học về âm-vận mới rõ-rệt. Song vì lũ Chu Ngung, Thẩm Ước chỉ biết có bốn thanh mà không biết có bảy âm, cho nên Lục Pháp-ngôn thời chia ra 206 vận, Lưu-Uyên bảo có 107 vận, Hàn Đạo-Chiêu thời chia ra 160 vận, sách *Chính-vận* của vua Hồng-võ thời có 76 vận, mỗi thuyết một khác không biết thuyết nào là phải. Về sau học-giả đều tôn theo *Quảng-vận*, cách học về âm-vận bấy giờ mới định. Nguyên là vận-học cốt bản ở thanh-âm, mà thanh-âm thì có tiếng thiệt-đầu, thiệt-thượng, khinh-thần, trọng-thần, tà-xỉ, chính-xỉ, bán-thiệt, bán-xỉ, nha-âm, hầu-âm khác nhau, cho nên khi thành ra âm thì có Cung (thổ), Thương (kim), Giốc (mộc), Chủy (hỏa), Vũ (thủy) và Bán-Thương Bán-Chủy khác nhau.

Cổ-nhân thẩm-âm tinh lắm, đã chia ra từng mối rành-rẽ, như là vần *Đông* 冬, vần *Chung* 鐘 tất chia ra làm hai ; vần *Chi* 支, vần *Chi* 脂 cũng chia ra làm hai ; vần *Cương* 剛, vần *Sơn* 山, vần *Tiên* 先, vần *Tiên* 仙 thời chia ra làm bốn ; không phải là cố chia ra phồn-toái như thế đâu, cũng là theo cái thanh-âm tự-nhiên đó mà thôi.

PHÉP PHÂN-BIỆT TỨ-THANH

Tứ-thanh-ca

Bình-thanh bằng-phẳng không thấp cao,
Thượng-thanh hỏ cao, hơi mạnh sao !
Khứ-thanh tiếng rõ, hơi đưa thẳng,
Nhập-thanh đoản-súc kịp thu vào.

BÌNH	THƯỢNG	KHỨ	NHẬP
Ma 麻	*Mã* 馬	*Mạ* 罵	*Mục* 目
Phu 夫	*Phủ* 府	*Phú* 富	*Phất* 弗
Sinh 生	*Tỉnh* 省	*Thắng* 勝	*Thất* 失
Mi 眉	*Mĩ* 美	*Muội* 妹	*Mặc* 墨
Hàm 含	*Hạn* 旱	*Hãn* 汗	*Hợp* 合
Thiên 千	*Thiển* 淺	*Thiến* 倩	*Thiết* 切
Khê 溪	*Khỉ* 起	*Khí* 氣	*Khất* 乞
Câu 狗	*Cẩu* 狗	*Cấu* 垢	*Cách* 革

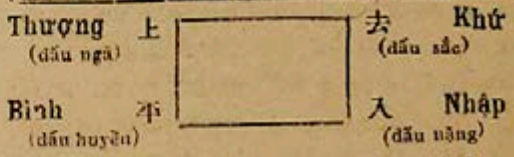

Nếu như nói : *Ma nhập-thanh*, thì đọc âm là *mục* ; *Sinh khứ-thanh*, thì đọc âm là *thắng* ; *Hàm thượng-thanh*, thì đọc âm là *hạn* ; *Khỉ bình-thanh*, thì đọc âm là

khê ; đó là cái phép trong bốn thanh chuyển vần thành ra âm, xem đó suy ra thì biết.

PHÉP THIẾT-ÂM. — Phép thiết-âm lúc mới học cũng khó hiểu hết được, nhưng nay lấy cái phép đọc nhanh và phép đọc tuần-hoàn để tìm âm chữ, cũng giản-dị dễ hiểu, kể như sau này.

Phép đọc nhanh. — Như chữ *đông* 東 về bình-thanh mà chua âm là *đức-hồng-thiết*, đọc nhanh hai chữ *đức hồng* thì thành ra chữ *đông* ; chữ *khẩu* 口 về thượng-thanh mà chua âm là *khổ-hậu thiết*, đọc nhanh hai chữ *khổ-hậu* thì thành ra tiếng *khẩu* ; chữ *tố* 素 về khứ-thanh mà chua âm là *tôn-hộ thiết*, đọc nhanh hai chữ *tôn-hộ* thì thành ra tiếng *tố* ; chữ *bộc* 僕 về nhập-thanh mà chua âm là *bồ-ốc thiết* đọc nhanh hai chữ *bồ-ốc* thì thành ra tiếng *bộc*.

Phép đọc tuần-hoàn. — Như chữ *điêu* 蜩 về bình-thanh mà chua âm là *dư-chiêu thiết*, thì cứ tuần-hoàn đọc *dư-chiêu*, *chiêu-dư* là thành ra tiếng *điêu*. chữ *sử* 使 về thượng-thanh mà chua âm là *sảng-sĩ thiết*, thì cứ tuần-hoàn đọc *sảng-sĩ*, *sĩ-sảng* là thành ra tiếng *sử* ; chữ *trá* 詐 về khứ-thanh mà chua âm là *trắc-giá thiết*, thì cứ tuần-hoàn đọc *trắc-giá*, *giá trắc* là thành ra tiếng *trá* ; chữ *phúc* 蝠 về nhập-thanh mà chua âm là *phương-lục thiết*, thì cứ tuần-hoàn đọc *phương-lục*, *lục-phương* là thành ra tiếng *phúc*.

Cái phép thiết-âm, trước nhất phải phân-biện cái chữ ấy thuộc về bình-thanh hay thượng-thanh, khứ-thanh hay nhập-thanh, rồi cứ lấy cái chữ thiết-âm thứ hai ấy làm bằng, thí-dụ như chữ *đông* là *bình-thanh*, thời chữ thiết-âm thứ hai là chữ *hồng* cũng phải bình-thanh ; chữ *sĩ* 士 là *thượng-thanh*, thời chữ thiết-âm thứ hai là chữ *sảng* cũng phải thượng-thanh ; chữ *tố* là *khứ-thanh*, thời chữ thiết-âm thứ hai là chữ *hộ* cũng phải *khứ-thanh* ; chữ *phúc* là *nhập thanh*, thời chữ thiết-âm thứ hai là chữ *lục* cũng phải nhập-thanh. Nguyên là hai chữ phiên-thiết hợp-âm lại thời chữ trên phải cùng một mẫu-tự, mà chữ dưới phải là chữ cùng vần, đó là cái phép nhất-định như vậy.

Phàm chữ gì thuộc về một chữ cái (mẫu-tự), tuy vần nó khác nhau, nhưng phép đọc khai-hợp vẫn giống nhau, cho nên hai tiếng phiên-thiết chỉ phải thay đổi một tiếng dưới mà không phải đổi tiếng trên. Thí-dụ như : Cô *ông*-thiết = *công* 公 ; cô-*ny*-thiết *qui* = 歸 ; cô - *loan* thiết = *quan* 關 ; cô - *nông* - thiết = *quang* 光

Bốn chữ phiên-thiết trên này đều cùng một tiếng chữ cái (tức là chữ thứ nhất trong 36 tiếng chữ cái), cho nên hợp mồm lại mà hô ra thời đều sinh tiếng bởi chữ *cô* cả.

Lại thí-dụ như : Cơ-*nhân*-thiết = *cân* 巾 ; cơ-*yên*-thiết = *kiên* 堅 ; cơ-*yêu*-thiết = *kiêu* 驕 ; cơ-*ưu*-thiết = *cưu* 鳩.

Bốn chữ phiên-thiết trên này cũng đều cùng một tiếng chữ cái, cho nên chập hàm răng lại mà hô ra, đều sinh tiếng bởi chữ *cơ* cả.

Lại như chữ nào cùng một vần, tuy tiếng chữ cái hơi khác nhau, nhưng mà tiếng bằng, trắc, thanh, trọc vẫn cùng giống nhau, thời hai tiếng phiên-thiết chỉ phải đổi chữ trên mà chữ dưới không phải đổi nữa. Thí-dụ như : *Cơ*-yên-thiết = *kiên* ; *khi*-yên thiết = *khiên* 牽 ; *thê*-yên-thiết = *thiên* ; 天 *ti*-yên-thiết *biên* 邊.

Bốn chữ phiên-thiết trên này đều là tiếng thanh *yên* mà thuộc về vần *nhất-tiên*, nên khi đọc lên đều thu tiếng ở chữ *yên* cả

Lại thí-dụ như : *kỳ*-diên-thiết = *kiền* 虔 ; *tri*-diên-thiết = *chiền* 纏 ; *di*-diên-thiết = *miên* 綿 ; *tề*-diên-thiết = *tiền*.

Bốn chữ phiên-thiết trên này đều là tiếng trọc *điên* mà thuộc về vần *nhất-tiên*, nên khi đọc lên đều thu tiếng ở chữ *điên* cả.

ĐÔNG-CHÂU *biên-dịch*

CÁI TINH-THẦN LẬP-QUỐC CỦA NƯỚC NAM

Ngày nay cái chủ-nghĩa dân-quyền tự-do lan khắp trong thế-giới, những người bàn đến quốc-thể chánh-thể, ai là chẳng khuynh-hướng về cái thể-chế dân-chủ của các nước Thái-Tây bây giờ. Vì những dân bị ép buộc dưới quyền chuyên-chế xưa nay, sự hành-động và tư-tưởng của mình thường không được tự-do phát-siển, chợt thấy các dân-tộc kia được đem những ý-tứ chân-chánh của mình mà thi-thố một cách mạnh-bạo, để tạo hạnh-phú cho nhân-quần xã-hội, thì ai cũng lấy làm hâm-mộ, cho người như là đã lên được cõi thiên-đường mà mình hãy còn chìm-đắm ở nơi địa-ngục vậy. Ôi ! cái quan-niệm như thế, chúng ta cũng không nên phán-đoán rằng tấm lòng khuynh-hướng của người đời nay là sai lầm ; và cũng không dám dâu nghị-luận rằng chánh-thể này là hay, chánh-thể nọ là dở. Ta chỉ biết rằng mỗi nước có một cái tinh-thần lập-quốc riêng của nước ấy, chúng ta là dân-tộc Việt-Nam, thì ta nên xét xem cái tinh-thần lập-quốc của nước Nam xưa nay ra thế nào.

Ai cũng biết rằng chánh-thể nước ta là chánh-thể quân-chủ, từ mấy nghìn năm nay, nước nhà thành-lập do trong một cái chánh-thể ấy mà có cương-thường, có trật-tự, gây nên một đoạn lịch-sử có giá-trị, đủ gọi là một nước cổ-quốc ở trên miếng đất Á-Đông này. Thế thì cái chánh-thể quân-chủ cũng không phải là chánh-thể sai-lầm, mà nước Nam xưa nay sở-dĩ thành-lập cũng nhờ có cái chánh-thể ấy làm cơ - sở vậy.

Vậy ta có nên gọi rằng : « Quân-chủ-chuyên-chế » là cái tinh-thần lập-quốc của nước Nam không ? Ôi ! chỉ lấy hình-thức mà nhận là tinh-thần, thì thật là cạn-hẹp, vì chánh-thể quân-chủ chẳng qua là hình-thức bề ngoài vậy. Muốn biết tinh-thần lập-quốc của nước Nam thế nào thì trước hết phải xét cái tinh-thần về chánh-thể quân-chủ thế nào, mới hiểu thấu được.

Cái chế-độ quân-chủ, phát-nguyên ra vì cái chế-độ gia-tộc và cái chế-độ tù-trưởng. Khi ban đầu chưa thành quốc-gia, nhân-dân chỉ lấy huyết-chủng làm quan-hệ, tụ nhau từng họ mà ở, lấy cái quyền tộc-trưởng mà cai-trị ; lần đến cách giao-thiệp họ này với họ khác có liên-hệ cùng nhau, cái phạm-vi gia-tộc không bao-quát được, từ ấy trong một địa-phương người nào sức mạnh tài giỏi có tài chinh-phục, có trí sáng-nghĩ, đứng lên làm hùng-trưởng. Cái chế-độ tù-trưởng mới phát-sinh ra từ ấy. Rồi về sau sự khai-thác càng ngày càng rộng, sự chánh-trị càng ngày càng nhiều, đã lập-thành ra nước, mới nhân cái chế-độ tù-trưởng lập-thành ra chế độ quân-chủ.

Phàm đã có quốc-gia, đã lập thành ra chế-độ quân-chủ, thì phải có chủ-nghĩa gì làm căn-bản cho cái chế-độ ấy, thì mới vững-bền được, cái căn-bản ấy tức là tinh-thần vậy.

Trong sách nói rằng : « 天生蒸民有欲無主乃亂 », nghĩa là trời sinh ra dân ai cũng có lòng tham muốn, nếu không có người chủ-trương, thì vì những lòng tham muốn của người rồi tranh cướp lẫn nhau, bèn sinh ra họa-loạn. Muốn loài người ở chung nhau trong một khu-vực cho tránh khỏi sự tranh cướp lẫn nhau mới suy-tôn một người lên đứng làm chủ-trương mà cai-quản trong đám người ấy. Theo cái chế-độ các nước dân-chủ bây giờ, thì nói rằng nước là của chung của dân, do dân công-cử một người có tài-đức lên làm chủ-trương; theo cái chế-độ các nước quân-chủ bên Á-Đông, nhất là nước Tàu và nước ta, thì nói rằng Trời sinh ra dân, lại sinh ra người để làm vua làm thầy cho dân, người đã nhận chức-trách làm vua làm thầy ấy, thì phải giúp Trời mà yêu dân

và làm cho yên dân, lại cầm quyền thưởng-phạt bắt dân phải tuân theo, người ấy là gì ? tức là một vị thiên-tử trong nước, nghĩa là con Trời vậy.

Cái chế-độ quân-chủ phát-sinh ra vì cái chế-độ gia-tộc và cái chế-độ tù-trưởng, cho nên vua không những là con Trời, mà lại là một người hiếu-tử của các vua trước nữa. Đã là con Trời, giúp Trời mà trị dân, thì làm việc gì phải kính tuân mệnh Trời ; đã là một người hiếu-tử của các vua trước, thì làm việc gì phải lấy tổ-tiên làm khuôn phép. Bởi vì cái chế-độ quân-chủ đã không phải như cái chế-độ dân-chủ kia do nhân-dân có chủ-quyền đối với người quốc-trưởng, thì tất-nhiên phải bằng-cứ theo mệnh Trời và tổ-pháp, để phòng-phạm cho khỏi sai-lầm. Vì thế mà những nước quân-chủ như nước Tàu và nước ta, xưa nay vẫn lấy sự kính-thiên pháp-tổ làm gốc. Ôi ! Kính-thiên pháp-tổ, ấy là cái tinh-thần lập-quốc của nước quân-chủ vậy.

Muốn biểu rõ cái tinh-thần ấy, thì phải đặt ra lễ tế Giao và các lễ tế ở tôn-miếu. Ông quốc-trưởng của nước dân-chủ trọng về nghị-viện của dân và trọng về pháp-luật ; ông quốc-trưởng của nước quân-chủ thì trọng Trời và trọng Tổ, nghĩa là Trời tức là dân, mà tổ tức là pháp-luật. Đã trọng Trời và trọng tổ, cho nên phải lập ra đàn Nam-Giao để tế trời và phối tổ-tiên, khác nào như ông quân-chủ trong một nước phải ra đứng trước mặt Trời và trước mặt tổ-tiên mà đoan-nguyện và chứng-minh rằng : « Tôi cùng những người giúp việc với tôi, xin hết lòng giúp Trời làm cho dân của Trời được yên lành sung-sướng ; lại tôi cùng những người giúp việc với tôi, xin hết lòng mà thể ý tổ-tiên, làm cho cơ-nghiệp của tổ-tiên được vững-bền và thêm tô-rạng ra nữa ». Trời ấy là gì ? Chính là ông thần Công-lý, chứ không phải ông Trời thuộc về mê-tín. Tổ ấy là ai ? Tức là các vị đế-vương có công-nghiệp trong lịch-sử nước ấy, hoặc gây-dựng thành quốc-gia, hoặc mở-mang thêm quốc-thổ, hoặc chống cự với ngoại-địch, hoặc kiến-thiết ra công kia cuộc nọ làm lợi cho dân cho nước. Nên giải-nghĩa chữ « tổ » cho chánh-xác, « tổ » tức là quốc-tổ chung của một dân-tộc, không phải chỉ là ông tổ thuộc về huyết-thống của một nhà một họ nào.

Trời đã là ông thần Công-lý mà không phải là ông trời mê-tín, thì phàm những người còn ở trong cái phạm-vi nước quân-chủ có cái tinh-thần kính-thiên ấy, không thể không thờ phụng lấy ông thần Công-lý ; tổ đã là vị quốc-tổ, không phải là ông tổ về huyết-thống, thì những người còn ở trong cái phạm-vi nước quân-chủ có cái tinh-thần pháp-tổ ấy, không thể không thờ phụng lấy quốc-tổ. Nói tóm lại, phàm làm một người dân trong nước quân-chủ, phải phục-tòng theo mệnh-lệnh của quân-chủ, mà chính vị quân-chủ ấy đã thay mặt dân mà kính-thiên pháp-tổ, thì không lẽ có một người dân nào được có quyền từ chối rằng : Trời ấy không phải là Trời của ta, ta không kính, tổ ấy không phải là tổ của ta, ta không thờ.

Nay lại bàn thêm về lễ tế ở tôn-miếu. Hai chữ pháp-tổ thuộc về tinh-thần lập-quốc như trên kia đã nói, thì sự tế-tự ở tôn-miếu cũng thuộc về nghĩa ấy. Nay xin hỏi rằng : Ông thần hưởng-tự ở trên tôn-miếu ấy là ai ? Tức là các vị đế-vương trước của một triều, chứ không phải là ông bà của một họ vậy. Vì tôn-miếu là phụng thờ các vị đế-vương trước của một triều, cho nên phàm ngài nào đã chánh đế-vị, đến khi quá-vãng mới thượng miếu-hiệu mà phụng thờ ở nơi tôn-miếu, cũng có ngài tuy sinh ra vua mà khi sinh-tiền không làm vua, không được chánh đế-hiệu, thì ngày sau cũng không đem thần-vị mà thờ ở nơi Thái-miếu được. Còn ông chủ-tự ở tôn-miếu không phải lấy tư-cách con cháu mà làm chủ-tự, chính ta lấy tư-cách một vị đế-vương mà đứng làm chủ-tự đối với các vị đế-vương trước, vậy nên trong văn-tế thường xưng là « tự-hoàng-đế » mà không xưng là tự-tử hay là tự-tôn bao giờ. Nói về cái chánh-nghĩa của sự tế-tự tôn-miếu trong một nước

Sau tiệc « sâm-banh » của Đông-kinh-ẩn-quán và Khai-hóa-báo-quán mừng ông Bạch-thái-Bưởi được Bắc-đẩu-bội-tinh, các Tây-Nam tân-khách đứng chụp ảnh ở trước cửa Hội Khai-trí.
(*Đứng giữa là quan Thống-sứ Bắc-kỳ Monguillot*)

Chiếc tàu chiến của Đại-Pháp hiệu *Jules Michelet* đỗ ở vịnh Hà-long
(Tàu kiểu tuần-dương-hạm (*croiseur*), chở nặng ước 1 vạn rưỡi tấn)

một nước quân-chủ, thì tôn-miếu là nơi thờ linh-hồn các vị đế-vương của quốc-triều, do ông quân-chủ hiện-thời đứng làm chủ-tự. Như thế thì tôn-miếu là cái từ-đường chung của dân-tộc, chứ không phải là cái từ-đường riêng của một gia-tộc, mà thần-dân trong nước ấy phụng-thờ tôn-miếu của quốc-triều, nghĩa là phụng-thờ cái linh-hồn về quyền quân-chủ; nói cho rõ ra, thì trong khi tế-tự, qui nép mà lạy trước sân tôn-miếu, chính là do lòng tôn-trọng cái chế-độ quân-chủ, mà lạy cái đế-quyền của một nước, chứ không phải là lạy ông bà của một gia-tộc vậy.

Cũng có người sinh đời bây giờ, nhân thấy sự các quan chầu tế chầu lạy, lấy làm phiền. Ôi! Ấy những người chưa rõ thấu cái tinh-thần lập-quốc, cho sự tế sự lạy đó như là một sự hầu tế hầu kỵ ở nhà riêng lấy cái tư-cách bàng-quan mà tham-dự. Mà có biết đâu chính mình là người chủ cuộc, người chủ cuộc ấy không những một mình mình, mà suốt cả nhân-dân trong một nước nữa. Mình đã thay mặt nhân-dân ra giúp vua trị nước, mà nước ấy là nước quân-chủ, khi cử-hành điển-lễ trong nước theo phong-tục theo tập-quán của ông cha mình để lại, trên có vị quân-chủ đứng làm chủ-tự, thì mình lẽ nào mà không dự lễ. Nếu không tham-dự thì thật là trái tấm lòng tín-ngưỡng của quốc-dân, mà lại tỏ ra một cách phản-bội với cái tinh-thần quân-chủ nữa.

Nói tóm lại thì cái tinh-thần về nước quân-chủ cốt ở sự kính-thiên pháp-tổ, mà biểu rõ ra đạo kính-thiên pháp-tổ là ở sự tế Giao và sự tế-tự tôn-miếu. Sách có câu rằng: «Quốc chi đại sự tại tự dữ nhung» 國之大事在祀與戎; sự tế-tự sao mà sánh với sự binh-nhung cho làm việc lớn nhất trong nước? Nghĩa là sự kính trời kính tổ, có thể phòng-phạm được tấm lòng của người đời, cũng như sự binh-nhung có thể phòng-phạm được cách cử-động của người đời: một phương-diện thì giữ về phần hồn, một phương-diện thì giữ về phần xác. Lễ tế Giao và các lễ tế ở tôn-miếu, nghĩa là giữ về phần hồn của dân-tộc trong một nước, đã là người nước mà nhất là những người có chức-trách trọng-đại trong nước, phải giốc lòng kính-trọng mà thân-hành, nói cho rõ ra thì phải giúp với ông chủ-tự mà xứng vào một tay chấp-sự vậy. Ví-dụ như sự binh-nhung là giữ về phần xác trong nước, thì gặp khi nước có sự binh-nhung, những người có chức-trách trọng-đại trong nước phải đứng trước dân mà ra tay điều-độ để giữ gìn cho nước. Nếu làm người có chức-trách ở trong một nước quân-chủ lấy sự kính-thiên pháp-tổ làm tinh-thần, mà không dự đến sự tế-tự, thì khác nào như người có chức-trách ấy gặp trong nước có việc binh-cách, lại nỡ đứng ngoài vòng mà nói với mọi người rằng ta đây là một kẻ tu-hành theo đạo từ-bi, không muốn dự đến sự gươm đao súng đạn làm gì.

Lại có người nói rằng: trọng ở tinh-thần không phải trọng ở hình-thức, sự kính-thiên pháp-tổ cần ở trong lòng không cần phải đến dự tế mới gọi là kính-thiên pháp-tổ. Ôi! cái tinh-thần phải nhờ có hình-thức mới biểu-hiệu ra, nếu chỉ nói tinh-thần suông, thì ai biết đâu mà tin. Người xưa sở-dĩ không những chỉ chép mấy chữ «kính-thiên pháp-tổ» vào trong sách mà thôi, mà lại phải lập ra Giao-đàn, dựng ra tôn-miếu, là vì mượn hình-thức mà biểu-hiện ra cái tinh-thần lập-quốc vậy. Nếu nói rằng sự tế-tự chỉ là hình-thức, không cần phải kính-trọng, thế thì nay thử hỏi: có một người đến làm con dâu trưởng trong một nhà kia, mà nhà ấy là nhà còn đương lấy sự tế-tự tổ tiên làm trọng, mà người con dâu trưởng ấy lại nói rằng tôi đây có lòng kính chồng, có lòng phụng-sự tổ-tiên nhà chồng, nhưng tôi không cần cúng dỗ tổ-tiên nhà chồng, gặp ngày kỵ-lạp tôi không dự đến. Như thế thì họ hàng con cháu ở nhà chồng, có thể thấy thế mà yên lòng được không?

Xét cho kỹ ra, thì làm thần-dân ở trong một nước quân-chủ như nước ta, muốn

giữ cho trọn cái nghĩa tôn-quân, thì trước hết phải giữ cái tinh-thần kính-thiên pháp-tổ, cũng như là người vợ muốn thờ chồng cho trọn đạo, thì trước hết phải thờ phụng cha mẹ tổ-tiên nhà chồng. Nếu nói rằng hết đạo thờ chồng mà thôi, chứ không biết đến cha mẹ tổ-tiên nhà chồng nữa, thì tưởng trong thế-gian quyết-nhiên không có cái đạo-lý nào như thế. Còn nếu nói rằng hết lòng trung-quân ái-quốc mà lại chống cự với cái căn-bản lập-quốc, phản-bội với cái tinh-thần quân-chủ, thì quốc-dân ta đáng lấy làm nghi-hoặc vậy. Ôi! trung-ái phải có bản-lĩnh, mà muốn gửi cái bản-lĩnh về đạo trung-ái, thì phải giữ cái tinh-thần lập-quốc của nước nhà.

B.-T. (Huế)

LƯỢC-KHẢO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ (1)

IX

III. — *Thủ-tiêu nguyên-án (Annulation)*

Các án có thể bị thủ-tiêu : là án của tòa sơ-cấp, đệ-nhị-cấp nghĩ-xử chung-thẩm.

Ai được xin thủ-tiêu ? — Các người đương-sự và quan Chưởng-lý.

Duyên-cớ để xin thủ-tiêu. — 1° *Lạm-quyền (incompétence).* — Lạm-quyền là nói một quan thẩm-phán nào nghĩ-xử một việc kiện thuộc về thẩm-quyền tòa-án khác, nhưng vẫn không ra khỏi ngoài vòng quyền-hạn tư-pháp.

2° *Việt-quyền (Excès de pouvoir).* — Việt-quyền là nói về một quan thẩm-phán nào làm một việc gì mà chiếu theo quyền-hạn tư-pháp thì không tòa-án nào được làm, như thế tức là vượt ra ngoài quyền-hạn của mình (2).

3° *Trái-luật (violation de la loi).* — Phải đủ 3 nguyên-lý sau này mới gọi là trái luật :

a) trước hết phải có *định-luật* đã làm thành luật-văn ;

b) sau phải có sự làm trái luật ấy.

c) sự trái luật cũng có khi gọi là sự trái phép tức là sự làm sai ý-tứ đã minh-định trong luật-văn (luật đây là luật-thư hoặc là chỉ-dụ, nghị-định mà đã có tuyên-bố thi-hành ; trong chữ tắc-lệ dùng trong điều 204 luật Hình-sự-tố-tụng và chữ định-lệnh qui-tắc dùng trong điều 86 luật Hình, tức cũng là luật) ; hay là khi gặp việc kiện nào mà viện-dụng một điều luật không hợp với việc kiện ấy, cũng là trái luật.

Kỳ-hạn được xin thủ-tiêu. — Cái hạn của người đương-sự được xin thủ-tiêu là hạn 5 ngày. Nếu án kết trước mặt người đương-sự, thì kể bắt đầu từ ngày sau ngày kết án ; nếu án không phải kết trước mặt người đương-sự, thì kể bắt đầu từ ngày sau ngày tống-đạt án ấy cho đích-thân hoặc trú-quán của người ấy. (Điều 67 H.S.T.T.)

Quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội khởi làm sự xin tiêu đối với các án đã nói ở trên, thì kỳ-hạn như sau này : Nếu người đương-sự đã có

(1) Xem *Nam-Phong* số 57, 58, 59, 60, 61, 67, 68, 69.

(2) Chữ lạm-quyền và chữ việt-quyền giải nghĩa như thế là để tách ra mà thôi. Kỳ-thực thì nghĩa cũng là một, vì rằng phàm toà-án nào mà xử một việc kiện gì không thuộc về thẩm-quyền mình thì tức là làm quá cái chức-vụ của mình (lạm-quyền) mà lại tức là vượt ra ngoài quyền-hành tư-pháp (việt-quyền).

xin thủ-tiêu, thì trong hạn 30 ngày kể từ sau khi buồng-giấy quan Chưởng-lý tiếp được bút-lục việc án; nếu người đương-sự không xin thủ-tiêu, thì trong hạn 60 ngày kể từ sau khi buồng-giấy quan Chưởng-lý tiếp được bản trích-lục án-hạ trình lên chiếu như thể-thức điều 207 (Điều 69 H. S. T. T.).

Hình-thức. — 1º) Các người đương-sự muốn khởi làm sự xin thủ-tiêu, thì phải khai-trình lên quan thẩm-phán tòa án nguyên-thẩm.

Khai-trình có thể khai miệng hoặc khai giấy, phải nói rõ cái duyên-cớ mà chức-thành ra sự lạm-quyền, hoặc việt-quyền, hoặc trái luật.

Không cứ trường-hợp nào, tiếp được sự khai-trình phải đăng-ký vào quyển sổ phòng lục-sự dùng về việc ấy, ngày đăng-ký tức là ngày xin thủ-tiêu (Điều 66 H. S. T. T.)

2º) Sự xin thủ-tiêu của quan Chưởng-lý, thì phải tống-đạt cho người phạm-tội hoặc người bị-can biết, và phải thông-tri cho quan chánh-thẩm-phán tòa nguyên-thẩm (Điều 70 H. S. T. T.).

Hiệu-lực của sự xin thủ-tiêu. — Vì có hạn xin thủ-tiêu và thủ-tục xin thủ-tiêu, mà thuộc về các án khinh-tội trọng-tội bị xin thủ-tiêu được triển-hoãn sự chấp-hành. (Điều 68 H. S. T. T.).

Luật chỉ nói « về các án trọng-tội khinh-tội. . . » Vậy án vi-cảnh bị xin thủ-tiêu thì không phải bị triển-hoãn chấp-hành.

Thủ-tục thẩm-phán. — Sự thủ-tiêu nguyên-án do tòa đệ-tam-cấp Hà-nội tổ-chức thành tòa Thượng-thẩm mà xử-lý.

Về việc thủ-tiêu, trong bút-lục phải cần có những giấy-má gì, thì chiếu điều 71 H. S. T. T. mà làm; cách trình giấy biện-minh thì chiếu điều 72; cách chuyển-sức nhật-kỳ thẩm-phán thì chiếu điều 73; cách xét - xử thì chiếu điều 74 H. S. T. T.

*
* *

Sự xin thủ-tiêu có thể sinh ra hai hiệu-lực như sau này:

1º Một là bị bác. — Điều 75 định rằng: Người xin thủ-tiêu mà thua kiện, thì không những bị nghĩ-xử phải chịu lệ-phí, mà lại bị nghĩ-xử phạt bạc 30 đồng thâu vào công-khố. Lệ ấy không thi cho sự xin thủ-tiêu của quan Chưởng-lý. (Điều 75 H. S. T. T.).

2º Một là được chuẩn. — Điều 76 định rằng: Khi nào tòa Thượng-thẩm chuẩn cho thủ-tiêu nguyên-án, thì việc án và bút-lục, hoặc giao-phó cho tòa nguyên-thẩm, hoặc vì duyên-cớ trọng-yếu mà giao-phó cho tòa án khác đồng-cấp với tòa nguyên-thẩm. Gặp trường-hợp giao-phó cho tòa án khác, thì trong thẩm-định phải biên rằng tòa Thượng-thẩm đã phán-đoán riêng về việc ấy.

Không cứ trường-hợp nào, phàm Toà-án nào đã tiếp-nhận việc giao-phó, thì phải tuân theo cái luật-điểm đã nghị-định trong định-lệnh của tòa Thượng-thẩm. Nhưng toà-án chịu giao-phó, cũng được có toàn-quyền tài-định về các điểm khác của việc án ấy, mà cái định-lệnh tân-thứ của toà-án ấy công-phán về tình-lý của sự-thực, có thể trái với cái định-lệnh tiên-thứ. (Điều 76 H. S. T. T.)

Nếu cái định-lệnh tân-thứ của toà-án chịu giao-phó kết-nghĩ ra mà phù-hợp với cái định-lệnh của toà Thượng-thẩm định về luật-điểm, thì đối với cái định-lệnh tân-thứ ấy không được lại xin thủ-tiêu nữa. (Điều 77 H. S. T. T.)

Sự xin thủ-tiêu làm lợi cho pháp-luật

Giải-nghĩa. — Sự xin thủ-tiêu nói đây là cốt để duy-trì lấy pháp-luật và

để phủ-chính lại sự lầm-lỗi của các toà-án.

Án nào được xin tiêu? — Án của sơ-cấp, đệ-nhị-cấp.

Duyên-cớ. — Cũng vì duyên-cớ đã định ở điều 65 H. S. T. T.

Kỳ-hạn. — Sự xin tiêu này làm ở ngoài cái kỳ-hạn luật-định của quan Chưởng-lý.

Hình-thức. — Chỉ có quan Chưởng-lý được tự đứng lên xin thủ-tiêu, hoặc theo lệnh quan Nam-án-thủ-hiến mà đứng làm.

Thủ-tục về sự xin tiêu này cũng theo như thủ-tục xin thủ-tiêu thường.

Hiệu-lực. — Sự xin thủ-tiêu mà được tuyên-nhận thì không cần phải giao-phó cho tòa-án nào đứng xử; trực tiếp do tòa thượng-thẩm đứng xử-lý lấy.

Sự xin tiêu ấy là làm lợi cho pháp-luật, vậy nên không làm lợi gì mà cũng không làm hại gì cho người đương-sự.

Song khi nào sự xin tiêu ấy làm theo lệnh quan Nam-án-thủ-hiến như điều 79 đã định, nếu xét ra án nghĩ-tội có trái qui-tắc luật Hình-sự-tố-tụng hay về sự chiếu luật-thi hình-phạt có chỗ sai-lầm, thì sẽ được vì sự thủ-tiêu ấy mà làm lợi cho người đương-sự.

IV. — *Tái-thẩm (revision)*

1º *Trường-hợp tái-thẩm.* — Khi nào án trọng-tội khinh-tội đã thành ra nhất-định rồi, nghĩa là đã hết hạn về phép chống-án thường rồi, thì có thể vì một trường-hợp sau này mà xin tái-thẩm.

1) Là thuộc về án nhân-mạng, sau khi đã kết rồi, lại có các thứ giấy-má đủ chứng ra rằng cái người cho là bị giết hãy còn sống.

Không có lẽ bị-nghĩ là án sát-nhân mà người cho là bị giết lại còn sống, tất phải thẩm lại án ấy.

2º) Là thuộc về án trọng-tội khinh-tội, sau khi đã kết rồi, lại có cái án khác kết-nghĩ người phạm khác cũng cùng một việc ấy; vì hai án ấy có trái nhau mà đủ chứng ra rằng trong có một bên bị-nghĩ chịu oan-uổng.

Về cùng một việc án trước sau kết nghĩ ra hai cái án tương-phản với nhau mà hai người bị-nghĩ cùng cho là người phạm về một việc, thì không có lẽ, tất là ở trong có xử lầm một người, nên phải thẩm lại.

3º) Là sau khi án đã kết rồi, có một người làm chứng về án ấy, bị người ta chỉ-trích phải nghĩ là tội giả-chứng hãm-hại người bị-can.

Người chứng bị nghĩ ấy không được lại làm chứng về khi tái-thẩm.

4º) Là sau khi án đã kết rồi, ngẫu-nhiên phát-sinh ra một việc hoặc tìm được giấy-má gì mà khi trước chưa biết đến, đủ làm minh-chứng là người bị-nghĩ chịu oan-uổng. (Điều 81 H. S T T.)

Ai được phép xin tái-thẩm?

Cần phải phân-biệt, thuộc về trường-hợp từ số 1 đến số 3 nói ở điều luật dẫn ở trên, thì có quyền được xin tái-thẩm là các hạng người sau này:

1) Quan Nam-án-thủ-hiến Bắc-kỳ;

2) Người bị-nghĩ; nếu người ấy không có năng-lực, thì thuộc về người đại-diện đúng phép của người ấy;

3) Nếu người bị-nghĩ đã chết hoặc vắng mặt, thì thuộc về người phối-ngẫu, con cái, cha, mẹ, người thừa-kế, người chịu tặng-dị hoặc người đã chịu sự minh-bạch-ủy-thác của người bị-nghĩ (điều 82 đoạn 1 và đoạn 2) luật H. S. T. T.).

Thủ-tục.

Thuộc về 3 trường-hợp trên thì do quan Chưởng-lý yêu-thỉnh tòa đệ-tam-cấp phải thụ-lý.

Sự yêu-thỉnh ấy là quan Chưởng-lý đứng làm theo mệnh-lệnh quan Nam-án-thủ-hiến, mà mệnh-lệnh ấy thì quan Thủ-hiến hoặc bằng chức-vụ hoặc nhân người đương-sự đứng xin.

Thuộc về trường-hợp số 4 nói ở điều trên, thì chỉ quan Nam-án-thủ-hiến có quyền xin tái-thẩm; nhưng quan Nam-án-thủ-hiến phải hỏi ý của một hội-đồng, rồi mới xử-trí; hội-đồng ấy có hai viên về ngạch tư-pháp Đại-Pháp của tòa Thượng-thẩm và một viên biện-hộ trạng-sư, mỗi đầu năm thì do quan Nam-án-thủ-hiến cử ra.

Hội-đồng lại có các viên dự-bị, hoặc khi đầu năm hoặc khi giữa năm cử ra, để phòng thay các viên hội-đồng đi vắng hay là bận việc. Những viên dự-bị ấy, nếu gặp khi tòa Thượng-thẩm thiếu người, thì có thể cử ra những quan tư-pháp về ngạch Đại-Pháp của tòa án thuộc-hạt sung vào (Điều 82, đoạn 2 đoạn 3, luật Hình-sự-tố-tụng).

Hiệu-lực và cách thức thẩm phán.

Nếu án chưa chấp-hành, thì từ khi đơn xin tái-thẩm đã trình ra trước tòa đệ-tam-cấp rồi, tự-nhiên chiếu pháp-luật được đình-hoãn sự chấp-hành.

Nếu vì án đã chấp-hành mà người bị-nghĩ hiện bị giam, thì có thể do mệnh-lệnh quan Nam-án-thủ-hiến sức đình-hoãn sự câu-giam cho đến khi tòa đệ-tam-cấp xử-trí (Điều 84, đoạn 3 đoạn 4 H. S. T. T.).

Khi tòa đệ-tam-cấp đã tiếp được đơn xin tái-thẩm, trước hết phải xét xem đơn xin tái-thẩm ấy có nên thụ-lý hay không. Nghĩa là phải xét xem đơn ấy khi xin có còn đúng hạn luật-định không. Hạn ấy là một năm, kể bắt đầu từ ngày quan Nam-án-thủ-hiến hoặc người đương-sự đã biết có cái trường-hợp được tái-thẩm.

Nếu quá hạn ấy thì đơn xin tái-thẩm không được thụ-lý.

Nếu chưa quá hạn mà được thụ-lý thì do tòa đệ-tam-cấp tùy tình-trạng việc án mà tuân-lệ chiếu-biện, có khi thì tự đứng xử-lý, có khi thì giao-phó cho một tòa án khác đứng xử-lý (xem điều 85-86-87-88 H. S. T. T.)

Cách xử lệ-phí. — Cái khoản lệ-phí về thủ-tục tái-thẩm, thuộc về thời-kỳ từ khi xin tái-thẩm cho đến khi có định-lệnh tuyên-cáo thụ-lý, thì do người xin tái-thẩm phải chi ra trước mà dự-ký tại phòng lục-sự tòa án đệ-tam-cấp; số dự-ký bao nhiêu do viên lục-sự định, nếu có dị-nghị thì do quan Chánh-thẩm-phán tòa ấy định. Thuộc về thời-kỳ từ sau khi có định-lệnh tuyên-cáo thụ-lý thì sẽ do công-khố Bắc-kỳ chi ra (điều 89 H. S. T. T.)

Nếu vì sự xin tái-thẩm mà án nhất-định mới kết-nghĩ về sau là án nghĩ-tội, thì án ấy sẽ phán-thị bắt người bị-nghĩ phải chịu tất cả những khoản lệ-phí của người xin tái-thẩm và của công-khố đã chi ra. Nếu án nhất-định kết-nghĩ về sau là án bác-khước sự xin tái-thẩm, thì án ấy sẽ phán-thị bắt người xin tái-thẩm phải chịu tất cả những khoản lệ-phí của người ấy và của công-khố đã chi ra (Điều 90 H. S. T. T.)

Niêm-yết án-văn. — Thẩm-định hoặc án-văn kết-nghĩ sau khi tái-thẩm, nếu có phát-minh ra cái án trước là nghĩ-xử oan-uổng, thì sẽ đem thẩm-định hoặc án-văn ấy niêm-yết ở nơi tỉnh-lỵ đã nguyên-thẩm án ấy cùng là niêm-yết ở nơi tỉnh-lỵ đã tái-thẩm án ấy, và đem niêm-yết ở làng sở-tại đã phát-sinh ra khinh-tội trọng-tội cùng là niêm-yết ở làng sở-tại chỗ trú-quán người xin tái-thẩm. Nếu khi nào vì sự sai-lầm của tư-pháp mà bị oan-uổng và người bị oan-uổng đã chết rồi, thì lại phải niêm ở làng sở-tại chỗ trú-quán cuối cùng của người bị oan uổng

Thuộc về cái phí niêm-yết ấy, do công-khố chịu. (Điều 91 H. S. T. T.)

CHƯƠNG THỨ IV

Chấp-hành việc án

Sao-lục án-văn, Phê-chuẩn chấp-hành.

Bản-thảo các định-lệnh tư-pháp của các tòa Nam-án Bắc-kỳ, phải do các quan thẩm-phán và viên lục-sự ký tên, trước khi chưa ký tên, không được cấp-phát bản toàn-sao hoặc bản trích-lục. (Điều 100 H. S. T. T.)

Về việc chấp-hành các án chỉ nghĩ-xử hình-phạt, thì trong luật chỉ nói bản *trích-lục* :

« Thuộc về các bản trích-lục những án nhất-định của toà sơ-cấp hoặc toà đệ-nhị-cấp nghĩ-xử về tội vi-cảnh hoặc khinh-tội hoặc trọng-tội, thì phải có chữ quan chánh-thẩm-phán của toà đã kết-án ấy phê chữ «chuẩn-cho chấp-hành.»

«Thuộc về các bản trích-lục những án của tòa đệ-tam-cấp, thì chữ phê cho chấp-hành ấy, do quan chánh-thẩm-phán toà ấy phê-chuẩn. » (Điều 101 luật Hình-Sự-Tố-Tụng.)

Gặp khi sau này thì mới dùng đến bản *toàn-sao*. Điều 106 luật H. S. T. T. định rằng :

« Phàm người bị-nghĩ đã có án nghĩ phải chịu bồi-khoản đền tổn-hại và giá vật-hạng gì cho người đương-sự bị-hại, thì người bị-hại được bằng theo cái án nghĩ mà chiếu qui-định riêng trong luật Dân-sự-thương-sự-tố-tụng đừng xin chấp-hành. » — Vậy thì phải chiếu điều 360 luật Dân-sự-thương-sự-tố-tụng định như sau này : « Chấp-hành định-lệnh tư-pháp án-kiện và mệnh-lệnh, thuộc về người và động-sản, thì chấp-hành bằng bản trích-lục; thuộc về án khác, thì chấp-hành bằng bản toàn-sao. Nhưng việc án thuộc về người và động-sản cũng có thể xin cấp-phát bản toàn-sao, duy khi cấp-phát bản toàn-sao, thì người mắc-nợ cũng chỉ nạp-phí về bản trích-lục mà thôi ; còn bao nhiêu do người chủ-nợ đừng xin phải chịu.»

Khi nào được khởi-sự chấp-hành ?

Ngoài trường-hợp định trong điều 205 thì không kể, còn những án về tội vi-cảnh, khinh-tội hoặc trọng-tội thì 24 giờ sau khi mãn-hạn kháng-tố, được đem chấp-hành (Điều 102 H. S. T. T.)

Nhưng mà phải nên phân-biệt như sau này :

1° Đối với người bị-can tại-ngoại thì theo qui-định điều 102 vừa dẫn ở trên.

2° Đối với người bị-can hiện giam-cứu, nếu cái kỳ-hạn giam-cứu người bị-can đã vừa cái kỳ-hạn hình-phạt, thì sau khi kết án nhất-định phải tha ngay người ấy.

Nếu cái kỳ-hạn giam cứu người bị-can đã vừa cái kỳ-hạn hình-phạt, thì gặp trường-hợp kháng-cáo dẫu chưa có án nhất-định của tòa đệ-tam-cấp, cũng được tha ngay người ấy. (Xem điều 103 đoạn 2 đoạn 3 H. S. T. T.)

Nghĩa là đối với người bị-nghĩ tại giam-cứu, thì phải chiếu cái kỳ-hạn giam-cứu mà khấu-trừ về cái kỳ-hạn hình-phạt. — Về một nghĩa ấy lại nên biết rằng người nào đã được tòa Nam-án kết án miễn-nghị, thì được tha ngay không cần phải đợi mãn kỳ-hạn kháng-cáo của quan Chưởng-lý. (Điều 104 H. S. T. T.)

3° Đối với người bị án xử-tử, thì quan Nam-án-thủ-hiến phải đem án-bản bút-lục và phụ tờ ý-kiến mình, trình lên quan Toàn-quyền, phải do quan Toàn-quyền sau khi kiểm-duyệt bút-lục và tờ ý-kiến ấy chuyển tư cho viện Cơ-mật để duyệt-tấu hậu-chỉ, và quan Toàn-quyền đã quyết-định không ân-chuẩn đặc-xá, mới

được đem ra chấp-hành (điều 205 H. S. T. T.)

Ai đứng chấp-hành?

Những án nghĩ-xử về khoản phạt bạc, và khoản lệ-phí, — không cứ do tòa án nào nghĩ-xử, — và những án tòa sơ-cấp đệ-nhị-cấp nghĩ-xử về hình-phạt bác-đoạt-tự-do, mà đã thành nhất-định rồi thì sẽ chiếu lời yêu-thỉnh và do sự chuyên-biện của quan Công-sứ hoặc quan Đại-lý bản-tỉnh mà chấp-hành. — Muốn đạt sự hành-vi ấy, viên lục-sự sẽ lấy bản trích-lục về án-văn, trong có chữ phê cho chấp-hành, mà ký-trình lên các quan ấy.

Những án của tòa đệ-tam-cấp nghĩ-xử về hình-phạt bác-đoạt-tự-do, thì chiếu lời yêu-thỉnh và do sự chuyên-biện của quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội mà chấp-hành. — Muốn đạt sự hành-vi ấy, viên lục-sự sẽ lấy bản trích-lục của án-văn trong có chữ phê cho chấp-hành mà ký-trình quan Chưởng-lý (điều 105 H. S. T. T.)

Phàm người bị-nghĩ đã có án nghĩ phải chịu bồi-khoản đền tổn-hại và giả vật-hạng gì cho người đương-sự bị-hại, thì người ấy phải tự nguyện tuân-hành, nếu không thì người bị-hại được bằng theo cái án-nghĩ mà chiếu qui-định riêng trong luật Dân-sự-thương-sự-tố-tụng đứng xin chấp-hành. (điều 106 H. S. T. T.)

Dùng cách câu-thúc để chấp-hành các án hình-sự.

Thuộc về sự câu-thúc thân-thể người bị-nghĩ để sách-hoàn những khoản tư-pháp lệ-phí, bạc phạt, bồi-khoản, thường-tổn-hại và giả các vật-hạng, thì bằng theo bản trích-lục của các án nghĩ-xử đã có chữ phê cho chấp-hành mà chiếu thể-lệ trong luật-hình qui-định về việc ấy, để chấp-hành.

Người đương-sự bị-hại muốn dùng các phương-pháp câu-thúc thân-thể về hình-sự, thì lại phải tuân-theo thể-lệ dự-ký tiền phí cấp-dưỡng định trong luật Dân-sự-thương-sự-tố-tụng (điều 107 H. S. T. T.)

(Còn nữa)

H. T.

NHÂN-VẬT TRUYỆN KIỀU (1)

III

V

Mắc lừa mụ Bạc lại sa vào lồng,
Gặp chàng Từ Hải đến sông Tiền-đường.

Gần mực thời đen, gần đèn thời rạng. Con người ta được ở gần kẻ hay thì ngày một hay, ở gần kẻ dở thì ngày một dở. Mình đi qua phố hàng mắm, nôn-nao trong lòng không sao chịu được mùi nặng xông lên, thế mà người nhà hàng mắm cả ngày cả đêm ngồi lên năm bảy chục chĩnh cá mắm, nào có lấy làm khó chịu đâu? Con người ta sinh-hoạt lâu ngày trong đám người *xấu* rồi dần-dần cũng quen mùi *xấu*, mà lâu ngày không biết cái *xấu* là *xấu* nữa, mà chính mình cũng đã biến ra cái xấu rồi. Hãn-hữu cũng có người gặp cảnh ấy mà vẫn giữ được cái tư-cách thanh-cao, nhưng những người như thế hiếm lắm, ta thường ví với giống hoa sen, mọc ở bùn lên, mà không nhiễm hơi bùn, và tặng một cái huy-hiệu rất quí-báu là *người quân-tử*,

(1) Xem *Nam-Phong* số 68 và 69.

Cô Kiều trước khi nhà lâm cảnh biến là một đóa hoa thơm-tho qui-giá vô-ngần, không biết rằng trong ba năm đóa hoa ấy phải giấu vào vũng bùn ô-uế Bình-khang, có khỏi nhiễm hơi bùn không nhỉ? Từ trước tới đây, nghĩa là từ khi cô Kiều tạm thoát cảnh thanh-lâu đến khi ra giữ Quan-âm-các thì ta chưa thấy cô làm một điều gì đáng chê, đáng trách. Nhưng từ khi cô bỏ Quan-âm-các mà đi, cô phạm mất mấy điều làm giảm cái phẩm-giá cô đi nhiều, khiến cho ta biết rằng cô cùng người *xấu* sinh-hoạt trong ba năm, cái nhân-cách cô đã có hạ đi mất đôi ba phần vậy. Tuy vậy ta cũng nên khen cô, vì một người con gái tầm-thường mà phải cái bước như cô thời không kẻ đã biến ra người *xấu hẳn* rồi vậy.

Nói về cô Kiều ra giữ Quan-âm-các cho Hoạn-thư, biết mình ở nơi miệng hùm nọc rắn không yên thân nào, nên định cao bay xa chạy. Nhưng đất khách một mình, tay không thời ăm no sao được? Cô nghĩ đi tính lại, thấy trước phật-đài, có chuông vàng khánh bạc, liền giắt vào mình trốn đi. Thế là cô phạm một cái tội cực-kỳ xấu-xa là *tội ăn trộm*! Cái tội cô là tội rất trọng, ta muốn bênh cô cũng không thể nào gỡ được tội cho cô. Đành rằng cô cùng quá, cô sợ đói rét nên phải làm liều, để cho qua bước khó-khăn, nhưng cái lẽ ấy không phải là lẽ chính-đáng! Dù phải chết mới giữ được toàn danh-dự, cũng phải chết mới đáng là người chứ! Cô Kiều thông-minh là thế, khôn-ngoan là thế, mà sao lại làm xằng vô-lý như thế? Cô muốn thoát-thân mà lại ăn trộm vàng bạc của người ta thì phỏng thoát làm sao được? Nếu Hoạn-thư không có chút từ-tâm mà cho người tầm-nã, thì phỏng cô có thoát không? Hoạn-thư không tầm-nã cô đã là may cho cô, thế mà cô cũng mang hại sau này chính vì đồ ăn trộm!

Cô Kiều phạm tội ăn trộm lại phạm luôn *tội nói dối*. Cô đi cả đêm, đến rạng đông vừa tới chùa « Chiêu-ẩn », cô vào chùa nói dối sư-trưởng rằng cô vốn là sư ở Bắc-kinh, bạn sư dạy đưa pháp-bảo sang hầu trước rồi cũng sang sau. Cô Kiều đoạn này cử động sao mà dỗ-dại hết cách? Phỏng nói dối như thế có ở yên được lâu không? Lâu ngày mà bạn sư không thấy đến thì nói làm sao? Giả-sử cô Kiều khi trốn đi tay không, đến đây kể nỗi khổ tình thương của mình, ắt hẳn nhà chùa mở lòng từ-bi mà tế-độ cho thì cô phải yên thân không? Có đâu đến nỗi sau này lại sa vào lầu-xanh lần nữa? Vả lại cái việc cô nói dối đây, có xét kỹ mới biết là tối-quan-trọng: nếu nhà Hoạn-thư cho truy-tầm cô, thấy cô ở chùa thì nhà sư tránh sao được cái tội chứa-chấp quân gian-phi, oa-trữ đồ ăn trộm? Có phải cô không định lừa mà hoá cô *lừa* người ta không?

Cô Kiều nương cửa Phật được ít lâu thì sự mình tiết-lộ, nhà chùa không dám chứa, nhưng nghe những nỗi gian-truân của cô cũng động lòng thương, nên nói giùm với nhà họ Bạc là người vẫn thường đi lại lễ-bái, xin cho cô tạm nhờ chỗ trú chân. Nhưng hại thay cho cô Kiều!

Nào ngờ cũng tổ bợm già,
Bạc-Bà học với Tú-Bà đồng-môn

Mụ Bạc thấy cô mặn phấn tươi son, lòng tham đã động, tính việc buôn-bán kiếm lời. Mưu sâu mụ đã rắp sẵn, nên điều này tiếng nọ, mụ đặt-để cho cô, để dọa cô, để dụ cô, cốt làm cho cô cùng-kế phải thuận lấy cháu mụ là Bạc-Hạnh. Mụ khoe cháu những:

Cửa hàng buôn bán châu Thai,
Thực-thà có một đơn-sai chẳng hề!

Mụ lại nói:

Thế nào nàng cũng phải nghe,
Thành-thân rồi sẽ liệu về châu Thai.

Cô Kiều đã mắc lừa một lần rồi, nay nghe đến chuyện lừa-dối mà ghê sợ; nhưng nay cùng đường biết tính làm sao? Thôi thời

Dù ai lòng có sở-cầu,
Tâm-minh xin quyết với nhau một lời!

Cô Kiều sao mà khờ dại thế? Những kẻ bất-lương há lại sợ lời thề ư?

Vậy cậu Bạc làm lễ thành-thân với cô xong rồi, rước cô xuống thuyền, đem cô sang châu Thai, bán cho phường buôn thịt! Thế là cô Kiều lại sa chân vào đống lửa nồng một lần nữa!

Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần!

Được ít lâu thì cô gặp Từ Hải ra tay giải-phóng cho.

. . .

Từ Hải sở-thích nhất hai chữ « *anh-hùng* », trong khi nói chuyện tự-xưng là *anh-hùng* có đến năm sáu lượt, chính Nguyễn Du tiên-sinh cũng có một đôi lần dùng chữ *anh-hùng* chỉ Từ Hải, người đọc truyện *Kiều* cũng nhiều người cho Từ Hải là một tay *anh-hùng*. Vậy Từ Hải có đáng là một bậc *anh-hùng* không? Cái tâm-lý Từ Hải có phải là tâm-lý một đấng *anh-hùng* không? Từ Hải có đủ tư-cách cho ta tôn làm một đứng *anh-hùng* không? Cái vấn-đề này thiết-tưởng phàm ai đã đọc truyện *Kiều* cũng phải nên giải-quyết cho được đích-đáng, vì nếu Từ thật là một đấng *anh-hùng* mà ta lại sơ-tâm cho là một người tầm-thường, thời chẳng hóa phí mất một cái *gương anh-hùng* đáng soi ư? Nếu Từ chỉ là người tầm-thường mà ta lại đem lòng kính-phục nhầm, bắt-chước bậy, chẳng hóa nguy lắm ư? Vì vậy trước khi ký-giả bàn đến cái vấn-đề quan-trọng này đã dụng-tâm hỏi ý-kiến nhiều người đã đọc truyện *Kiều*, thời tuy không được lời đáp nào đích-xác, nhưng cái ý của phần nhiều là chịu để cho Từ Hải hai chữ « *anh-hùng* ».

Nhưng xét ra thời phàm người hay không chịu đem cái hay của mình khoe-khoang bao giờ, mà « *hữu xạ tự-nhiên hương* », tiếng lành tự khắc đồn xa; những anh dở, muốn được cái tiếng hay, vì chính họ đã không hay thời mong đâu được lời khen tự-nhiên, mà chẳng phải tự-tôn tự-đại? Ký-giả thấy Từ Hải vào nhà thổ cũng tự-xưng là *anh-hùng*, với vợ cũng tự-xưng là *anh-hùng*, được ả giang-hồ khen-ngợi phỉnh-phờ mà cũng nở mày mặt lấy làm đắc-chí, thời ký-giả rất lấy làm ngờ cái *tư-cách*, *cái tâm-lý anh-hùng* của Từ lắm vậy.

Tuy rằng Từ-Hải

Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao,

thì cái diện-mạo cũng ra vẻ người anh-hùng thực, nhưng đó mới là cái hình-thức bề ngoài, lấy đấy mà đoán người thì chưa được đúng. Thiếu gì kẻ vũ-phu tầm-thường mà cái bộ mặt nó cũng được như thế?

Từ, khi động lòng bốn phương, thanh gươm yên ngựa, quyết-chí lên đường, dứt được tình quyến-luyến của người yêu, thì cũng là một người quả-quyết gan-góc, nhưng cái đức-tính ấy có khi kẻ vũ-phu tầm-thường cũng có được, có một cái đó chưa đủ gọi là *anh-hùng*.

Kể cái tài dùng binh của Từ thì cũng giỏi:

Côn-quyền hơn sức, lược-thao gồm tài,

Quân tướng đi đến đâu như trúc trẻ ngòi tan, binh-uy lừng-lẫy,

Trước cờ ai dám tranh-cường,
Năm năm hùng-cứ một phương hải-tần.

Nhưng có tài dùng binh, có võ-nghệ, có lược-thao mới đủ làm một *nhà võ-*

tướng giỏi, chứ *chưa đủ tôn lên đến bậc anh-hùng* được. Vì người *anh-hùng* là thế nào ?

Thi được những thủ-đoạn phi-thường, cái-thế việt-nhân, coi rẻ tính-mạng để làm việc *nghĩa*, khiến cho đời *kính-phục*, *hâm-mộ*, *tôn-trọng*, *bắt-chước*, thế mới là người *anh-hùng*. Dù cái thủ-đoạn của Từ có phi-thường, có cái-thế việt-nhân chăng nữa, dù Từ có cái can-đảm coi rẻ cái chết chăng nữa, nhưng hỏi Từ hành-động vì cái *nghĩa* chính-đáng gì ? Hay là chỉ vì cái lòng tham-dục riêng của hắn ? Từ có đáng cho đời hâm-mộ, kính-phục, tôn-trọng, bắt-chước không ? Huống-chi Từ Hải chỉ là một tay vũ-dũng hơn người, *hung-hăng quấy nhiễu mấy huyện nhỏ ở bãi bể*, để cướp bóc nhân-dân mà thôi. Từ Hải chỉ là một thằng giặc nhỏ quấy nước hại dân, một đứa vũ-phu quen thói vẫy-vùng, thích khoe-khoang, ưa nịnh-hót, mê nữ-sắc, hám tiền-tài. Từ hữu-dũng vô-mưu, vì nghe lời vợ chết là đáng kiếp !

. . .

Hồi này có một chỗ ta lấy làm khinh làm coi thường cô Kiều lắm, là chỗ báo-ân báo-oán. Từ là một thằng giặc, cô Kiều vì cảnh-ngộ bắt buộc, bất-đắc-dĩ kết-duyên cùng hắn thời ta cũng không trách gì. Nhưng cô lại nhờ cái oai-quyền một thằng giặc để đền ơn trả oán, thì tư-cách cô thật hèn-hạ, khí-cục cô thật nhỏ-nhen, tâm-địa cô thực tàn-nhẫn vậy. Phàm làm người đàn bà cốt giữ lấy *từ-tâm*, dù ai ở với mình khắc-bạc đến đâu, cũng vẫn một lòng từ-thiện, mới là người đàn-bà đáng kính, đáng yêu. Cô Kiều cử-động chỗ này rõ ra một người kỹ-nữ tầm-thường, vớ được một người tình-nhân tiền nhiều, nhiều cả thế-lực, dã vội lên mặt hách với bà con ! Thế mới biết cái tư-cách đê-hèn của bọn lầu-xanh cùng ở với cô khi trước có truyền-nhiễm sang cô một đôi chút vậy. Nhưng cô định hành-hình Hoạn-thư là người đã làm khổ cô hết cách, thế mà nghe lời Hoạn nói phải cũng rộng tha cho, thì biết cô cũng là người giỏi vậy.

. . .

Quan Tổng-đốc Hồ Tôn-Hiến vâng chỉ đánh giặc Từ, biết thế Từ đang hăng, mình địch không nổi, liền một mặt thuyết-hàng, mội mặt lẻ lót cô Kiều, rồi thừa-cơ lúc người ta vô-phòng mà chiến-thắng. Nghĩ mà thương thay cái *chức trọng-thần* của ngài ! mà tiếc thay cho cái *tài kinh-luân* của ngài ! Ngài ơn vua mũ vàng đai bạc, bổng hậu lộc cao, mà có một tên giặc cỏ sợ không dám đánh đáng trước mặt, phải lừa đánh sau lưng ! Tài kinh-luân ngài để làm gì, mà phải luồn lọt nhờ đến cái kế nữ-nhân hèn-hạ để mưu việc yên dân ? Cụ lớn ơi ! Cụ nỡ lòng nào lừa đảo một người nhi-nữ ? Người ta đã vì chữ trung khuyên chồng cởi giáp qui-hàng, mà sao cụ-lớn lại nỡ lòng thừa-cơ giết chồng người ta ? Khiến cho người ta mang tiếng là giết chồng ? Cụ-lớn muốn lập-công ư ? Cụ-lớn muốn được nhà vua khen ư ? Nhưng tiếng xấu muôn đời để lại, thì sao cụ-lớn không quan-tâm đến ? Nói thất-lễ cụ-lớn chứ cụ-lớn bậy thật ! Cụ-lớn tàn-nhẫn thực ! Cụ lớn lừa được người, cụ-lớn nhờ ba tấc lưỡi đàn-bà giết được giặc, cụ-lớn không nhọc mình mà lập được công to, thì cụ-lớn ăn mừng, nhưng cụ-lớn có biết rằng cái tiệc của cụ-lớn người ta coi như đám ma chồng người ta không ? Cụ-lớn có biết rằng cụ-lớn càng vui, càng mừng thì người ta càng đau, càng xót không ? Thế mà cụ-lớn nỡ bắt người ta thị-yến dưới màn ? Dở say lại ép người ta đánh đàn ? Rồi cụ-lớn lại gạ-gẫm người ta ? Ôi ! Cụ-lớn ! Ôi ! Cụ lớn ! . . .

Sáng hôm sau không biết cụ-lớn

muốn chữa thẹn hay cụ lớn hờn rồi cô Kiều mà cụ lớn đem cô ép gả cho người thổ-quan !

Cái cách cụ lớn hờn rồi hay nhỉ !
Cái cách cụ lớn chữa thẹn hay nhỉ !

Cô Kiều uất-ức tự-vẫn sông Tiền-đường... Thế là cụ lớn giết người đấy....

VI

Lại sang vườn Thúy, tơ chỉ duyên em,
Nghĩa cũ không quên, một nhà đoàn-tụ.

Suốt một đoạn đầu truyện *Kiều* chuyên tả cái ái-tình của cô Kiều với cậu Kim, nào cô tình-cờ gặp nhau, nào cậu cô tương-tư nhau, nào cậu cô trao đổi của tin, ghi lời vàng đá, đến khi vì chữ hiếu của cậu Kim mà cậu cô phải xa nhau cũng hãy còn hết lời gắn-bó đinh-ninh, thề vàng hẹn ngọc. Tới nay chốc đã mười-lăm năm trời, cô Kiều chìm đắm trong bể khổ bến mê, hai lần đầy-đọa lầu-xanh, hai lần ra thân tôi-tớ, mùi thế-vị chát, chua, cay, đắng, nồng, mặn, trải không còn thiếu chi, mà cũng vì chút lời gắn-bó với cậu Kim, nên cô Kiều càng thêm đau-đớn cực-khổ bội phần.

Cô Kiều nay đã đắm ngọc chìm châu rồi mà ta chưa được tin-tức cậu Kim. hay là cậu Kim đã quên lời ước cũ ? Hay là cậu Kim mới xa nhau đã vội quên nhau? Hay là cậu Kim đã gặp được cô nào mà vội có mới nới cũ ? Ta đọc truyện *Kiều* đến đoạn sông Tiền-đường tất-nhiên ta tự hỏi như thế, vì thế-gian ăn ở thủy-chung bất-nhất là thường. Thường-tình thì thiếu-niên nam-giới, đời nào cũng vậy, nước nào cũng vậy, trò-chuyện với tình-nương thời lời êm như đàn ngọt, viết thư cho tình-nương thời lời êm như hát hay, lời vàng tiếng ngọc, sắt đá đinh-ninh, tưởng chừng như trên thế-gian này không có ai chung-tình hơn nữa. Thế nhưng chung-tình miệng thì nhiều, chứ thực chung-tình hồ-dễ đã được mấy kẻ ?

Nhưng mà không, cậu Kim Trọng không đến nỗi như các cậu công-tử Bột ngày nay, cậu thực là người chung-tình có một, xứng-đáng với cái mảnh tình thâm của cô Kiều. Cô Kiều được một người chung-tình như cậu Kim, thời cô vì cậu mà trăm thảm nghìn sầu chăng nữa cũng là đáng vậy.

Kim Trọng về hộ-tang ba năm, đoạn tang thời cậu vội vàng lại sang vườn Thúy, nhưng mà phong-cảnh thấy khác xưa nhiều.

Đầy sân cỏ mọc lau thưa,
Song tràng quạnh-quẽ, vách mưa rã-rời.

Thế mới rõ chán ! Bốn bề vắng-vẻ, lặng-ngắt như tờ. Kim đang ngơ-ngẩn ngẩn-ngơ thì có người bên láng-diềng sang, hỏi ra mới biết đầu đuôi câu truyện.

Đều là sa-sút khó-khăn,
May thuê vá mướn kiếm ăn lần-hồi.

Cậu Kim nghe qua, xiết nỗi kinh-hoàng, chân tay bủn-rủn, như sét đánh lưng trời. Cậu tìm tới nơi nhà Vương di-trú thì thấy

Một sân đất cỏ dầm mưa,
Càng ngao-ngán nỗi, càng ngơ-ngẩn nhường !

Vương Quan dón vào nhà, ông bà viên-ngoại khóc-lóc thở-than, kể hết nỗi nhà gặp biến, nỗi con bán mình, cũng là lời dặn-dò của cô Kiều.

Khốn-nạn cho chàng Kim ! Chàng càng nghe nói, ruột càng rối như bòng-bong :

Vật mình rẽ gió tuôn mưa,
Đầm-đìa giọt ngọc thẫn-thờ hồn mai !
Đau-đòi đoạn, ngất đòi hồi,
Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.

Cả nhà hết lời khuyên-giải dỗ-dành, nhưng cái tình của cậu đối với cô Kiều đã thâm-thiết lắm, nên

Lửa phiền càng dập, càng khêu mối phiền !

Nghĩ đến tình-cảnh cậu Kim thời đáng thương thực! Của tin còn đó, người thời ở đâu? Càng trông thấy của xưa, càng nghĩ đến lời cũ, càng thương người bạc-mệnh, càng tức-tối trong gan, càng xót-xa trong ruột. « Giả-sử mình mà không phải xa ai, thì có đâu ai đến nỗi ra thân hoa trôi bèo rạt !

Chửa chăn gối, cũng vợ chồng !

Vậy còn ta, ta quyết tìm thấy nàng, ta mới nghe ! »

Kim Trọng rước mời ông bà Viên-ngoại sang nhà mình ở, để tiện ngày đêm thay nàng phụng-dưỡng. Chàng ăn ở như thế thực là chí-tình, mấy ai đã dám sánh ? Rồi chàng thuê người đi tìm kiếm nàng khắp nơi, nhưng

Người một nơi, hồi một nơi,
Mông-mênh nào biết bể trời nơi nao?

Khiến cho

Sinh càng thảm-thiết khát-khao,
Như nung gan sắt, như bào lòng son.

Khốn-nạn cho cậu Kim ! Ruột tằm ngày một héo, tinh-thần ngày một hao, sau người còm quá, chỉ còn một cái xác ve !

Thần-thơ lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm-bao !

Cha mẹ thấy vậy lấy làm lo, liền định ngày cưới Thúy-Vân cho cậu, họa là cậu có khuây-khỏa được chăng. Người yểu-điệu, khách văn-chương, trai tài gái sắc, đương thì xuân-xanh, tưởng rằng đã âu duyên mới thì nhạt dần tình xưa, nhưng

Tuy rằng vui chữ vu-qui,
Vui này để cắt sầu kia được nào ?

Cái tình chàng Kim đối với cô Kiều nặng thật ! Cái nhan-sắc cô chị mười thì cô em cũng được chín rưỡi, thế mà không đủ khiến được cậu khuây cái nỗi nhớ ai. Cách ít lâu cậu với Vương Quan đều tên đề kim-bảng, nhẹ bước thanh-vân. Nhưng cậu càng được hiển-vinh, cậu càng cảm thương người lưu-lạc.

Ấy ai hẹn ngọc thề vàng,
Bây giờ Kim-mã ngọc-đường với ai ?

Cậu Kim được bổ đi ngoại-nhậm Lâm-chi, nhưng lúc nào cậu cũng chỉ nghĩ đến cô Kiều, chỉ mong sao cho tìm được cô, nên khi đáo-nhậm, thăng-đường liền hỏi tra cho ra tin-tức. Tên lại-già họ Đô biết truyện, liền đầu đuôi thuật lại tường-tất cho Kim nghe, nhưng truyện nàng lão chỉ biết được cái khúc từ khi nàng lạc-loài vào tay mụ Tú đến khi nàng gặp Từ Hải báo oán đền ơn mà thôi, còn sau thời không rõ. Chàng Kim nghe hết đầu đuôi, lòng càng thiều-não, xót cho ai chìm nổi bơ-vơ, nợ trần-thế trả bao giờ cho hết !

Chàng cũng đã

Rắp mong treo ấn từ quan,
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua.
Rắn mình vào đám cau-qua,
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau !

Nhưng mà cả nước, chim trời, vực sâu, trời thẳm, biết đâu mà tìm? Bởi vậy cho nên chàng vẫn còn nấn-ná... Sau Kim được sắc cải-nhậm Nam-bình, mà Vương thì cải-nhậm Thú-dương, hai nhà cùng thuận một đường đi phó-nhậm. Kim với Vương nghe tin giặc đã tan, bàn rủ nhau sang Hàng-châu tìm nàng, thì được tin nàng đã trầm mình ở sông Tiền rồi.

Thương ôi ! không hợp mà tan,
Một mình vinh-hiển riêng oan một nàng !

Cả nhà xót thương không kể xiết, liền lập đàn-tràng bên sông để giải-oan cho nàng. Bỗng đâu Giác-Duyên tìm tới, mới được biết rằng nàng Kiều

đã gặp người cứu thoát, hiện đang nương-náu ở chốn thảo-am.

Nghe tin nở mặt nở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chăng ?

Hoa đã rụng, hương đã bay, biết dâu kiếp này còn thấy mặt ? Âm-dương đã chắc rằng đôi ngả, thế mà người cửu-nguyên nay lại thấy ở trần-gian !

Thế là một nhà xum-họp, vui-vẻ xiết bao !

Nỗi mừng biết lấy chi cân,
Lời tan-hợp, chuyện xa gần thiếu đâu ?

Cô Kiều xin ở lại tu-hành, vì

Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi !

Nhưng cha mẹ dỗ-dành, cô nể lời cũng phải chiều lòng vậy.

. . .

Cô Kiều đã đem thân gửi ngọn sóng Tiền-đường, không phải vô-cố mà hãy còn trên dương-thế. Giác-Duyên từ khi bất-đắc-dĩ phải trả nàng, vẫn lấy làm thương người hiếu-nữ mang kiếp đoạn-trường. Khi người đi vân-du có gặp Tam-hợp-đạo-cô, mới đem sự nàng mà hỏi, thì đạo-cô bảo có muốn cứu nàng thì khá đợi ở bên sông Tiền-đường. Giác-Duyên mừng-rỡ, liền cất một túp nhà tranh bên dòng nước biếc, và

Thuê năm, ngư-phủ hai người,
Bóng thuyền chực bến, kết chài giăng sông.

Sư bà đã có lòng cứu người, thì dù mất công chờ đợi cũng không quản, nên vớt được nàng Kiều. Phúc-đức thay sư Giác-Duyên ! Cao-thượng thay đạo Phật ! Tu như Giác-Duyên mới là chân-tu ! Cái chỗ đạo Phật hay nhất, cao nhất, có ích nhất cho người đời là cái nghĩa « *cứu-nhân độ-thế* ». Nếu đạo Phật vì cái thuyết « *sắc, không* » cùng thuyết « *đời người là khổ, là nguồn mọi sự khổ* » mà chỉ dạy người tu-hành tìm đường thoát riêng lấy một thân mình, thì đạo Phật chẳng hóa ra một đạo thấp kém, một đạo tư-kỷ lắm ru ? Nhưng mà không. Người tu-hành nghĩa là người đã biết cái lầm của người đời, cái nguồn khổ-não của chúng-sinh, nghĩa là người *tỉnh*, biết lánh mình ra ngoài cõi tục, thì một là tu lấy thân mình, hai là đem bè từ cứu vớt lấy những kẻ đang chìm-nổi ở bến mê bể khổ. Quên hẳn mình để tế-độ cho người, thế mới là chân-tu. Như Giác-Duyên mới đáng gọi là người tu-hành vậy. Ấy đạo Phật hay là thế, người nước ta phần nhiều theo đạo Phật chẳng phải là may lắm ru ! Nhưng trông quang-cảnh đạo Phật mà chán ngắt, mà buồn tênh ! Người tu-hành ngày nay mấy người đáng gọi là chân-tu ? Mấy người hiểu thấu giáo-lý, mấy người biết đem cái nghĩa « *cứu-nhân độ-thế* » ra mà thực-hành ? Não lòng chưa ! Những chuyện sư mặc tây, sư xem hát, sư đánh bạc, sư chơi gái. . . . ngày nay không phải ít ! Biết bao chùa lợi-dụng cái lòng khuynh-hướng của bọn phụ-nữ về việc đồng-bóng, mà đem chùa-chiền làm nơi bán thánh buôn thần ! Thậm-chí người thức-giả, tuy vẫn biết tôn-giáo là cần, nhất là cần cho đàn-bà con-trẻ, mà vợ con có đi chùa cũng lấy làm ngại, ngại vì đã từng thấy sư bất-chính quyến-dụ tín-nữ thập-phương, ngại vì con ma đồng-bóng mà nó gần các bà các cô là nó ám-ảnh ngay, mà nó đã ám-ảnh thì dứt không ra nữa. . . . Biết bao giờ Phật-giáo ở nước ta chấn-chỉnh lại được, khởi-hưng lên được ? Cái vấn-đề ấy rất quan-hệ đến vận-mệnh đạo-đức trong quốc-dân, vì Phật-giáo mà suy-đồi, thì nền đạo-đức cũng khó đứng vững, các nhà trí-thức có thế-lực trong nước, há lại không nên quan-tâm đến hay sao ?

. . .

Nhà Vương mở tiệc đoàn-viên. Khi

chén cúc đã dở say, cô Vân đứng lên dãi bày tâm-sự, xin Kim Kiều sớm kíp xe tơ. Nhưng mà cô chị vội gạt ngay cô em đi mà rằng :

« Một lời tuy có ước xưa,
Xét mình dãi gió đầu mưa đã nhiều.

Thôi, chuyện ấy xin đừng nói tới nữa mà thêm thẹn mặt ».

Nhưng cậu Kim cả-quyết đáp :

Dẫu rằng vật đổi sao dời,
Tử sinh cũng giữ lấy lời tử sinh.

Ta muốn rõ cái tâm-lý của cô Kiều, ta nên để ý vào mấy câu cô trả lời Kim Trọng :

« Trong đạo vợ chồng, cốt nhất chữ *Trinh*, thế mà

Thiếp từ ngộ-biến đến giờ,
Ong qua bướm lại đã thừa xấu-xa.

Thời duốc-hoa với chàng hà chẳng thẹn lắm ru ?

Đã hay chàng nặng vì tình'
Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru !

Thôi thì thiếp chẳng đi tu, cũng nên coi như là đi tu rồi. Dù chàng có nghĩ tới tình xưa nghĩa cũ, thì xin đem tình cầm-sắt đổi ra cầm-kỳ cũng là đủ.

Nói chi kết tóc xe tơ,
Đã buồn cả ruột mà dơ cả đời !»

Nhưng chàng Kim chỉ đà quyết một, liền nói : «Khi ngộ-biến, thì phải tòng-quyền, việc thế tất-nhiên phải thế.

Như nàng lấy *hiếu* làm *trinh*,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay ?

Ta đã gặp được nhau rồi, hà lại bẵng-hờ được ru ? »

Vậy cô Kiều cũng chiều ý vâng lời... nhưng đến-khi động-phòng hoa-chúc mới tỏ bày tâm-sự :

« Nghĩ chàng nghĩa cũ tình xưa,
Chiều lòng gọi có xướng tùy mảy-may,

chứ riêng lòng thiếp, đã lấy làm mặt dày mày dạn lắm. Vẻ gì hương thải hoa thừa, xin chàng cho thiếp được giữ lấy chữ *trinh* cho trọn vẹn.

Cửa nhà dù tính mai sau,
Thì đà em đó, lọ cầu chị đây ?»

Kim nghe lời cả quyết càng thêm kính-phục muôn phần !

. . .

Truyện cô Kiều thế là hết, tâm-lý cô Kiều ta đã tùy cảnh-ngộ cô mà biện-luận, nhưng trước khi dừng bút còn một điều này ta tưởng nên bàn một đôi câu là : *cô Kiều đối với chữ Trinh thế nào ?*

Chữ *trinh* đáng giá nghìn vàng, nước ta cũng như nước Tàu, trong các đức-tính người đàn-bà, quí nhất có chữ *trinh*. Người đàn-bà dù xấu, dù hèn, mà giữ trọn được chữ *trinh* thời cũng được xã-hội yêu-vì ; người đàn bà dù đẹp dù sang, mà không giữ trọn được chữ *trinh* thời xã-hội xem thường, coi rẻ, bỉ-báng khinh-khi. Vậy thế nào là *trinh-tiết* ? Trước khi lấy chồng, tấm thân trong sạch, khi lấy chồng rồi cùng sau khi chồng thất-lộc cũng giữ được trăng tròn vành-vạnh, gương sạch lầu-lầu, thế là chữ *trinh* trọn vẹn. Cô Kiều hai lần ở lầu-xanh, thiếu chi ong bướm mận đào, mấy trăng mà chẳng khuyết, mấy hoa mà không tàn ? Nhưng xét ra thì

Như nàng lấy *hiếu* làm *trinh*,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay.

Nếu lúc gặp cơn gia-biến mà cô Kiều bo-bo giữ lấy chữ *trinh*, tất khôn toàn chữ *hiếu*, thời chữ *trinh* có dù giữ được, nhưng phỏng có giá-trị gì không ? Thế mới biết khi thường thời vậy, chứ khi ngộ-biến tất phải tòng-quyền.

Cô Kiều tuy ong bướm lại qua, nhưng trong khi mưa gió

Nghĩ mình nào biết có xuân là gì ?

Thời tuy thân phải trả nợ đời, mà tấm lòng cô vẫn giữ được mười phần trong

sạch. Đến khi nạn xưa đã hết, gặp được chàng Kim, cô có nề lời chàng mà kết duyên chồng vợ, nhưng nghĩ cái thân mình đã nhiều ong lại bướm qua, quyết không để cho người tình - chung phải bẻ hoa cuối mùa, vớt hương dưới đất. Tuy-nhiên về phần tinh-thần, chàng Kim cũng biết cho nàng là

Gương trong chẳng chút bụi trần,

mà nàng cũng tự biết mình được như thế, nên đôi bạn tri-âm kia kết-hợp cùng nhau là về phương-diện tinh-thần vậy.

Lọ là chăn gối mới ra sắt cầm ?

Cao-thượng thay một đôi người ngọc !

Cho hay thục-nữ chí cao,
Phải người sớm muộn tối đào như ai ?
Hai tình vẹn cả hòa hai,
Chẳng trong chăn gối cũng ngoài cầm-thư.
Khi chén rượu, khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
Ba sinh đã phỉ mười nguyền. . .

VŨ ĐÌNH-LONG

Giáo-học trường Pháp-Việt Hà-đông

NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA MỘT NHÀ CHẾ-TẠO TRỨ-DANH

ÔNG THOMAS EDISON(1)

II

THOMAS EDISON sắp đến mười-bảy tuổi. Mấy tháng làm ở đoàn xe-hỏa chạy « Ca-na-da đến Mĩ-chi-lan », THOMAS được đọc sách nhiều và được kinh-lịch nhiều, nên kiến-văn đã khá. Người « xếp ga » mà THOMAS cứu dứa con khỏi bị nạn lại hết sức dạy THOMAS cách thông tin-tức bằng máy điện. Vì vậy nên THOMAS hỏi xin một việc trong tòa điện-báo của hãng xe-lửa chạy Mĩ-chi-lan thì được ngay lập-tức. THOMAS được coi riêng một sở giây-thép, nhưng làm việc về đêm. Từ khi được giữ việc này thì rất lấy làm vui mừng, vì các cơ-quan trong máy nay tha-hồ được tự-do xem-xét. Tuy làm việc, nhưng óc mơ-màng mưu tính những sự khác, nên công việc cũng có khi trễ nải.

Làm việc ở đây được ít lâu thì THOMAS phải đổi đi *Louiville*, rồi lại đổi ra *Cincinnati*, sau lại ra *Stratford*. Đến đây là chỗ công chế-tạo của THOMAS thành kết-quả. Ở đấy cũng giữ việc làm đêm, nhưng không phải những nỗi khó chịu như nơi khác, vì rằng ở đấy có một người đồng-sự với THOMAS, tuy cũng có thói ghen-ghét, nhưng được cái tính không hay nói. Anh chàng này người ương-gàn, không nói thì thôi, chứ đã nói thì nhiều khi rất nhố-nhăng, và cách cử-chỉ lại rất tì-mỉ như là đếm vậy.

Người ta đã gọi anh ta là « anh bồ-din có lô-so ». THOMAS được người đồng-sự không làm bận đến sự nghĩ-ngợi của mình thì cũng lấy làm mừng. Thường để trí về việc riêng của mình hơn là việc ở sở, nên sự biếng việc của THOMAS đến tai quan chánh sở giây-thép, một hôm quan chánh gọi đến buồng giấy mà dặn rằng :

Việc làm đêm của anh cũng không bận cho lắm, nhưng mà lúc nào anh cũng phải có mặt ở đấy mới được. Cho được biết anh vẫn ở sở giây-thép luôn trong giờ làm việc thì cứ nửa giờ anh phải đánh một tiếng sang sở giây-thép bên cạnh.

(1) Xem *Nam-Phong* kỳ trước, số 69, trang 220-227.

Thomas lúc đó mặt đỏ bằng lên. Quan chánh lại mỉm cười mà nói thêm rằng :

— Tôi bảo thế không phải là bắt anh làm thêm một việc gì nặng nhọc cho anh đâu, ý tôi là muốn giúp anh đấy. Cái trí anh còn non-nớt mà anh hay nghĩ viển-vông, có bận việc luôn thì nó cũng bớt cái tính mơ-màng ấy đi.

Thomas nghe vậy chào rồi lui ra, chẳng nói lại một lời. Đêm hôm đó Thomas tìm cách giữ lấy sự tự-do của mình mà không trái lời quan chánh. Có phải là Thomas mượn người giúp việc không ? Không phải thế. Thomas nghĩ ra được một cai máy nhỏ rất đơn-sơ và rất tài-tình. Cứ mỗi một nửa giờ đồng-hồ thì cái kim lớn vừa chạm vào máy, cái máy lại chuyển-động. Thế là Thomas Edison lấy cái kim đồng-hồ mà thay được người. Nhưng khốn thay, lại không được yên mà ở đấy làm việc, cách ít lâu phải đổi ra *Memphis*. Việc này có phải rằng tự «anh bồ-dìn lò-so» kia ngày thường không hay nói mà lần này lại tò-mò bép-sép chăng ? Hay là ngày hôm sau quan chánh giây-thép đó biết cái cách tinh-xảo của Thomas chăng ?...

Ở tòa điện-báo *Memphis* thì người đồng-sự Thomas không giống như người đồng-sự trước. Anh này thì hay cười, hay nói, lại có tính tò-mò tinh-quái. Tên gọi là Tun, nghĩa là cái thùng, thật là giống với người và tính anh chàng quá.

Tuy anh chàng hay bông-lơn bỡn-cợt, nhưng không làm cho Thomas động-tâm. Vị thần «chế-tạo» bao giờ cũng ở trong óc Thomas. Lần này thì nghĩ ra được cách truyền ngay một lúc hai cái điện-tín hai ngả đối nhau, cũng trên một đường giây-thép.

Sự sáng-nghĩ ấy hồi bấy giờ lại cho là vô-lý, vì về thời-đại đó (năm 1864) khoa điện-học chưa được tấn-tới như ngày nay.

Một hôm, Thomas xin vào yết quan chánh giây-thép tỉnh *Memphis*. Quan chánh này tính rất lãnh-đạm, nhưng rất công-bằng, ngài tin rằng những người làm dưới quyền ngài không khi nào có được cái biết-kiến gì về điện-học khác với những điều trong sách dạy. Quan chánh thấy Thomas vào buồng giấy, mình bèn hỏi một cách mát-mẻ rằng :

— Có phải anh ở *Memphis* đã chán rồi không ? Anh ở *Michigan* đổi ra *Louisville*, rồi ở *Cincinnati* ra *Stratford*. Anh đổi chỗ làm luôn luôn thôi...

Thomas sẽ dịu-dàng đáp lại :

— Thưa ông, tôi ở *Memphis* này lấy làm ưng-ý lắm.

— Vậy anh muốn phàn-nàn về người nào ở đây chăng ?

— Thưa ông, không.

— Hay là anh muốn sự gì ? Có phải lương tháng anh không đủ tiêu không?

— Thưa ông, không phải thế.

Quan chánh xem ra sắc mặt đã khác lúc thường, nên hỏi sẵng rằng :

— Vậy thì anh muốn gì ? Anh có thể nói cho tôi rõ vì lẽ gì mà anh có phép làm mất thì giờ của anh, mà nhất là mất thì giờ của tôi.

Thomas lúc này đáp lại một cách chững-chạc rằng :

— Thưa ông, hôm nay tôi vào đây là để thưa với ông rằng tôi mới tìm được một việc xem ra cũng hữu-ích...

— À ! Anh này là nhà sáng-tạo chắc !

— Thưa ông, tôi chưa được là nhà sáng-tạo, nhưng tôi dám chắc rằng một ngày kia tôi sẽ là nhà sáng-tạo.

— Vậy anh tìm được việc gì hữu-ích, anh nói tôi nghe ?

THOMAS hơi đỏ mặt mà đáp rằng :

— Thưa ông, tôi đã tìm được cách truyền hai cái điện-tín hai ngả đối nhau mà cùng trên một đường giây-thép.

Quan chánh giây-thép nghe vậy, ngồi ngay người ra mà rằng :

— Hai cái điện-tín hai ngả khác nhau mà cùng trên một đường giây-thép ! Anh này dồ rồi ! Hay là anh muốn chế-nhạo tôi chăng ? Nếu vậy thì có lẽ không hay cho anh lắm !

THOMAS bèn biện-bạch rõ-ràng về sự phát-minh của mình cho quan chánh nghe. Không những thuyết-minh mà thôi, THOMAS lại vẽ cái kiểu ra giấy nữa.

Nghe lời thuyết-minh và trông cái kiểu vẽ xong, quan chánh so vai mà rằng :

— Tôi đã bảo anh là dồ mà, có sai đâu. Này tôi khuyên anh điều này hữu-ích, nhé! nên chuyên vào việc làm như thường thì hay hơn. Đừng nên mơ-màng tưởng-tượng xằng như thế này nữa. Mà nhất là lần sau đừng làm mất thì giờ của tôi nữa, vì thì giờ của tôi là quí lắm !

THOMAS về buồng giấy mình lấy làm buồn bực vô-cùng vì bị người đối với mình một cách khiếm-nhã như thế. Tuy vậy nhưng THOMAS vẫn tin rằng sự sáng-kiến của mình là có thể thực-hành được, Tin đến nỗi không thể cầm trí mà không giãi-bày cái sự vừa xảy ra cho bạn đồng-sự bên cạnh nghe. « Thùng » ta nghe vậy phì cười, rồi khôi-hài những câu trọc tức. Sau anh chàng phồng má mà rằng :

— Anh tưởng việc chúng mình làm dã dễ lắm đấy, mà lại còn muốn làm cho bối-rối thêm !

Nói vậy rồi vừa cười vừa nói, bảo THOMAS nói cho nghe sự phát-minh đó. THOMAS thấy người nói khích tức khí, bèn thuyết-minh và vẽ cẩn-thận sự phát-minh của mình cho anh kia xem. Bác ký « Thùng » nghe xong rồi lại khôi-hài chế-nhạo. Nhưng đến ngày hôm sau, bác ta vội mang cái kiểu máy của THOMAS mới nghĩ ra đến sở thu thuế môn-bài tỉnh *Memphis* để xin một cái bằng nhận-thực rằng chính hắn đã nghĩ chế ra.

Sau THOMAS được tin ấy, thề rằng từ giờ trở đi không hề cho ai biết sự phát-minh của mình, đợi cho khi nào được bằng nhận-thực sẽ hay. Nhưng cũng không vì thế mà nản, sau lại nghĩ được cách truyền điện-tín thông hai cái xe-lửa đang chạy với nhau.

Việc này thuyết-minh trên tờ giấy thì dễ, nhưng đến lúc thực-hành thì rất khó. Sau THOMAS ngỏ cái ý của mình cho quan chánh sở xe-lửa biết.

Quan Chánh sở xe-lửa nghe lời thuyết-minh của THOMAS xong rồi nói :

— Tôi hiểu sự lợi-ích việc phát-minh của ông rồi. Ông là người có tài đấy, nhưng tôi không biết rõ ông định mong tôi giúp ông được gì.

THOMAS nói ngay rằng :

— Thưa ngài, việc tôi nhờ ngài thì rất dễ, là ngài làm ơn cho tôi mượn ngài hai cái xe-lửa để thí-nghiệm. . .

Quan Chánh xe-lửa giơ hai tay lên mà rằng:

— Hai cái xe-lửa, chỉ có thế thôi ư ? . . .

— Thưa ngài, tôi chỉ mượn ngài một lúc thôi, mà cũng không xảy ra sự gì nguy-hiểm cả.

Thế là quan chánh sở xe-lửa bằng lòng cho THOMAS mượn hai cái xe-lửa để thí-nghiệm. THOMAS tính trên giấy thì đúng lắm, nhưng đặt máy để thí-

nghiệm thì không đúng, nên lúc thí-nghiệm thì hai cái xe-lửa gặp đụng phải nhau.

May việc xẩy ra không hại gì cho lắm, nhưng việc hại nhất là THOMAS không được làm ở sở ấy nữa.

THOMAS ra *New-York* trọ trong một cái hàng cơm nhỏ, thì gặp một người thân-hữu, bèn kể chuyện cho bạn nghe.

Người bạn nghe xong, hỏi :

— Vậy ra hai cái xe-hỏa đụng phải nhau, à ?

THOMAS trả lời một cách buồn rầu rằng :

— Đụng nhau và lại hư-hỏng nhiều nữa.

— Nhưng thế thì càng hay lắm...

— Khốn thay, việc xẩy ra như thế không phải chỉ ở trong nhà ga tỉnh *Memphis* mà thôi, nó lại lan đi xa nữa. Trong các nhật-báo cũng có nói đến việc này.

Nói vậy rồi THOMAS móc túi lấy tờ nhật-trình chỉ cho bạn xem cái bài nói về việc thí-nghiệm của mình.

Người bạn xem xong cất tiếng mà rằng :

— Càng hay lắm ! Càng hay lắm, chứ sao !

THOMAS đứng ngây người ra, có vẻ buồn-rầu nghĩ-ngợi, thì người bạn sẽ nắm lấy cánh THOMAS mà úy-lạo rằng :

— Thế bác không hiểu việc ấy rồi. Ở đời này, mà nhất là ở Mĩ-châu này, người nào làm được việc gì có tiếng-tăm là thường được nhiều người chú-ý đến. Cái việc hai cái xe hỏa gặp nhau mà bác cho là không may cho sự tương-lai bác, thì bác tưởng lầm. Việc đó có lẽ rất hay cho sự-nghiệp bác sau này. Vẫn biết rằng sự quảng-cáo nào mà không đáng sự thực thì cái hiệu-quả không hay. Nhưng tôi biết bác, biết cái tài sáng-kiến của bác và lại biết chắc rằng nay bác đã đạt tới mục-đích rồi. Vậy thì cái việc quảng-cáo kia không phải là không đúng sự thực, không phải là không có hiệu-quả hay. Tôi dám quyết rằng chẳng bao lâu nữa mà bác sẽ được hưởng sự vinh-hoa phú-quí.

THOMAS nghe vậy thở dài mà rằng :

— Bác muốn yên-ủi tôi như là lấy chuyện thần-tiên mà nói cho trẻ con nghe, nhưng tôi không thể yên-ủi được. Tôi cảm ơn bác, vì tôi vẫn biết bác có lòng tốt với tôi.

∴

Đang lúc THOMAS nghe bạn khuyến-khích ở cái hàng cơm nhỏ trong tỉnh *New-York* thì có ba nhà phú-hào đang cùng nhau vào cái « câu-lạc-bộ » to nhất trong tỉnh. Ba nhà phú-hào này là ông CROOK, ông LOOP, và ông WOOD. Ba ông này ngày nào cũng đúng giờ ấy đến « câu-lạc-bộ » một giờ thì vừa để hút thuốc sì-gà vừa để nói những công-việc và tin-tức của mình, một giờ thì để giải-trí hoặc xem báo, hoặc đánh bài. Ba nhà phú-hào này quí thì-giờ đến nỗi hễ nghe đồng-hồ vừa đánh hết giờ thứ hai là vàn bài vui đến đâu cũng bỏ dấy đi về. Nhưng mấy ông này ngoài cái tính ái-tích thì-giờ như thế, lại còn nhiều tính hay nữa : Khiêm-nhượng, hay làm và hay giúp việc. Không những thế mà thôi, hễ việc gì mà có thể làm cho nước được cường-thịnh vẻ-vang, là ba ông đều nhất-tâm để trí. Ông CROOK làm giám-đốc « Công-ti tài-chính (*Compagnie financière*) ; ông LOOP là chủ một nhà ngân-hàng to có tiếng, và ông WOOD là quản-lý hội điện-tín về phía Tây nước Mĩ.

Ba ông vào trong « câu-lạc-bộ » bắt tay mấy người quen xong, lấy sì-gà hút, rồi nói đến những tin-tức thành *New-York*. Bỗng chốc, ông CROOK móc tờ nhật-trình trong túi ra mà rằng :

— Hai bác đã xem bài nói đến việc

thí-nghiệm thông điện-tín hai cái xe-lửa sang nhau, chưa ?

Ông Loop nói :

— Có, vui lắm ! Việc đó rồi đến hai cái xe-lửa đụng phải nhau.

Ông Wood mỉm cười mà rằng :

— Có thể nói rằng việc xảy ra đó là một việc xảy ra đáng ca-tụng, vì cái sáng-kiến ấy rất tài và cứ như ý tôi thì cái sáng-kiến ấy có thể thực - hành được.

Ông Loop nói :

— Nhà sáng-tạo ấy hãy còn trẻ lắm. Giả-sử được dò hỏi kỹ-càng về việc ấy thì rất hay. Người này làm ở Công-ti xe-lửa tỉnh *Memphis*, vì việc xảy ra ấy nên không được làm nữa. . .

Ông Crook nói rằng :

— Giá vào tôi thì tôi tăng lương ngay cho người thông-minh can-đảm ấy.

Ông Wood hỏi :

— Vậy bác có biết tên nhà thanh-niên sáng-tạo ấy là gì không ?

Ông Loop đáp :

— Tên người ấy là Thomas Edison, trọ ở hàng cơm « *Cross-Street* », lại là bạn thân với một người làm với tôi.

Ông Crook và ông Wood nghe vậy bèn lấy quyển sổ nhỏ ghi tên và chỗ ở nhà thiếu-niên ấy.

Biên xong rồi, ông Wood gật đầu mà rằng :

— Tôi tưởng cái tên Thomas Edison là nên nhớ.

Ông Crook cho là phải, nói thêm :

— Mà phải ghi lấy mới được.

Vừa lúc ấy thì cái đồng-hồ vừa đánh một giờ, ba nhà phú - hào đó ra đánh bài. Hết giờ đó thì ba người ra về làm việc.

Khi ông Crook về đến bàn giấy thì được tin rằng cái « đồng-hồ máy để báo các thị-giá » (*l'indicateur mécanique du cours des valeurs*) của ông bị hỏng, đang lúc bận việc cần đến. Cái máy này phiền-phức lắm và muốn chữa lại cho mau thì khó lòng lắm. Tuy ông Crook cũng biết vậy, nhưng ông cũng sai người đi gọi Thomas Edison, ông nói :

— Đây chỗ ở người ấy đây. Có lẽ người ấy có tính dứt-dát đấy, phải ngọt-ngào mà mời lại đây, nói rằng chữa một cái máy cần lắm.

Một lúc Thomas Edison đến, chỉ trong nửa giờ là chữa xong cái máy. Ông Crook thấy vậy vui mừng khôn xiết, đem lời thành-thực mà ngợi-khen nhà thiếu-niên có tài đó.

Ngày hôm sau, lúc đến « Câu-lạc-bộ », ông kể cho hai người thân-hữu nghe cái tài tinh-xảo của Thomas Edison mà ông đã được mục-kích ngày hôm trước.

Ngày hôm ấy, khi ông Loop ở « Câu-lạc-bộ » về, việc thứ nhất là ông sai người mời Thomas Edison đến. Ông nói :

— Đây chỗ ở của người ấy đây. Mời đến ngay nói rằng có một việc cần lắm.

Thomas được tin này tự nghĩ thầm rằng : « Có lẽ lời bạn ta nói thật chăng ? Ta đã được nhiều người ở thành *New York* này biết rồi ư ? »

Nghĩ vậy rồi vội đi theo người đến mời.

Ông Loop tự thân-hành ra tiếp mà rằng :

— Tôi được nghe nói rằng ông có tài chữa máy giỏi lắm. Cái máy đồng-hồ của tôi xem ra cũng không được tốt lắm. Ông thử xem có phải chữa không?

Thomas xem cẩn-thận cái máy, xong rồi nói :

— Thưa ngài, máy tốt không việc gì cả.

Ông Loop đường-đột nói :

— Thật à ? rầy quá !

Thomas ngạc-nhiên mà rằng :

— Thưa ngài, thế là thế nào ?

— Tôi muốn thử tài ông đó, chứ có gì đâu.

— Thưa ngài, tuy cái máy của ngài không hư - hỏng, nhưng chưa được hoàn-toàn. Nếu ngài muốn, tôi sẽ làm ngài dùng một cái khác, tự tôi chế ra.

Ông Loop nghe vậy vui lòng nhận ngay.

Vài ngày hôm sau, khi ở « Câu-lạc-bộ», ông Loop nói chuyện với bạn rằng:

— Hôm nọ, tôi cũng có cho mời nhà thiếu-niên ấy đến. Cái máy của tôi không hỏng, nhưng tôi có nhờ ông ta làm cho tôi một cái khác tốt hơn. Người còn trẻ mà tài như thế, chắc sau này sự-nghiệp chẳng phải tầm-thường.

Ngày hôm ấy khi về đến phòng giấy thì Wood cho người đi mời Thomas Edison đến. Thomas ở nhà trọ được tin này vui mừng khôn xiết, bụng bảo dạ rằng: « Lời bạn ta nói là phải lắm! Có lẽ nay là cái ngày bĩ-cực mà sắp thái-lai đây.»

Ông Wood là người có quyền-thế trong công-ti điện-tín về phía tây nước Mĩ, lúc Thomas đến, ông hỏi ngay rằng:

— Ông có muốn vào làm trong công-ti tôi không?

Thomas đáp:

— Ngài có lòng tốt thế, tôi xin cám ơn ngài.

— Ông nhận chứ?

Thomas đỏ mặt mà trả lời rằng:

— Thưa Ngài, tôi chưa dám quyết. Tôi cũng muốn tìm một việc làm cho vững chân, nhưng tôi xin thú thật với Ngài rằng tôi có tính tò-mò hay nghĩ chế các máy, sợ làm việc không được chuyên-cần.

Ông Wood nghe vậy vui mừng mà rằng:

— Tốt lắm! Có tài nghĩ chế các máy, ông làm ở đây chỉ có việc đó mà thôi. Chúng tôi không dám nhờ ông làm việc gì khác nữa. Sức ông có thể chế được những máy gì thì ông cứ làm.

Thomas Edison nghe vậy, ngạc-nhiên nhìn ông Wood, tự hỏi rằng những lời nhà phú-hào vừa nói có phải là những lời chế-nhạo mình không. Ông Wood thấy Thomas lưỡng-lự, bèn cất giọng cả-quyết mà rằng:

— Tôi thay mặt một cái hội có thế-lực mà nói với ông và tôi lấy cái tư-cách biết người mà nói với ông. Ông muốn được tự-do nghiên-cứu các máy thì chúng tôi sẽ coi ông như một người kỹ-sư trong công-ti chúng tôi. Ông cứ vững tâm, chúng tôi sẽ dựng một cái nhà thí-nghiệm có đủ khí-cụ để ông dùng, mỗi một tuần lễ công-ti chúng tôi lại cấp thêm cho ông một trăm đồng hoa-viên.

Thomas Edison có dáng vui mừng mà rằng:

— Thưa Ngài, Ngài cho thế thì nhiều quá!

— Không, ông nên hiểu cho rằng tiền đó là để mua những cái máy mà ông sẽ chế ra sau đó.

Thomas vui-vẻ mà rằng:

— Thưa Ngài, nghe ngài nói như chuyện chiêm-bao cho con!

Ông Wook nắm lấy tay nhà thiếu-niên mà rằng:

— Chiêm-bao mà là sự thực đấy. Vậy bao giờ ông đến nhận việc? Thôi, ngày mai ông lại cho chóng.

Chẳng bao lâu, ở gần *New-York* đã dựng một cái nhà thí-nghiệm rất nguy-nga. Thế là Thomas Edison vào làm kỹ-sư trong công-ti điện-báo phía tây nước Mĩ, thật là phỉ chí ước mong...

.·.

Một hôm Thomas lục ở chồng sách cũ thấy một quyển sách, trông thấy bất-giác cảm-động. Quyển sách đó là quyển « Hóa-học » mà khi xưa Thomas đã đọc ở trên toa chứa hàng-hóa.

Thomas nghĩ đến chuyện xưa thì cảm-tình chan-chứa, bùi-ngùi mà rằng: « Cái đời mình thật cũng giống như chuyện thần-tiên ».

Thomas nói vậy, sao lại quên không nói thêm rằng chính vị thần « Nghị-lực » đã giúp sức mới có thể đạt tới cái mục-đích cao-xa.

Vũ Công-Nghi *biên-dịch.*

DƯ-LUẬN NHÀ QUÊ

Hưng-nông khảo-luận

Một nước công-thương còn vụng-dại mà xưa vẫn sống là trông vào có một nghiệp nông. Nhưng nay thời kinh-tế-chiến-tranh mỗi ngày một thêm kịch-liệt, những dân-tộc giàu mạnh đương tràn lấn khắp mặt địa-cầu, khiến nước nào cũng biến thành một cái kinh-tế-chiến-trường của người các giống, nhất là những dân hèn-yếu chỉ biết khuynh-hướng về một nghề nông, thời thật là một cái mồi ngon cho quân-đoàn công-thương ngoại-quốc. Nếu không kịp mà chấn-hưng lên để lấy cái mà đối-địch lại, thời tưởng cũng khó sinh-tồn ở trên mặt đất náo-nhiệt này.

Nay vẫn biết dân ta cũng biết lo xa, đương tập-luyện lấy những cách mầu-nhiệm trong nông-nghiệp Thái-Tây, nhất là của Qui-Đại-Pháp-quốc, như lấy cách-trí mà đỡ nhân-công, đem hóa-chất mà làm đồ bón, vân vân. Nhưng cứ so-sánh dân-tài dân-trí của ta hiện nay thời chưa có thể cải-lương bằng toàn cả khoa trí-hóa, nghĩa là dùng hẳn phương-pháp giống-giọt của Thái-Tây. Vậy hãy cần phải tìm xem cái nguyên-nhân nào là trái với cách-trí trong nghề nông mà là cái tai-hại thông-quốc, thời kịp tìm phương-sách mà trước hết hãy trừ-khử đi, nhiên-hậu mới cách-tân nông-nghiệp được.

1. — *Cần phải chữa đất sống lại.* — Nông-nghiệp-học nói: Đất nào mà lẫn xác loài động-vật để loài cây thêm có mầu ăn thời mới là hạng đất tốt. Lại có chỗ nói: Cây ở trong đất cũng lại cần phải nhờ cái sức hoạt-động của sinh-trùng-vật làm cho nới chất đất lên, để không-khí dễ tiếp-xúc vào gốc vào rễ. Cho nên sự xới đất không một là để không-khí trực-tiếp vào gốc rễ cây để cây làm đồ tư-dưỡng mà lại mở rộng đất ra cho sinh-trùng dễ sinh-hoạt rồi sau chết ủi làm một đặc-chất bón cây. Sinh-trùng hoạt-động sinh-trưởng bao nhiêu tức là đất tự hoạt-động, tự trưởng-sinh, cho nên nhà làm ruộng không một là tư-dưỡng cho cây mà lại bổ-dưỡng cho đất sống nữa.

Thế mà xét ra thì đất của ta mười phần đến chín phần «chết», là bởi đem cấy lúa nhiều, vì cấy lúa lệ phải cày bừa bằng nước, làm cho chất đất liền chặt lại, rồi sau khô là chết đi, có khi rắn như đá, làm mất cả mầu đất đi; đến khi cày bừa kỹ lên, lẽ ra để một vài tháng đất mới sống lại (vì sinh-trùng ở trong lớp đất rũi lên và ở trên không gieo xuống), nhưng đã phải giống vội lấy ít hoa-mầu cho liều-sự, từ lúc mới khởi cày bừa, thành-thử gần đến ngày đất mới hồi-tỉnh thì đã thu-hoạch hoa-lợi, nên kết-quả chẳng được là bao.

Nay muốn chữa cho đất sống lâu mà béo-tốt, thời chỉ nên đổi cấy lúa ra giống cây, quanh năm lúc nào cũng bón-xới, cũng sinh-lợi được, điều này trước đây ký-giả đã khảo rõ trong một kỳ rồi, nay không cần phải chuế-thuật ra đây cho dài lời nữa. Duy còn lợi thêm được một điều chẳng nhỏ, là không gây cho con trẻ một cái khủng-bố-tâm đối với nghề căn-bản, vì nó thường trông thấy người lớn phải mạo-hiểm ra làm đồng lấy, mà mất cả phẩm-cách con người về cái «mốt» lưng đen khố cao; bởi trông thấy mà sợ mà khinh, nên mới xô-đẩy vào ngồi làm việc bàn giấy, thà chịu giam-cầm mất cả cuộc đời còn cho là cao-quí hơn. Nay nếu đổi một phần ruộng ra vườn thời con

trẻ hằng ngày cảm giác cái cách sinh-hoạt thanh thú êm-đềm, ung-dung cao-thượng, vừa có cái vẻ tiêu-dao ẩn dật, mà vừa làm lợi cho xã-hội nhân-quần, lớn lên ắt vui lòng mà nối lấy nghiệp bâu.

2. — *Phải giữ vệ-sinh cho cây.* — Ai không bảo: cây là một giống phải nhờ có phân và xác động-vật thời mới có nhiều đạm-chất, lân-chất, cao-chất, thán-chất, làm đồ bổ-dưỡng thời mới chóng trưởng-sinh, vậy phải cần bón cho nhiều, chớ lại bảo phải giữ cho cây sạch-sẽ thời chẳng hóa ra trái lẽ tự-nhiên lắm dư ?

Duy bón có hai cách : một cách rất hại cho cây, còn một cách thời rất lợi.

Cách bón rất hại là vun những chất hủ-lạn, những vật xú-uế vào chung-quanh liền với gốc cây, khiến cho các giống côn-trùng ở dưới từng đất ngoi lên tìm chất xú-uế mà cắn gốc cây, lên nõn lá mà ăn rỗ nát, lại thêm giống vi-sinh-trùng ở trong không-khí cũng tìm đến mà sinh-tụ vào, ăn nát ra, vì các giống trùng vốn có cái đặc-tính rất thi-hiếu những vật hủ-lạn xú-uế, nên hễ thấy đâu là cư-tụ vào.

Còn cách bón không hại mà lợi là vùi sâu chất bón xuống dưới từng rễ, rồi sau mới đặt cây lên trên, hoặc sau có bón thêm thời cũng đào đất xa gốc mà vùi chất bón xuống rồi lấp đất lên ; như thế thời các giống trùng không làm cách cắn gốc ăn cây, mà chỉ làm lối rũi đất tìm xuống, làm cho nới đất lên cho rễ cây được tự-do đi tìm chất bón nước mầu, và không-khí cũng dễ tiếp-xúc vào rễ.

Nhưng mà xét ra sự giồng cây của mình theo thói quen từ thượng-cổ đến giờ, đều làm cách bón thứ nhất là cây giồng xong rồi mới đem bón tưới những chất hủ-lạn xú-uế lên trên từ ngọn cây cho đến mặt đất, cho nên không giồng cây nào là không bị sâu ăn rỗ nát, có khi chết hết cả ruộng cả đồng, cả vùng cả xứ.

Hãy nói ngay một thứ lúa là cái sản-vật đại-tôn, không mấy năm mấy mùa là không bị hại ; tựu-trung cũng biết tìm cách trừ, nhưng ngờ rằng Hoàng-thiên giáng-họa, sai những vị quan-ôn đi hành-bệnh hòa-cốc của nhân-gian, nên vẫn gọi là « Hoàng-trùng », muốn khỏi thì chỉ có cách lễ tiến. Gần đây các nhà nông-nghiệp Tây xét nghiệm ra giống trùng ấy mà phát-sinh là tại nông-dân ta quá tham, cấy xát lúa vào tận bờ, nhân bờ không sạch, cỏ mọc liên-chi, làm tổ cho loài bướm đến mà sinh-sản, rồi bay sang cuốn lá lúa mà làm tổ đẻ trứng, sinh con, cắn cây lúa, vân vân... Nhưng cứ coi cái thời-kiểu sâu lúa xưa nay thì ở trên cây lúa không thấy tổ sâu cuốn, chỉ thấy sâu cắn đứt từ gốc, mà tìm không thấy nó ẩn ở đâu, vả lại có lắm cánh đồng, nhất là đồng chiêm, hay bị hoàng-trùng phá hại, thì cái bờ không thành cái bờ, cỏ không mọc được, bướm không có nơi sinh-sản, thì bảo thế nào ?

Xét ra có một giống trùng sắc nó đen, coi cũng từa-tựa như con bọ hung, nhưng nhỏ kém con bọ hung đến năm phần sáu (dài độ 5 ly, ngang độ 3 ly tây) người ta thường mệnh-danh cho nó là con « bọ-ngoàm ». Nó có cánh bay mà cũng có cái đặc-tính hay rũi đất, thường thì lộn đất dưới lên mà đem phân ở trên xuống. Song khi nào ruộng cạn thời giống nó mới cắn gốc lúa nhiều, nó cắn không phải là vì buồn mồm, mà là để hút lấy nước ngọt trong ống cây lúa mà thay cho cái khát trời hạn ruộng khô. Nhưng mà cũng tại người ta dử nó đến, cách dử ấy là sự tung-tế phân-tro lên trên ngọn cây mặt đất, khiến cho giống nó thấy hơi mà tìm đến, rồi nhân có đó bổ-dưỡng sẵn mà sinh-nở ra một cách rất mau. Ấy là đặc-cử một giống lúa

thôi, phàm các loài thực vật nào chịu một cái nguyên-nhân ấy mà sâu-sia, cằn-cội, yếu-chiết thế cả.

Nói tóm lại, nay muốn giữ kỹ vệ-sinh cho cây thời cày bừa trước cho phân bón nát đi, hoặc vùi sâu xuống rễ, thế là nông-nghiệp đã tiến lên một bước rất dài.

Sau nữa nếu biết cách bón tưới cho loài cây hợp phép vệ-sinh như vậy, tức là gián-tiếp giữ cả vệ-sinh cho người.

Trong loài người có hai cái bệnh cách-mệnh người ta thứ nhất là bệnh dịch-tả và bệnh phế-lao : nguyên-nhân bệnh tả là lại người ta ăn rau sống, quả sống, lẫn vi-sinh-trùng, bởi người bón tưới ; mà nguyên-nhân bệnh lao là tại người ta hô-hấp phải cái không-khí ô-trọc, lẫn vi-sinh-trùng, cũng bởi sự tung-vãi phân ra khắp mọi chỗ, rồi bốc hơi lên vậy.

NAM-CỔ

TIỂU - THUYẾT CỔ

LĨNH - NAM DẬT - SỬ(1)

嶺南逸史

XXI

HỒI THỨ XXII

Chém Thiết-Ngưu, Qui-Nhi vạch mẹo, Thi hiệu-lịnh, Lam-Năng đặt quan.

Qui-Nhi và Kim-Liên đương ngủ ở trong gác, chợt thấy Lam Năng cho người vào gọi, gõ cửa cần-cấp, không biết là việc gì. Hai người cả kinh, vội-vàng thức dậy. Kim-Liên nói :

— Chị hãy cứ ở đây, để tôi ra nói chuyện với Lam Năng, rồi sẽ cho người vào đón. Chị có đến chỗ ông bà nếu có nói rõ sự thực, thì phải dặn kỹ chớ nên tiết-lộ. Vạn-nhất mà tiết-lộ ra thời tai-vạ không vừa đâu !

Kim-Liên dặn xong rồi, vội-vàng đi trở vào nhà trong, bảo tiểu-tì mở cửa cho tên lâu-la vào. Kim-Liên hỏi rằng :

— Chẳng hay đại-vương gọi ta có việc chi vậy ?

Tên lâu-la bẩm rằng :

— Hôm qua nhân Giang đại-vương có sai người đem biếu một con cá chép, sớm hôm nay truyền nhà bếp đã làm thành gỏi cá, nên đại-vương sai tôi vào mời tiểu-thư cùng ra nếm gỏi.

Kim-Liên nghe nói mới dành lòng khỏi kinh-nghi, liều quở mắng rằng :

— Thế tưởng gì, chỉ gọi ra ăn gỏi mà mày làm om-xòm cả lên thế này, thôi lui ra ngay !

Tên lâu-la vâng dạ mà bước lui ra. Kim-Liên gọi thị-tì thắng ngựa cưỡi ra đến trước trại vào yết-kiến. Lam Năng hỏi rằng :

— Chẳng hay con đã bày mẹo gì làm khuất-phục được Hoàng Qui-Nhi chưa ?

Kim-Liên cười mà rằng :

— Con sai đứa tiểu-tì ra dỗ bảo hắn, hắn nói chỉ sợ tài-mạo con tầm-thường, nên mới trối-từ dấy thôi. Sau bị con ra cho một đề-mục để khảo thơ, hắn phải đảo-áp, nay hắn đã kinh-phục rồi.

Lam Năng nghe nói vỗ tay cả cười mà rằng :

— Phải lắm ! Y tưởng rằng cha là lũ

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48.

thô-lỗ cả, không biết gì đến văn-chương, nên y mới coi khinh trong trại ta vô-nhân. Nay con ta hay làm đáo-áp được y phải chịu, thời lại càng thêm nổi cái oai-phong cho cha.

Kim-Liên nói :

— Cái tài văn-chương kim-tế của y thật giỏi, trong trại ta thiếu y không được. Nay y đã phục-tùng, nên lấy lễ đón tiếp y ra mới phải.

Lam Năng nói :

— Con ta nói phải đó.

Liền sai Tự Cúc đến vườn hoa đón rước Qui-Nhi vào yết-kiến, lạy cúi đầu phục-tội. Lam Năng cả cười dỡ dậy mà rằng :

— Vua tôi ta đều lầm lỗi cả, có tội gì mà tạ.

Liền mời Qui-Nhi lưu ở trong trại khoản-đãi, lại sai người dưa đĩa cá-gỏi đem biếu ông bà Trương thái-công. Qui-Nhi từ tạ lui ra mặt nói cho bố mẹ chồng biết. Tư-trai lẳng-lặng mừng thầm.

Ngày hôm sau, Lam Năng sai người đến cùng với Tư-trai nói chuyện kết-thân, chọn ngày cát-nhật, dự-bị bày tiệc, sai Diệp Thiên đến đón rước Qui-Nhi. Qui-Nhi khi ấy đội mũ ô-sa, mặc áo hồng-bào, đi vào trong trại. Bên trong thì thị-nữ quây vòng rước một nàng phấn-trang-ngọc-sức là Kim-Liên đi ra, trước lạy thiên-địa, sau lạy Lam Năng, dàn sáo rập-rình, đưa hai người tiến vào loan-phòng. Tướng-sĩ trong trại đều khen-ngợi mà rằng :

— Đôi vợ chồng này thực là tốt đôi, cho kén khắp thiên-hạ cũng không được đôi nào như thế !

Lam Năng cả mừng thân ra khoản-đãi tướng-sĩ yến-ẩm, dẫu không nem công chả phượng, chỉ là thịt ngàn trâu, rượu vạn hũ, hoan-hỉ sướng-ẩm ; uống mãi đến say ngã-nghiêng ra mới tan về. Ngày hôm sau, những các tướng-súy ở Nam-lĩnh, Tân-diền, Miêu-mi nghe tin đều đến mừng rỡ. Lam Năng đều khoản-đãi tử-tế, bày tiệc uống đến hơn 10 ngày mới thôi. Qui-Nhi và Kim-Liên hai người giả-cách làm ra bộ hiếu-thuận, sớm tối hầu hạ thăm nom làm cho Lam Năng thoả lòng vui-vẻ. Qui-Nhi lại đem Kim-Liên đến tả-trại yết-kiến bố mẹ chồng. Tư-trai trông thấy Kim-Liên lạn thu-thủy nét xuân-sơn, người thanh như cúc, vẻ đậm như lan, rất lấy làm mừng. Kim-Liên lại mời cả bố mẹ chồng vào ở trong hoa-viên, để tiện phụng-dưỡng. Tư-trai nói :

— Phải nên thưa trước với đại-vương sẽ hay.

Kim-Liên nói :

— Con đã thưa qua rồi.

Tư-Trai bèn cùng với Sa-thị dọn cả vào ở trong hoa-viên. Thời thấy : Vườn hoa mát-mẻ, ao nước trong veo ; cành xuân mưa nhuận, bông đào tươi chen với cành đào non ; nước suối gương trong, ngó sen đỏ lẫn cùng mầm sen trắng ; trên cành hợp-hoan, véo-von chim tị-dực ; dưới hoa tịnh-đế, gắng-gỏi khúc đồng-tâm. Tư-trai thấy cảnh vườn hoa như thế, rất lấy làm mừng, mới yên-tâm tạm-trụ ở đó.

Lam Năng từ khi được Qui-Nhi, suốt ngày cùng y đàm-luận. Một hôm Lam Năng đương ở trong trại cùng với Kim-Liên thương-nghị, sắp sai người lên tỉnh mua vóc đoạn, để đem về cho Qui-Nhi cắt áo mùa rét. Chợt thấy tên lâu-la chạy vào báo rằng :

— Quan trung-trấn là Hoàng Nhượng có sai người đem năm trăm lạng vàng đến để chuộc hài-cốt của cha, khi đi qua Phụng-hoàng-cương bị chủ-trại Trần Thiết-Ngưu cướp mất.

Lam Năng nghe báo cả giận, nhảy thét lên như sấm, lập-tức điểm lấy một vạn quân lâu-la, và các kiêu-tướng là : Diệp Thiên, Hoàng Doãn, Tần Vinh kéo thẳng đến núi Phụng-hoàng. Trần Thiết-Ngưu nguyên có tám viên đại-tướng đều là tay kiêu-dũng thiện-chiến. Tựu-trung có hai viên tướng : Một tên là Liêu Đắc, một tên là Lai Đắc, lại hùng-kiện hơn cả. Lai Đắc tự hiệu là Phi-thiên ngô-công, hay đứng ở trên mình ngựa múa thanh đại-đao nặng ba trăm cân, xưa nay vẫn tự cậy

là khỏe, vốn không hiệp với Lam Năng. Nay cướp được bạc của Lam Năng, chắc rằng thế nào y cũng lại đánh để tranh lấy. Trần Thiết-Ngưu bèn họp các tướng-sĩ thương-nghị mà rằng :

— Nay chúng ta cướp giật được vàng của Lam Năng, Lam Năng tất nó không chịu nào. Nếu quân hắn kéo đến, chẳng hay các ngươi có diệu-kế gì không ? Để giết cho nó một mảnh giáp không còn, thời ý ta mới thỏa.

Liêu Đắc nói :

— Dưới núi Phụng-hoàng ta đây chỉ có nơi Lão-bình là tiện, Lam Năng kéo đến hẳn là đóng quân ở đó. Đại-vương nên sai người đào hầm ở trong chôn làm bảy nơi địa-lôi-phục rồi ấp kín đi, đợi cho khi quân Lam Năng nó đến đóng, người ngựa ngủ yên, rồi đốt lửa cho nó phát lên. Đại-vương thì đem binh ở ngoài xung sát, nó tất phải tháo chạy, lũ chúng tôi thì đi ra mai-phục các con đường nó chạy về, đột-khởi lên đánh chặn ngang đường, như thế thì Lam Năng khá giết được hắn.

Thiết-Ngưu cả mừng, liền sai Liêu Đắc đi thiết-phục đâu đấy, rồi ngả cờ lặng trống nghiêm-chỉnh để đợi. Được vài hôm, Lam Năng quả-nhiên đem binh-mã đến núi Phụng-hoàng, tính không thấy một người một ngựa nào cả. Lam Năng bèn truyền quân-sĩ lên núi phá cửa ải, song núi cao như bích-lập, cửa ải vững bền, đánh phá suốt một ngày, chẳng khác gì như chẩy rơm đấm chuông, chẳng ăn thua gì cả. Khi ấy trời đã tối, Lam-Năng bèn đem quân đến Lão-bình đóng trại, đều cởi yên bỏ giáp mà nằm, ngủ đến nửa đêm, nghe thấy một tiếng địa-lôi nổ đánh đùng một cái, trong trại bốc lửa lên đùng-đùng. Quân-sĩ kêu ầm cả lên. Lam Năng vội-vàng trở dậy, truyền quân-sĩ không được ồn-ào. Tiếng kêu chưa rứt, lại thấy tiếng đùng-đùng nổi lên như sấm, sáu cái địa-lôi đều đồng-thời nổ tung lên, ngọn lửa bốc lên ngất trời, nào phòng nào trướng đều cháy hết cả, quân-sĩ đều bị sém đầu bỏng trán, ôm đầu chạy trốn. Lam Năng rẽ lửa chạy xông ra, vội vàng vấp ngã xuống đất, liền chống tay đứng dậy giơ tay sờ lên mặt xem thì thấy râu mày cháy sạch hết cả. Đương lúc hoang-mang lại nghe thấy trên núi có tiếng pháo nổ, Trần Thiết-Ngưu dem binh xung-sát ra đánh chặn đường, chỉ nghe tiếng thét rầm lên rằng : « Bắt cho được Lam Năng, đừng có để cho nó trốn thoát đó ! » Lam Năng nghe tiếng thét cứ cắm đầu nhảy chạy trốn. Chạy đến sáng rõ, lại nghe tiếng súng nổ, phục-binh bốn mặt nổi lên, vây bọc Lam Năng vào giữa vòng vây. Lam Năng vội-vàng giật được một thanh gươm của quân-sĩ, đánh bộ được một lúc lâu, gần đến lúc nguy-cấp, chợt đâu một tướng ở đằng sau xông lại, trông ra là Hoàng Doãn. Lam Năng kêu lên rằng :

— Tướng-quân cứu tôi với !

Hoàng Doãn liền giật lấy con ngựa của tướng thủ-hạ đưa cho Lam Năng cưỡi, rồi liền hăng-hái đánh xông ra, trông về Sái-đầu mà chạy trốn.

Tin bại-trận báo về đến Sái-đầu, Qui-Nhi liền dem chư-tướng ra rước Lam Năng vào trong trại. Các tướng-sĩ đều lục-tục kéo về đầu, khi điểm-soát lại binh tướng, thì chia ba mất đến hai phần. Lam Năng tức giận đến nỗi phải trợn mắt nghiến răng, chư tướng khuyên-giải mãi một hồi lâu rồi mới trở vào trại sau.

Kim-Liên thấy cái bộ-dạng Lam Năng bị cháy như thế, bèn làm ra bộ thân-phận con gái chạy đến trước ôm lấy Lam Năng cả khóc. Lam Năng úy-lạo mà rằng :

— Thôi con chớ khóc, cha đầu phải nó đốt cháy cả râu mày, nhưng không có thương-hại gì cả.

Kim-Liên bèn lau nước mắt, vội-vàng sai người bày tiệc uống rượu để giải phiền cho Lam Năng. Qua độ vài ngày, Lam Năng lại muốn dấy quân đi đánh báo-thù. Kim-Liên nói :

— Hoàng-lang có mưu kế rất rộng, nên cho mời y ra thương-nghị.

Lam Năng nói :

— Những việc xung-sát này chỉ cậy về đầu thương ngọn giáo, y sao hay hiểu được.

Kim-Liên nói :

— Cha lại không biết đấy ư : Tiêu-Phạm lão-tử ngày xưa, mưu tính trong bụng bằng mấy trăm vạn giáp-binh. đừng có coi thường người học-trò mới được, phải nên mời y ra bàn tính là hơn.

Lam Năng nghe lời bèn sai người mời Qui-Nhi ra để vấn-kế. Qui-Nhi nói :

— Binh-pháp rằng : « Mưu tính có sâu-xa mới được, chớ mưu-tính nông-nổi không được ». Trận đánh mới rồi mà nhạc-phụ bị thua là tại mưu-tính nông-nổi đó thôi. Tôi nghe núi Phụng-hoàng bích-lập nguy-nga, một người thủ-hiểm, thì muôn người đều chịu cả. Quân nó nếu đánh mà được thì quân ta không có đường nào mà chạy; quân ta đánh mà được, thì quân nó lại lui lên núi thủ-hiểm. Nếu ta mà đóng dồn giữ lâu ở chỗ ấy, thời nó thừa khi quân ta trễ biếng, nó mở cửa ra đánh mặt trước, lại sai quân chẹn mặt sau dẫu có người tri-mưu cũng không thể chống lại được. Nhạc-phụ nếu nghe kế của tiểu-tế này, thời lấy đầu Trần Thiết-Ngưu, chẳng khác gì như thò vào túi mà lấy đồ-vật đó thôi.

Lam Năng nghe nói, có ý nửa kinh nửa mừng mà rằng :

— Chẳng hay hiền-tế bày mưu-kế gì vậy ?

Qui-Nhi nói :

— Lần này phải dùng cái kế *điệu-hổ ly-sơn* như thế..... mới xong, nhạc-phụ thử nghĩ xem có diệu không ?

Lam Năng vỗ tay cả cười mà rằng :

— Đích-thị diệu-kế ! diệu-kế !

Liền cho gọi Diệp Thiên và mấy người tướng-hiệu tâm-phúc vào dặn bảo mật-kế như thế.... Diệp Thiên trở ra nói phao lên rằng : « Lam đại-vương bị Trần đại-vương dụng hỏa-dược đốt cháy xuýt nguy, đêm hôm trước hỏa-độc phát lên, thổ huyết hàng đầu, hôn-mê bất-tỉnh nhân-sự, không biết có sống được không ! » Lời nói ấy truyền ra, một người truyền mười, mười người truyền trăm ; lúc mới còn ở trước trại sau trại, nghiêng đầu ghé tai nói thì-thầm với nhau. Cách vài ngày hôm sau, cả đến trên núi dưới núi đều rầu-rĩ bàn nói đến việc ấy, không dãy mấy ngày truyền đến tai Trần Thiết-Ngưu. Cho hay những tiếng đồn xa, bay đi như gió thực là nhanh thay !

Cách khoảng mấy hôm sau, Diệp Thiên lại truyền lệnh ra đòi tất cả các chánh phó đầu-lĩnh phải vào hầu trước giường Lam đại-vương, để nghe lời dặn bảo. Các tướng-lĩnh nghe lính truyền, đều đến chực trước phòng Lam Năng, trông thấy Lam Năng nằm trên một cái ghế ỷ, có năm ba người đàn-bà đứng hầu vòng quanh, Lam Năng thì che khăn lên đầu tựa ghế mà nằm, đờm máu dầy đất, tanh hôi xông xặc lên người. Các tướng-tá đến gần trước ghế vấn-an. Lam Năng giả-cách rền-rĩ, nói không ra hơi, chỉ thấy hàm-hồ nói mấy tiếng không hiểu là nói gì. Một người đàn-bà nói truyền ra rằng : « Đại-vương truyền các tướng-tá không ai được vào gần, chỉ cho Diệp đầu-lĩnh vào gần để đại-vương dặn bảo. » Diệp Thiên vội-vàng tiến bước vào, lắng tai nghe một hồi, rồi trở ra bảo với chư-tướng rằng :

— Đại-vương truyền rằng hiện nay đại-vương ruột nóng như cào, không thể sống lâu ở đời này để cùng với chư-tướng họp mặt được. Vậy có lệnh truyền cho lập Hoàng Qui-lang làm đại-tổng, ngày mai các ngươi phải đến trước trại mà lạy mừng, nghe theo hiệu-lịnh y truyền-phán để báo-cừu cho đại-vương. Nay hãy cho lui ra cả.

Chúng tướng nghe nói, đều lấy làm kinh-ngạc. Khi ra đến ngoài trước trại, đều đến bàn với lũ Hoàng Doãn mà rằng :

— Nếu đại-vương ta mà chết, thời nên theo lệ cũ, tế cờ rồi chọn lập người làm đại-tổng. Nay Hoàng Qui-lang là người nào, mà lại muốn làm hoại mất cả qui-tắc cũ của trại ta, dám chuyên tự thụ-lập.

Hoàng Doãn nói :

— Lũ các ngươi hãy nên nghe theo hiệu-lịnh y, chứa chắc Lam đại-vương đã chết hẳn hay chưa, nếu không nghe lời dặn

bảo, vạn-nhất đại-vương không chết, Hoàng-lang thường ở bên cạnh tai đại-vương, chỉ nói bịa-đặt thêm cho mấy câu, chẳng lại thêm chuyện ra ư!

Chúng-tướng đều bảo rằng phải, đều nghe theo cả. Ngày hôm sau, chư-tướng đều họp cả ở trước trại để nghênh-tiếp Qui-Nhi. Qui-Nhi đến nơi vào ngồi ngôi cao nhất trong trại, chúng-tướng đều vào tham-bái xong. Qui-Nhi sai lấy sổ sách để điểm xét những người đầu-mục chức-sắc trong các tổng cho tiện khi điều-khiển. Tả-hữu đem dâng sổ lên, đều sai gọi tên điểm qua một lượt. Khi gọi đến tên Tổng-cờ là Tống Tín, không thấy người nào thưa. Tả-hữu bèn gọi to lên, có người quen với Tống Tín bước lên thưa rằng:

— Tống Tín hôm nay bị đau ở nhà.

Qui-Nhi nói:

— Hằng năm mấy nghìn vạn ngày chẳng ốm mà giữa ngày hôm nay lại ốm, hẳn là khinh-mạn ta, mà không tuân theo lời dặn bảo của Lam đại-vương đó. Quân đâu! Đem lá cờ lính kia đi bắt ngay lập-tức ra đây cho ta hỏi!

Tả hữu nghe gọi dạ lên một tiếng liền lĩnh mệnh đi như bay, bắt điệu Tống Tín đến quì ở trước án. Qui-Nhi cả giận mà rằng:

— Sao ngươi dám khinh-mạn ta?

Tống Tín khấu-đầu mà thưa rằng:

— Chúng con thực quả có bệnh.

Qui-Nhi nói:

— Ta xem bộ mặt ngươi không phải là bộ người ốm. Ta mới làm đại-tổng, mà ngươi dám mạn như thế, không lấy đầu mày đi thì sao hay phục được kẻ khác. Quân đâu! Điệu nó ra chém phăng đi cho ta!

Lũ Diệp Thiên nghe tin liền chạy lại quì xuống xin nộ cho mà rằng:

— Hôm nay là ngày mừng đại-vương, nếu đem giết người thì không lợi. Xin đại-vương xá cho.

Qui-Nhi nói:

— Ta nể có chư-tướng xin cho, hãy tha cho mày một lưỡi đao này. Quân đâu! Đem đập cho nó ba mươi roi!

Tả-hữu liền nọc Tống Tín lột áo ra, đánh cho ba chục roi, Tống Tín bị đánh thâm tím cả mình, thổ cả huyết tươi ra. Qui-Nhi vẫn còn chửa nguôi giận, sai đem trói dưới cột cờ, để ngày mai lại đánh. Tả-hữu liền đem ra trói ở ngoài. Qui-Nhi mới lui vào dinh trong. Chư-tướng lui ra về đều mang lòng tức giận. Đến nửa đêm Diệp Thiên sai người sẽ cởi trói cho Tống Tín đưa vào trong trại. Diệp Thiên rỏ nước mắt mà rằng:

— Không ngờ Hoàng-lang mới lên làm đại-tổng, đã không lấy cách nhân-đạo mà đãi anh em mình, dám đè hiền-đệ ra mà đánh một cách độc-ác như thế!

Tống Tín vái tạ mà thưa rằng:

— Tiểu-đệ không nhờ được các anh cứu hộ cho, thì đã hóa ra con ma không đầu mất rồi, còn gì là đời nữa.

Tống Tín nói rồi cả khóc. Chợt bảo có Hoàng đầu-lĩnh đến chơi. Diệp Thiên vội vàng ra đón tiếp vào. Hoàng Doãn trông thấy Tống-Tín cả mừng mà rằng:

— Tôi lại đây là định bàn-tính với Diệp-huynh để cứu lấy hiền-đệ, nay đã cứu gỡ ra đây rồi thì may lắm. Chỉ giận cho Hoàng Qui-Nhi dám ỷ-thế Lam đại-vương mà làm càn-dỡ như vậy, khắp cả người trên núi dưới núi đều không phục cả. Chúng ta nên nhân đêm hôm nay hẹn-ước cả mọi người, đem giết quách Lam đại-vương và Hoàng Qui-Nhi đi, rồi cùng chọn mà công-cử lấy một người làm đại-tổng, hai ông thử nghĩ thế nào?

Diệp Thiên nói:

— Không nên, Lam đại-vương còn nhiều người tâm-phúc, vạn-nhất mà không thành-sự, thời tai-vạ không vừa đâu. Gì bằng nhân đêm hôm nay, mặt đưa Tống-huynh xuống núi để sang phi-báo Trần đại-vương, bảo y nên nhân lúc bệnh-tế Lam đại-vương nguy-cấp, đem hết cả binh trại sang đánh. Tôi với anh thời mật-ước với mọi người làm nội-ứng ở trong, rồi mở cửa ra nghênh-tiếp quân Trần đại-vương, như thế thời thực là thiện-sách.

Hoàng Doãn gật đầu mà rằng:

— Kế ấy rất hay! Tống huynh nếu đi

thoát, ngày mai lại khỏi nó đánh đập. Nhưng việc này không nên chậm-trễ, phải khởi-hành ngay đi mới được.

Tống Tín nghe lời vái tạ. Diệp Thiên liền sắp một con khoái-mã cho Tống Tín cưỡi, Hoàng và Diệp hai người thân đưa xuống núi, dinh-ninh dặn dò rồi mới tương-biệt.

Tống Tín thâu đêm hôm ấy đi đến núi Phụng-phòng, vào yết-kiến Thiết-Ngưu, quì xuống đất, cất tiếng cả khóc. Thiết-Ngưu hỏi rằng :

— Ngươi là người nào?

Tống Tín thưa :

— Tôi là Tổng-cở trại Sái-đầu tên là Tống Tín.

Tống Tín bèn đem những chuyện bị đánh vừa rồi thuật hết cả ra và cởi lưng phô cho Thiết-Ngưu xem, nói rồi liền lạy rập đầu chảy máu mà rằng :

— Cúi xin đại-vương tốc-khởi hùng-binh để vì chúng tôi báo-thù. Vả ở trong đã có Diệp, Hoàng hai người đầu-lĩnh đã ước-định với mọi người làm nội-ứng, để chậm sợ tiết-lộ ra chăng.

Tống Tín nói rồi lại khóc. Nguyên Trần Thiết-Ngưu trước đã nghe tin Lam Năng bị cháy bỏng sắp chết, đã sai người đi thám-thính chưa về, bèn bảo Tống Tín rằng :

— Ngươi hãy lui ra một lát nữa ta sẽ liệu.

Tống Tín nghe lời phải lui ra. Một lát, thám-tử trở về. Thiết-Ngưu kíp gọi vào hỏi. Thám-tử nói :

— Hiện thám được tin rằng Lam Năng sắp chết, có di-mệnh lập con rể là Hoàng Qui-Nhi làm đại-tổng, chúng đều không phục. Vả Qui-Nhi lại chuyên quyền oai-phúc, khắp các trại trên trại dưới đều tức giận bất-bình cả.

Thiết-Ngưu lại hỏi :

— Mày có nghe được chuyện người Tống Tín bị đánh có thực không ?

Thám-tử thưa :

— Thưa có nghe được chuyện có người bị đánh, nhưng không dò hỏi được đích họ tên người ấy là ai.

Thiết-Ngưu cả mừng, họp chư-tướng lại thương-nghị, chỉ lưu quân lão-nhược lại và nghìn để giữ trại, còn thời khỏi hết quân tinh-dũng đem theo Tống Tín đi kéo thẳng đến trại Sái-đầu. Khi đến trước núi, chỉ thấy trên núi vắng ngắt tịnh không có một người nào. Thiết-Ngưu trong bụng đã nghi ngờ, hỏi Tống Tín rằng :

— Ngươi nói có Diệp đầu-lĩnh mở cửa ải ra ứng-tiếp, sao không thấy động-tĩnh gì cả là làm sao?

Tống Tín nói :

— Để tôi đến trước ải gọi y ra tương-kiến.

Nó rồi liền phi ngựa đến trước cửa ải gọi to lên rằng :

— Xin mời Diệp đầu-lĩnh ra hỏi chuyện.

Gọi chưa rứt tiếng, thời liền nghe một tiếng pháo nổ, tinh-kỳ phút dựng cả lên. Diệp Thiên tới ra trước ải hỏi rằng :

Ngươi gọi ta có việc chi đó?

Tống Tín nói :

— Đêm hôm trước ước-định, nay Trần đại-vương đã đem quân đến đó, xin đầu-lĩnh mau mau ra mở cửa.

Diệp Thiên nói :

— Hắn đã đến đó à, bảo hắn đi tiến lên.

Tống Tín cả mừng, vội-vàng quay ngựa lại bảo Thiết-Ngưu rằng :

— Diệp đầu-lĩnh cho mời đại-vương tiến lên.

Thiết-Ngưu mừng thầm, liền đem chư-tướng phi ngựa tiến đến trước ải, trông thấy Diệp Thiên liền giơ tay lên bảo rằng :

— Tôi được lời đầu-lĩnh cho bảo, đã đem đại-quân đến đó rồi.

Diệp Thiên cả giận mà rằng :

— Mày dám dùng quỉ-kế lừa dối đại-vương ta, mày lại dám đem quân đến đây, thật là khả-ố lắm.

Nói rồi, liền giương cung lắp tên, nhằm giữa Thiết-Ngưu bắn ra một phát. Thiết-Ngưu thấy sự nguy-cấp, liền quay ngựa trở lại, thời bị mũi tên trúng phải trên vai, xuýt nữa ngã ngựa. Khi chạy đến trước trận, trông thấy Tống Tín, trong bụng cả giận liền giơ dao chém phăng Tống Tín ra làm hai đoạn, kíp truyền quân-sĩ kéo lui.

Khi ấy lại nghe một tiếng súng nổ, bên tả thì Tần Vinh, bên hữu thì Hoàng Doãn, đem binh sấn lại. Thiết-Ngưu kíp truyền Liêu Đắc, Lai Đắc hai tướng chia ra hai ngả nghênh-địch. Chợt lại nghe thấy trên ải súng nổ, Diệp Thiên đem quân ra xung-sát, tên bắn như mưa. Thiết-Ngưu kíp đem các tướng đánh xông ra. Nhưng vì tướng-sĩ của Lam Năng người nào cũng đều dũng-mãnh, hăng-hái tức giận, liều chết chẳng nghĩ gì cả, cứ xông ra đánh, không thể ai ngăn được. Thiết-Ngưu tuy là dũng-mãnh, nhưng trên vai đã bị mũi tên, tay đã hơi ngượng, nên phải bại-trận mà chạy. Diệp-Thiên đuổi theo kíp lắm, truyền quân-sĩ gọi lên rằng: «Bắt cho được Thiết-Ngưu đừng để cho chạy thoát» Liêu Đắc, Lai Đắc hai tướng nghe tin trung-quân đã bại trận, bèn bỏ. Hoàng, Tần hai tướng, kíp lần đi tìm Thiết-Ngưu hợp sức lại đánh vượt ra ngoài trùng-vi. Khi hồi-cố lại thì tám tướng chỉ còn có bốn tướng, quân-sĩ chết mất đến quá nửa. Đương lúc vội-vàng tháo chạy lại nghe một tiếng súng nổ, bên sau núi lại có một toán quân xông ra, một tướng phi ngựa múa đao thét lên rằng :

— Lại Triệu-Minh chực ở đây đã lâu, ngươi sao chạy thoát được.

Thiết-Ngưu cả kinh, hô bốn tướng xông lên cự-chiến, đánh nhau được mươi hiệp, thời đàng mặt sau lũ Hoàng Doãn đã đuổi theo lên kíp bổ vây tứ-phía. Lai Đắc kêu to lên rằng :

— Xin Đại-vương cứ theo tôi đây mà xông ra.

Lai Đắc hết sức đánh ra một đường huyết lộ, để cứu đem Thiết-Ngưu ra, chạy được độ hơn hai-mươi dặm, tiếng reo đuổi đã cách xa ngảnh lại xem các tướng-sĩ thì chỉ còn Liêu, Lai hai tướng. Thiết-Ngưu cả khóc. Lai Đắc khuyên-giải mà rằng :

— Nay may đã thoát khỏi trùng-vi, xin hãy trở về sơn-trại, rồi sẽ từ-đô chỉnh-đốn đem binh-mã đi báo-thù.

Nói rồi thâu đêm hôm ấy chạy về núi Phụng-hoàng. Khi chạy về đến trước cửa ải, toan muốn tế ngựa lên núi, chợt đâu một tiếng súng nổ, có một tướng nhảy ra thét lên một tiếng như sấm vang núi động, đem bốn năm trăm quân đao-phủ, từ trong cửa ải xung-sát xông ra mà rằng :

— Sào-huyệt ngươi đã bị ta chiếm được rồi !

Thiết-Ngưu kíp trông nhận ra thì là Lam Năng, sợ run cả chân tay, lui chậy không kịp, liền bị Lam Năng vung đao ra chém phăng mất cánh tay bên hữu, nghiêng mình ngã lăn xuống ngựa. Quân-sĩ chạy lên trói ngay Thiết-Ngưu lại, Lai Đắc, Liêu Đắc đều xông ngựa lại đánh. Nhưng địch sao được Lam Năng sức như mãnh-hổ ; đánh nhau được mươi hiệp, Liêu Đắc liền phải một đao chém phăng làm hai đoạn. Lai Đắc liền quay ngựa tháo chạy vòng qua đến đầu núi, không ngờ gặp phải Hoàng Doãn, Hoàng Doãn xông ngựa lên vật Lai Đắc ném quăng xuống đất. Quân-sĩ liền trói Lai Đắc lại. Lam Năng cả mừng, liền dẫn quân kéo lên sơn-trại mở toang kho-tàng ra lấy cả tiền bạc của Thiết-Ngưu đi cướp được trong mấy năm trời, đem thưởng hết cho tướng-sĩ. Còn 500 lạng vàng vừa cướp lấy mới rồi vẫn còn nguyên-phong cả đó. Chư tướng đêm hôm ấy ngủ ở trại núi Phụng-hoàng. Hôm sau, đem điệu Thiết-Ngưu và Lai Đắc đóng xiềng xích cả lại, rồi thu binh giải về sơn-trại. Khi kéo quân về đến cửa ải, Lam Năng trông thấy Qui-Nhi ra đón rước, vội-vàng cùng chư-tướng xuống ngựa bước lên cầm tay Qui-Nhi mà rằng :

— Hiền-tế mưu-chước thật là thần-diệu, dẫu Gia-Cát Khổng-Minh cũng không bằng !

Chư-tướng hết thảy đều bái-phục.

Qui-Nhi nói :

— Đó đều là nhờ sức hùng-dũng của nhạc-phụ và chư-tướng, mới thành-công được như thế, chớ như tiểu-tế thì có kể chi.

Chư-tướng thấy Qui-Nhi có ý khiêm-nhường, lại càng thêm kính-trọng. Khi về đến trong trại, bày ra tiệc yến ăn mừng. Rượu uống được và tuần, thời tả-hữu điệu giải Thiết-Ngưu, Lai Đắc vào. Lai Đắc dứng sừng ra không chịu qui. Lam Năng cả giận mà rằng :

— Tên tặc-tù kia đã điệu đến đó, sao còn không chịu qui làm vậy.

Thiết-Ngưu cũng mắng rằng :

— Chỉ mình ta là giặc, còn ngươi thậm-tệ biết mấy, lại không phải là giặc hay sao ?

Lam Năng cả giận doái trông tả-hữu mà rằng :

— Quân đâu, điệu nó ra mà chém phăng đi cho ta !

Thiết-Ngưu cũng thét lên rằng :

— Chém thì chém đi, khích-nộ làm chi nữa.

Tả-hữu liền đem giải ra ngoài viên-môn, bắt Lai Đắc qui xuống để chém. Lai Đắc kêu trời lên một tiếng cực to, rồi vung tay lên thì xiềng-xích dứt cả, lại dậm chân xuống một cái thì cùm chân cũng toang ra cả, liền cướp giật lấy một con dao, chạy xông đi chực giết người. Tả-hữu cả kinh, vội-vàng chạy vào báo trong trại. Hoàng Doãn nghe tin vội-vàng bước dảo ra xem, trông thấy Lai Đắc dứt tung cả xích, phá toang cả cùm, đương hung-hăng chực giết người. Hoàng Doãn nhảy xông ra đấm ngay cho một quả thụi vào giữ ngực ngã lăn xuống đất, liền giật lấy con dao, vung chém toạc đầu ra, Lai Đắc trong cổ họng hãy còn hậm-hực. Hoàng Doãn xoay mình lại trông thấy Thiết-Ngưu còn bị trói ngồi ở bên kia mắng chửi. Hoàng Doãn cả giận, nhảy sấn lại chém phăng làm hai đoạn.

Lam Năng đã giết được Thiết-Ngưu rồi, trong bụng cả mừng, cất chén rượu mời Qui-Nhi mà rằng :

— Nay Thiết-Ngưu đã chết rồi, ta không lo gì nữa.

Qui-Nhi nói :

— Nào đã là hết lo đâu. Xưa kia ông Khổng-tử có nói rằng : « Danh không chính thì nói không thuận, nói không thuận thì việc không thành. » Thế cho nên các hào-kiệt đời xưa sắp làm việc lớn, tất phải thống về nhất-tôn, rồi sau thi-hành hiệu-lịnh mới dễ, chẳng khác gì như thân mình sai khiến cánh tay, cánh tay sai khiến ngón tay, đều như ý cả. Nay các tướng ở Tam-đô, chỗ nọ xưng đại vương, chỗ kia cũng xưng đại-vương, thế là danh bất-chính đó, danh đã không chính, thì tất là không chịu nhau, khi hoãn-cấp không cứu nhau, lúc lợi-hại không đỡ nhau. Nếu gặp phải ông quan trung-thành ra coi việc, đem quân đến hỏi tội, thì tất là tan-nát bại-hoại, thúc-thủ mà chịu chết, thế đã là khỏi lo rồi hay chưa ? Đại-vương muốn không lo thì trước nhất phải chính danh-phận, danh-phận đã chính thời quyền mới thu cả về mình, hễ người nào theo mệnh-lệnh thời ta có quyền thưởng, người nào không theo mệnh-lệnh thì ta có quyền phạt, như thế thời người ta đều mến đức mà sợ oai, phải tuân theo mệnh-lệnh cả. Nếu đem binh-dân ấy đi đánh đâu, thời thiên-hạ ai còn địch được, có phải chỉ khỏi lo mà thôi đâu.

Lam Năng nghe nói đến đó trong bụng ngứa ngáy lên vội hỏi rằng :

— Ta là người thô-lỗ không hiểu thế nào là chính-danh, đều nhờ hiền-tế dạy bảo cho cả.

Qui-Nhi nói :

— Nay nên đặt Sái-đầu làm Vĩnh-an-đô, nơi chính-trại làm Vĩnh-an-cung, tôn đại-vương làm Vĩnh-an-vương ; còn các danh-hiệu chư-tướng để bỏ cả cái tên xấu ngày trước như gọi là : Đại-tổng, Đô-tổng, Mãn-đầu, Thác-đầu. Nay đều nên châm-chước quan-chế

cổ-kim, tùy tài mà bổ-nhiệm, hễ có công thì được thăng, có tội thì phải giáng, để khiến cho người biết tôn-ti, biết trên dưới, biết vinh-nhục, lập cho thành qui-mô, thời nghiệp bá-vương mới định được.

Lam Năng cả mừng mà rằng :

— Nhờ hiền-tế vì ta mà làm cho thành việc.

Qui-Nhi nói :

— Xin để cho tiểu-tế cùng bàn với chư-tướng châm-chước thỏa-đáng, rồi sẽ điều-trần tiến-hãm.

Qui-Nhi nói rồi cáo-từ lui ra, họp chư-tướng thương-nghị, định chế ra áo cổn mũ miện, xiêm gấm hốt ngà, và sắp-sửa lễ-nghi, chọn ngày tế-cáo thiên-địa, rước Lam Năng lên điện, chư-tướng đều vào bái-hạ chúc mừng, tôn Lam Năng làm Vĩnh-an-vương Trấn-quốc đại-tướng-quân Tổng-đốc tam-bộ đại-nguyên-súy.

Lý Kỳ làm Tả-thừa-tướng kiêm-lý Hộ-bộ-Thượng-thư.

Trương Dịch làm Hữu-thừa-tướng kiêm-lý Binh-bộ Thượng-thư.

Tần Vinh làm Tả-phiêu-kỵ tướng-quân.

Diệp Thiên làm Hữu-phiêu-kỵ tướng-quân.

Lại Triệu-Minh làm Long-nhương tướng-quân.

Hoàng Doãn làm Hồ-dực tướng-quân.

Lam Khuê làm Hàn-lâm-viện Học-sĩ.

Từ Tử-Tân làm Hành-nhân-ty.

Hoàng Qui-Nhi làm Phò-mã-đô-úy.

Tạ Kim-Liên làm An-lạc công-chúa.

Giang Vận-Dụ làm Lĩnh-nam-hầu Binh-mã phó-nguyên-súy.

Lưu Hán-Giang làm Tân-diền-hầu Binh-mã phó-nguyên-súy.

Tô Doãn-Sơn làm Miêu-mi-bá Đô-thống-chế.

Lý Đường-Tôn làm Thượng-trấn-bá Đô-thống-chế.

Trần Hưng làm Đan-chương-cung Đô-thống-chế.

Hà Túc-Tượng làm Nguyệt-giốc-lĩnh Chỉ-huy-sứ.

Còn các chức quan khác về hàng chính-tướng thì đều được thăng làm Thống-chế, về hàng phó-tướng thì đều được thăng làm Chỉ-huy-thiêm-sự. Tuyên ban sắc-chế xong cả rồi, các tướng đều mừng rỡ tạ-ơn, đặt tiệc ăn mừng. Ngày hôm sau, Lam Năng lại sai Lam Khuê làm ra các tờ chiếu-sắc, sai Hành-nhân-ty là Từ Tử-Tân đem đi đến các trại để ban cho chức-tước, đến đâu các tướng đều vui mừng thụ-chức, dâng tờ biểu về tạ-ân. Một hôm, Tử-Tân đi đến trại Đan-chương để ban chức. Trần Hưng nghe tin đùng-đùng nổi giận mà rằng :

— Cùng là bọn làm giặc cả, sao nó dám bắt ta làm tôi tớ nó hay sao !

Nói rồi, liền truyền cho thủ-hạ mở cờ nổi trống, rồi sai người ra gọi Từ Tử-Tân vào. Trần Hưng liền mắng rằng :

— Quân Lam-tặc nhà mày không to bằng quân giặc nhà tao, sao mày dám trịch-thượng chực làm chủ tao hay sao ! Quân đâu ! Kéo nó ra ngoài cửa chém đi cho rồi !

Thực là :

Giở bộ con nghẽ mà dậm-dọa,
Lên câu loài chuột cũng nho-nhoe.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

VĂN-UYỂN

DỊCH THƠ TÀU

Đào-nguyên hành

桃源行

(*Thất-ngôn cổ-phong*)

宋人王安石封荆國公

(Của ông Vương An-Thạch đời Tống, tước là Kinh-công).

望夷宮中鹿爲馬。
秦人半死長城下。

Hươu Tần trong cung trỏ là ngựa,
Người Tần dưới thành chết một nửa.

避世不獨商山翁。
亦有桃源種桃者。

Tránh đời nào những khách Thương-sơn (1).
Lại kẻ Đào-nguyên trồng đào nữa.

一來種桃不記春。
採花食實枝爲薪。

Trồng đào chẳng nhớ xuân bao tuổi,
Hái hoa ăn quả cành làm củi.

兒孫生長與世隔。
知有父子無君臣。

Con sinh cháu nở bụi Tần xa,
Dẫn không vui nước cũng vui nhà

漁郎放舟迷遠近。
花間忽見驚相問。

Thuyền ngư lạc lối quanh-quanh quẩn,
Đâu mà đến đây khéo ngơ-ngẩn?

世人空知古有秦。
山中豈料今爲晉。

Cuộc đời biết những xưa là Tần,
Trong núi, ngờ đâu nay lại Tấn.

聞道長安吹戰塵。
東風回首亦霑巾。

Sự lạ Tràng-an nghe nói dần,
Vì xuân, ngảnh lại khóc cho xuân,

重華一去寧復得。
天下紛紛經幾秦。

Trùng-hoa (2) cảnh cũ bao giờ gặp,
Thiên-hạ lung-tung mấy cuộc Tần.

Lời giải kiêm lời bình

Thơ này là vịnh cái sự-tích Đào-nguyên, tả ra được có nguyên-nhân, được có cảm-khái, thuộc về mối vịnh-cổ. Xưa nay những người làm thơ vịnh cảnh Đào-nguyên, đều cho là một sự thần-tiên quái-dị. Chỉ ông Vương Kinh-công cho là người Tần khi xưa tránh cái loạn Tần, vào ở nơi tuyệt-cảnh, xa cách với cõi đời; trồng đào, lấy quả làm cơm, lấy cành làm củi, lấy hoa lấy lá làm lịch, biệt-chiếm một cõi thái-bình, người đấy, mà thật là tiên đấy. Nếu không có một chàng ngư-phủ tình-cờ lạc lối đò vào, thì người trong ấy biết đâu là những truyện lửa cung A-phòng (3); truyện máu sông Duy-thủy (4); truyện thằng lông mày đỏ cầm cờ (5); truyện

(1) Thương-sơn = Đời ấy có bốn ông cụ già tránh loạn Tần vào ở núi Thương-sơn, gọi là Thương-sơn tứ-hiệu.

(2) Trùng-hoa = Hiệu vua Thuấn, là nói cảnh-tượng thái-bình.

(3) A-phòng = Hạng-Vũ vào đánh Tần, đốt cung A-phòng, ba tháng không tắt lửa.

(4) Duy-thủy = Hán, Sở đánh nhau, người chết ngổn-ngang ở sông Duy-thủy, nước sông đến nỗi không chảy đi được.

(5) Lông-mày-đỏ = Cuối đời Tây-Hán có giặc Xích-mi.

đứa đội khăn vàng múa giáo (1); truyện ông thiên-tử gặp bước áo xanh rót rượu (2); truyện chú tiểu đồng bắt cân ngựa đá sang sông (3); mà cuộc đời còn xóa đi bày lại, thay đổi vô-cùng, há những truyện ấy mà thôi đâu.

Thương ôi! Nghe câu truyện kỷ-vãng mà đáng ghê, tưởng đến sự tương-lai mà đáng chán; hoa đào cũng phải khóc, mà nước suối cũng phải than! Cho mới hay hoa đào ở trong non sâu, không phải là không nhuộm bằng máu, nước suối ở trong đồng vắng, không phải là không lọc bằng tình; ai xem đến bài thơ này, mà chả sinh ra bụng chán đời, chả muốn tìm lấy chỗ Đào-nguyên mà ở. Nhưng khốn thay! nợ đời chưa trả cho ai, muốn chán, cũng chưa có thể chán được, mà muốn tìm lấy chỗ Đào-nguyên mà ở, cũng chưa có thể tìm được. Tùng-nhiên có tìm được chăng nữa, chỉ sợ lại có người ngoài đem chuyện đời vào nói, bấy giờ trong tim trong óc, sẵn có giọt máu giọt tình; mà giọt lệ hưng-vong, lại phải rầy lên cánh hoa đào, theo ngọn nước xuôi, tóa về đông-hải, thì có ích chi! thì có ích chi!

Chi bằng, ta lấy văn-chương làm sắc, ta lấy danh-dự làm hương, ta lấy sự-nghiệp làm quả, ta lấy nghĩa-lý làm suối, ta lấy tâm-địa làm mặt trăng mặt trời, ta lấy tính-tình, ta lấy ý-khí làm gió làm mưa, chiếm lấy một bầu xuân trong thế-giới, ta đi đâu mà chẳng là coi Đào-nguyên vậy.

TÙNG-VÂN

THI-CA MỚI

Đêm thu nhớ tri-kỷ.

I

Đốt ngọn đèn khuya dở phiếm đồng,
Nỗi riêng riêng nặng với tình chung.
Nhớ ai xa-cách ngoài muôn dặm,
Chiếc lá thu rơi luống chạnh lòng.

II

Chiếc lá thu rơi luống chạnh lòng,
Đèn tà hiu-hắt trận thu-phong.
Ai về nhắn hỏi người tri-kỷ,
Trướng liễu đêm qua có lạnh-lùng?

Thơ tặng một cụ Hòa-thượng

Đã bấy lâu nay khách vắng chiền,
Tưởng rằng sư-cụ đã thành tiên.
Sư ra hỏi khách, sư còn nhớ,
Khách đến thăm sư, khách cũng phiền.
Mái tóc qui-y giả nửa trắng,
Gót chân danh-lợi mấy phần đen.
Thôi thôi, tâm-sự làm chi lắm,
Sư đã nhe-phong khách cũng thuyền.

Ở chơi một chỗ sơn-động cổ

Kìa bông hoa thắm, nhị đào non,
Động cũ nghìn năm dấu vẫn còn.
Thác đá chia đôi dòng nước chảy,
Đầu khe in một bóng trăng tròn.
Ai đi đâu quách người xe-ngựa,
Ta vẫn vui cùng bạn nước-non.
Thành-thị lâm-toàn người một thú,
Ai ơi, đừng dại cũng đừng khôn.

HOÀN-BÍCH

Cảm-đề

Tài sơ đức bạc phận thư-sinh,
Nghĩ nỗi mình thôi lại giật mình!
Hỏi nợ tang-bồng trơ mặt trắng,
Soi gương kim-cổ thẹn mày xanh.
Nước-non cau mặt trò dâu-bể,
Thân-thế dau lòng nỗi nhục-vinh.
Thôi những buồn tênh càng chán ngắt,
Vòng trần khôn lẽ chạy vùng quanh!

(1) Đội khăn vàng = Cuối đời Đông-Hán có giặc Hoàng-câu.

(2) Áo xanh = Giặc Hồ bắt vua Hoài vua Mẫn nhà Tây-Tấn, đem về xứ Mạc-bắc, cho mặc áo xanh đứng rót rượu, để thi-nhục.

(3) Ngựa đá = Đời Tấn có câu đồng-dao rằng: « Năm ngựa sang sông, một ngựa hóa rồng », sau quả-nhiên đời Tây-Tấn loạn, năm người họ Tư-mã phải chạy sang sông, một người lên làm vua, giữ được mé Giang-đông, lập ra triều Đông-Tấn.

Sơn-thủy ngẫu-vịnh

Ai đưa ta đến nước non này?
Thơ-thần chiều chiều đứng ở đây.
Nước biếc dòng tuôn tuôn lớp sóng,
Non xanh cao ngất ngất tầng mây.
Con thuyền ngư-phủ len khe núi,
Cần búa tiều-phu dựa gốc cây.
Ngắm cảnh thiên-nhiên chưa chán mắt,
Tà-tà bóng đã ngả về tây.

PHẠM TUẤN-TÀI

Cảm-tưởng

Tranh đua ai kẻ muốn tranh đua,
Chậm bước mà ra đến chợ trưa.
Tấc dạ bâng-khuâng nền-nếp cũ,
Lệ tình lai-láng nước-non xưa.
Ba thu nhuộm nắng da đen xạm,
Mấy độ lần sương tóc bạc phơ.
Chiếc bóng canh tàn ngồi nghĩ-ngợi,
Sự đời một tỉnh lại mười mơ.

TẠ QUANG-NINH

Trách hè

Hè sao nung-nấu tấm thân người?
Nắng gắt mưa dào chẳng lúc ngơi.
Não cái quốc kêu đà mấy thủa,
Thương con ve khóc trải bao đời!
Khát-khao vì nước tình khôn rứt,
Trằn-trọc thâu đêm quạt chẳng rời.
Một trận gió Nam lùa sạch bụi,
Thỏa lòng trăm họ khắp nơi-nơi.

BÙI NGỌC-HÃO

Tự-thuật

Tôi nghĩ thằng tôi mới chán thay!
Tính quan người lính biết sao đây?
Văn-chương rẻ ế xin bưng miệng,
Chữ-nghĩa không dùng cũng gấp tay.
Bới đất vạch bùn kêu chửa trải,
Tranh khôn đua khéo dạ không hay.
Nôm-na lại giở giăm câu hão,
Nghe mắt dòm xem thế-giới này!

Dạ-hoài

Đêm nằm không ngủ chạy lùng quanh,
Quẩn-quẩn quanh-quanh vẫn một mình.
Tìm bạn bạn còn dương ngủ tít,
Hỏi trăng trăng vẫn cứ mần thinh!
Vắng nhà gối chiếc càng thương vợ,
Dạo cảnh tưởng hoa cũng vắng tình.
Mộc-dạc ai khua lừng tám cõi,
Còn dương đánh thức lũ sinh-linh.

Bà Triệu-Âu

Giặc Ngô xâm-nhiễu đến nhà ta,
Cân-quắc anh-hùng mới nẩy ra.
Lấy sức thơ-đào đeo kiếm-mộc,
Đem thân bồ-liễu gánh sơn-hà.
Ra tay giúp nước không lòng ngại,
Nổi tiếng anh-thư thế mới là!
Lệ-hải-bà-vương lừng tiếng mãi,
Làm gương răn bảo chị em nhà.

TRẦN HUY-LIỆU

Ở đời sao phải

Ở đời đã dễ được người yêu,
Ở cái đời ta thật hiểm-nghèo.
Chỉ biết theo người người bảo nịnh,
Hễ mà khác chúng chúng rằng kiêu.
Muốn im những sợ câu «không miệng»,
Toan nói còn e tội « lắm điều ».
Xin hỏi cụ già trăm tuổi chẵn,
Ở đời sao phải để con theo?

Tự-thuật

Bấm đốt mà xem nghĩ rụng-rời,
Một năm trời nữa chẵn hai mươi.
Tránh sao cho thoát con đường tục,
Nghĩ mãi chưa ra cái sự đời.
Mấy độ tình-duyên hao nước mắt,
Bảy năm đèn-sách phí cơm trời.
Tấn tuồng thong-thả chờ xem đã,
Đâu dám như ai vội khóc cười!

Khóc bạn

Tôi bác quen nhau chửa mấy hồi,
Được tin bác mất, ơi trời ơi!
Cái men danh-dự tôi say lắm,
Giấc mộng phù-sinh bác tỉnh rồi.

Kim-cổ hãy nhìn ba thước đất,
Trước sau âu cũng một lần thôi.
Bác về tôi vắng tri-âm nhỉ,
Nhớ bác thờ-ơ đứng lại ngồi !

Gửi cho ý-trung-nhân

Thu đã qua rồi lại tới đông,
Bồi-hồi thêm nhớ bạn non sông.
Ngắn dài trộn lẫn hai hàng lệ,
Đầy đấy chia đôi một tấm lòng.
Nửa giấc mơ-màng nào chắc có,
Mấy năm dan-díu cũng là không.
Cơ-duyên trắc-trở vì ai nhỉ ?
Nghĩ lại càng căm chú Hoá-công.

Cảm-tác

Chẳng cứ khôn-ngoan chẳng cứ giàu,
Phong-trần có nể mặt ai đâu.
Sự đời nghĩ lắm càng thêm bực,
Đời tớ xem ra chỉ những sầu.
Thoa cũ còn đây người chẳng gặp,
Giường không treo đó khách nào đâu?
Thân này vì thử riêng mình có,
Quyết bẩn mài dao để gọt đầu !

Đêm khuya nghe hát

Tiếng ai lanh-lảnh hát bên sông ?
Tiếng hát nghe ra giọng não-nùng.
Ai-oán cô-thần khi mất nước,
Ni-non chinh-phụ lúc xa chồng.
Du em luống xót niềm oan-uổng (1),
Viếng quí dài than nghĩa thủy-chung (2).
Tiếng hát bên sông ai hát thế ?
Khiến người lữ-khách lệ đôi dòng.

NGUYỄN SĨ-MẠNH

Cảnh sơn-lâm
(Thơ liên-hoàn)

I

Mông-mênh rừng núi ngất-ngù xanh,
Dân-sự lưa-thưa dặm cỏ tranh.
Cao ráo nhà sàn yên chốn ở,
Trong leo nước suối chảy vòng quanh.
Răng đen nhưng-nhức chen răng trắng,
Tiếng Thổ bi-bô lộn tiếng Kinh.
Tạo-hóa vui riêng riêng chốn nọ,
Thiên-nhiên một vẻ ngắm càng xinh.

II

Thiên-nhiên một vẻ ngắm càng xinh,
Mới biết sơn-lâm thú hữu-tình.
Lững-thững quần xanh giăm bẩy ả,
Ngây-ngô áo xám một và anh.
Nếm xem lê-hoắc nơi sơn-cước,
Há kém cao-lương chốn thị-thành.
Không-khí sạch trong hè mát-mẻ,
Đêm khuya sẽ lắng bịp cầm canh.

III

Đêm khuya sẽ lắng bịp cầm canh,
Hỏi khách đăng-lâm hãy rẫn mình.
Ngào-ngạt hoa thơm màu sặc-sỡ,
Dọc-ngang đường quanh lối linh-tinh.
Véo-von vượn hót trên sườn núi,
Ríu-rít chim kêu đỉnh ngọn cành.
Hồn Giới Tử-Thôi còn phảng-phất,
Đầu non phù-hộ gã tiều-sinh.

NGUYỄN QUANG-ĐIỀN

(1) Bà Thị-Kính.

(2) Ông Nguyễn Văn-Thành, bài văn ông viếng ba-quân có câu rằng : « Thương ôi ! trăm trận một trường oanh-liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không. Tiếc thay nghìn thu một hội tao-phùng, phận thủy có, phận chung sao chẳng có ! » Bài văn tế ấy giọng hùng-hồn, lời thống-thiết, thật là một áng văn-chương thiên-cổ tuyệt-bút. Bốn câu này là tưởng-tượng giọng hát như thế. (N. S.-M.)

Miếu Lã Gia (1)

Dưới núi Gôi-sơn miếu một tòa,
Miếu thờ ai đó thấy nguy-nga ?
Linh-từ mấy chữ son còn choáng,
Ái-quốc nguyên câu mực chửa nhòa.
Bia tạc rêu ăn sờm-sỡ nét,
Voi trầu mực vẽ nhợt-nhờ da.
Bâng-khuâng cố-lão ngừng thăm hỏi,
Mới biết rằng đây miếu Lã Gia.

Phong-cảnh núi Gôi (2)

Trái núi Gôi-sơn có phải đây ?
Đất lồi đá ngồm cỏ phơi bày.
Rò-rè giếng mạch khe tuôn nước,
Nghi-ngút chùa hang khói tỏa mây.
Tiếng kệ thấp cao chen dịp mõ,
Bóng chiều thưa nhặt rọi cành cây.
Kề bên này miếu thờ ai đó ?
Lã-tướng nghìn xưa tiếng đếu rầy !

Đoàn Tinh-Cảnh

Hát ru em

Bồng bống bang !

Chị ru em ngủ cho ngoan ;
Một mai khôn-lớn, lo-toan học-hành.
Làm trai gắng lấy chữ danh,
Thi-thư nếp cũ, trâm-anh dấu nhà.

Hỡi ha a !

Chị đây chút phận đàn bà,
Tam-tòng tứ-đức phận là nữ-nhi.
Mong em khôn lớn gặp thì,
Năm xe lẫu thuộc, sáu nghề tinh thông

Bồng bống bông !

Đạo thường hai chữ hiếu trung,
Khuyên em thuộc lấy làm lòng chớ quên.
Nhớ xưa lời dạy Thánh Hiền,
Minh-luân đạt-đạo mới nên anh-tài.

Hỡi hơi hơi !

Mừng nay gặp buổi giao-thời,
Ơn trên rộng mở nhiều nơi học-đường.
Địa-dư, toán-pháp, văn-chương,
Kia khoa hóa-học, nọ trường canh-nông.

Bồng bông bông!

Anh-tài đua sức vẫy-vùng,
Nữ-nhi lại cũng bạn cùng bút-nghiên.
Cõi đời đương cuộc đua chen,
Nhanh chân thì tới, ươn-hèn thì sa.

Hà ha a!

Khuyên em nối lấy nghiệp nhà,
Một là đắc-hiếu hai là đắc-trung.
Nếp nhà rạng nghiệp tổ-tông,
Chị đây cũng được tiếng cùng thơm lây.

Nguyễn Duy-Liêm

THỜI-ĐÀM

Việc Sông Ruhr. — Kỳ trước đã nói rằng mục « Việc sông Ruhr » còn trông thấy trên báo lâu nữa chưa hết. Việc ấy là quan hệ nhất trong các việc thế-giới, không thể không nói đến được. Trong tháng mới rồi, cái tình-thế đã di-dịch đi ít nhiều. Mấy tháng trước nước Đức công-nhiên ra mặt kháng-cự, — không kháng-cự bằng võ-lực được, vì không còn binh-lính gì nữa, nhưng kháng-cự một cách gọi là « tiêu-cực kháng-cự » (*resistance passive*), nghĩa là dùng những cách bãi-công, cách đề-chế, cách ám-sát, v. v., — công-nhiên nói lên

(1) Miếu ở dưới núi Gôi (Nam-định), thuộc địa-phận xã Gôi-sơn. Tục truyền : Lúc ông đánh nhau với quân Hán, bị thua trận, về đến đó thì ông ngã ngựa chết, thổ-dân mới lập miếu để thờ. Nghe đâu miếu này là miếu thờ công-đồng của bốn làng Gôi đều ở phụ-cận cả đó, cho nên biển thờ viết bốn chữ « Tứ-Gôi linh-từ » 四隗靈祠 — Ngoài cửa miếu dán đôi câu đối : « *Ái-quốc thử tâm trường bất tử* 愛國此心長不死。 *Kiến tử chung-cổ lẫm như sinh* 建祠終古凜如生。 » — Hai bên sân miếu dựng nhiều bia đá và bày những voi đá, ngựa đá, phỗng đá, coi bộ rất cổ.

(2) Núi đất pha đá, thuộc địa phận xã Gôi-sơn.

rằng : « Hễ còn một tên lính Pháp đóng ở hạt sông *Ruhr*, thì nước Đức không thèm giao-thiệp với Pháp, không thèm điều-đình, không thèm thương-thuyết gì cả. » Tuy ngoài mặt nói thế, mà ở trong vẫn sai người mánh-khóe với hai nước Anh nước Mĩ, để nhờ hai nước ấy can-thiệp vào cho nước Pháp phải nhụt. Nhưng vận-động mãi không được gì, hai Chính-phủ Anh Mĩ vẫn giữ trung-lập, mà nội-tình nước Đức thì thấy mỗi ngày một quẫn-bách, đầu tháng năm tây này, Chính-phủ Đức cực-chẳng-đã phải gửi quốc-thư cho hai Chính-phủ Pháp và Tỉ xin thương-thuyết để hai nước ấy rút quân về, nước Đức hứa sẽ trả dần các bồi-khoản. Theo điện-tín ở *Paris* ngày mồng 3 tháng 5 nói rằng : « Quốc-thư của Đức đã giao Ngoại-giao-bộ ngày hôm qua thứ tư, hồi 2 giờ chiều. Viết bằng chữ Đức, xét lời-lẽ thời tựa-hồ như nước Đức (sẵn lòng trả cho Đồng-minh 100 ngàn triệu *100 milliards*) «mã-khắc» bằng vàng, nhưng kỳ-thực thời chỉ hứa trả cả thảy có 20 ngàn triệu, mà tiền ấy Đức sẽ đứng vay của Vạn-quốc. Trong số 20 ngàn triệu ấy, lại phải trừ đi 5 ngàn triệu để khấu vào tiền nợ và tiền lãi thành-thử chỉ còn 15 ngàn triệu để trả cho Đồng-minh. Số 15 ngàn triệu ấy mới chỉ bằng một nửa số tiền bồi-khoản mà nước Đức nợ một mình nước Pháp. Nước Đức lại hứa về sau sẽ trả làm hai kỳ nữa, mỗi kỳ 5 ngàn triệu trong hạn 8 năm, và xin đặt một « tòa minh-chủ » (*tribunal arbitral*), có đại-biểu cả vạn-quốc (mà đại-biểu của Đồng-minh không được số nhiều), để tài-định về việc ấy. » — Đối với sự điều-đình của Đức như thế thì Pháp và Tỉ quyết-định thế nào? Các điện-tín gần đây còn sơ-lược lắm, chưa được biết rõ. Duy chỉ biết rằng hai Chính-phủ Pháp và Tỉ khước lời bàn của Đức, không chịu nhận. Điện-tín có thuật lời của « Thời-báo » (*Le Temps*) ở *Paris* nói rằng: «Chính-phủ Pháp không thể nhận lời nước Đức được, vì số tiền nước Đức hứa trả đó ít quá, những một phần nước Pháp còn chưa đủ, huống lại nói trả cả Đồng-minh; về phần nước Pháp, chỉ một khoản bồi tổn-hại về việc chiến-tranh, Chính-phủ Pháp đã phải ứng ra để trả mất 44 ngàn triệu rồi, còn phải chi tới 42 ngàn triệu nữa mới hết, ấy là chưa kể tiền trợ-cấp cho binh-lính bị-thương, thế mà nước Đức nói có 20 ngàn triệu thì đủ sao được ? Vả nước Đức chỉ nói không, biết lấy gì làm bằng? Lại nói sẽ vay tiền của Vạn-quốc : vạn-quốc còn ai tin nước Đức nữa mà cho vay ? Quân Pháp sẽ đóng mãi ở hạt sông *Ruhr* cho kỳ đến ngày nước Đức đem tiền trả thật, và trả được bao nhiêu sẽ rút quân dần về bấy nhiêu. » — Ấy là ý-kiến của Chính-phủ và dư-luận nước Pháp như thế. Nghe đâu ý-kiến của các Đồng-minh khác, là nước Anh, nước Ý, nước Nhật, đại-khái cũng giống thế và đều khước lời bàn của nước Đức.

* *

Việc Tàu và Nhật. — Đầu năm nay, khi Tôn-Văn mới về Quảng-đông, thiên-hạ hoan-nghênh lắm. Bản-chí đã thuật hồi ông đến Hương-cảng, người Anh vui đón thế nào. Là vì ai cũng trông mong ở cái thế-lực ông để định cuộc hòa-bình cho Nam-phương nước Tàu. Nhưng từ khi ông về đến giờ, gặp nhiều sự khó-khăn, ông cũng vô-khả-nại. Thành ra đến bây giờ, Nam-phương chưa bình-định xong. Bắc-phương cũng chưa chỉnh-đốn nổi, và sự giao-thiệp với nước Nhật cùng các liệt-cường Âu-Mĩ lại thêm lắm nỗi gian-nan nữa.

Ông Tôn muốn cải-cách nhiều việc, nhưng cải-cách thì phải cần có tiền, mà tiền thì ông không có. Những người khẩn-cầu cho ông về, bây giờ cũng không đủ tiền để giúp ông. Ông muốn mưu sự hòa-bình thì ông phải bãi các binh-lính, nhưng xướng lên điều ấy thì mất lòng bọn võ-biền, mà bọn đó còn có đủ thế-lực làm ngăn-trở mọi việc. Thành ra bấy lâu nay chưa việc gì thành việc gì cả. Không những thế, mà từ ngày 20 tháng 4 tây, quân các phe vẫn còn đánh nhau ở tỉnh-thành Quảng-đông. Việc buôn-bán đình-đốn cả. Ai cũng mong cho quân Tôn đánh được, để trừ cho cõi Đông-Nam nước Tàu cái nạn bọn quân-nhân.

Về phần Chính-phủ Bắc-kinh thì tình-thế vẫn còn lúng-túng lắm. Việc tài-chính thật là quẫn-bách. Theo các báo Anh thì nghe đâu ông Ngoại-vụ-tổng-trưởng phải xin từ-chức, vì Chính-phủ không có tiền trả lương cho các công-sứ và lãnh-sự ở mọi nơi. Ông Học-vụ-tổng-trưởng cũng vậy, vì giáo-sư các trường đến một năm nay không có lương. Thuyền-viên của một cái chiến-hạm kia thì xướng bãi-công, cũng vì đã mấy tháng không được lĩnh lương. Chính-phủ cố vay các nước ngoài lấy 12 triệu để chang-chải mọi việc, nhưng Hội Liên-hợp các ngân-hàng (*Consortium des banques*) từ-chối, không cho vay.

Hai món nợ nước Nhật, một món 16 triệu viên (*yen*) gọi là « quốc-thải về máy nói », vì lấy sự-nghiệp máy nói trong nước làm khoản dợ, và một món 20 triệu viên, gọi là « quốc-thải về điện-báo », vì lấy sự-nghiệp điện-báo làm đảm-bảo, đều đến ngày 24 và ngày 30 tháng 4 là hết hạn ; theo như hợp-đồng thì ngày ấy không trả được, nước Nhật có quyền chiếm-cứ lấy cả các đường máy nói và điện-báo trong nước. Nghe đâu nước Nhật cũng muốn nhân-nhu, không nỡ thẳng tay; thế cũng là may, vì nếu không thì lại thêm chuyện lôi-thôi như về việc vô-tuyến-điện mới rồi. Số là nước Tàu muốn nhờ người Mĩ đặt vô-tuyến-điện, Nhật không cho, nói rằng : Tàu đã có ký-ước để rành cho công-ti *Mitsui* Nhật làm các sở Vô-tuyến-điện ở Tàu. Tàu cãi rằng theo lời quyết-nghị của hội-nghị *Washington* thì bao nhiêu mật-ước của Tàu với Nhật bãi-bỏ hết. Nhật đáp rằng cái ước ấy là ước về việc buôn-bán với một công-ti buôn, không phải mật-ước về chính-trị. Tàu nghe chừng cũng phải chịu, nhưng việc vẫn còn chưa xong.

Bọn học-sinh và đảng ái-quốc Tàu lại lấy cớ Hội-nghị *Washington* đòi Nhật phải trả lại Tàu đất Liêu-đông và cửa Lữ-thuận (*Port-Arthur*), nhưng Nhật không chịu.

Nói tóm lại thì phía Nam đánh nhau, phía Bắc túng tiền, đối với Nhật-bản có nhiều sự lôi-thôi, tình-thế nước Tàu thật cũng bối-rối vậy.

Gần đây lại có điện giặc Tàu bắt cóc mấy người Anh và người Mĩ, liệt-cường ở Tàu phải phòng quân-bị. Tin ấy mới lại lôi-thôi cho Chính-phủ Tàu nữa. Nhưng mà nước Tàu hiện nay còn có Chính-phủ nào nữa không ?

Nước Nhật thời cận-lai buôn-bán với Tàu không lợi, và thông-thương với các nước ngoài cũng không lợi. Nhân Chính-phủ Nhật không chịu bãi cái ước năm 1915, người Tàu bèn xướng lên cái phong-trào đề-chế đồ hàng Nhật. Mới bắt đầu đề-chế từ tháng 3, nhưng ngay tháng 2, số xuất-cảng sang Tàu đã sút đi nhiều rồi, đủ biết từ tháng 3 trở đi, còn sút đi đến thế nào. Xét số thống-kê thì trong khoảng 3 tháng số giao-dịch với Tàu sút đi 43 triệu viên, sánh với ba tháng về năm trước. Lại xét cái tổng-số giao-dịch với các nước về ba tháng đầu năm nay thì thấy số nhập-cảng nhiều hơn số xuất-cảng tới 66 triệu rưỡi viên. Song cũng phải biết rằng số nhập-cảng ấy là phần nhiều mua máy của các nước Âu Mĩ để đem về làm trong các xưởng máy trong nước ; những đồ chế-tạo ở các xưởng máy ấy rồi lại đem xuất-cảng ra ngoài thì cũng bù được ít nhiều. — Còn về thóc-gạo thì năm nay nhập-cảng ít hơn năm ngoái, vì nước Nhật được mùa ; số nhập-cảng trong 3 tháng đầu năm 1923 chỉ bằng 12 phần 100 số nhập-cảng trong 3 tháng đầu năm ngoái. Đó cũng là một khoản lợi cho nước Nhật. Tuy vậy mà thương-nghiệp không lợi như trên đã nói cũng là một điều không hay, nhất là đối với sự giao-thiệp Trung Nhật sau này.

. . .

Việc trong nước. — Việc trong nước tháng mới rồi cũng không có việc gì quan-hệ. Nước ta thật là thái-bình vô-sự. Ngoài cái quan-trường-tiêu-tức và việc quan-lại-thăng-thuyên, còn có việc gì đáng ghi? Thật là ít lắm.

Cứ tin cận-lai thì quan Toàn-quyền MERLIN hiện ở *Paris* đương thương-thuyết với quan Thuộc-địa-bộ, chừng tháng 6 tây mới xuống tàu và tháng 7 mới tới đây.

Còn một việc lạ nữa, là có một viên quan-hạ sở tàu-bay tên là DUMAS ngày 11 tháng 4 cưỡi máy bay đi từ Biên-hòa (Nam-kỳ) tới Hà-nội trong 8 giờ rưỡi đồng-hồ, chạy cả thảy 1350 cây-lô-mét, nghĩa là ngót 170 cây một giờ. Ông đi có một người phụ máy An-Nam, tên là Bằng (người Bắc-kỳ). Hương-lai ở bên ta chưa bao giờ máy bay chạy được mau như thế, mà đi cũng nguy-hiểm lắm, vì trong 8 giờ ấy đến 3 giờ toàn đi trong đám mây mù cả, và đi trên ngọn dặng núi Trường-sơn.

Lại trong tháng mới rồi có hai chiếc tàu chiến, kiểu tuần-dương-hạm (*Croiseurs*), trọng tải ngót vạn rưỡi tấn, sang chơi bên ta. Tên là chiếc *Jules Michelet* và chiếc *Victor Hugo*.

Báo-chí kỳ nay có in ảnh chiếc *Jules Michelet*.

. . .

Giới-thiệu sách mới. — Ông Nguyễn Đỗ-Mục trước đã xuất-bản quyển *Song-phương kỳ-duyên*, lời văn ông dịch độc-giả đã lấy làm hoan-nghênh lắm ; nay ông lại xuất-bản quyển tiểu-thuyết *Tái-sinh-duyên* tiền-biên này, in khổ giấy rộng, mới đến hồi thứ 40, cả thảy 232 trang, mà lại có 16 bức tranh vẽ cực đẹp của một nhà danh-họa, vẽ theo kiểu Tàu.

Phàm tiểu-thuyết của Tàu phần nhiều là hợp với cái tâm-lý của xã-hội ta, mà nay ông lại tô thêm lấy nét vẽ, chuốt khéo lấy lời văn, chắc hẳn là được nhiều người hoan-nghênh hơn trước. Huống-chi truyện *Tái-sinh-duyên* này là tả một người nữ-sĩ, cái

dạng nam-trang, liền thi trúng tam-nguyên, làm đến Thừa-tướng, đứng đầu trăm quan, lại cùng cha anh đồng-triều, khiến cho bao nhiêu kẻ mày râu, khúm-núm dưới quyền mình mà vẫn nửa tin nửa ngờ không biết rằng nam hay nữ. Mà nguyên soạn ra bộ *Tái-sinh-duyên* này cũng là một bà nữ-sĩ tên là Đoan-Sinh ở Toàn-đường, và bà Lương Sở-Sinh cung nhân làm tiếp theo. Tuy rằng truyện này bịa-đặt hay không, dịch-giả đã phán-đoán ở trong lời bài tựa rồi, nhưng dịch-giả cũng phải khen rằng: «*Trong các bộ tiểu-thuyết Tàu thì bộ này xuất-sắc hơn cả, câu-từ vẫn theo luân-lý cổ, để giữ lấy cái nền phong-hóa của Á-Đông, mà bố-cục thì rất ly-kỳ, chẳng kém chi các tay tiểu-thuyết Thái-Tây về đời cận-cổ*». Ôi! Lấy ngọn bút văn-chương của mấy nhà nữ-sĩ, mà lại tả ra một truyện người nữ-sĩ tuyệt-kỳ, thế thì truyện nữ-sĩ Mạnh Lê-Quân này không phải là truyện *tối-vô-vị*, mà dịch-giả đứng tên ở đầu truyện này cũng không đến nỗi thẹn với mày râu. Chỉ sợ rằng làm tài trai mà không học được câu: «述而不作 *thuật nhi bất tác*» của đức Khổng phu-tử, trước-tác đã chẳng được phần gì, mà dịch-thuật cũng không được câu nào, thì mới thẹn với câu của ông Lục Qui-Mông trong bài *Giang-hồ tản-nhân ca* rằng: «人間所謂好男子。我見婦人留鬚眉。(*Cõi đời mấy mặt tài trai đó, thôi cũng đàn-bà dính bộ râu*). Chẳng hay ông Ngu-ễn nghĩ sao? Xin ông hãy xuất-bản luôn cuốn hậu-biên nữa cho trọn bộ *Tái sinh-duyên* này và làm cho trọn cái nghĩa-vụ dịch-thuật những bộ sách chánh-đáng khác nữa, độc-giả còn đương mong mỏi lắm đó. Chớ sợ rằng: «*Người đời thường hay bạc công kẻ làm sách*» đâu.

Đ.-C.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Biên - bản kỳ đại - hội - đồng thường - niên ngày 29 tháng 4 năm 1923. — Ngày chủ-nhật 29 tháng 4 tây năm 1923 (tức ngày 14 tháng 3 năm quí - hợi niên - hiệu Khải - Định thứ 8), đúng 3 giờ chiều, các chủ-trì tán-trợ hội-viên Hội Khai - trí họp đại - hội - đồng thường - niên ở Hội - quán. Chương-trình trong kỳ đại-hội-đồng như sau này:

1· Nghe tờ trình của tòa Trị-sự về công việc và tiền bạc Hội trong 1922;

2· Duyệt các khoản chi-thu trong năm 1922;

3· Quyết-định các khoản dự-toán chi-thu cho năm 1923;

4· Nghe những lời thỉnh-cầu của các hội-viên;

5· Bàn về Đấu xảo mĩ-nghệ; về việc xin Chính-phủ nhận cho Hội là hội công-ích;

6· Bầu lại 36 hội-viên quản-trị;

7· Việc linh tinh.

Đến dự hội-đồng có những chủ-trì tán-trợ hội-viên kê tên như sau này, cả thảy 149 ông (theo như «sổ hiện-tại», *liste de présence*, đặt ở trước phòng hội-đồng, chính các ông hội-viên biên tên lấy khi vào hội-đồng):

Ông Bạch Thái-bưởi,	Hải-phòng
« Berthellot,	Hà-nội
« Bùi Đình-Tá,	»
« Bùi Đình-Thình,	Vĩnh-yên
« Bùi Tiến-Đức	Hà-nội
« Bùi Xuân-Học,	»
« Cao Văn-Vĩ,	Nam-định
« Chu Chí-Chấn,	Hà-đông
« Cucherousset,	Hà-nội
« Dương Bá-Trạc,	»
« Dương Quảng-Hàm,	»
« Đào Huống-Mai,	»
« Đào Hữu-Khôi,	Hải-dương
« Đào Văn-Sử,	Hà-nội
« Đặng Tâm-Nghĩa,	Hải-dương
« Đỗ Kim-Lâm,	Hà-đông
« Đỗ Lê-Thanh	»
« Đỗ Như-Phụ,	Hải-dương
« Đỗ Văn-Di,	Hưng-yên
« Đỗ Thận,	Hà-nội
« Đinh Văn-Tề,	Hà-đông
« Hoàng Trọng-Phu,	»
« Hoàng An	Hà-nội

Ông Hoàng Hữu-Đôn,	Bắc-ninh
« Hoàng Quang-Hương,	Hà-nội
« Hoàng Kim-Bằng,	»
« Hoàng Thúc-Hội,	»
« Hoàng Thế-Nguyên,	
« Hà Duy-Thăng,	Nam-định
« Lê Đình-Thắng,	Hà-nội
« Lê Văn-Phúc,	»
« Lê Văn-Ý,	»
« Lê Nguyên-Úc,	»
« Lê Hữu-Phúc,	»
« Lê Văn-Dị,	Hà-đông
« Lê Trung-Ngọc,	Hà-nội
« Lê Thành-Ý,	»
« Lê Đình-Ngạn,	»
« Lê Văn-Đính,	Hà-đông
« Lê Vũ-Bình,	Hà-nội
« Lagrèze	»
« Lưu Thế-Điện,	»
« Marty,	»
« Mạc Đình-Tư,	»
« Norès,	»
« Nguyễn Ngọc-Quỳnh,	Hà-đông
« Nguyễn Khắc-Cẩu	»
« Nguyễn Trọng-Thuật,	Hải-dương
« Nguyễn Khắc-Khoan,	Hưng-yên
« Nguyễn Đức-Thăng,	Bắc-ninh
« Nguyễn Trọng-Tước,	Ninh-bình
« Nguyễn Trọng-Hàn,	Hà-nội
« Nguyễn Hữu-Kiến,	Hải-dương
« Nguyễn Văn-Chiêu	Hà-đông
« Nguyễn Tạo-Vĩ,	»
« Nguyễn Văn-Oanh	Hà-nội
« Nguyễn Qui-Kế,	Hà-đông
« Nguyễn Qui-Toản,	Hà-nội
« Nguyễn Ý-Củ,	Hải-dương
« Nguyễn Chuẩn	»
« Nguyễn Lễ,	Hà-nội
« Nguyễn Phúc-Huân,	Hà-đông
« Nguyễn Duy-Ngung,	»
« Nguyễn Lan (Tân-ký)	Bắc-ninh
« Nguyễn Như-Tùng,	Hà-đông
Nguyễn Văn-Tấn,	Vĩnh-yên
« Nguyễn Văn-Tích,	Hà-đông
« Nguyễn Đắc-Nhuận,	»
« Nguyễn Văn-Liên,	Nam-định
« Nguyễn Thành,	Hà-nội

Ông Nguyễn Quang-Oánh,	Hà-nội
« Nguyễn Ứng,	»
« Nguyễn Văn-Thi,	»
« Nguyễn Đức-Nhâm,	Bắc-ninh
« Nguyễn Văn-Điền	Hà-nội
« Nguyễn Văn-Kỳ,	»
« Nguyễn Văn-Nho,	»
« Nguyễn Đình-Lạc,	Hải-dương
« Nguyễn Viết-An,	Hà-nội
« Nguyễn Hữu-Qui	»
« Nguyễn Đức-Đôn,	Hà-nam
« Nguyễn Gia-Huy,	Hà-nội
« Nguyễn Văn-Vĩnh,	»
« Nguyễn Tất-Tế,	Hà-đông
« Nguyễn Hữu-Thu,	Hải-phòng
« Nguyễn Hữu-Cự,	Vĩnh-yên
« Nguyễn Xuân-Cảnh	Hà-đông
« Nguyễn Hữu-Gián	Hà-nội
« Nguyễn An-Điệp,	Hải-phòng
« Nguyễn Hữu-Tiến,	Hà-nội
« Nguyễn Đôn-Phục,	Hà-đông
« Nguyễn Văn-Luận	Hà-nội
« Nguyễn Đình-Qui,	Kiến-an
« Nguyễn Đình Thông,	Hà-đông
« Nguyễn Kỳ,	»
« Nguyễn Hữu-Đắc,	Hà-nội
« Nguyễn Năng-Quốc,	Hưng-yên
« Nguyễn Quang-Hoắc,	Hà-đông
« Nguyễn Văn-Kính,	Hà-nội
« Nguyễn Thừa-Viễn	»
« Nguyễn Thừa-Đạt,	Kiến-an
« Nguyễn Bá-Chính,	Hà-nội
« Nguyễn Quốc-Cư	»
« Nguyễn Hữu-Bính,	»
« Ngô Ngọc-Trấn,	Hà-đông
« Phạm Quỳnh,	Hà-nội
« Phạm Kiêm-Toản,	Ninh-bình
« Phạm Văn-Khoan,	Hà-nội
« Phạm Xuân-Toản,	»
« Phạm Huy-Lục,	»
« Phạm Đình Đào,	Hà-đông
« Phạm Mạnh-Xứng	Hà-nội
« Phùng Văn-Kim	»
« Tạ Công-Chế	Hà-đông
« Tạ Công-Thọ,	»
« Tạ Duy-Tòng,	»
« Tô Văn-Lượng,	Hải-phòng

Ông Trần Văn-Tính,	Hải-dương
« Trần Duy-Cát	»
« Trần Đức-Tiến,	Hà-nội
« Trần Trọng-Kim,	»
« Trần Văn-Có,	»
« Trần Văn-Thông,	Nam-định
« Trần Viết-Soạn,	Hà-nội
« Trần Phềnh,	»
« Trần Văn-Đại,	Hà-đông
« Trần Văn-Nghiêu,	»
« Trần Thọ-Huy,	Hà-nội
« Trần Diễn-Giệm (Phúc-mỹ)	»
« Tăng Xuân-Mai	Hà-nam
« Trịnh Xuân-Nghĩa,	Hà-nội
« Trịnh Văn-Minh,	»
« Trịnh Văn-Hợi,	»
« Trịnh Văn-Mai,	Hà-đông
« Trịnh Văn-Kiêm	»
« Trịnh Văn-Mẫn,	Hà-nội
« Trương Minh-Sanh,	»
« Từ-Đạm,	Hải-dương
« Từ Nguyên-Mậc,	Hà-đông
« Vân Đức-Ngôn,	Hà-nội
« Vũ Đình-Khôi,	Hải-dương
« Vũ Tông,	Hà-nội
« Vũ Văn-Tiếp,	Hà-đông
« Vũ Đình-Chung,	Hà-nội
« Vũ Đình-Khôi,	»
« Vũ Văn-Giụ,	»
« Vũ Cẩu,	»
« Vũ Văn-Nhạc,	»
« Ứng Ngọc-Thư,	»

Những ông không đến dự hội-đồng có giấy ủy-quyền như sau này, cả thảy 131 ông (1)

Ủy-quyền cho quan Hoàng Trọng-Phu:

Ông Nguyễn Đức-Ngọc, Chine.

Ủy-quyền cho ông Phạm Quỳnh :

Ông Trần Lưu-Vị, Hà-nam; Bùi Huy-Tiến, Phúc-yên; Nguyễn Văn Tích, Hà-nội; Nguyễn Văn-Đào, Kiến-an; Nguyễn Văn-Khôi, Lahati (Chine); Phạm Bùi-Cầm, Phủ-lý; Lê Hữu-Tích, Thái-bình; Hoàng Yến, Bình-định ; Trần Văn-Phúc, Thái-bình; Vũ Ngọc-Oánh, Lạng-sơn; Ngô Như-Bình, Thanh-Hà; Thân Trọng-Huề, Huế; Nguyễn Văn-Thỉnh, Hải-phòng; Nguyễn Bá-Trác, Huế; Nguyễn Văn-Đáp, Hải-dương.

Ủy-quyền cho ông Lê Văn-Phúc :

Ông Mai Trung-Cát, Bắc-ninh; Phạm Bá-Rong, Bắc-kạn; Phạm Văn-Hanh, Hà-đông; Nguyễn Hợp-Phác, Hải-dương; Bạch Thái-Sơ, Hà-nội; Nguyễn Hữu-Trí, Hà-nội; Phạm Đình-Công, Phan-hà; Vũ Văn-Khang, Bắc-ninh; Vũ Hữu-Thưởng, Ngô-đồng.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Hữu-Thu :

Ông Uông Chu-Miện, Hải-phòng ; Phạm Quang-Huy, Hải-phòng; Phạm Đức-Hinh, Hải-phòng ; Nguyễn Ngọc-Phong, Hải-Phòng; Nguyễn Xuân-Đài, Hải-phòng; Nguyễn Văn-Tự, dit Một, Hải-phòng ; Nguyễn Xuân-Điền, Hải-phòng ; Phạm Cao-Kuông, Hải-phòng.

Ủy-quyền cho ông Phạm Huy-Lục :

Ông Chế Quang-Ân, Hà-nội; Lê Văn-Tân, Hanoi; Mạc Đình-Tư, Hà-nội; Trịnh Trọng-Phúc, Nam-định; Phạm Duy-Trí, Nam-định; Bùi Thiện-Cơ, Lâm-thao ; Nguyễn Ngọc-Mỹ, Tiêu-liêu ; Phạm Văn-Thư, Hà-nội; Ngô Văn-Phú, Hà-nội.

Ủy-quyền cho quan Nguyễn Năng-Quốc:

Ông Từ Nhiếp-Hữu, Ân-thi; Vũ Huy-Xứng, Hưng-yên, Lê Đình-Lục, Khoái-Châu; Phạm Gia-Nùng, Tiên-lữ; Nguyễn Trọng-Khôi, Tiên-lữ ; Nguyễn Văn-Thành, Hưng-yên; Nguyễn Đăng-Thịnh, Hưng-yên; Nguyễn Ngọc-Tăng, Hải-phòng.

Ủy-quyền cho ông Trần Thọ-Huy :

Ông Trần Vượng, Tuyên-quang; Vũ-Thành, Hà-nội; Hoàng Huy-Giao, Thượng-lang ; Nguyễn Văn-Nguyên, Thanh-hóa ; Nguyễn Chính, Hà-tĩnh, Ngô Tiến-Cảnh, Na-cham ; Hoàng Quang-Cát, Cao-bằng.

Ủy-quyền cho ông Phạm Mạnh-Xứng :

Ông Nguyễn Bá-Tiệp, Hoài-đức

(1) Còn có ông sau ngày hội-đồng mới nhận được giấy ủy-quyền thì không kể vào đây.

Nghiêm Xuân-Quảng, Ninh-Bình; Phạm Gia-Thụy, Phủ-lạng-thương; Vũ Công-Thiệu, Văn-giang.

Ủy-quyền cho ông Bùi Đình-Tá :

Ông Trần Nhật-Tỉnh, Đoan-hùng; Vương Vĩnh-Tuy, Hà-nội; Nguyễn Huy-Thụ, Tràng-kỳ; Lê Bá-Tư, Hải-dương.

Ủy-quyền cho ông Hoàng Quang-Hương:

Ông Hoàng Quang-Bình, Hà-nội; Nguyễn Tâm-Luyến, Hà-nội; Nguyễn Đức-Lợi, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Trần Trọng-Kim :

Ông Vương Tứ-Đại, Quảng-trị; Vũ Xuân-Tâm, Lý-nhân; Bùi Thiện-Căn, Ninh-giang.

Ủy-quyền cho ông Trần Viết-Soạn :

Ông Nguyễn Hữu-Tùng, Hà-nam; Trần Văn-Thanh, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Như-Tùng:

Ông Trần Văn-Trạc, Hà-đông; Nguyễn Phác, Hà-đông.

Ủy-quyền cho ông Vũ Văn-Nhạc ;

Ông Đặng Đình-Điệp, *Phú-hộ* ; Cung Đình-Qui, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Hoàng Quang-Thịnh ;

Ông Dương Trung-Giao, Hà-nội ; Sơn Xuân-Hoan, Hà-nội ; Phạm Văn-Duyệt, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Văn-Nho ;

Ông Bùi Văn-Bia, Sơn-tây; Nguyễn Đức-Thục, Hà-nội ; Lê Văn-Quế, Thái-bình.

Ủy-quyền cho quan Nguyễn Đình-Qui ;

Ông Nguyễn Như-Khẩn, Kiến-an ; Trần Phượng-Thé, Kiến-an ; Vũ Đình-Khôi, Hải-dương.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Viết-An ;

Ông Hoàng Hy-Tuấn, Hà-nội ; Nguyễn Đăng-Kính, Ninh-bình ; Trần Công-Thuyết, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Trịnh Xuân-Nghĩa :

Ông Chu Tam-Duy, phủ Từ-sơn ; Vũ Trinh-Bình, Hà-nội ; Nguyễn Đình-Giốc, Hà-nội ; Nguyễn Đức-Mai, Hà-nội.

Ủy quyền cho ông Lê Thành-Ý :

Ông Hà Văn-Bình, Hà-nội ; Trần Đức-Phú, Huế ; Nguyễn Văn-Thoa, Hà-nội, Phạm Xuân-Thành, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Trần Văn-Có :

Ông Ngô Văn-Hóa, Hà-nam; Trần Văn-Thư, Hà-nam; Nguyễn Ngọc-Gia, La-Các-Ba.

Ủy-quyền cho ông Hoàng Hữu-Đôn :

Ông Bùi Bằng-Đoàn, Xuân-trường ; Nguyễn Hữu-Hậu, Quỳnh-côi.

Ủy-quyền cho ông Vũ Đình-Chung :

Ông Nguyễn Văn-Thảo, Hà-nội; Đỗ Đôn, Hà-nội ; Trần Như-Bích, Amitchéou.

Ủy-quyền cho ông Bùi Trọng-Huyên:

Ông Bùi Văn-Thiệp, Phú-thọ ; Phạm Chúc, Ninh-bình; Nguyễn Xuân-Hà.

Ủy-quyền cho ông Lê Văn-Ý :

Ông Đỗ Huy-Cảnh, Hà-nội; Trịnh Ngọc-Chang, Văn-lý.

Ủy-quyền cho ông Mai Du-Lân :

Ông Nguyễn Tiến, Hà-nội; Viên Văn-Khôi, Hồng-hới.

Ủy-quyền cho ông Đỗ Thận :

Ông Đào Vũ Môn, Gia-viễn; Đỗ Thúc, Kim-anh.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Văn-Vĩnh:

Ông Vũ Hữu-Tụng, Bắc-sơn.

Ủy-quyền cho ông Trần Thủy:

Ông Nguyễn Qui, Hoài-đức.

Ủy-quyền cho ông Bùi Xuân-Học :.

Ông Bùi Xuân-Thành, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Đào Văn-Sử :

Nguyễn Hữu Hàm, Hà-đông ; Nguyễn Đăng-Chính, Nam-định.

Ủy-quyền cho ông Hà Duy-Thăng :
Ông Nguyễn Hữu-Ích, Nam-định.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Đức-Đôn :
Ông Phạm Quang-Diện. Bồ-xá.

Ủy-quyền cho ông Trịnh Văn-Mẫn :
Ông Hàn Ngọc-Tri, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Trọng-Hàn :
Ông Phạm Văn-Học, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Lê Đình-Ngạc :
Ông Trần Phềnh, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Đình-Lạc :
Ông Phạm Hoàng-Lãm, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Qui-Toản :
Ông Phan Tất Đạt, Nam-định.

Ủy-quyền cho ông Trần Văn-Thông :
Ông Vi Văn-Đình, Cao-bằng.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Văn-Luận :
Ông Triệu Văn Phủ, Chiêm-hóa.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Thành :
Ông Lê Văn-Bái, Hà-nội.

Ủy-quyền cho ông Đỗ Văn-Dị :
Ông Nguyễn Khắc-Thư, Hưng-yên.

Ủy-quyền cho ông Bùi Đình-Thính :
Ông Nguyễn Văn-Bản, Vĩnh-yên.

Ủy-quyền cho ông Tô Văn-Lượng :
Ông Vương Khả Lãm, Hải-phòng.

Quan Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu làm chủ-toạ, hai ông Chánh Phó thư-ký Phạm Quỳnh và Nguyễn Qui-Toản, giữ việc giấy-má.

Khi các hội-viên ngồi đâu đấy, quan Hoàng Trọng-Phu khai hội-đồng.

.·.

I. Trước nhất đọc tờ trình của Tòa Trị-sự về công-việc Hội trong năm 1922. Lời trình như sau này :

« Thưa các Ngài,

« Theo lệ thường, tôi xin trình các ngài về công việc Hội trong năm 1922.

« Kỳ đại-hội-đồng năm ngoái, là lần đầu họp ở nhà Hội-quán đây, tôi đã trần-thuyết rõ-ràng về cái chủ-nghĩa và cái phương-châm của Hội ta thế nào, các ngài cũng đã từng biểu-đồng-tình hết cả. Hội-đồng quản-trị năm ngoái cũng là theo một phương-châm, một chủ-nghĩa như thế mà thi-hành các việc.

«Công-việc một hội như Hội ta là những công việc lâu dài, không thể tính hàng năm hàng tháng được. Trong khoảng mấy năm trời, không phải đã thực-hành được ngay cái chủ-nghĩa của Hội và trông thấy thành-hiệu hiển-nhiên. Chẳng qua là ươm cái hạt giống từ bây giờ, rồi sau này mới có ngày sinh-hoa kết-quả. Hạt giống đã ươm rồi, phải được mưa hòa gió thuận, phải năng bón tưới vun trồng, mới mong mọc mầm nảy rễ, mà dần-dần thành ra cái cây.

« Hạt giống của Hội ta, từ khi gieo xuống đất Thăng-long này, được cái khí-hậu điều-hòa trong xã-hội, trên Chính-phủ, dưới quốc-dân, đều có lòng tin cả, lại được cái lòng nhiệt-thành của các ngài Hội-viên hằng ngày chăm-bón, nay đương là lúc mọc mầm nảy rễ đây. Sau này thành thân cái cây, được tươi-tốt hay phải ngẳng-nghiu, là do cái địa-mạch nước ta còn vượng-khí hay đã kiệt-lực, cái đó không thể đoán trước được. Hiện nay phận-sự ta là phải chăm-chút cho cái mầm non rễ nõn kia được tuần-tự mọc lên, không đến nỗi cằn-cọc héo-hắt. Song ta cũng chớ nên vội-vàng nóng-nảy như anh đồ nọ, thấy cây lúa mọc chậm, ra tay lôi nó lên cho mau lớn ! . . .

« Tôi thường nghe có ông hội-viên cũng nóng-nảy như thế, nói rằng : « Sao Hội ta không làm việc này ? Sao Hội ta không làm việc kia? Sao không lập Hàn-lâm-viện? Sao không mở tư-thư-cục ? Sao không làm sách dịch sách *tàn* đi có được không?

đó là chính lời của một ông hội-viên nói). Sao không đặt ban âm-nhạc để đánh đàn? Sao không lập ban thể-thao để tập võ? v. v. ». Khốn lắm! Cái gì cũng nên cả, cái gì cũng cần cả, vì ở nước ta bây giờ còn thiếu-thốn hết, nhưng mà muốn làm phải cho tuần-tự, không thể làm *tràn* đi được...

« Mỗi năm làm được một vài việc, mà việc gì thành cơ-sở việc nấy, tôi tưởng cũng đã khó lắm. Trước khi thuật qua về mấy việc mà hội-đồng quản-trị chúng tôi đã thừa-ý đại-hội-đồng đề-xướng và cổ-động trong năm ngoái, tôi bằng xin kể qua cái tình-hình của Hội ta để các ngài biết mấy năm nay thế-lực của Hội tăng-tiến dường nào, mà năm ngoái đây lại là hơn cả mọi năm trước.

« Xét về số hội-viên thì:

năm 1919 được . . . . . 400 ông
năm 1920 lên . . . . . 542 ông
năm 1921 tới . . . . . 677 ông
năm 1922 tăng đến . . . 1036 ông

« Trong số 1036 ông đó, vào bậc danh-dự-hội-trưởng, nghĩa là các bậc Đại-hiến như các quan Toàn-quyền, Thống-sứ, đã có bụng quyến-cố đến Hội ta, 7 Ngài; — vào bậc danh-dự hội-viên, nghĩa là các quí-quan sung vào hội-đồng bảo-trợ cho Hội, 61 ông; — còn thời:

A) Tán-trợ-hội-viên, nghĩa là những ông quyên cho Hội tự 100 đồng trở lên. . . . 63 ông;

B) Chủ-trì-hội-viên, là những ông nộp vào Hội hoặc 20 đồng một lần, hoặc 2 đồng mỗi năm. . . . 796 ông;

C) Thường-hội-viên, là những ông nộp vào Hội ít ra là 2 đồng . . . 172 ông.

« Từ đầu năm nay đến giờ cũng đã được hơn một trăm ông có giấy xin vào Hội.

« Ấy là Hội không cổ-động gì mấy mà số hội-viên vẫn tăng lên như thế, đủ biết rằng quốc-dân ta có lòng hoan-nghênh cái chủ-nghĩa của Hội.

« Về đường tài-chính thì lát nữa ông Chánh Hội-đồng kiểm-quĩ sẽ trình các ngài về các khoản chi-thu trong năm 1922, hội-đồng đã kiểm-soát cẩn-thận.

« Hội ta từ năm 1921, để vào nhà Thực-nghiệp-ngân-hàng ngót 9000 đồng, rồi nhà Ngân-hàng ấy có việc lôi-thôi, từ đấy vẫn chưa lấy ra được. Nên đầu năm 1922 phải vay của nhà Đông-Pháp ngân-hàng 6.000 đồng để chi-tiêu mọi việc,

« Số tổng-thu về năm 1922 là 18.005$25,
— chi — — — 18.826, 44.

tiêu đôi ra mất hơn 800 đồng, vì năm ngoái nhà « xéc » của Hội mới mở, các khoản thâu-nhập chưa đủ đối với các khoản chi-phí, nên phải lấy trong công-quĩ của Hội cấp cho nhà « xéc » mất nhiều lắm.

« Trong năm ngoái, những khoản lạc-quyên trợ-cấp của các ngài có bụng giúp cho Hội tổng-cộng là 6,800 đồng, trong số đó thời phủ Toàn-quyền cho 2000 đồng, ông huyện Nguyễn Hữu-Nghi cho 1000 đồng; ông Fontaine, chủ Công-ti Rượu cho 500 đồng; còn các ngài cho 200 đồng, 100 đồng nhiều lắm.

« Tôi vừa nói về nhà « xéc » của Hội.

« Điều thứ 3 trong Điều-lệ nói rằng: « Muốn cho các hội-viên có tình liên-lạc với nhau, Hội sẽ tìm cách lập ra ở Hà-nội, là nơi Hội-sở chánh một nhà công-quán (tức như các nhà *cercles* tây)... »

« Lại điều thứ 26 nói rằng: « Nhà công-quán định lập tại Hà-nội thời đặt tên là « *Khai-trí-tiến-đức-hội-công-quán* » (Cercle de l'A. F. I. M. A.). Nhà công-quán ấy là một nơi hội-họp để cho người có chân Hội tới lui mà được tiện sẵn cả các cách tiêu-khiển hợp với mục-đích Hội và không trái với những lề-thói lịch-sự của xã-hội An-Nam, như đặt phòng ăn uống, phòng đọc sách, phòng diễn-thuyết, đàm-đạo, yến-tiệc, v. v. . . . »

« Ấy cái mục-đích Hội đặt ra nhà « xéc » là thế. Những nhà *cercles* của người quí-quốc thế nào, chắc các ngài đã biết rồi. Không những ở Hà-nội có nhà *Cercle* lớn, làm chỗ họp-tập cho những người Tây lịch-sự ở đây, mà các tỉnh hễ đâu hơn

mười ông Tây là có một cái nhà *cercle* nhỏ. Lại người Tàu hễ đến ngụ-cư ở tỉnh nào, tất có đặt nhà Hội-quán. Người Anh, người Mĩ, ở đâu cũng có nhà công-quán, gọi là *Club* (Tàu dịch là « Câu lạc-bộ »), là chỗ cùng hội-họp để vui chơi. Người An-Nam thì hướng-lai chưa từng có một nhà Hội-quán như thế, thành ra khi nào phải hội-họp để đàm - đạo, yến-tiệc hay là khoản-tiếp một người khách sang khách quí nào, không biết đứng ngồi vào đâu. Lại khi nào anh-em bè-bạn muốn gặp mặt nhau, uống chén rượu, nói câu chuyện, ung dung nhàn-nhã, không sợ phiền nhau như khi đến nhà riêng, thì phi vào nhà « ô-ten » tây, tất vào nhà cao-lầu khách, bất-luận cách tiếp-đãi trọng hay khinh, người mình vào đấy nó vẫn lơ-láo như kẻ ăn trọ ngồi nhờ, không phải là nơi là chỗ của mình.

« Bởi các lẽ đó, nên khi nhà Hội-lăm xong, tuy cũng còn chật-hẹp, chưa đủ các phòng, song chúng tôi vội-vàng tính đặt ngay một nhà « xéc », làm nơi hội-họp chung cho các Hội-viên ở Hà-nội và ở các tỉnh.

« Nhà « xéc » mới bắt đầu mở tự tháng 5 tây năm ngoái, có bàn ghế sạch-sẽ, đèn quạt chỉnh-đốn, có nhật - báo để đọc, có *billard* để đánh, có đặt bàn ăn tiệc khách, có nuôi bếp nấu bồi hầu, các ngài hội-viên đến đây tức cũng như ở nhà mình, không có những điều bất-tiện như khi vào những nơi hàng quán của người nước ngoài.

« Cho được chi-phí các khoản về nhà « xéc », như tiền đèn điện, tiền bồi bếp, v.v., trong Điều-lệ có định rằng các ngài hội-viên ở Hà-nội phải nộp mỗi năm 3$ ở các tỉnh mỗi năm 1$ để giúp vào tiền tổng-phí. Theo tờ trình của hội-đồng nhà « xéc » thì cứ chiếu số hội-viên, lý-ưng phải thu được 1400$ mới phải, nhưng thực ra thì chỉ thu được 600$ mà thôi, thành ra quá nửa các ngài hội - viên chưa nộp. Nhân đại-hội-đồng đây, tôi xin nhắc lại các ngài, món tiền không là mấy, các ngài nhớ nộp đều cho thì nhà « xéc » mới có thể tự-lập được mà tổng-quĩ của Hội khỏi phải trợ-cấp cho nhiều quá như năm ngoái.

« Xét ra số những người đến ăn ở nhà « xéc », tự tháng 5 cho đến tháng 12 năm ngoái, như sau này:

Tháng 5	274	suất ăn.
« 6	462	«
« 7	641	«
« 8	495	«
« 9	466	«
« 10	569	«
« 11	239	«
« 12	320	«

« Xem đó thời tháng nhiều tháng ít không đều, nhưng nếu cứ được trung-bình từ 500 đến 600 suất ăn một tháng, thời nhà « xéc » có cơ phát-đạt được.

« Trông nom về việc nhà « xéc » có một hội-đồng, quan Trần Văn-Thông là Phó Hội-trưởng đứng đầu, ông Nguyễn Thành là phó Thủ-quĩ và mấy ông hội-viên nữa giúp việc. Việc gì lúc mới đầu sắp-đặt cũng khó, hội-đồng nhà « xéc » thật có công, nay quan Thượng Trần sắp lĩnh chức Tổng-đốc Nam-định, tôi xin có lời cảm ơn ngài, và cảm ơn cả các viên-chức trong hội-đồng.

« Đó là tình-hình Hội về đường vật-chất. Về đường tinh-thần thời cái thế-lực của Hội ta bây giờ đã vững-vàng lắm, và suốt trong nước đâu đâu cũng biết tiếng rồi. Mấy năm đầu còn có người chưa hiểu mà ngộ-nhận cái chủ-nghĩa của Hội. Bây giờ thì khắp trong Nam ngoài Bắc, trên Chính-phủ, dưới quốc-dân, đều rõ cái phương-châm mục-đích của Hội ta cả.

« Trong năm ngoái, Hội ta đã nghênh-tiếp quan Thống-chế JOFFRE, mấy lần tiếp quan Toàn-quyền, quan Thống-sứ, lại một lần tiếp một bậc danh-sĩ bên qui-quốc là quan SYLVAIN LÉVI. Khi nào có bậc thân-hào trong Nam-kỳ Trung-kỳ ra ngoài này, Hội ta cũng đều đặt tiệc trà tiệc rượu đón tiếp trọng-thể, là có ý muốn thực-hành cái chủ - nghĩa « Nam Bắc một nhà » vậy.

« Lại đầu năm nay, Hội ta có phái ông PHẠM QUỲNH thay mặt Hội sang dự cuộc Đấu-xảo bên Pháp. Cuộc Âu-du của ông kết-quả thế nào, tôi không cần phải nói, chắc các ngài cũng đã biết cả. Hội cử ông thật là đắc-nhân và nhờ ông mà bây giờ tên Hội Khai-trí ở qui-quốc đã có người biết. Hiện có mấy Hội lớn ở *Paris* viết thơ muốn giao-thiệp với Hội ta.

« Nay tôi xin thuật qua về các việc đã khởi-xướng ra trong năm 1922.

« Thứ nhất là cuộc *Ấu-trĩ-viên*. Gần đây nhờ có các báo quốc-văn gia-công cổ-động giúp cho Hội, các ngài dù ở xa ở gần, chắc cũng đã nghe nói Ấu-trĩ-viên và biết mục-đích Ấu-trĩ-viên là thế nào. Mục-đích ấy là bảo-thủ cho nòi-giống ta và chăm-chút cho bọn con trẻ trong nước, truyền-bá phép vệ-sinh trong dân-gian, bắt đầu từ tuổi đồng-ấu trở lên. Công-việc của Ấu-trĩ-viên còn nhiều nữa, vì không những chủ một việc vệ-sinh, còn chủ việc giáo-dục nữa. Hiện nay mới bắt đầu thời hãng chuyên về đường vệ-sinh trước nhất, rồi sau mỗi ngày một mở-mang mới tính dần đến các phương-diện khác. Việc đó ích-lợi cho quốc-dân là đường nào, tôi không cần phải diễn-thuyết dài, các ngài cũng đã thừa rõ cả rồi. Tôi chỉ muốn nhân kỳ Đại-hội-đồng đây, các ngài lại họp đông, xin các ngài khi về nhà lưu-tâm chú-ý đến việc công-ích ấy mà gia sức cổ-động cho đâu đâu cũng biết sự lợi-ích của Ấu-trĩ-viên, và tỉnh nào nơi nào cũng lập Ấu trĩ-viên hết cả. Cứ tình-thế nước ta và trình-độ dân ta bây giờ, thời tôi tưởng không việc gì cần-cấp và cũng không việc gì dễ làm như việc này. Vậy xin các ngài gắng sức cho.

« Việc Ấu-trĩ-viên này mới khởi-xướng ra tự tháng sáu tháng bảy tây năm ngoái, do quan Cai-trị MARTY và tôi bàn ra trước, các ngài trong hội đồng quản-trị ưng-ý ngay, và tin ấy truyền-bá ra ngoài, quốc-dân lấy làm hoan-nghênh lắm. Chúng tôi bèn lập ra một hội-đồng riêng để coi về việc ấy, và mời quan nguyên Khâm-sứ TISSOT, là người rất có bụng với người An-Nam ta, đứng làm chủ. Từ bấy đến nay, không đầy mười tháng, cái phong-trào lập Ấu-trĩ-viên đã lan khắp trong xã-hội, đủ biết rằng quốc-dân ta vẫn sẵn có lòng ham về việc công-ích. Hiện nay ở tỉnh Hà-đông, tôi đã lập được ba bốn nơi, tỉnh Hưng-yên quan Tuần Nguyễn Năng-Quốc lập được vài ba nơi, tỉnh Bắc-ninh quan huyện Hoàng Hữu-Đôn lập được một nơi trong hạt Yên-phong ; còn các tỉnh Nam-định, Hải-dương, Phúc-yên. v. v., sắp-sửa lập cả. Chắc rằng lúc mới đầu cũng chưa được hoàn-toàn lắm, các dân làng cũng có chỗ chưa hiểu rõ và cách sắp-đặt cũng còn nhiều điều khiếm-khuyết ; như hiện nay định đặt một nơi Ấu-trĩ-viên làm mẫu để tập các bảo-mẫu mà chưa kịp làm xong. Nhưng có mấy tháng trời mà cổ-động cho hầu-hết trong nước đâu cũng biết đến tên Ấu-trĩ-viên như thế, tưởng cũng đã là mau lắm. Cứ xem cái số các tiền quyên về Ấu-trĩ-viên tự năm ngoái đến giờ được 5000 đồng thì đủ biết.

« Năm ngoái chúng tôi lại cổ-động một việc nữa, là việc làm một bộ tự-điển tiếng An-Nam. Việc này ích-lợi thế nào, tôi cũng không cần phải nói. Nước ta có tiếng nói mà không hề có tự-điển bao giờ. Bây giờ quốc-dân đã biết chân-trọng quốc-âm, ta phải nên kịp mà cóp-nhặt lấy những tiếng nói gốc trong nước, xưa nay chỉ truyền miệng, không ghi-chép bao giờ, nên thường hay nói sai, càng ngày càng sai mãi đi, đến mất tích không biết dò-xét ở đâu. Bởi thế nên trước khi khởi-công làm tự-điển, phải điều-tra về tiếng nói trong nước, thứ nhất là những tiếng tục-ngữ phương-ngôn, là những tiếng có dùng trong dân-gian mà không chép ở sách nào. Hiện chúng tôi đã gửi giấy đi các quan đầu tỉnh nhờ các ngài giúp cho việc điều-tra ấy, khi nào điều-tra đã được nhiều, cóp-nhặt đã được khá, bấy giờ mới khởi-công làm tự-điển, vì những câu tục-ngữ phương-ngôn nhặt được đó, tức là những điển-cố cho quốc-

âm, những câu thí-dụ cho bộ tự-điển vậy.

« Việc điều-tra về quốc-âm này cũng là một việc cần lắm, vì nếu không kíp mà nhặt lấy những tiếng nôm lõi của ta, thì rồi mỗi ngày một mất dần đi hết. Ngay bây giờ đã mấy người thuộc được hết tiếng An-Nam ?

« Bởi ít người thuộc tiếng An-Nam như thế, cho nên mới truyền ra các câu nói hoặc rằng tiếng An-Nam nghèo. Muốn cho biết rằng nghèo hay giàu thì trước hết phải học, phải tập, phải nghiền-ngẫm, phải tìm-tòi. Xưa nay ai là người học tiếng An-Nam ?

« Nhân cái vấn-đề quốc-âm ấy, năm ngoái chúng tôi có lấy cái tư-cách Hội ta là một hội mưu việc khai-trí tiến-đức cho quốc-dân, đệ-trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ mấy khoản thỉnh-cầu về việc học, đại-khái xin Chính-phủ cho bậc tiểu-học dạy toàn bằng chữ quốc-ngữ và thi tốt-nghiệp bằng chữ quốc-ngữ, chữ tây chỉ dạy phụ làm thứ tiếng ngoại-quốc mà thôi. Lời thỉnh-cầu ấy đệ-trình đã ba bốn tháng nay, chưa thấy trả lời, không biết Chính-phủ xét ra làm sao. Về phần riêng tôi, tôi cũng đã thỉnh-cầu như thế ở Hội-Đồng Chính-phủ, và ông Phạm Quỳnh là Tổng Thư-ký của Hội ta cũng lấy tư-cách nhà làm báo cổ-động trong các báo tây đã mấy tháng nay, chắc thế nào cũng có thành-hiệu được ít-nhiều.

« Vấn-đề tiểu-học bằng quốc-ngữ này là quan-hệ lắm, vì có dạy bằng tiếng An-Nam thì sự học mới truyền-bá ra rộng, sự giáo-dục trong nước mới phổ-thông được, mà giáo-dục có phổ-thông thì dân-trí mới chóng mở-mang. Vả lại, muốn cho tiếng An-Nam mỗi ngày một thêm hay, thêm rộng ra, thì phải cho con trẻ trong nước học từ thủa nhỏ ở các trường công, và có học phải có thi, có Chính-phủ công-nhận cho, thì mới thành-hiệu. Việc này Hội ta trông mong ở Chính-phủ lắm lắm.

« Ấy công-việc của Hội Khai-trí trong năm 1922 như thế.

« Tôi mong rằng năm 1923 này, không những các công việc năm ngoái được thành-công kết-quả, mà lại khởi-xướng ra được nhiều việc công-ích khác nữa. Cái đó là nhờ cả các ngài hội-viên trong Hội ta, mỗi người gia-công giúp-dập vào, thì lo gì cái chủ-nghĩa của Hội không thực-hành được, cái mục-đích của Hội không đạt tới được ? »

. . .

II. Quan Hội-trưởng đọc xong tờ trình chung về công-việc Hội, đến ông chánh Hội-đồng kiểm-quĩ là quan Trần Văn-Thông đọc tờ biên-bản của Hội-đồng kiểm-quĩ như sau này :

« Tiểu - Hội-đồng do Hội-đồng Quản-trị ngày 21 tháng mười một năm 1922 cử ra để kiểm quĩ của Hội, đã họp tại nhà ông Tổng-thủ-quĩ Lê Văn-Phúc, số 82 phố hàng Gai Hà-nội, tối hôm 16, 17, 18, 19 Avril 1923, có quan Thượng Trần Văn-Thông chủ-tọa.

« Ông Tổng-thủ-quĩ trình Hội-đồng các sổ-sách và giấy-má thuộc về các khoản xuất-nhập tiền bạc của Hội trong năm 1922.

Tổng-quĩ

« Bên thu. — Hội-đồng bắt đầu kiểm lại các số tiền thu được với các cước giấy biên-lai, thời thấy đúng cả, và tổng-cộng cả năm 1922 thu được là 11.320$10.

1° — Tiền các hội-viên đóng :

5 Vị tán-trợ hội-viên, mỗi vị 100$		500$
112 Vị chủ-trì hội-viên, mỗi vị 20.		2240.
116 Vị chủ-trì hội-viên, mỗi vị 2.		232.
1 Vị thường-hội-viên.....	2.	2.
		2.974$00

2° — Tiền quyên được :

1 Số	1.000 $ 00	1.000
1 Số	500	500
1 Số	220	220
5 Số	200	1.000
4 Số	120	480
11 Số	100	1.100
3 Số	50	150
1 Số	40	40
2 Số	30	60
1 Số	20	20
1 Số	65	5
		4.575 $ 00

3° — Tiền trợ-cấp của Chính phủ cho năm 1922... 2.000 . 00

9.549 $ 00

4° — Tiền phụ-cấp của Chính-phủ khi nghênh-tiếp quan Thống-chế Joffre. 200

5° — Tiền được thưởng cuộc thi thắp đèn ngày hội Chánh-trung 40

6° — Số tiền thu được khi diễn tấn hát « Trưởng-giả học làm sang »... 1.531 $00

Cộng bên thu được là. 11.320 $10

« **Bên chi.** — Hội-đồng xét ra rằng các số tiền tiêu từ nhỏ chí lớn, đều có giấy làm bằng cả, và có cả mười hai bản kê chi-tiêu hàng tháng đã có chữ ông Chánh Chủ Hội ký.

« Các khoản chi-tiêu phân ra như sau này :

1° — Trả M. Aviat nốt tiền làm nhà Hội-quán.... 6.300, $00

2° — Chữa nhà Hội..... 850, 98

3° — Mua các khí-cụ đồ-đạc v.v cho nhà Hội-quán. 2.563, 62

4° — Trả tiền mắc máy đèn, máy nước, máy điện-thoại ở nhà Hội-quán. 2 935, 84

5° — Công những người làm ký-lục chạy giấy, v v. 609, 03

6° — Tiền kinh-phí về việc thư - từ giấy-má..... 349, 38

7° — Tiền mua các nhật-báo. 88, 35

8° — Tiền cấp cho trường Thể-dục..... 100, 00

9° — Tiền trợ-cấp cho ông Phạm Quỳnh đi phái-bộ. 500, 00

10° — Tiền mua phần thưởng cho các trường học... 20, 00

11° — Tiền tiêu về những ngày tiệc trà, tiếp khách và các ngày hội..... 840, 84

12° — Tiền tiêu về việc diễn-kịch 853, 06 — 59, p. 36. 793, 70

13° — Tiền ứng cho ông Nguyễn Thành để trù - liệu về việc hàng cơm ở nhà *Cercle* của Hội 1.150,00

14° — Tiền trả cho nhà *Cercle* dọn hàng rượu, đồ nấu, thịt bò, than v. v..... 877, 45

15° — Tiền mua các đồ dùng về việc nhà *Cercle*, thìa, đĩa, bát đĩa, vân-vân . 399, 18

16° — Tiền trả lãi 6.000 p. vay nhà Đông-Pháp-ngân-hàng..... 364, 08

17° — Tiền tiêu lặt-vặt..... 24, 63

Cộng bên chi là.....18.767 $08

Tổng-kết

Ngày đầu năm còn lại trong quĩ	625	79
Thu được trong năm 1922.	11.320	10
Cộng.. . . .	11.945	89
Tiêu hết.	18.767	08
Thế là tiêu lội mất. . .	6 821	19
là tiền vay của Đông-Pháp ngân-hàng mất	6.000	00
và dật tạm của quĩ Ấu-trĩ-viên.	821	19
	76.821	19

Xin nhắc lại rằng Hội còn tiền ký tại nhà Thực-nghiệp-Ngân-hàng là..... 8.822. 65 mà chưa có thể lĩnh ra được.

Quĩ Ấu-trĩ-viên

« *Bên thu.* Hội-đồng kiểm các cước

giấy biên-lai với sổ thời thấy đúng các và tổng-cộng được là.....5.181 $ 43

Bên chi. — Cho Ấ-trĩ-viên làng Thanh-liệt cộng là.....1.383 00

Cho Ấu-trĩ-viên làng Phương-trung..... 270 00

Cho Ấu-trĩ-viên làng Đại-mỗ. 200 00

Cho Ấu-trĩ-viên làng Sích-đằng. 50 50

Gửi quan Thiếu-Hoàng cho các Ấu-trĩ-viên tỉnh Hà-đông đang lập.400 00

(Còn như Ấu-trĩ-viên làng Yên-phụ-thượng tỉnh Bắc-ninh, mới biết tin rằng tiêu hết 178 p. 50 mà không có tiền quyên; nên chưa vào sổ). 2.303 50

Còn lại.....2.877 93

Cho tổng-quĩ vay 821 19

Còn lại trong quĩ 2.056 74

«Trong năm Hội đã nhận được của các nhà hảo-tâm cho các vật-liệu và giấy quốc-trái.

«Những vật-liệu như là khăn mặt, vải trắng, quần áo, thời đã quân-phát cho các Ấu-trĩ-viên rồi, duy chỉ còn giữ trong quĩ những giấy có giá tiền như sau này:

1 Titre Emprunt 1919 N° 235.998. 4 fr de rente
1 — 1921 805.942. 4 —
1 — 1918 147.465. 4 —
1 — 1918 32.457. 6 —
1 1918 32.456. 6 —
1 Bon de l'Indochine à lots No 112.466 de 50 piastres.
6 Coupons de 25 francs.
6 Coupons de 12 Fr 50.
7 Coupons de 1 Fr 50.»

Đoạn đến ông Tổng-Thủ-quĩ Lê Văn-Phúc đọc tờ trình về việc lý-tài của Hội trong năm 1922:

« Thưa các Ngài,

« Một tờ trình về việc quĩ không thể tránh sao khỏi đọc số, mà đọc số thì trúc-trắc khó nghe, song việc lý-tài là cái gân cốt, cái huyết-mạch, cái cơ-quan vận-động của các công việc lớn, thì lại càng phải trình bày minh-bạch, vậy trước khi trình các ngài về sổ chi - thu của Hội ta năm 1922, xin các ngài tha thứ cho cái khiếm-khuyết lời lẽ thanh-tao và cái sự thực-thà trong số-mục.

« Hội ta một ngày thêm tiến-đạt, việc tai-chính một ngày một rộng. Trong năm 1922 ta thêm được hai khoản chi-tiêu to lắm, một là việc Hội-quán, hai là việc Ấu-trĩ-viên. Hai việc đó tuy-nhiên là việc của Hội, song việc nào cũng có quĩ riêng của việc nầy. Về việc quĩ của Hội-quán đã có ông Nguyễn Thành trình bày, về việc Ấu-trĩ-viên thì đáng lẽ có quan Tổng-đốc Thượng-thẩm Lê Đại-nhân giữ việc tổng-quản trình riêng, nhưng Ấu-trĩ-viên mới hiện từ tháng mười tây, nghĩa là mới được có ba tháng, công-việc chưa bao nhiêu, nên tôi xin gồm cả ở tờ trình nầy cho tiện.

Việc chung của Hội.

Số tiền thu trong năm 1922.

Còn giữ ở quĩ ngày 31 Décembre 1921	625 $ 79.
Tiền thu trong ba ngày bát tuồng	1.531 . 1o.
Tiền ông Tốn tiêu còn thừa nộp lại	59 , 36.
Tiền phủ Toàn-quyền cho	2.000 , oo.
Tiền thành-phố trả	24o , oo.
Tiền các ông hội-viên góp	2.974 , oo.
Tiền quyên	4.575 , oo.
Vay của Ngân-hàng	6000 , oo.
	18.005. 25.

Số tiền chi

Trả tiền làm nhà và xây tường xây cống. . . .	7.150 $ 98
Mua đồ-đạc, ...	2.563 . 62
Đặt đèn, quạt, nước, ống nói	2 955 ,84
Lương người làm và tiền thưởng.	609 , 03
Tiền sai-phái	25 , 38
Tiền giấy bút, timbre . .	324 , 00

Tiền mua sách và nhật-trình	208 $ 35
Tiền tiêu về việc hát và việc hội.	1,693 , 90
Tiền điện	178 , 64
Tiền thuê nhà.	144 , 04
Tiền phái-bộ và cổ-động	500 , 00
Tiền lãi và tiền tiêu vặt. .	388 , 71
	18.826 , 44

«Đọc bấy nhiêu số có hai khoản xin các ngài nên chú-ý: một là khoản tiền Hội vay là 6000 đồng, hai là hội tiêu lội 821$19.

« *Làm sao hội phải vay* — Nguyên năm ngoái quan chủ hội đã trình với đại-hội-đồng rằng tiền của Hội để ở Thực-nghiệp-ngân-hàng 8822$65 chưa thể lấy ra được, nên phải tạm vay để tiêu, khi nào lấy số tiền ấy ra, Hội sẽ trả, điều đó hội-đồng đã y cả.

« *Sao tiền lội* ? — Nguyên sổ dự-thu có dự-định rằng Phủ Toàn-quyền trợ-cấp cho Hội 6000 đồng trong năm 1922 để trả cho hết tiền làm nhà, nhưng trong năm ấy chỉ ha-lệnh phát có 2000 đồng, còn 4000 đồng sang năm nay mới phát.

« Các ngài cứ xét kỹ ở sổ chi-thu và so-sánh các khoản thì biết rằng trong năm 1922 trị-sự chúng tôi đã hết lòng cần-kiệm, nên các khoản thực-chi kém các khoản dự-chi tới 4.240$19, song gần đến cuối năm lại phải chi thêm cho nhà Hội-quán mua hàng, ấy là việc vội, nên phải tạm lấy ở quĩ Ấu-trĩ-viên ra tiêu, để đến khi 4000 đồng nhà-nước hứa cho thì trả lại. nay số tiền 4000 đồng đã lĩnh rồi mà quĩ Ấu-trĩ-viên cũng đã tiến thêm số tạm ấy rồi.

« Đáng lẽ số chi của Hội còn bớt nhiều, nhưng việc gì ban đầu cũng tốn, nên khi tháng 5 năm 1922 mở nhà *cercle*, nào Hội phải mua đồ, nào phải sắm-sửa; vạn-sự khởi đầu nan, việc nhà *cercle* chưa quản-trị quen, bây giờ hãy còn đi lò-rò chưa vững, tháng hơn bù tháng kém, tôi tưởng Hội còn phải bù tiền mới có cơ phát-đạt được.

«Số chi kể hàng 18.826$44, như thế cũng là nhiều, nhưng trong số ấy nhiều khoản có thể kể được là không tiêu mới phải: —« Như tiền trả ông Aviat và đặt đèn, đặt quạt, đặt nước, đặt ống nói. 9.764$14

Tiền mua đồ và bát đĩa.	2,563 , 62
Tiền mua sách.	208 , 35
	12,536 , 11

«Những số ấy là của Hội còn để vĩnh-viễn, sao gọi là tiêu được, vậy số tiêu trừ số ấy đi, mà đối với công-việc của Hội thì cũng không phải là nhiều lắm.

« Chúng tôi đã theo các sổ chi-thu mấy năm trước mà dự-tính một số chi-thu sang năm, xin các ngài xét mà y cho.

«*Ấu-trĩ-viên.* — Ấu-trĩ-viên lập từ tháng Octobre mới rồi đến cuối năm 192 tiền thu cộng được 5.181$43 Hội có phát cho Ấu-trĩ-viên làng Sich-đằng 50$50 Thanh-liệt 1.383 đồng, Đại-mỗ 200 đồng và các ấu-trĩ-viên ở Hà-đông 400 đồng hiện còn ở quĩ 2 877$93.»

Hội-đồng nghe tờ biên-bản kiểm-quĩ và tờ trình lý-tài xong, quan Hội-trưởng hỏi cả các hội-viên có ai có điều gì dị-nghị về các khoản chi-thu trong năm 1922 không, không ai có dị-nghị và chất-vấn gì cả. Toàn hội-đồng đều duyệt-y. Quan Hội-trưởng bàn nên vỗ tay khen ông Thủ-quĩ Lê Văn-Phúc đã trông coi việc chi-thu cẩn-thận. Hội-đồng đều vỗ tay cả.

. . .

III. — Đoạn rồi, ông Tổng Thủ-quĩ Lê Văn-Phúc đọc sổ dự-toán các khoản chi-thu về năm 1923, mỗi khoản đều có cả nghĩa rõ-ràng và so-sánh với các khoản năm ngoái để ước-lượng cho thích-trung.

Các khoản dự-toán kê ra như sau này :

CÁC KHOẢN DỰ-TOÁN THU VÀO

Khoản thứ 1 — Tiền đóng của hội-viên..... 3000 đồng

Khoản thứ 2 — Tiền trợ-cấp của Chính-phủ..... 6000 —

Khoản thứ 3. — Tiền lạc-quyên..... 5000 —

Khoản thứ 4.— Tiền còn lại ở nhà Thực-nghiệp ngân-hàng..... 8.822.65

Khoản thứ 5.— Tiền thu về nhà *xéc*..... 10.000.00

Cộng các khoản dự-toán thu: 32.822,65

Khoản thứ 1.— Làm nhà bếp, sửa vườn tược..... 1.500 đồng

Khoản thứ 2.— Mua đồ đạc bát đĩa, v.v. cho nhà *xéc*... 2.000 —

Khoản thứ 3.— 1) Mua sách, mua nhật-báo, v. v. 2) Thưởng cho những người làm sách. 2.000 —

Khoản thứ 4.— Hội tiệc, khoản tiếp, diễn-kịch, đấu xảo v. v..... 3.000 —

Khoản thứ 5.— Công lương người làm (người đánh máy, người giữ sổ qui, người chạy giấy, người làm vườn, v.v.). 804 —

Khoản thứ 6.— Tiền giấy bút, tiền in thư-từ, tiền tem gửi thư..... 300 —

Khoản thứ 7.— Tiền thuê cái nhà và cái đất của người Đức Engler (do sở văn-tự tích-biên)..... 216 —

Khoản thứ 8.— Tiền đi phái-bộ, đi diễn-thuyết, tiền phí về việc cổ-động..... 500 —

Khoản thứ 9.— Tiền tạp-chi..... 400 —

Khoản thứ 10.— Tiền dự-toán để phòng việc chi bất-kỳ. 5.281.46

Khoản thứ 11.— Tiền chi về nhà *xéc*..... 10.000.00

Khoản thứ 12.— Tiền nợ nhà Đông-Pháp ngân-hàng (tính cả lãi)..... 6.821.19

Cộng các khoản dự-toán chi: 32.822.65

Đại hội-đồng nghe đọc các khoản dự-toán như trên, không ai dị-nghị gì cả, bèn duyệt-y và chuẩn cho thi-hành.

IV. Rồi xét đến các khoản thỉnh-cầu của Hội-viên. Ông Tổng Thư-ký Phạm Quỳnh đọc mấy cái giấy thỉnh-cầu của mấy ông hội-viên chư sau này:

1o Ông Trần Văn-Có, hội-viên ở Hà-nội, xin đặt một cái bằng cấp cho các hội-viên bằng chữ tây và chữ nho để làm dấu-tích; lại xin hạ giá tiền ăn ở nhà *xéc* cho nhiều người đến đông.

2· Ông Trần Nhật-Tỉnh, tri-phủ Đoan-hùng, xin các chương-trình điều-lệ của Hội bằng chữ nho nên để niên-hiệu Hoàng-triều để giữ lấy thể-thống nước nhà.

3· Ông Trần Văn-Tình, chánh-tổng An-phú, phủ Nam-sách, Hải-dương, xin 4 điều: a) xin số tiền đóng của chủ-trì-hội-viên tăng lên 100 $ nghĩa là mỗi người đóng thêm 80 $ nữa cho Hội được rộng tiền; — b) xin đặt ở Hà-nội và ở các tỉnh những trường học vừa có chỗ ăn chỗ ở để tiện cho học-trò nhà quê lên học; — c) xin đúc tượng những bậc đế-vương anh-hùng của nước ta, như Đinh Tiên-hoàng, Lý Thái-Tổ, Lê Thái-Tổ, Đức Cao-hoàng bản-triều, để ghi-nhớ công-đức các ngài; — d) xin chụp một cái ảnh các hội-viên làm kỷ-niệm.

4· Ông Nguyễn Trọng-Hàn, sinh-viên trường Đại-học, xin ba điều: a) lập một hội-đồng làm sách quốc-dân-giáo-dục; — b) ban thưởng cho những người làm việc công-đức; — c) phái người đi diễn-thuyết các dân-thôn.

5· Ông Nguyễn Hữu-Bình, sinh-viên trường Đại-học xin Hội xét về cách làm nhà ở nước ta, nghĩ đặt ra một kiểu nhà vừa dễ coi vừa hợp cách vệ-sinh để thông-dụng trong nước, lại phái người đi họa lấy kiểu những đền chùa dinh-thất, cung-điện lăng-tẩm cũ của ta, để châm-chước mà sáng-nghĩ ra một lối kiến-chúc mới trong nước.

6· Một ông hội-viên không ký tên bản chỉnh - đốn trong nhà Hội-quán nhiều cách cho được vui-vẻ.

Đọc xong các khoản thỉnh-cầu như trên, các hội-viên bàn qua một lúc, rồi giao cho Hội-đồng quản-trị xét và xem điều nào nên thi-hành thì tùy cách thi-hành cho thỏa-thuận.

∴

V. Đoạn rồi quan Hội-trưởng nói đến việc Đấu-xảo mi-nghệ. Hội ta nên tưởng-lệ cho các nghề khéo trong nước, vậy cuối năm nay nên mở một cuộc đấu-xảo mi-nghệ Đại-hội-đồng lấy làm ưng-ý cả, giao cho Hội-đồng quản-trị lo liệu việc ấy.

Quan Hội-trưởng lại nói đến việc tòa trị-sự định mưu xin Chính - phủ công-nhận cho Hội ta là hội công-ích, nếu được như thế thì Hội sẽ có « pháp-nhân-tư-cách », nghĩa là có đủ quyền-lợi về đường pháp-luật, và có thế-lực vững - vàng, không ai giải-tán, không ai bãi-bỏ được. Việc này xin khó lắm, nhưng nếu đại-hội-đồng ưng-ý thì tòa trị-sự năm nay sẽ cố tìm cách vận-động. Đại-hội-đồng biểu-đồng-tình cả.

∴

VI. Bàn các việc xong, bèn bắt đầu bỏ vé bầu 36 ông hội-viên quản-trị mới.

Số hội-viên có mặt tại hội-đồng 149 ông ; số hội-viên vắng mặt mà có giấy ủy-quyền 131 ông, cộng là 280 ông. Theo lệ thường phải được quá nửa vé nghĩa là 141 vé trở lên mới được bầu.

Khi đếm vé thì 36 ông sau này được trúng-cử, đều ngoại 141 vé cả:

1.	Ông Hoàng Trọng-Phu....	260	vé
2.	» Marty.....	256	»
3.	» Nguyễn Văn-Vĩnh.....	249	»
4.	» Phạm Quỳnh.....	248	»
5.	» Lagrèze.....	248	»
6.	» Lê Trung-Ngọc.....	247	»
7.	» Lê Văn-Phúc.....	246	»
8.	» Trần Trọng - Kim.....	244	vé
9	» Trần Văn-Thông.....	236	»
10.	» Bạch Thái-Bưởi.....	236	»
11.	» Nguyễn Năng-Quốc....	235	»
12.	» Nguyễn Quí - Toản....	230	»
13.	» Nguyễn Hữu-Thu.....	228	»
14.	» Phạm Huy-Lục.....	220	»
15	» Nguyễn Đình - Quí....	214	»
16	» Lê Thành-Ý.....	211	»
17.	» Hoàng Hữu-Đôn.....	210	»
18	» Lê Văn-Đính.....	210	»
19.	» Bùi Đình-Tá.....	205	»
20.	» Nguyễn Thành.	202	»
21.	» Từ Đạm.....	200	»
22.	» Nguyễn Lễ.....	198	»
23.	» Mai Trung-Cát.....	195	»
24.	» Vũ Ngọc-Oánh.....	194	»
25.	» Nguyễn Tất-Tế.....	188	»
26.	» Phạm Duy - Tốn...	187	»
27.	» Bùi Huy - Tín.....	182	»
28.	» Đỗ Thận.....	179	»
29.	» Nguyễn Văn - Luận..	175	»
30.	» Hoàng Kim-Bảng....	165	»
31.	» Đặng Đức-Cường....	156	»
32.	» Đào Văn-Sử.....	153	»
33.	» Chế Quang - Ân.....	152	»
34.	» Mai Du - Lân.....	152	»
35.	» Đào Huống - Mai....	146	»
36.	» Dương Bá - Trạc.....	145	»

Ba-mươi sáu ông kê tên ở trên được bầu vào chân hội-đồng quản-trị mới. Còn những ông sau này, tuy không được trúng-tuyển, nhưng cũng được ngoại một trăm vé : Ông Trần Viết-Soạn được 144 vé ; — Phạm Văn-Khoan, 139 vé ; — Trần Thọ-Huy, 136 vé ; — Dương Quảng-Hàm, 130; — Phạm Mạnh-Xứng, 126 ; — Hoàng Quang-Hương, 120 ; — Nguyễn Văn-Điền, 115 ; — Đào Trọng-Đủ, 108 ; — Nguyễn Văn-Nho, 104.

Tính vé và tuyên-bố các ông trúng-tuyển xong vừa 7 giờ 1/2 tối, muộn quá không thể bầu tòa trị-sự ngay được, bèn

định đến ngày thứ năm mồng 10 tháng 5 tây (tức ngày 25 tháng 3 ta), họp hội-đồng quản-trị mới để bầu tòa trị-sự năm nay.

7 giờ rưỡi tối đại-hội-đồng giải-tán.

Chánh Hội-trưởng
Hoàng Trọng-Phu

Tổng Thư-ký
Phạm Quỳnh

Biên-bản kỳ hội-đồng quản-trị ngày mồng 10 tháng 5 năm 1923. — Ngày thứ năm mồng 10 tháng 5 tây năm 1923 (tức ngày 25 tháng 3 năm quí-hợi niên-hiệu Khải-định thứ 8), hồi 5 giờ chiều, hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí mới bầu kỳ đại-hội-đồng ngày 29 tháng 4 trước, họp ở Hội-quán để bầu tòa trị-sự năm 1923.

Hội-đồng quản-trị có 36 ông, đến dự hội-đồng được 29 ông, kê tên như sau: Hoàng Trọng-Phu, — Marty, — Lagrèze, — Bạch Thái-Bưởi, — Nguyễn Hữu-Thu — Nguyễn Văn-Vĩnh, — Phạm-Quỳnh, — Từ Đạm, — Lê Trung-Ngọc, — Đặng Đức-Cường, — Chế Quang-Ân, — Trần Trọng-Kim, — Vũ Ngọc-Oánh, — Lê Văn-Đinh, — Nguyễn Tất-Tế, — Lê Văn-Phúc, — Hoàng Kim-Bảng, — Đỗ Thận, — Đào Văn-Sử, — Nguyễn Thành, — Nguyễn Quí-Toản, — Lê Thành-Ý, — Đào Huống-Mai, — Nguyễn Văn-Luận, — Phạm Huy-Lục, — Bùi Đình-Tá, — Nguyễn Lễ, — Dương Bá-Trạc, — Mai Du-Lân.

Những ông có giấy cáo: — Mai Trung-Cát, — Trần Văn-Thông, — Nguyễn Đình-Quí, — Hoàng Hữu-Đôn, — Phạm Duy-Tốn.

Những ông vắng mặt: — Nguyễn Năng-Quốc, — Bùi Huy-Tín.

Quan Hoàng Trọng-Phu chủ-tọa, ông Phạm Quỳnh và Nguyễn Quí-Toản giữ việc giấy-má.

Quan Hội-trưởng khai hội-đồng, xin bắt đầu bỏ vé bầu tòa trị-sự năm 1923.

Tòa trị-sự phải có 1 Chánh hội-trưởng, 1 Phó hội-trưởng, 1 Tổng Thư-ký, 1 Phó thư-ký, 1 Tổng thủ-quĩ, 2 Phó thủ-quĩ và 5 viên trị-sự, cả thảy 15 người.

Khi bỏ vé xong, tính vé được như sau này:

Ông Hoàng Trọng-Phu được bầu làm Chánh Hội-trưởng, 29 vé.

Ông Bạch Thái-Bưởi được bầu làm Phó Hội-trưởng, 25 vé.

Ông Nguyễn Hữu-Thu được bầu làm Phó Hội-trưởng, 25 vé.

Ông Trần Văn-Thông được bầu làm Phó Hội-trưởng, 24 vé.

Ông Từ Đạm được bầu làm Phó hội-trưởng, 22 vé.

Ông Phạm Quỳnh được bầu làm Tổng Thư-ký, 29 vé.

Ông Nguyễn Quí-Toản được bầu làm Phó Thư-ký, 25 vé.

Ông Lê Văn-Phúc được bầu làm Tổng Thủ-quĩ, 26 vé.

Ông Lê Thành-Ý được bầu làm Phó Thủ-quĩ 27 vé

Nguyễn Thành	—	—	25 »
Marty	—	trị sự	29 »
Trần Trọng-Kim	—	—	29 »
Lagrèze	—	—	28 »
Nguyễn Văn-Vĩnh	—	—	27 »
Đỗ-Thận	—	—	20 »

Vậy tòa trị-sự năm 1923 tổ-chức theo như trên, và bắt đầu lĩnh việc ngay.

Bầu trị-sự xong thì cả hội đồng đồng-thanh tái-bầu quan nguyên Khâm-sứ Tissot làm danh-dự hội-trưởng năm 1923.

— Chiếu lệ Hội, trong 36 ông có chân Hội-đồng quản-trị bầu kỳ hội-đồng vừa rồi, mỗi năm phải rút thăm lấy 12 ông để năm sau bầu lại. Vậy sau khi bầu tòa trị-sự, có rút thăm trong 36 ông thì được 12 ông như sau này: Nguyễn Văn-Luận, Hoàng Hữu-Đôn, Hoàng-Trọng-Phu, Nguyễn Quí-Toản, Hoàng Kim-Bảng, Trần Trọng-Kim, Phạm Duy-Tốn, Bùi Đình-Tá, Bùi Huy-Tín, Lê Văn-Phúc, Vũ Ngọc-Oánh, Nguyễn Thành. Vậy 12 ông này là vào sổ kỳ đại-hội-đồng

sang năm phải bầu lại xong, quan hội-trưởng đọc cái thư của quan Trần Văn-Thông xin từ chức Chánh Hội-đồng coi việc nhà công-quán, vì ngài mới dời về Tổng-đốc Nam-định. Cả Hội-đồng đều đồng-thanh cử quan Thượng Lê Trung-Ngọc làm Chánh Hội-đồng nhà xéc thay quan Thượng Trần, lại cử ông Nguyễn Thành làm Phó Hội-đồng kiêm Thủ-quĩ nhà xéc, và chín ông hội-viên nữa giúp việc. Vậy Hội-đồng nhà xéc tổ-chức như sau này :

Chánh-Hội-đồng	:	Lê Trung-Ngọc
Phó Hội-đồng (kiêm thủ-quĩ)	:	Nguyễn Thành
Hội-viên	:	Lagrèze,
—	:	Đỗ Thận
—	:	Nguyễn Quí-Toản
—	:	Nguyễn Lễ
—	:	Trần Thọ-Huy
—	:	Trịnh Xuân-Nghĩa
—	:	Nguyễn Văn-Thi
—	:	Lê Đình-Ngạn
—	:	Trần Đức-Tiến

Rồi bàn đến việc đấu-xảo mĩ-nghệ, kỳ đại-hội-đồng vừa rồi đã ưng-thuận, Hội-đồng bàn ít lâu rồi quyết-định mở đấu-xảo vào ngày mồng 1 tháng 11 năm 1923 (tức 23 tháng 9 ta), và giao ông Lê Văn-Phúc là thư-ký ban mĩ-thuật bàn với ông HIEROLTZ định cách-thức về cuộc đấu-xảo ấy và công-bố cho thiên-hạ biết.

Nói đến việc làm nhà và chữa nhà thì ông Lê Văn-Phúc trình về việc phá nhà cũ ở giữa sân, để làm nhà bếp và nhà bồi, có bốn người bỏ giấy thầu trưng làm việc ấy như sau này :

Nguyễn Văn-Giễn	định giá	1.894. 83
Nguyễn Văn-Kha	—	1.515. 94
Đặng Văn-Triệu	—	1.424. 42
Vũ Quang-Tuất	—	3.112. 00

Người đấu-giá rẻ nhất là Đặng Văn-Triệu, vậy hội-đồng ưng cho người ấy làm và giao ông Lê Văn-Phúc làm giấy giao-kèo và trông nom công-việc.

Hội-đồng theo lời bàn của ông Nguyễn Hữu-Thu, định nhờ người vẽ kiểu cất thêm một từng gác lên nhà Hội-quán rồi tính toán xem hết bao nhiêu tiền để Hội trù-liệu mà làm thêm cho được nơi họp-tập rộng-rãi, vì hiện bây giờ đã thấy chật-hẹp lắm rồi.

Về việc nhà *xéc* thiếu đồ dùng, như cốc sâm-banh, bát đĩa, v. v. thì hội-đồng định trích một món 200 đồng để sắm các đồ ấy.

Về cuộc thi họa bốn cái kiểu bình người để làm tiêu-biểu bốn hạng dân Sĩ, Nông, Công, Thương, để tại bốn góc tường như bốn cái cửa giả ở phòng lớn nhà công-quán, mà hai ông Bạch Thái-Bưởi và Nguyễn Hữu-Thu định cung-tiến cho Hội, thì theo lời ước hai ông đã giao ngay 100 $ để thưởng cho các người làm kiểu, Hội-đồng xét các kiểu gửi đến và giao cho ban mĩ-thuật phát thưởng. Còn số tiền để làm bốn cái tượng tứ-dân ấy thì ước độ hơn 400 đồng, hai ông Bạch và Nguyễn hứa khi nào làm xong sẽ giao sau.

Sau cùng hội-đồng cử quan Vũ-Ngọc-Oanh làm tổng-quản-lý cuộc Ấu-trí-viện thay quan Lê Trung-Ngọc.

Đến 7 giờ rưỡi thì Hội-đồng giải-tán.

Chánh Hội-trưởng
HOÀNG TRỌNG-PHU

Tổng Thư-ký
PHẠM QUỲNH

Tiệc tháng ngày 29 tháng tư năm 1923. — Tiệc tháng ngày 29 tháng 4 có hơn 60 ông đến dự, nhiều ông ở các tỉnh về, vì ngày ấy là ngày đại-hội-đồng.

Tiệc xong, vào 9 giờ rưỡi, ông Trần

Trọng-Kim, là thanh-tra các trường Sơ-học, có chân trị-sự Hội, diễn-thuyết về « Sự du-lịch ở miền Hải-ninh », người đến nghe đông lắm. Bài diễn-thuyết ấy sẽ in trong *Nam-Phong tạp-chí* tháng sau.

Tiệc đãi hội-đồng quản-trị. — Ngày thứ năm mồng 10 tháng 5, sau khi họp hội-đồng quản-trị để bầu tòa trị-sự, quan Hội-trưởng có đặt tiệc để mừng tòa trị-sự mới.

Dự tiệc có 27 ông hội-viên quản-trị, và hai ông khách ngoài : là quan Công-sứ Hà-đông LACHAUD và quan Ba MONET.

Tiệc xong, quan Ba MONET diễn-thuyết bằng tiếng Pháp về « Hiện-tình Thanh-niên Việt-Nam ». Kỳ này thử diễn ở ngoài sân, ngồi được hơn 300 người và nói nghe rõ lắm. Vậy về sau có cuộc diễn-thuyết lớn có thể đặt ngoài sân được.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng 4 tây vừa rồi, có những ông sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng trong hội-viên có ai dị-nghị xin viết thơ về cho Hội biết.

A. *Xin vào chân chủ-trì*

1 — Hoàng Tương, nguyên làm giáo-học, hiện buôn-bán ở số 33 Phố Hàng Nón, Hà-nội (*do ông hội-viên Trần Văn-Có giới-thiệu*).

2 — Lê Văn-Tiêu, làm thư-ký ở làng Phú-hữu, tổng Viên-nội, phủ Mĩ-đức, tỉnh Hà-đông (*do ông hội-viên Nguyễn Duy-Ngung giới-thiệu*)

3 — Lê Văn-Xuân, thư-ký Hội Khai-trí tiến-đức, Hà-nội.

4 — Nguyễn Đăng-Phát, buôn bán ở Phố Hàng Điếu, số 37, Hà-nội, (*do ông Tổng Thủ-quĩ Lê Văn-Phúc giới-thiệu*),

5 — Nguyễn Đức-Nhâm, giáo-học, ở làng Đại-tráng, tổng Đỗ-xá, huyện Võ-giàng, tỉnh Bắc-ninh.

6 — Nguyễn Trọng-Nhiễm, thừa-phái ở dinh quan Tổng-đốc Nam-định, (*trước đã có chân thường-hội-viên*).

7 — Phạm Duy-Hân, làm thư-ký ở làng Vĩnh-xương-thượng, tổng Viên-nội, phủ Mĩ-đức, tỉnh Hà-đông (*do ông hội-viên Nguyễn Duy-Ngung giới-thiệu*).

8 — Phạm Văn-Khoa, nghề nho, ở làng Vĩnh-xương-thượng, xã Vĩnh-xương, tổng Viên-nội, phủ Mĩ-đức, tỉnh Hà-đông (*do ông hội-viên Nguyễn Duy-Ngung giới-thiệu*).

9 — Thân Trọng-Quế, thư-ký tòa Đốc-lý, 67 Phố Hàng Bạc, Hà-nội.

10 — Thược (Philippe), Cinématographiste, maître d'internat à l'Ecole normale, Hà-nội.

11 — Trần Đức-Gỹ, làm ruộng (*concessionnaire*) ở Vĩnh-yên (*do ông Trương Minh-Sanh giới-thiệu*).

12 — Trần Quang-Hiệu, thông-phán ở Phủ Toàn-quyền, 12 Rue Lagisquet, Hà-nội (*do ông Nguyễn Qui-Toản giới-thiệu*).

B. *Xin vào chân thường-hội-viên*

Ông Ngô Từ-Liêm, thầu-khoán sở Lục-lộ, Cao-bằng.

Hội-viên mới. — Các ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo từ số 67, 68, nay hết hạn hai tháng, trong các hội-viên không có ai dị-nghị, vậy được nhận vào Hội kể từ ngày mồng 1 tháng 5 tây năm 1923 :

A. *Vào chân chủ-trì*

Chu Quang-Quán — Lê Dư — Nguyễn Văn-Qui — Nguyễn Hữu-Quát — Nguyễn Khắc-Minh — Nghiêm Xuân-Lan — Nguyễn Văn-Phục — Nguyễn Hữu-Trí — Ngô Sĩ-Khiêm — Tạ Huệ-Liên — Tăng Xuân-Mai — Vũ Trọng-Mai — Vũ Duy-Ức — Vũ Hiền — (*Cộng 14 ông đã đăng tên ở N. P. số 67*)

Cát Văn-Tấn — Dương Tự-Tám — Đỗ Khải — Hoàng Văn-Thuần — Đào Đình-Hồi — Đặng Văn-Sát — Nguyễn Đình-Nghĩa — Nguyễn Văn-Gia — Nguyễn Đình-Hòe — Nguyễn Ngọc-Đại — Nguyễn Văn-Đề — Nguyễn Xuân-Phổ — Nguyễn Văn-Hòa — Nguyễn Mạnh-Trác — Nguyễn Đình-

Cung — Bùi Tô — Vũ Thiện-Khoái — Thạch Quang-Tiến — Vũ Duy-Trinh — Trương Cao-Động — Trần Đình-Thưởng — Đinh Văn-Trân — Đoàn Chi-Phương — Nguyễn Văn-Luận — (*Cộng 24 ông đã đăng tên ở N. P. số 68. Duy có ông Nguyễn Đức-Long ở làng Bình-an, cũng đăng tên ở số báo ấy, thì có người di-nghị, Hội-đồng còn xét*).

B. *Vào chân tán-trợ*

Dr Mai — Nguyễn Bách — Nguyễn Duy-Kham. (*Cộng 3 ông*).

C. *Vào thường hội-viên*

Đặng Bá-Trừ (N. P. số 67). — Nguyễn Đức-Tiến, — Ngô Bá-Hoàng, — Phan Dẫn (N. P. số 68).

Danh-dự hội-viên Tây. — Trong tháng mới rồi, Hội có thêm được mấy ông danh-dự-hội-viên Tây như sau này :

1° M. Bonifacy, Lieutenant Colonel, 73 Avenue du Grand Bouddha, Hanoi.

2° M. Bouchet, Résident de France, à Hải-dương.

3° M. Crévost, Directeur du Musée commercial, Hà-nội.

4° M. Delsalle, administrateur des S.C., Résidence Supérieure, Ha-noi.

5° M. Graffeuil, Résident de France à Nam-định.

6° M. Lachaud, Résident de France à Hà-đông.

7° M. Passignat, commerçant, maison *La Perle*, Rue Borgnis-Desbordes, Hà-nội.

8° M. Vayrac, administrateur des S. C., Résidence Supérieure, Hà-nội.

Lại Công-ti Xe-lửa Vân-nam quyên cho Hội 200 đồng, xin đề tên công-ti vào chân tán-trợ.

Việc điều-tra về tục-ngữ phương-ngôn. — Về việc điều-tra về tục-ngữ phương-ngôn, ban Văn-học lại mới nhận được mấy tập sao-lục của ông Nguyễn Huy-Thiều (Vĩnh-yên), — Hường Kiên (Quảng-trị), — Bùi Xuân-Trạch (Hà-nội), — Nguyễn Như-Cẩm và Nguyễn Văn-Phổ (Thái-bình).

Ông Nguyễn Khoa-Tùng ở Huế có gửi một cái thơ dài bàn nhiều điều hay về cách làm tự-điển.

Ông Tôn-thất Quán ở cửa Hàn báo tin rằng ông mới tìm được một tập tục-ngữ phương-ngôn tới 1500 câu, sẽ sao-lục gửi sau.

Ban Văn-học xin có lời cám ơn cả các ngài.

Quyên cho Ấu-trĩ-viên. — Ông De Feyssal quyên cho Ấu-trĩ-viên 15 đồng.

Bà Đốc Trường Con-gái Hàng Cót (Hà-nội) có cho quyên trong học-trò nhà trường được 50 đồng.

Việc thi vẽ kiểu bốn pho tượng sĩ, nông, công, thương. — Ban Mĩ-thuật hội Khai-trí-tiến-đức đã xét các kiểu nặn và kiểu vẽ bốn pho tượng Sĩ, Nông, Công, Thương, và đã chọn được ba kiểu đáng nghĩ-thưởng, kể như sau này :

Giải nhất, kiểu nặn : M. Lê Tiên-Tuế, học-sinh trường Kỹ-nghệ được 50$

Giải nhì, kiểu nặn : M. Trần Huy-Ba, học-sinh trường Kỹ-nghệ được 30$

Giải ba, kiểu vẽ : M. Phạm Ngọc-Trân, số 20 phố hàng Nón, được 20$

Các giải thưởng ấy lĩnh ở ông Thủ-quĩ Hội là M. Lê Văn-Phúc, chủ nhà in Đông-kinh, ở số 82 phố hàng Gai, Hà-nội.

Ba kiểu được thưởng thì bản-hội giữ lại, còn những kiểu không được giải thưởng, nếu họa-giả muốn lĩnh về thì đến ngày thứ năm là 17 tháng năm tây này cứ lại lĩnh ở ông Thủ-quĩ Hội ở phố hàng Gai, Hà-nội.

Cải-chính. — Trong sổ kê tên những ông hội-viên mới kỳ trước (N. P. số 69) ông *Lê Cử* biên sai là *Lê Cừu*; ông *Phạm Văn-Phụng* biên sai là *Phạm Văn-Thụy*. — Ông *Nguyễn Văn-Loan* xin vào *thường-hội-viên*, không phải vào *chủ-trì*.